

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

MỘT CÁI CHƯƠNG-TRÌNH CÁI-CÁCH SỰ HỌC Ở NƯỚC TA

Một nước thịnh hay suy là ở nhân-tài nhiều hay ít. Đào-tạo ra nhân-tài, phần nhiều là ở cách giáo-dục. Sự giáo-dục quan-hệ cho tiền-đồ và cho vận-mệnh một nước là dường nào, tưởng không cần phải giải ai cũng rõ. Định phép giáo-dục cho chính-đốn, ở nước nào cũng là một việc khó, mà ở nước ta ngày nay lại là « nan trung chi nan » nữa. Vì sự học ở nước ta không phải là một vấn-đề « quốc-gia giáo-dục », kể cũng đã là khó rồi, chính là một vấn-đề « dân-tộc giáo - dục », lại càng phiền-phức hơn lắm nữa. « Quốc-gia giáo-dục » là tự nước nhà mình dạy - dỗ cho con em mình, theo cái tinh-thần lập-quốc của mình, theo cái lý-tưởng sinh-hoạt của mình ; phàm các nước tự-do độc-lập, đều có một nền quốc-gia-giáo - dục như thế cả, phương-pháp sắp-đặt có khác nhau, mà tôn-chỉ dạy - dỗ cũng là một. Đến như « dân-tộc giáo-dục » thời là quyền giáo-dục ở tay nước ngoài, đối với mình địa-vị khác nhau, quyền-lợi không giống, lại còn thêm nhiều những lễ-chúng-tộc, lễ chính-trị can - thiệp vào, thành ra sai-lạc tinh-cách đi, không thuần là một vấn-đề giáo-dục nữa, mà nhiều khi thành ra một vấn-đề chính-trị vậy. Phải là một vấn-đề chính-trị thời phải chấp-chước với tinh-thế chính-trị, mà tinh-thế chính-trị thời mỗi lúc thay đổi, không thể nào mà bằng - cứ cho chắc-chắn được. Song làm một nước đã mất quyền chính-trị thời mọi việc khó

thể không ý-lại ở nước cầm quyền, không thể không chấp-chước với người ta được. Cho nên ngày nay mà bàn về vấn-đề giáo-dục ở nước ta, thế-tất phải khuynh-hướng về phương-diện chính-trị, không thể đứng hẳn về phương-diện « giáo-dục »; như thế thời cái tôn-chỉ và cái phạm-vi có thấp và có hẹp đi nhiều. Ta cũng phải biết vậy cho khỏi ngộ-nhận.

Vậy cứ tinh-thế nước ta hiện nay, thuộc quyền chính-trị nước Pháp, thời ta có thể mong ở nước Pháp giúp cho sự giáo-dục của ta thế nào ?

Khi nước Pháp mới sang dặt Bả-hộ ở đây, trong ba bốn mươi năm đầu, chưa hề chú-ý đến việc giáo-dục người bản-dân. Có mở trường, có dạy học, nhưng chẳng qua là dạy lấy một số người biết tiếng để làm kẻ thừa-hành cho mình mà thôi, chưa nghĩ đến giáo-dục khai-hóa gì. Và người Nam ta hồi bấy giờ cũng còn bỡ-ngỡ, chưa hiểu rõ cách-thức học-hành ra làm sao, chỉ biết khao-khát sự học, xin lập nhiều trường, nhưng không biết tổ-chức thế nào cho thích-hợp với sự nhu - yếu của quốc-dân, nên cũng chửa bàn-bạc thỉnh-cầu được điều gì cho đích-đáng. Mười năm gần đây, vì tinh-thế chính-trị thay đổi, vì trình-độ dân-tri mở-mang, Chính-phủ mới tạm biên-tập ra một cái học-chế mới, tạm thiết-lập ra mấy cái học-hiệu mới, cũng chia ra tiểu-học, trung-học, đại-học, nhưng chưa bậc nào được chỉnh-bị cả, mà tinh - cách cũng

không được phân-minh, tiểu-học chữa ra tiểu-học, trung học chữa ra trung-học, đại-học chữa ra đại-học, so-sánh với học-chế các nước còn khuyết điếm nhiều lắm. Ngày nay trên Chính-phủ xướng đề huề, dưới quốc-dân cũng ủng hiệp-tác, trên dưới đã thông nhau, thời phải nghĩ chỉnh-dốn lại sự học thế nào cho có giòng-mối, chứ không thể để mò-bò lộn-xộn như thế mãi được. Vậy bây giờ cần phải cải-cách, mà cải-cách suốt cả từ dưới lên trên cho có tuần-tự, có thống-hệ, chứ không thể lăm-thời sửa đổi một đôi tí chẳng quan-hệ gì, ví như vá cái áo rách, và chỗ này nó lại bực chỗ kia, bất-nhược may lại cả một lần là hơn. Nếu Chính-phủ quyết ý nhất-thiết canh-tân như thế thời xin kíp lập một hội-đồng đề nghiên-cứu, và trong hội-đồng phải để cho người Nam có tư-cách được tham-dự mà bàn-bạc.

Theo ý chúng tôi thời cốt nhất phải cải-cách về các bậc tiểu-học, cao-đẳng-tiểu-học và trung-học.

Bậc tiểu-học là bậc phổ-thông giáo-dục, cốt cho bao nhiêu con trẻ trong nước từ 6, 7 tuổi cho đến 12, 13 tuổi, đều có một cái học thông-thường cần-dùng ở đời nay, để sau này dẫu làm nghề gì cũng có thể có đủ tư-cách làm người dân xứng-dáng. Như thế thì bậc tiểu-học lại là cái cơ-sở của quốc-dân giáo-dục nữa. Người trong một nước không phải là ai ai cũng có thể học đến trung-học đại-học được, nhưng mà ở đời này ai ai ít ra cũng phải qua bậc tiểu-học; cho nên ở các nước văn-minh bậc tiểu-học đều có đặt lệ cưỡng-bách cả. Dân ta vốn có tính hiếu-học, xưa kia dẫu không có lệ cưỡng-bách bao giờ mà đến nhà rất nghèo-khó cũng cố cho con đi học được một vài năm. Nay vì đặt lệ cưỡng-bách, trước hằng bắt đầu về sơ-đẳng-tiểu-học, sau dần dần đến cả bậc tiểu-học, thì tưởng

cũng dễ thi-hành được. — Ở bậc tiểu-học phải dạy những gì? Bậc tiểu-học nước nào cũng cốt nhất là dạy quốc-văn, quốc-sử, luân-lý, toán-pháp, mấy môn đó là cần nhất. Mà phải dạy bằng tiếng nước nhà, không thể dạy bằng tiếng nước ngoài được. Điều đó là quan-hệ nhất, nếu sai thì hỏng cả. Đã gọi là phổ-thông-giáo-dục mà lại chuyên-trị ngay một thứ tiếng nước ngoài, thời còn gì là phổ-thông nữa? Đã gọi là quốc-dân-giáo-dục mà lại phỏng theo tính-tình tư-tưởng người nước khác thời còn gì là tính-cách quốc-dân nữa? Cho nên bậc tiểu-học ở nước ta phải lấy quốc-ngữ làm gốc, chứ Pháp coi là tiếng ngoại-quốc mà thôi. Hiện nay mới có mấy lớp sơ-đẳng, nghĩa là mấy năm đầu tiểu-học dạy bằng quốc-ngữ, như thế chưa đủ. Vả lại đặt ra bằng « Sơ-học yếu-lược », tựa-hồ như phân tiểu-học ra làm hai bậc, bậc dưới học quốc-ngữ, bậc trên học chữ tây, hai dạng cách-biệt nhau, khiến cho con trẻ ở bậc dưới lên bậc trên có điều khó-khăn chậm-trễ, như thế tưởng cũng không tiện, cho nên đã có lắm người phản-đối. Nay cả bậc tiểu-học kiêm-bị phải dạy bằng quốc-ngữ, chứ không phải mấy năm đầu mà thôi. Học đã đổi, thì thi cũng phải đổi: bằng tiểu-học tốt-nghiệp phải thi bằng quốc-ngữ, chữ tây cho là môn phụ mà thôi. Lại bậc tiểu-học đã thay đổi phương-châm như thế thời bậc cao-đẳng-tiểu-học là tiếp-tục cho tiểu-học và các trường Sư-phạm là để luyện thầy giáo cho bậc tiểu-học, cũng lại phải cải-cách theo một phương-châm đó cho thích-hợp. Nghĩa là đã sửa-đổi thời sửa-đổi cho khắp, để cho trên dưới được nhất-trị như nếu chỉ đổi mấy năm đầu, còn để như cũ cả, thời lại thêm khó-khăn bối vì ai mà không thành kết-quả gì hay. Đến đến bậc cao-đẳng-tiểu-học thời lần chữ Pháp phải càng ngày càng tiến lên, vì đã qua bậc phổ-thông

có thể bắt đầu chuyên-trị tiếng ngoại-quốc được. Nhưng phần quốc-ngữ vẫn phải có một cái địa-vị quan-trọng, không thể lơ-lão một tuần-lễ một vài giờ như bây giờ được. Bằng tốt-nghiệp cao-dẳng-tiểu-học tất-nhiên phải thay đổi cho thích-hợp. — Nói rút lại thời sự cải-cách là ở phương-pháp, ở chương-trình, phải chăm-chước thế nào cho hợp với sự nhu-yếu của người nước ta ngày nay. Cái mục-dịch của tiểu-học và cao-dẳng-tiểu học là khiến cho bọn thanh-niên Nam-Việt có một mô-tri-thức thông-thường cần cho sự sinh-hoạt đời nay, để sau này làm nghề gì cũng biết yêu-mến nghề mình, có liên-lạc với đồng-bào tổ-quốc, chứ không phải chỉ biết giã ba câu tiếng ngoại-quốc mà biệt-lập ra một hạng người riêng, trên không chằng dưới không gờ vạy. Phạm cách giáo-dục nào mà đạt được cái mục-dịch ấy là phải đúng, không đạt được cái mục-dịch ấy là sai đường hết cả. — Trong các môn tri-thức cần cho sự sinh-hoạt của người Việt-Nam ngày nay, môn chữ Pháp cũng là một môn trọng-yếu, một là về đường giao-thiệp, điều đó ai cũng đã rõ, hai là về đường học-vấn, vì có thông tiếng Pháp mới có thể học cao lên các bậc trên đến trung-học, đến đại-học được. Cho nên ở các nước thời mãi đến trung-học người ta mới bắt đầu học tiếng ngoại-quốc, mà ở nước ta thời ngay từ tiểu-học con trẻ đã cần phải biết tiếng Pháp rồi. Thuộc về tiếng Pháp, Chính-phủ phải nghĩ đặt ra một cách dạy thế nào cho tiện-tiếp, khiến cho học trò có thể học cho mau biết được. Điều này là quan-hệ rất trọng, vì hiện cách dạy như bây giờ, con trẻ học chỉ biết « chừa đây óc » những câu tiếng Pháp mập-mờ không hiểu nghĩa, rồi đọc ra dùng ra sai-lầm cả. Thiết-tưởng phải nên điều-tra nghiên-cứ tìm các cách dạy tiếng ngoại-quốc ở các nước thế nào, như ở Tàu, ở Mã

người ta học tiếng Anh ra làm sao, để chần-chước theo đấy mà định lấy một cái phương-pháp thích-hợp cho xứ này. Điều nguy-hiểm nhất là cứ mô-phỏng những phương-pháp dùng ở bên Pháp, là phép đặt ra để dạy trẻ con nước Pháp, chứ không phải dạy trẻ con nước Nam.

Trường học thì làng nào cũng phải có một trường tiểu-học, làng nhỏ trường sơ-dẳng, làng to trường kiêm-bị. Những trường ấy, làng phải tự đặt lấy và chịu kinh-phi. Bởi thế nên thể-lệ Chính-phủ đặt ra phải rất là rộng-rãi, đừng có bắt buộc và đừng có hạn-chế gì người ta cả; những cách-thức về vệ-sinh ở nhà trường, về tư-cách của thầy giáo, nên cho khoan-dung, làng nào theo được thì theo, không phải thẳng-thức cho lắm. Cốt là trẻ con ở nhà quê đâu đâu cũng có chỗ học, trước chắc còn khuyết-diếm mọi bề, sau mới dần dần chỉnh-bị; nên để cho dân làng được tự-do sắp-dặt. Chính-phủ can-thiệp vào rất ít mà thôi, chỉ nên giữ một cái quyền giám-đốc rộng-rãi và cao-xa, thế là đủ. Học đã có thì làm chuẩn-định, mỗi năm hai kỳ thi « So-học yếu-lược » và « Tiểu-học tốt-nghiệp » Chính-phủ nên đặt cách tưởng-lệ cho những trường nào có đóng học trò đồ, thế cũng đủ khuyến-khích sự học ở các nơi thôn-quê rồi. Như thế thời không phải bắt-buộc, mà các trường công trường tư cũng tự-nhiên gắng-gỏi theo cho được đúng chương-trình và thể-lệ Nhà nước.

Ở các phủ huyện-lỵ thời sẽ có một trường tiểu-học kiêm-bị, trường này của Nhà nước đặt ra để làm qui-thức cho các trường nhà quê, thầy giáo do Nhà nước kén chọn cho hợp cách. Những trường phủ huyện này là thuộc thẳng quyền giám-đốc ông đốc học ở tỉnh-lỵ. Chương-giao trường phủ huyện có quyền thanh-tra trường các làng trong hạt mình, nhưng cũng là thừa-

hành mệnh-lệnh của ông đốc tỉnh và phải trình báo cho tỉnh.

Ở tỉnh-lỵ thời tùy dân-số nhiều ít sẽ có một hay nhiều trường tiểu-học kiêm-bị; nhưng ngoại-giã sẽ đặt một trường cao-đẳng tiểu-học cho hàng tỉnh, tỉnh to thời kiêm-bị cả các lớp, tỉnh nhỏ thời đặt vài lớp đầu mà thôi, do ông đốc-học tỉnh kiêm-đốc, ông đốc-học này tức là thanh-tra học-chính trong bản-tỉnh.

Việc giáo-dục sắp-đặt như thế, tức cũng là một cách « địa-phương tự-trị », có nhiều sự ích-lợi lắm. Một điều ích-lợi to nhất là con trẻ có thể học ngay ở tỉnh nhà, gần cạnh cha mẹ, không phiền-phí gì, và không đến nỗi phải cách-biệt với gia-đình giữa tuổi cần phải có gia-đình giám-đốc.

Có một điều này tựa-hồ như nhỏ-mọn, nhưng tưởng cũng có quan-hệ, là thuộc về danh-hiệu các giáo-chức, thiết-nghĩ nên cứ giữ những tên-chức cũ như huấn-đạo, giáo-thụ, đốc-học. Huấn, giáo, là chức chương-giáo trường-huyện, trường phủ; đốc-học là chức kiêm-đốc trường cao-đẳng-tiểu-học ở tỉnh-lỵ và kiêm chức thanh-tra học-chính trong hàng tỉnh. Còn thầy-giáo các trường làng thời gọi là giáo-sư.

Trường sư-phạm thì phải đặt cho đủ số để có thể cung-cấp được đủ giáo-viên cần dùng cho các trường tiểu-học. Nên đặt ở tỉnh-lỵ các tỉnh lớn và có thể chia ra hai bậc: một bậc sơ-đẳng để luyện các thầy giáo cho các trường yếu-lực, một bậc kiêm-bị để luyện các thầy giáo cho các trường kiêm-bị. Những người có bằng tốt-nghiệp cao-đẳng-tiểu-học cũng có thể bổ-dụng làm giáo-viên tiểu-học được, nhưng phải « tập sự » ít lâu ở một trường sư-phạm. Lại ở Hà-nội sẽ đặt một trường Cao-đẳng Sư-phạm (như trường Cao-đẳng Sư-phạm ngày nay sửa đổi lại) để luyện-tập các giáo-viên cho bậc cao-đẳng-tiểu-học.

Thuộc về tiểu-học, còn một vấn-đề

nữa, là vấn-đề sách giáo-khoa. Ông Học-chánh Tổng-trưởng cũ BLANCHARD DE LA BROUSSE đã biết việc đó là quan-hệ, nên có đặt ra một Tòa Tu-thư ở nha Học-chánh, hiện đã làm được việc và có kết-quả tốt Tòa Tu-thư ấy, không những nên cứ giữ, mà lại nên khuếch-trương ra để biên-tập cho được đủ các thứ sách cần-dùng cho các bậc tiểu-học và cao-đẳng-tiểu-học. Ông DE LA BROUSSE lại đặt một cách Nhà nước đứng bán sách, giá rất rẻ, người riêng không thể nào bán theo giá như thế được, thật là lợi cho học trò mà lại giúp cho sách truyền-bá được rộng ra khắp chốn kẻ chợ nhà quê.

* *

Nay đến bậc trung-học, phải nên cải-cách thế nào? Chúng tôi cũng đồng-ý như quan Toàn-quyền VARENNE nói trong bài diễn-thuyết ở Hội-đồng Chính-phủ cuối năm ngoái. Ngài nói rằng:

« Thuộc về trung-học, thời vấn-đề lại phiền-phức hơn nữa. Bậc này tất là phải học bằng tiếng Pháp, không còn hồ-nghi nữa. Nhưng mà học những thứ gì, cái đó mới khó quyết-định. Tôi tưởng rằng cách học lẽ-lối như ở các trường trung-học bên Pháp, không thể cứ để y-nhiên như thế được, tất phải thay đổi cho thích-hợp với chúng-tộc, với hoàn-cảnh ở xứ này. Theo ý tôi thời chương-trình bậc trung-học cũng phải sửa đổi theo một cái tôn-chỉ như chương-trình bậc tiểu-học. Những môn như lịch-sử, địa-dư các nước Á-đông phải chiếm một địa-vị lớn trong chương-trình. Hoặc giả có người bác rằng trường trung-học ở đây không phải chỉ có học-trò bản-xứ mà thôi, còn có con các quan-lại và thực-dân Tây ở đây nữa; tôi sẽ đáp lại rằng có thể đặt ra mỗi lớp hai ban, có bài học chung, có bài học riêng, một ban thời theo đúng như chương-trình bên Pháp, một ban thời dạy các môn riêng cho học-trò bản-xứ. Mà cũng chừa chắc những con

người Pháp ở bên này, nhất là nếu lại có ý sinh-cơ lập-nghiệp ở đây về sau, lại không nên học cùng một thứ như học trò bản-xứ.

« Đó là một cái vấn-đề về chuyên-môn sư-phạm, đây là nói đại-khái như thế mà thôi. Chắc giải-quyết sau này không khỏi có điều khó-khăn. Tôi sẽ cho nghiên-cứu này mai. »

Chúng tôi mong rằng Chính-phủ cho nghiên-cứu cho mau mau lên. Hay nhất là được như thế này : ở thủ-phủ mỗi xứ Bắc, Trung, Nam-kỳ, là Hà-nội, Huế, Sài-gòn, sẽ đặt một trường Trung-học riêng cho người An-Nam, chương-trình định sửa cho thích-hợp với «chúng-tộc và hoàn-cảnh trong bản-xứ», theo như lời quan Toàn quyền VARENNE đã nói, và tốt-nghiệp là thi lấy một cái bằng tú-tài An-Nam trình-độ ngang bằng bằng tú-tài Pháp và được công-nhận như bằng tú-tài Pháp. — Có một điều xin thỉnh cầu một cách đặc-biệt, là trường trung-học cho người An-Nam xin thay khoa cổ-văn La-Hi bằng khoa cổ-văn Hán-Việt, vì Hán-học chính là cái học «cổ-diễn» của phương Đông ta. — Hoặc-giả bác rằng nếu chương-trình thay đổi nhiều như thế thì lấy đâu cho đủ giáo-viên có tư-cách mà dạy trung-học ở bên này. Thiết-tưởng điều đó cũng dễ giải-quyết : các giáo-viên trung-học có bằng *agrégés* ở bên Tây sang, xin cho vào nghiên-cứu ở trường Bác-cổ Viễn-Đông một vài năm, rồi hằng ra dạy học, thế cũng là một cách dự-bị về các khoa Đông-phương, rồi sau khảo-cứu thêm cũng được. — Sau hết, còn một điều như sau này cũng nên chú-ý lắm : vẫn biết rằng bậc trung-học là để riêng cho con nhà trung-lưu-xã-hội có của theo học được, và vốn không phải là trực-tiếp liên-lạc với bậc tiểu-học, nhưng cũng không nên để cho hai bậc ấy cách-biệt nhau một cách huyền-tuyệt quá, và

không có cách đối-chiếu với nhau cho tiện-lợi, khiến cho một đứa trẻ có tư-chất thông-minh tốt-nghiệp ở trường tiểu-học không thể vào trường trung-học mà học cho lên bậc trên nữa ; phải đặt cách thế nào cho những trẻ ở tiểu-học hay ở cao-đẳng-tiểu-học muốn vào trung-học cũng có thể vào dễ-dàng được, không bị hạn-chế về tuổi học nghiêm quá.

*
* *

Nói về bậc Đại-học, thời những trường gọi là trường « Cao-đẳng » ngày nay xin đổi làm những trường riêng để dạy các viên-chức tham-biện các sở công Nhà-nước, còn thì sẽ đặt hẳn ít ra là hai trường Đại-học hoàn-toàn đích-đáng, một trường Luật-học, một trường Y-học, có thể ban các bằng-cấp cử-nhân tiến-sĩ bằng-đẳng như các trường Đại-học bên Pháp. Nói tóm lại là bậc Đại-học thì xin theo y như bên Pháp, hoặc có chàm-chước sửa-đổi một đôi chút cho thích-hợp thì có thể phỏng theo như qui-tắc trường Đại-học thành *Beyrouth*, hay trường Đại-học « Chấn-đán » (*Université «Aurore»*) của các cố đạo Pháp đặt ra ở Thượng-hải bên Tàu, là những nơi người Tây đã từng nghiên-cứu để sắp-đặt sự học cho hợp với tinh-thần tính-cách người Đông - phương. Lại có thể bắt chước cách tổ-chức các trường Đại-học Nhật-bản cũng được. Duy chỉ cầu có một điều, là trình-độ sự học phải cho xứng-đáng với bậc Đại-học, chứ không phải chỉ có tên là Đại-học mà thôi đâu ; lại phải các bằng-cấp cũng được ngang bằng hoặc công-nhận là ngang bằng các trường Đại-học bên Pháp.

Muốn cho các học-sinh có bằng tốt-nghiệp các trường trung-học, nghĩa là bằng « tú-tài » mới như trên kia đã nói, có thể thật đủ tư-cách vào học các trường Đại-học cho xứng-đáng, thì nên bắt chước như trong học-chế Nhật-bản

có một thứ trường riêng gọi là « Cao-đẳng học-hiệu » (*kotogakku*) để làm lớp dự-bị cho trường Đại-học; lớp dự-bị này hoặc là một năm, hoặc là hai năm, có thể chia ra hai ban: một ban cách-trí (hơi giống như lớp P. C. N. là lớp « Lý-hóa và bác-vật-học » của các học-sinh định chuyên về y-học hiện nay phải học qua rồi mới vào Đại-học), và một ban văn-học (có thể nhân trường « Đông-Pháp Cao-học » ngày nay sửa đổi lại mà đặt ra cũng được). Các « cao-đẳng học-hiệu » ở Nhật-bản là chủ-ý cho học trò tốt-nghiệp ở trung-học ra học thêm tiếng ngoại-quốc cho thật thông để có thể vào Đại-học đủ sức theo được các khoa dạy bằng tiếng ngoại-quốc, hoặc đi du-học các trường Đại-học Âu-Mĩ cũng được. Ở ta thời nếu đặt ra lớp dự-bị này là cốt cho học-trò học thêm cho thâm pháp-văn trước khi vào Đại-học.

Chắc trường Đại-học đặt ra sau này, còn lâu nữa cũng chỉ có một Y-khoa và Luật-khoa mà thôi, không thể kiêm đủ

được cả các khoa khác (Văn-khoa, Lý-khoa) và các chuyên-môn ngoài (Điện-học, Nông-học, Mĩ-thuật-học, v. v.). Vậy nên đặt ra lương du - học để cấp cho những học-sinh có tư-cách muốn sang học các môn ấy ở bên Pháp.

Ấy là phác-họa ra một cái chương-trình cải-cách sự học ở nước ta như thế; muốn bàn cho tường-tùng khoản thì phải nghiên-cứu cho kỹ hơn nữa. Khi nào Chính-phủ đặt ra một hội-đồng điều-tra về việc học, như trên kia đã nói, thì chúng tôi sẽ hết sức khảo-cứu mà trình-bày ý-kiến. Nay chỉ xin kết-luận một câu: là muốn giải-quyết cái vấn-đề giáo-dục ở xứ này, thời ngày nay đã đến lúc phải canh-tân hết cả, chứ không có thể cũ-chấp và từng mảnh như trước nữa.

THƯỢNG-CHI

CÁC CHÍNH-ĐẢNG Ở NGHỊ-VIÊN PHÁP

Nước Pháp vốn có nhiều các chính-đảng, chính-đảng nào cũng có đại-biểu ở hai Nghị-viện. Những đại-biểu ấy, tùy thuộc về đảng nào thời họp nhau lại thành một tập về đảng ấy, gọi là một « phe chính-trị » (*groupe politique*). Các phe chính-trị ở Nghị-viện có quan-hệ cho công việc lập-pháp của Nghị-viện nhiều lắm, vì trong khi lập các hội-đồng, trong khi bầu tòa trị-sự, thường chiều theo cái nhân-số của các phe làm tỉ-lệ.

Về đường chính-trị thời các phe chính-trị ở Nghị-viện xưa nay vẫn là

quan-trọng lắm: trước khi một vấn-đề gì đem ra thảo-luận ở công-đồng Nghị-viện, thời các phe bực giờ cũng bàn định trước với nhau đã. Những khi Nội-các đồ, hay là tình-thế chính-trị thay đổi, cũng là vì các phe khi họp nhau, khi rời nhau, khi can-thiệp vào, khi giữ trung-lập. Có thể nói rằng cả sự sinh-hoạt của Nghị-viện là ở sự hành-động của các phe. Đây không thể khái-luận về cái chính-thể đại-nghị của các nước, nhưng xét như một nước Anh, thời cái chính-thể ấy cũng bắt-đầu ngoại sự hành-động của các phe chính-

trị ở Nghị-viện ; trong nước lập thành mấy chính-đảng lớn, mỗi chính-đảng có đảng-qui, có lãnh-tụ riêng, cử đại-biêu vào Nghị-viện, lập thành từng phe, mỗi phe chiếm địa-vị riêng, hành-dộng theo chủ-nghĩa riêng của mình, chi-phối cả cuộc chính-trị trong nước.

Ở nước Pháp thì các phe các đảng lại chia ra vụn-vặt quá ; bởi thế nên cái chính-sách của các đảng không được phân-minh lắm, nhiều khi vị người hơn là vị chủ-nghĩa, và muốn hành-dộng cho đặc-lục thời thường phe nọ phải kết-liên với phe kia, thành ra phải mưu-mô mảnh-khóe, khiến cho việc chính-trị phiền-phức và cái chủ-nghĩa của các đảng không thể tuyên-bố cho được rõ-ràng. Sở-dĩ như thế là bởi các chính-đảng ở nước Pháp tổ-chức khác ở nước Anh, giới-hạn các đảng không được phân-minh, chương-trình các đảng không được đặc-biệt. Người Pháp vốn giữ cái chủ-nghĩa cá-nhân, thường mang cái tính-cách duy-kỹ, nên thường không chịu đem mình sáp-nhập hẳn vào một cái đoàn-thể nhất-định, cam-đoan nhất-nhất phải phục-tòng một cái kỷ-luật nghiêm-nhất như trong các chính-đảng lớn. Mà phạm đã gọi là chính-thể đại-nghị thì tất là phải có kỷ-luật nghiêm-nhất và các đảng-nhân phải hình như hi-sinh cả cái nhân-cách riêng của mình để hoàn-toàn sáp-nhập vào cái đoàn-thể chung. Cũng bởi vì các phe chính-trị ở nước Pháp chia ra vụn-vặt quá, cho nên không được đối-chiếu hẳn với các chính-đảng trong nước, mà chính các chính-đảng ấy cũng lại giới-hạn không được phân-minh, chủ-nghĩa không được rõ-rệt, vì những người có quyền bầu-cử trong nước thường lấy cái ý-kiến riêng của mình về chính-trị, về kinh-tế, về tôn-giáo mà thi-hành cái quyền bầu-cử, mà những ý-kiến ấy thì thường thường lại không có liên-can gì với nhau ; vả lại sau khi bầu ra rồi

thời người đại-biêu thuộc về chính-đảng nào ra Nghị-viện không tất-nhiên là phải thuộc vào phe ấy, kể đi bầu cũng không có quyền giám-định gì cả.

Các chính-đảng ở nước Pháp từ xưa đến nay đã thay đổi, nên các phe chính-trị ở Nghị-viện cũng có thay đổi. Duy ở Thượng-nghị-viện thì đã một nửa thế-kỷ nay vẫn chỉ có bốn phe lớn ; những phe ấy không có đối-chiếu với các chính-đảng trong nước, và cách tổ-chức cũng không được thuần-nhất.

Nay ở Hạ-nghị-viện thì có những phe nào ?

Hiện có 11 phe : Phe cộng - sản (*groupe communiste*), phe xã-hội (*groupe socialiste*), phe cộng-hòa xã-hội (*groupe républicain socialiste*), phe cấp-tiến xã-hội (*groupe radical socialiste*), phe cấp-tiến tả-đảng (*gauche radicale*), phe độc-lập tả-đảng (*Gauche indépendante*), phe cộng-hòa dân-chủ tả-đảng (*gauche républicaine démocratique*), phe tả cộng-hòa (*républicains de gauche*), phe dân-chủ cộng-hòa liên-đảng (*union républicaine démocratique*), phe dân-chủ (*les démocrates*) ; còn ngoại-giả có một số ít nghị-viên, không công-nhiên sáp-nhập về phe nào, ở Nghị-viện thường gọi đùa là « phái người rừng » (*les sauvages*).

Ở Hạ-nghị-viện Pháp bầu-cử năm 1924, thời nhân-số các phe như sau này : Phe cộng-sản 26 người ; phe xã-hội 98 người ; phe cộng-hòa xã-hội 41 người ; phe cấp-tiến xã-hội 136 người ; phe cấp-tiến tả-đảng 40 người ; phe dân-chủ tả-đảng 37 người ; phe độc-lập tả-đảng 13 người ; phe tả cộng-hòa 32 người ; phe dân-chủ cộng-hòa liên-đảng 104 người ; phe dân-chủ 14 người ; còn nghị-viên không thuộc về phe nào 28 người, trong số đó thì có 14 người thuộc về đảng bên hữu là đảng quân-chủ, còn thời là độc-lập cả.

Trong các phe đó thì có mấy phe đại-biểu cho các chính-đảng tổ-chức hẳn-hoi : phe cộng-sản, phe xã-hội và phe cấp-tiến xã-hội. Giả-sử ở Thượng-nghị-viện cũng có bấy nhiêu phe tiêu-biểu cho bấy nhiêu đảng như thế, thì cái chính-thể đại-nghị ở nước Pháp cũng có một cái vẻ thuần-nhất khá-quan ; nhưng mà không thế : ở Thượng-nghị-viện, bọn xã-hội, bọn cấp-tiến và ít nhiều người thuộc về cộng-hòa tả-dàng, đều hỗn-hợp cả lại thành một cái phe độc-lập lớn gọi là « Dân-chủ tả-dàng » (*gauche démocratique*). Các phe khác thì cũng muốn tiêu-biểu cho một cái chính-đảng hẳn-hoi ; nhưng mà hiện nay hãy còn hỗn-độn lắm, phe nọ đảng kia không có đối-chiếu gì với nhau cả. Bởi thế nên sự hă h-động ở Nghị-viện Pháp phiền phức lắm, người không quen mới xét tất phải lấy làm bối-rối không hiểu ra làm sao.

Nay xét đến chương-trình của các phe như sau này.

Phe cộng - sản là phe cần-nghiêm và thuần-nhất hơn cả, phe này là gồm những nghị-viên thuộc về đảng cộng-sản mà chịu mệnh-lệnh tự đảng chính ở nước Nga. Lãnh-tự đảng cộng-sản là bốn nghị-viên CACHIN, VAILLANT COUTURIER, DORIOT và BAROUX. Phe này mấy lần bỏ vé xin tuyệt giao với chính-phủ giáo-hoàng ở La-mã, và xin đặt thuế tư-bản. Lại từng tuyên-bố rằng hệ phe xã-hội chiếm được quyền chính-phủ và lập được tòa nội-các thuần những người về đảng xã-hội, thời phe cộng-sản sẽ sẵn lòng tán-trợ, vì cho rằng muốn thi-hành chủ nghĩa cộng sản thời phải nhờ phái xã-hội dọn đường đất sẵn cho đã.

Phe xã hội (thuộc về đảng S. F. I. O. nghĩa là *Section Française de l'Internationale ouvrière* = Chi Pháp của Lao-động quốc-tế-tổng-hội), phe này hồi Nội-các HERRIOT cầm quyền đã có thể-lực

manh-lắm, vì khi ấy là thi-hành cái chính-sách tán-trợ chính-phủ *politique de soutien*. Lãnh-tự trong phe này là LÉON BLUM, khi bấy giờ thật là có toàn-quyền giám-đốc việc chính-trị trong nước. Tự kỳ tổng-tuyên-cử ngày 11 tháng 3 năm 1924, phe này là thuộc vào « Tả-đảng liên-hội » (*Cartel des gauches*), nghĩa là cái đoàn-thể gom-góp cả các đảng bên tả để chiếm đa-số ở Nghị-viện. Phe xã-hội này cũng bị chia rẽ ra hai phái khác nhau : một phái chủ-trương sự tham-dự Nội-các, như bọn AURIOL, PAUL-BONCOUR, RENAUDEL ; một phái phản-đối sự tham-dự Nội-các, như bọn LÉON BLUM, COMPERE-MOREL, BOUSSON. Không những thế mà thôi, lại thuộc về chủ-nghĩa đảng xã-hội nữa cũng phân ra hai phái khác nhau : Một phái thời xuất-thân ở bọn lao-động nên, vẫn giữ thuần-túy cái tôn-chỉ cách-mệnh như bọn PAUL FAURE, PARVY, LEBAS ; một phái thời giữ cái tôn-chỉ tiệm-tiến, chủ-trương sự cải-cách ôn-hòa và điều-độ như bọn VARENNE, PAUL-BONCOUR. Cái khuynh-hướng của hai phái trái nhau như thế, có nhiều lần đã tương-trong đảng đến phân-lia. Lại thêm một nỗi nữa là phe xã - hội ở Nghị - viện thường không muốn chịu để cho đảng xã - hội ở ngoài giám-đốc một cách mặt - thiết quá, đó cũng là một cái nguyên-nhân bất - hòa trong chính-đảng. Phe xã-hội ở Nghị-viện được chừng 100 người, khi thì tán-trợ cho chính-phủ, khi thì không, cũng bất-nhất lắm ; còn đảng xã-hội ở ngoài thời bởi những lẽ đã nói trên kia xem chừng có cái nguy-cơ đến phân-lia mất, vì trong đảng-nhân có người thì dốc theo về cái chủ-nghĩa liên-lạc của tả-đảng-liên-hội, có người thì hãy còn phân-ván, và lại phải cái nguy hiềm ngay trong hạt mình bị đảng cộng sản công kích, chỉ chực thừa cơ mà tranh lấy chỗ mà thôi.

Phe Cộng-hòa xã-hội thì theo đúng như kỷ luật của tả-đảng-liên-hội, nhưng cái khuynh-hướng của các đảng-nhân cũng còn phân vân bất nhất-lắm. Hai tay lãnh-tụ trong phe này là BRIAND và PAINLEVÉ, nhưng hai người chủ-nghĩa cũng không giống nhau. Còn những tay trừ-danh khác thì như VIOLETTE, FREDÉRIC BRUNET, AUBRIOT, LEVASSEUR, v. v. .

Phe Cấp-liên xã-hội thời chiếm đa-số ở nghị-viện luôn từ năm 1906 đến 1914; kỳ tổng-tuyển-cử năm 1919 thời bị thua to, nhưng đến năm 1924 lại chiếm được 136 ghế ở Hạ-nghị-viện. Phe này tuy cũng có hai phái khuynh-hướng hơi trái nhau, một phái thì muốn mật-thiết cộng-tác với đảng xã-hội, một phái thì muốn cộng-tác một cách độc-lập hơn, tuy vậy nhưng mà kỷ-luật đại-khái cũng nghiêm. Phe này bầu-cử ra là đề công - nhiên chống với phe đa - số ở Nghị - viện trước, tức là phe « Quốc - gia - liên-hội » (*Bloc national*), cho nên đã đặt cái lệ nhất-định rằng phạm nhân-vật cùng chủ-nghĩa của « Quốc-gia liên-hội » cũ, nhất-thiết không liên-lạc, không tham chước một chút nao. Tuy trong đảng cấp-tiến cũng có ít nhiều người lấy kết-liên với đảng xã-hội là một sự bất-đắc-dĩ, nhưng mà phần nhiều cũng cam chịu như thế và ít ai công-nhiên phản-đối sự đó. Lãnh-tụ phe cấp-tiến xã-hội là CAZALS; nhưng kỳ-thực thì quyền chỉ-huy là ở EDOUARD HERRIOT. Những tay diễn-thuyết trừ-danh về tài-chính trong phe này là NOGARO, DUBOIN, MONTIGNY; FRANKLIN BOUILLON cũng là một tay có tiếng trong đảng, nhưng công-nhiên tỏ ý độc-lập đối với đảng xã-hội.

Phe cấp-tiến tả-đảng nguyên trước kia là gồm những người như RAOUL PÉRET, LOUIS BARTHOU, làm tả-dực cho « Dân-chủ liên-đảng » (*Alliance démocratique*), lập theo chủ-nghĩa của WALDECK ROUSSEAU năm xưa. Phe ấy đến năm

1919 thì tan mất. Năm 1924 lại lập ra một phe mới, cũng đặt tên như thế, nhưng mà nhân-vật cũng khuynh-hướng không giống trước. Phe mới này là do LOUCHEUR tổ-chức ra để giúp cho Tả-đảng-liên-hội chiếm được đa-số ở Nghị-viện. Nhưng mà trong phe cũng không có thể gọi là chủ-nghĩa nhất-định, và cũng chia ra tả-dực, hữu-dực, trung-ương, có khi phản trái nhau. Những nhân-vật có tiếng trong phe này là LAUCHEUR, BOUILLOUX-LAFONT, RAYNALDY, LOURENT-EYNAC, DE CHAPPELAINÉ, DANÉLOU, DANIEL VINCENT.

Sau kỳ tổng-tuyển-cử ngày 11 tháng 5 năm 1924, thì mấy phe xã-hội, cộng-hòa xã-hội, cấp-tiến xã-hội và cấp-tiến tả-đảng đều hợp nhau lại để làm một « Tả-đảng liên-hội » (*Cartel ou Bloc des gauches*) để phản-đối với cái chính-sách của « Quốc-gia liên-hội » (*Bloc national*).

Kỳ-thủy thời Tả-đảng-liên-hội là nhất quyết chỉ gồm những phe cực-tả mà thôi; nhưng sau phe cấp-tiến tả-đảng bầu RAOUL PÉRET làm đảng-lãnh thời thiên-hạ cho là Tả-đảng-liên-hội có ý muốn khuếch-trương cho rộng hơn.

Ngoài các phe trên đó là thuộc về liên-hội, chiếm phần đa-số ở Nghị-viện, còn những phe như sau này là thuộc về phần thiểu-số :

Phe Dân-chủ-cộng-hòa-tả-đảng, do nghị-viện MAGINOT tổ chức lại, hiện nay gồm những người giúp việc của thủ-tướng POINCARÉ cũ, như LÉON BÉRARD, REIBEL, MAGINOT, LE TROCQUER, v. v., và các đảng viên của Dân-chủ cộng-hòa-đảng. Tay diễn-thuyết trọng-yếu trong phe này là BOKANOWSKY. Phe này cực-lực phản-đối và công-kích Tả-đảng-liên-hội. Công-kích thứ nhất là Nội-các HERRIOT, đến khi Nội-các đồ rời cũng vẫn còn phản-đối dữ-qua, tỏ ra cái bụng thiên-qua, khiến cho chính trong bọn đến 10 người đã phải chán mà cùng với mấy người thuộc về phái tả-cộng-hòa, hợp

lại mà lập thành ra một phe mới gọi là Độc-lập-tả-dảng.

Phe Độc-lập-tả-dảng thì hiện nay có EDMOND BOYER, COLRAT, LANDRY, LE TROCQUER v. v... Phe này tỏ ý tán trợ cho phái PAINLEVÉ và BRIAND. Chương-trình thì là chuyên - chủ về việc tài-chính, không xét đến các vấn-đề chính-trị khác.

Phe Tả-cộng-hòa thời xưa nay vẫn là một phe bác-tạp lắm. Lập ra tự năm 1914, đến 1919 và 1924 vẫn còn giữ, không phải là có cái chủ-nghĩa hay cái thái-độ đặc-biệt gì, nhưng chỉ vì có nhiều người trong phe không muốn dung-hợp với các phe khác mà thôi. Những người có tiếng là SAUMANDE, DARIAC, EVAÏN, ROLLIN, DIOR, DE MONJOU.

Phe Dân-chủ-cộng-hòa-liên-dảng là phe có cái vẻ thuần-nhất và có thế-lực mạnh hơn cả. Phe này trước là nghị-viên ARAGO, hiện nay là nghị-viên LOUIS MARIN làm lãnh tụ, gồm cả những người về phái tiến-bộ và phái tự-do và có ý bảo-thủ. Phe này kỷ-luật nghiêm và thế-lực cũng mạnh, hết sức phản-đối Tả-dảng-liên-hội.

Phe Dân-chủ thì gồm mười mười lăm người nghị-viên xứ *Bretagne* và xứ *Alsace*. Chính-sách cũng là phản-đối Tả-dảng-liên-hội mà lại có cái đặc-sắc là có ý khuynh-hướng về đường xã-hội.

Còn những nghị-viên không thuộc về phe nào thì có bốn người về phái hữu-dục, hai hay ba người về phái Giató, một người về phái quân-chủ, ba người về phái Xã-hội cộng-sản, hai hay ba người về phái Xã-hội độc-tập như PIERRE LAVAL, và mấy người nghị-viên thành *Paris* là HENRY PATÉ và PAYEN.

Ở Thượng-nghị-viện thì vẫn theo lối-lối cũ, chỉ có bốn phe mà thôi : phe

Hữu-dục (*Droite*), phe Cộng-hòa tả-dảng (*Gauche républicaine*), hai phe này cũng đương dần-dần tiêu-hết ; phe Cộng-hòa-liên-dảng *Union républicaine* ; phe Dân-chủ-tả-dảng (*Gauche démocratique*). Ở giữa hai phe sau đó gần đây lại lập ra một phe mới nữa gọi là Dân-chủ-cấp-tiến-liên-dảng (*Union radicale démocratique*). Đó là toàn những danh-hiệu cũ cả, uyên-nguyên tự-khi mới có Thượng-nghị-viện đến giờ.

Phe Hữu-dục hiện nay chỉ có mười người, còn ngoại-giá có vài ba người thuộc về phái bảo-thủ, như bá-tước BLOIS, DE MONTI, GAUDIN DE VILLAINÉ, thì không biên tên vào phe ấy,

Phe Cộng-hòa-tả-dảng, hiện có 26 người, là một phe cộng-hòa cũ, nay không có người mới vào nữa, phe này có nhiều tay nghị-viên-lỗi-lạc, như ông MÉLINE vừa mới mất. Các nghị-viên về phe này là những người thuộc về phái tự-do ngày xưa.

Phe Cộng-hòa-liên-dảng có 93 người thì gồm hết cả những nghị-viên ở Thượng-nghị-viện phản-đối với cái chính-sách của Tả-dảng-liên-hội. Lãnh-tụ phe này là ANTONY RATIER. Những tay trứ-danh trong đảng là POINCARÉ, FRANÇOIS MARSAL, CHÉRON, MASSABEAU. Nghị-trưởng Thượng-nghị-viện là ông DE SELVES, cũng là người trong phe này.

Phe Dân-chủ-tả-dảng là phe có thế-lực nhất ở Thượng-nghị-viện, gồm những nghị-viên thuộc về đảng Cấp-tiến xã-hội, nhưng mà có ý độc-lập hơn ở Hạ-nghị-viện, vì phe ấy không có đối-chiếu hẳn với chính-dảng trong quốc-dân. Phe này chỉ có sáu bảy người thuộc về đảng xã-hội. Hiện có 130 hay là 140 người, lãnh-tụ là BIENVENU MARTIN. Các tay có tiếng khác là PAUL DOUMER, MILLIES-LACROIX, HENRI BÉRANGER.

Phe Dân-chủ cấp-tiến-liên-dảng có 24 người, là gồm những hội-viên của

phe Dân-chủ tả-đảng mà phản-đối với cái chính-sách của HERRIOT, và những nghị-viên có tư-tưởng cấp-tiến thít li ở phe cộng-hòa liên-đảng. Những tay lối-lạc ở trong phe này là CHAUMET, DAUSSET.

Ấy đại-khái các phe-đảng ở Thượng Hạ nghị-viện nước Pháp chia ra như thế, kể cũng là vụn-vặt phiền-phức, khiến cho người không thuộc cái địa-đồ chính-trị của Pháp thời rối-rit không biết đầu mà dò. Đại-đề, cứ lấy cái danh-hiệu mà xét thì Thượng Hạ nghị-viện mỗi nơi có mười người là công-nhiên thuộc về Hữu dục, nghĩa là về đảng bảo-thủ, còn thì toàn là những đảng cải-cách hết cả, duy đảng thì cải-cách cấp-tốc, đảng thì cải-cách ôn-hòa, nên mới phân-biệt ra nhiều tên lắm hiệu

khác nhau như thế. Song cứ thực-sự thì nhiều người tự-xưng là thuộc về các đảng cộng-hòa, các đảng dân-chủ, thế mà có lẽ lại có cái tư-tưởng bảo-thủ hơn là các đảng bảo thủ hay là các đảng quốc-gia ở các nước. Nhất là ở Thượng-nghị-viện, phái «bảo-thủ ngầm» đó lại nhiều lắm; cứ xem như các nghị-viên Thượng-viện phản-đối bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền VARENNE ở hội-đồng Chính-phủ năm ngoái, xin lấy một câu ức-thuyết về tương-lai mà cho là quan Toà-quyền hứa cho nước Nam sau này ược độc-lập, có phương-hai đến chủ quyền của Đại-Pháp ở đây, như thế thì tư-tưởng của các cụ họ-hỏi quá. Cho ên ta chớ thấy các danh-hiệu của các đảng mà ta hiểu lầm.

HỒNG-NHÂN biên-dịch

HÀNH-TRÌNH CHƠI NÚI AN-TỬ

*Nào ai quyết chí tu-hành,
Cố về An-tử mới dành lòng tu.*

Sáng 6 giờ 20 phút lên xe lửa ở Hà-nội chạy; 10 giờ rưỡi tới Hải-phòng.

Xưởng ga Hải-phòng, thuê xe tay ra bến đò Bình, đi phà sang qua sông; rồi lại thuê xe tay tới bến Bí, đường đi 20 cây-lô-mét rưỡi mất 3 giờ 20 phút; kém 10 dầy 3 giờ chiều mới đến nơi.

Từ đây xuống xe đi bộ, rẽ bên tay trái, lách qua bãi xú, đi mất 35 phút đồng-hồ; 3 giờ 25 đến chùa Bí-thượng.

Rồi lên chùa Cầm-thực, đường đi mất 2 giờ 10 phút, đứng 5 giờ 35 chiều tới nơi; ngủ trọ ở đấy một đêm.

Ngày thứ hai, 6 giờ sáng thượng-son, đến 7 giờ rưỡi tới chùa Lân Long-động-tự).

8 giờ 25 phút lại ra đi, từ đây lối đi phải trèo cao, đến 10 giờ 25 tới chùa Giải-oan. Đây là chân hòn núi An-tử.

Kém 5 dầy 12 giờ ở Giải-oan lại thượng-son, đi đến 2 giờ chiều tới chùa Hoa-yên (Đây xưa gọi là chốn tổ).

Từ đây đi độ 10 phút đến chỗ tháp Mẫu thì đường lên Vân-tiên có hai lối: một lối lần theo tay trái lên thẳng đến Vân-tiên trước, mà lúc lên thì dễ, trở xuống thì khó vì gốc lăm; một lối cứ bên tay phải rẽ ngang, lần theo mà đi qua chùa Bảo-sát rồi mới đến Vân-tiên

— lối này đi xa hơn nửa giờ — mà đường đi dễ hơn.

Đây lại nói từ chùa Hoa-yên trở đi :

3 giờ 15 phút ở chùa Hoa-yên thượng-sơn rẽ đường tay trái đi đến 4 giờ 15 phút tới chùa Vân-tiêu. Chỗ này là nơi trú chân, gồng-gánh để cả đây, rồi lên chùa Đồng (Thiên-trúc tự).

Ngày thứ ba, sáng 8 giờ rưỡi thu-xếp lên chùa Đồng là đỉnh núi An-tử, đến 9 giờ 35 tới nơi.

12 giờ trưa trở xuống Vân tiêu nghỉ-ngơi suốt nửa ngày hôm ấy và lại ngủ đây một đêm nữa.

Ngày thứ tư, sáng 8 giờ hạ-sơn sang chùa Bảo-sát, chùa ở phía tả Vân-tiêu, đi mất 8 phút đồng-hồ.

8 giờ rưỡi ở Bảo-sát ra về, đi 1 giờ rưỡi ra tới tháp Mẫu, ở đây sang chùa Một mái đi mất 8 phút, đúng 10 giờ 9 phút đến nơi.

10 giờ 25 ở Mộ -mái lại đi qua sân chùa Hoa-yên sang chùa Thiên-dịnh đi mất 12 phút, vừa đúng 10 giờ 37 ; rồi lại về nghỉ chân ở Hoa-yên.

12 giờ rưỡi mới ra về, vừa đi vừa chơi, về qua Giải-oan đã 3 giờ chiều, lại nghỉ ở đây độ nửa giờ.

5 giờ rưỡi chiều ra đến chùa Lân, ngủ trọ một đêm.

Ngày thứ năm, 8 giờ sáng ở chùa Lân hạ-sơn, 9 giờ rưỡi về đến Cầm-thực ; đến nơi không lên chùa, vì ngọn chùa này cao, nên ngồi nghỉ dưới chân núi.

10 giờ ở Cầm-thực đi ra, đến 12 giờ rưỡi tới chùa Bi, vào nghỉ độ nửa giờ.

Đến đây ai muốn thông-thả nghỉ lại một đêm sáng mai sẽ đi thì kịp chuyển tàu tối ; ai muốn đi ngay cho được độ đường để kịp chuyển tàu trưa 1 giờ 45 ngày mai, thì ra ngủ trọ chùa Phúc (Đà-mộc-tự), vì lúc ra không có xe.

Chùa Phúc thuộc về làng Phúc-liệt-sơn. Từ bến Bi ra chùa Phúc lại đi qua bốn cái cầu sắt, trước đến cây-lò-mét 16 là về địa-phận làng Phúc, đi một quãng nữa đến đình Phúc, rẽ qua cửa đình hồi thăm vào chùa Phúc mà trọ.

Chùa Phúc bây giờ thuộc về sự-cụ Văn-tiêu trông nom, cứ đi luôn thì đúng 5 giờ chiều hôm ấy đến nơi. Sáng mai ra Hải-phòng.

Còn một lối đi thuyền, thì cứ thuê xe từ bến đò Bình vào cầu Giá là cầu thứ nhất rồi thuê thuyền chở vào bến Bi là nơi trước cửa chùa Thiên-trúc trông ra.

Sáu ngày ở núi An-tử

Nhân về giêng hai, ngày rằm tháng dài, tôi được đi chơi An-tử, trước là chiêm-ngưỡng Phật-tổ, sau là đi xem phong-cảnh.

Cho hay đâu cũng non xanh nước biếc, nhưng mà mỗi cảnh một khác. Như nước ta chốn Hương-sơn là nơi tịch-mịch u-thâm ; Sài-sơn là nơi bán-thành-thị bán-lâm-tuyền ; mà cảnh An-tử-sơn này là nơi Bồng-lai-tiên-cảnh và là chốn cực-lạc phạt-độ.

Đã bốn năm nay những ước-ao đi An-tử, mà bây giờ chân được đi đến, mắt được trông thấy, thật là phi lòng mơ-tưởng.

Dòng nước trong xanh, hòn đá bạc phéch, mà không có một người tu hiền đạo ở trong, dầu rằng sơn-thủy hữu-tình, mà vẫn không có cái tinh-thần ẩn-hiện.

Tôi được đi đến nơi, về đến chốn, trăng gió một bầu, cỏ hoa trăm thức, đã thu vào trong khoe mắt, tưởng cũng nên cầm bút viết ra để góp một vài phần, gọi là cái quà đi An-tử về để biếu những người có lòng ước-ao mà chưa rảnh đi được và những người ngại ngùng đường-sá xa-xôi không dám đi đến.

Trong thiên-hạ nước nào cũng lấy tôn-giáo làm trọng, có tôn-giáo thì có người tu thành tiên thành phật, những bậc người ấy thì trong lòng rộng-rãi, mà ngoài chỉ cao sâu, cho nên hay tìm nơi tịch-mịch sơn-thủy mà tu-luyện.

Xưa kia thủy-lục chưa tiện tàu bè, sơn-dộng còn lấp gai cỏ, mà cõ-nhân lên núi An-tử này để tu-hành, không hay các cụ tìm đến nơi, dầu-dãi tháng ngày là bao, mà bây giờ ta vừa đi vừa về thông-thả có sáu ngày mà thôi.

Ngày mồng 4 tháng hai năm canh-thân vua Khải-dịnh thứ năm (1920) tôi được đi theo song-thân tôi cùng ông cụ Hoàng Xuân-Sơn người làng Xuân-cầu (Bắc-ninh) là bạn thân của phụ-thân tôi và ông cụ Nguyễn Văn-Ấn người làng Khương-dinh hạ (Hà-dông). Em trai tôi là Thế-Trung có đem máy ảnh đi theo cùng ba người nhà. Trong chùa Vân-tiêu, sư cụ có cho chú tiểu Đồ Niêm ra đón để đưa đường.

Sắm-sửa nào nón lá, nào dây thừng, đồ lễ-vật, thức hành-trang thu gọn vào hai bồ dày, 6 giờ sáng hôm mồng 4 ra ga Hà nội, mà ngày đó trời lại mưa, qua 16 ga đến Hải-phòng.

Khi tới nơi thuê ngay xe ra bến đò Bình, xuống phà sang qua sông, nộp ba xu thuê, cái khúc sông hẹp-hẹp mà cũng có một chiếc tàu cõn con dắt cái phà đưa đón hành-khách. Lên đến bến ngoài trông lại tỉnh, rõ-ràng trên bến dưới thuyền, một cửa bể đô-hội vậy.

Chứa ra đến tỉnh Hải-phòng, mới trông thấy cái tàu Phi - long Phi-phương của công-ti Bạch-thái chạy trên con sông Nhị-hà đã cho là to, mà nay đem sóng cùng mấy chiếc tàu lớn chạy bề, cái sức-lực cái mạnh-mẽ to lớn biết dường nào ; con đường thông-thương tiện lợi biết là bao !

Ở dưới phà bước chân lên, vào hàng ngồi nghỉ rồi thuê xe vào bến Bì,

đường đi 20 cây-lô-mét rưỡi, thường thường 6 hào một xe, mà xe cao-xu thêm hai hào nữa, hoặc khi hiếm xe thì thuê đắt hơn.

Lăm lăm trông tri khôn chỉ chực mau cho đến mà thu lấy quả núi An-tử xếp đặt vào trong tay áo mang về.

Một lát xe qua phố Lôi-dương, xa xa hòn núi Đọ lừ-lừ đến trước mắt, ngẩng trông lên, chỗ này có vài ba trồi núi thấp lè-tè, hòn sơn lân viên đất, nhô lên hòn núi Đọ bằng-phẳng một khu, ở trên có đóng đồn canh-trại lính, cũng phố-phương chợ-búa, tuy không là nơi thành-thị, nhưng cũng là một chốn kẻ chợ con con.

Đèo nẻo bằng chừng, trở non An-tử thẳng tới, ngồi trên xe đương mãi trông chỗ này mấy chị cào cỏ lúa, bên kia râm anh tát nước, ngọn lúa xanh rờn, con trâu béo mập, trông cái quang-cảnh nhà nông ra đáng lại được mùa. Phút chốc đã đến ngã-tư quán Đọ, đỗ cho xe nghỉ chân, vào hàng uống nước, rồi lại lên xe đi. Chốc nữa đến cái cầu Sắt kia bắc qua sông. Mấy hôm đi gặp trời mưa, cho nên cứ đến đầu cầu nào cũng phải xuống xe, vì có giốc và đường trơn như mỡ:

Lạ thay đương ngồi trên xe trông thấy những người đương đi trên cầu hoặc mới bước lên đầu cầu, họ trông xa xa có bóng dáng cái xe chạy lại gần, thì người trên cầu liền phải mau đi một mạch qua cho hết cái cầu hay là lùi trở lại.

Trước tôi chưa hiểu làm sao, đến nơi đầu cầu đỗ xe xuống cho họ kéo qua giốc, thì mới biết là vì bề ngang cầu hẹp cơ độ một thước 40 phân tây, mà chiều dài độ 300 thước, chỉ vừa một cái xe đi qua mà thôi.

Cầu lát bằng ván lim, khe ván dòm xuống nước được. Tôi nhìn thấy dưới gầm cầu có bắc ống máng tròn lằn theo cầu, mà hai đầu cầu có hai miếng sắt

bằng cái cối đá con úp vào, mới trông tôi ki ông biết để làm gì, hỏi mấy người coi cầu ở đây mới biết là hai cái khóa máy nước, cầu đi trên máng nước bắc dưới, để lấy nước tưới ở An-tử về máy Hải-phòng.

Ồ! Cái học-thức của người Thái-Tây văn-minh lắm vậy! Ăn ngon uống lành, người khôn là phải.

Đây là cái cầu thứ nhất, gọi là cầu Giá, đi khỏi cầu này qua chợ Tổng, đến cầu Phúc. Từ đây về địa-phận làng Phúc, đã thấy núi đá đứng dựng hai bên, bụng đã mừng thầm rằng sắp sửa đến chùa Bi.

Xa xa lại có cái cầu chạy đến gọi là cầu Hạng-Nuong. Hạng trong một quả núi sát đường đi.

Tôi có hỏi mấy người hàng nước chỗ quán lối vào cửa hạng rằng trong động có thờ-tự gì không, thì họ nói chỉ có động chứ không có đền-dài thờ-tự gì cả. Ngán thay những lúc này không gặp được ông cụ già nào mà hỏi sự-tích bà Nương-thần ra làm sao!

Lần lần đến cầu Chân-dá-bạc, cầu An-duong, kể đến cầu Bi-hạ. Đếm tất cả là đi quá 6 cái cầu, còn cách độ 500 thước tây nữa là xuống xe. Đây là bến Bi (bãi Bi).

Xuống xe rồi rẽ bên tay trái, lách qua cái miệt trong bãi xú. Có đi qua chỗ này thì nên đi buổi sớm hơn buổi chiều, vào khoảng năm sáu giờ tối thì nước thủy-triều đưa lên. Cho nên sách hành-trình của cụ Từ-ô Trần Văn-Thải g có câu rằng:

« Có đi sớm hay đi trưa,
Đừng đi chiều-tối nước đưa lên đầy. »

Có khi gặp con nước lớn thì ngập tràn cả ngọn xú.

Bước chân xuống bãi trông lên, trên thì đại ngàn cây xú mọc, dưới thì ức vạn con cây bò.

Cái thứ cây xú này tựa-hồ như cây sanh dưới ta, chỉ khác là có hoa có quả, chẳng hay có dùng làm gì được không; chỉ thấy nói làm củi được thôi; giống cây thì cứ chỗ bãi nào có nước thủy-triều là có nó ngoáy cát làm tổ, mà mỗi con ở một lỗ, chứ không ở lẫn. Tôi muốn bắt một con để xem thì không tài nào mà vờ được, giống nó hề thấy bóng-dáng người đến, là hối-hoảng chạy chúi ngay xuống lỗ, thảo nào tục-ngữ thường nói « dát như cây » là thế chẳng.

Hai anh em tôi lúc bấy giờ nghĩ ngay ra được một kế, định bắt nó thì trước phải bịt ngay tổ lại, nó không chạy vào đâu được. Quả-nhiên như vậy.

Tôi cầm cái gậy dài đứng xa xa, muốn bắt con nào sẽ thò gậy vào cái lỗ chỗ nó nằm chịt lấy, chẳng sai con nào cả. Tôi bắt xem thì ra nó giống con cua đồng của ta, có khác là một càng to một càng nhỏ, hai con mắt thò dài ra như râu con sên vậy; mà con đục thì càng đỏ chân đỏ, cái mai vàng, con cái thì đen như con cua đồng vậy.

Chùa Bi-thượng sắp tới nơi, chung quanh thì đồi, đường đi còn bằng phẳng, tạt qua cái bến dò con con (bến Bi), ngọn nước chảy châu về chùa, bước rảo lên đến nơi, đây là chùa Bi-thượng (1), nhìn xem-phong cảnh tiêu-diêu, cỏ cây sò-sạc, nền chùa cũ hãy còn, trước thì chùa rất lùi về đằng sau chỗ có bốn cây thông, nhân mấy năm trước chùa bị cháy, tượng-pháp tiêu-tuyệt, được ba bốn năm nay có bà Bùi-thị là vợ cả ông Bá-Liên, bà là người tu-traí về đây sửa-sang lại, dựng lên ngọn chùa con con này ngang dọc độ 16 thước tây vuông, mà đem dịch chùa ra.

Tôi không phải là thầy địa-lý, nhưng mà tôi đứng lên nền chùa cũ nhìn ngó thì trông thẳng ngay vào bến dò trước cửa, mà nền chùa mới bây giờ vừa bắc vừa sai hướng cũ, hay là tại thế mặt

(1) Xem ảnh số 1.

« Phong cảnh nhà thiền đã khác
xỉra... »

Cảnh này đối với sư-ông này, vĩ-hộ
này thật là « tam-hợp ».

Nhà sư học được 360 quyền kinh,
công tu đủ tam-qui ngũ giới thế nào
thì tôi không được rõ ; trông ra thì sư
cụ chẳng phải, sư bác cũng không. Sau
hỏi ra mới biết người là đồ-dệ sư cụ
chùa Lân. Thật là :

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.*

Vào chùa lễ bái xong rồi, thầy trò
quẩy gánh ra đi.

Qua tới chỗ này đương thấy phu-
phen mở một con đường rộng có thể
xe ô-tô đi được, hỏi ra thì biết rằng
nhà nước mở con đường này đi từ
Quảng-yên đến Phả-lại.

Đi vòng quanh hết trái đồi chùa Bi,
đến đây tuy đường đi khi lên khi xuống
gập-gềnh, nhưng cũng còn dễ đi, ngót
một tiếng đồng-hồ tới một chỗ kia
nghe rào-rào trước mặt tự-hồ như
khúc dè vỡ năm nào, vì từ lúc vào tới
đây chưa qua chỗ nào như vậy.

Rào chân đi tới nơi, đây là suối Tắm,
một tên nữa là Cửa-ngăn. Trên có
miếu thờ, trước miếu có cây to, dưới
gốc cây có bát bình hương sành vỡ,
ngẩng lên trên miếu không có câu đối
hay hoành-biên chi cả, chỉ thấy một
hàng chữ khắc vào cái xà trước miếu
bôi mực đề lên rằng : « An-tử sơn Linh-
nham tự-tăng kính 安子山靈岩寺
僧敬 ». Tôi ngần cả người ra không
hiểu đây thờ vị gì, bụng bảo dạ rằng
cứ mấy chữ này đoán ra không có lẽ
lại thờ ông sư chùa Linh-nham. Sau
tôi hỏi mấy người đi núi cùng ngồi
ngồi ở đây, thì mới biết là đây thờ bà
Nguyễn-nga công-chúa là em gái ông
Quận Hèo Nguyễn Hữu-Cầu mà cái
miếu này là của ông sư chùa Linh-
nham làm.

Ngon suối này là nơi khi đức
Điền-ngự Giác-hoàng Trần Nhân-tôn
vào An-tử tu, qua đây ngài tắm, nên gọi
là suối Tắm ; còn miếu thờ bà Nguyễn-
nga để giữ cửa rừng nên gọi là cửa
Ngăn.

Lội qua cái suối này, lần lượt đến
sáu suối nữa, đi dưới chân núi, xa xa
ngẩng lên, đã trông thấy ngọn chùa.
Phát-phơ một vài cái nón lá, trong rừng
chú tiều cầm dao đốn củi ; gác-dác
năm ba nóc nhà gianh, thẳng trại phá
cỏ trồng ngô.

Một ngọn chùa cao, bốn bề thông
mọc, đi tới chân núi, trèo lên cái
giốc, mới đến cổng chùa, đây là chùa
Linh-nham 靈巖寺, giờ đồng-hồ xem
vừa đúng 5 giờ rưỡi chiều, chùa Cầm-
thực cũng là đây. Truyền rằng đức
Giác-hoàng vào đến đây chỉ uống nước
suối trừ cơm nên gọi là Cầm-thực.

Phong-cảnh đây chung-quanh núi
bọc, dưới thì suối chảy, chim kêu
vượn hót, kè cũng hữu-tình ; trước cửa
chùa có một ngọn tháp mới xây.

Bọn tôi lên đến cổng chùa, lên tiếng :
Nam-mô A-di-dà-phật ! Không thấy ai
ra cả. Mãi mãi có một bà vĩ hộ, và một
người đàn bà xuân xanh đương to
mà lại lé một con mắt, đều chạy ra
chào : « Các ông với các già về chùa ! ».
Bọn tôi đáp rồi vào và hỏi : « Sư cụ có
nhà không ? » Người đàn bà đáp rằng :

— Xin mời các ngài vào nghỉ chân,
sư ông tôi mấy hôm nay mệt. Tôi cũng
ở dưới đồng bằng ta mới vào lễ.

Thần-mẫu tôi hỏi :

— Hôm nào già hạ-sơn ?

— Bẩm, sư ông tôi còn giữ lại sắc
hộ mấy thang thuốc...

Tôi nghe mấy lời người ấy nói, trong
bụng cũng đoán ngay ra được.

Mãi một hồi lâu mới thấy sư ông
người ra, vị này trông cũng phải người,
trạc độ ba nhăm ba bảy tuổi. Nào pha
nước, nào giải chiếu, chạy ra chạy vào,

ngồi tiếp chuyện cùng mấy ông, nói hết chuyện tu-hành nhà chùa, lại nhắc cả bọn tu-trai, như ông Tống-Long, bà Bá Liên, v. v. . ra ý chê mấy người không biết đạo là gì, xem ý sư ông xác-hoạt lắm, chưa biết đạo-đức của người làm sao.

Em tôi khen thầm rằng chả trách những người ở núi nhờ được cái khí khinh thanh, khoẻ mạnh là phải.

Tôi sực nghĩ câu chuyện người đàn bà họ vừa nói mà không dám cười.

Nghĩ-ngời cơm nước xong rồi, dạo xem cảnh chùa Tĩnh tôi hay thóc mách, nên vào lễ chùa nào hay đình miếu nào cũng muốn cho biết đấy thờ vị gì, ông tượng nào có điển-tích gì, mà hỏi chùa này thì cũng thờ đủ như chùa Bái, nhưng nhiều tượng-pháp hơn, duy khác chỗ thờ mẫu riêng sang một gian trái, bày biện ra trang-hoàng lắm, có cả chỗ ngồi đồng đủ gương, lược, đồ ngự, đàn địch cung-vấn.

Tôi có hỏi người đàn bà đấy rằng như chỗ này là nơi thâm-sơn cùng cốc, dân-xã có mấy khi vào hầu bóng không?

— Cũng có, dưới ta các bà cũng vào lễ luôn.

— Mô Phật !..

Ấy cũng là một cách kiếm tiền. Suy cho thấu như đức Mẫu Sông-sơn ngài là một vị thần-tiên nước Nam mình, nay giảng kinh mai làm sách, lấy điều chính-đạo dạy người, có khi nào ngài đến từng cửa điện con con mà nháy-nhót như vậy không. Ôi ! chẳng qua cũng là mượn danh hòa thượng đó mà thôi, mà làm cho nhầm cái đạo, khiến cái lòng chính-trực rẻ-rụng đi cũng chỉ tại mấy người... Tôi đi xem suốt mấy cảnh chùa trong núi An-tử, có sư ông cảnh này là người thông tam-giáo ; chùa nào bây giờ cũng có thờ mẫu, mà xem ý ông sư này vị mẫu nhiều hơn.

Bọn tôi nghĩ lại Cầm-thực một đêm.

6 giờ sáng mai là ngày mồng 5 thượng-sơn, phải chống gậy từ đây. Đi một lát qua hai cái suối, chỗ này thuộc về địa-phận làng Nam-mẫu, trông địa-thể thì rộng-rãi mà hộ-khâu không có mấy, độ vài chục nóc nhà mà thôi. Đường đi đã được 25 phút, chợt thấy cao cao dần, đây là giốc Mụ-chị, qua rồi miệt đi, lại thấy trũng xuống, rồi lại nhô lên, chỗ này là giốc Mụ-em. 10 phút đồng-hồ nữa tới một nơi bằng-phẳng chừng độ 9 thước tây vuông, thấy chú tiểu đồ gánh xuống nghỉ, nói đây là quán Mụ, mà cái quán đồ đã lâu rồi.

Lạ thay không hiểu sự tích Mụ chị Mụ em ra làm sao ? Lấy ý đoán ra tất xưa có hai chị em ở xóm này mở quán bán hàng nước cho những người đi rừng kiếm củi, vì gần đây có cái rộc thả bè, mà cái quán này giáp với hai cái giốc, nhân thế nên gọi là giốc Mụ chị và giốc Mụ em.

Đang đi thấy trời u-ám đồ cơn mưa xuống, trong cái cảnh-tượng lúc này đối với những khi ngồi xếp bằng tròn ở nhà đánh chèo ngâm thơ, thì hai cái thú khác nhau xa. Được đội cái nón lá 3 xu, chống cái gậy trúc rầm đong, gió thổi hoa cười, nước chảy suối reo, lững-thững đi trong rừng, chốc lại thấy mặt trời véo đám mây dòm xuống, ra tình đưa đón, tựa-hồ như xem mình đã đi tới đầu rồi.

« Đầu cảnh thấp-thoáng bóng kim ô.
« Hoa động vui mừng đón khách vô... »

Lại qua ba cái suối, rồi một lát đến suối Thả-bè, bên suối có bãi, thấy nói chỗ này người ta vào rừng đốn tre đốn gỗ, kết lại thành bè, chèo nước lên rồi thả trôi ra. Nghĩ cũng diệu-kế thật ! Đường núi quanh-co, lên ghềnh xuống suối, cây gỗ cây tre thì dài, không thả như vậy, công đâu mà thả ra được. Thế mới biết cổ-nhân ta ngày xưa dụng bằng trí hơn dụng lực.

Non xanh nước biếc, thật là : « Cỏ cây chen đá lá chen hoa », bức tranh sơn-thủy nào bằng.

Em tôi đương đi bỗng một chân bước phải đồng bùn. Tôi mới bảo rằng đã mỗi chân rồi sao ? em tôi ngăm mẩy câu mà đáp rằng :

*Bôi giầy chiếc trắng chiếc thì mun,
Nhẹ gót nên chi dẫm phải bùn.*

*Đương mài-miết nhìn non với nước,
Hà rằng gót mỗi bước mà run ?*

Qua chỗ này đi 25 phút nữa đến suối Lân, ngọn suối này cũng to mà chảy riết lắm, rẽ bên tay phải, bước rảo lên lối vào thông mọc, bực đá đi giữa, ngoài cổng có cái miếu lợp bằng lá thờ bà Cửa có pho tượng con con, hai hàng tháp Tồ, cái lớn xây trên cái nhỏ xây dưới lần lần một lượt, trông rất là trang-nghiêm.

Ngọn tháp cổ, gốc thông già, mới đến cổng chùa, trông thấy cái cảnh-tượng thiên-già như vậy, cũng đủ biết là nơi phúc địa.

Chùa đây là Long-đông-tự 龍峒寺(1), bên cạnh chùa có hòn núi hiên như con lân, nhân thế gọi nôm là chùa Lân, Chùa làm bằng gỗ, tượng-pháp nguyên-ga, đây có thờ ba tượng Trúc-lâm-tam-tổ.

Lễ bái xong, sư cụ mời vào phượng-trượng ngồi uống nước và có nói chuyện lại rằng : Cái thế giới này (chùa Lân) trước cũng vui lắm, từ năm qui-dậu (1872) quan Tây về đóng đồn, cho nèn sư đã bỏ đi mất một độ, mãi đến năm nhâm-dần (1901), lại có sư về nhận cảnh . . .

Tôi đương ngồi nghe chuyện, trông ra đằng sau chùa thấy còn một ngọn tháp to lắm mà xây bằng đá, có tượng đá ngồi trong, bèn chạy ra xem, trông có năm chữ rằng : « *Sắc kiến lịch quang tháp 敕建寂光塔* ». Sau

tháp có cái bia xây liền vào, hỏi ra là tháp đức tổ đệ nhất chùa này.

Tuy rằng lâu năm chữ bia có nhòa, tôi đã cố ý lấy tay xoa vào từng nét, xoa đến thì đá mủn ra, tuy thế cũng còn xem được, có mất độ vài ba chục chữ trở lại thôi.

Tôi dịch bài văn bia ấy đại ý rằng :

« Đây là tháp đức Tuệ-dăng - hòa-thượng chính-giác chân nguyên thiên-
« sư 慧燈和尚正覺真源禪師,
« người họ Nguyễn 阮, tên là Nghiêm
« 嚴, chữ là Đình-Lân 廷麟, quê ở
« Thanh-hà Tiên-liệt, mẹ người họ
« Phạm, một hôm năm chiêm bao thấy
« ông cụ già cho một cái hoa sen, sực
« tỉnh dậy, từ đấy có mang, năm đinh-
« Hợi tháng 9 ngày 16 giờ mao thì sinh
« người, lúc lớn theo học cậu là ông
« Giám-sinh, người rất là thông-minh,
« hạ bút thành văn.

« Năm 19 tuổi người được nghe đọc
« quyển Thực-lục sự tích đức Trúc-lâm
« đệ-tam-tổ Huyền-Quang, người tỉnh-
« ngô được mà nói rằng : Đến như cổ-
« nhân ngày xưa, đọc ngang lưng-lẫy,
« mà còn chán sự công-danh, nữa mình
« là một anh học trò. Bèn phát-nguyện
« đi tu.

« Người lên chùa Hoa-yên 華烟 (là
« chốn tổ nơi An-tử), vào yết-kiến sư
« Tuệ nguyệt 慧月和尚.

« Sư Tuệ-nguyệt hỏi rằng : « Người
« ở đâu mà đến đây ? »

« Người thưa lại rằng : « Bản vô khứ
lai 本無去來 ».

« Sư Tuệ nguyệt biết sau người thành
« đạo, bèn thể-phát và đặt tên cho
« người là Tuệ thông 慧通, sau sư thầy
« tịch đi, người muốn lập đàn thụ giới,
« người đi tìm thiên-tông, sau đến
« núi Côn-cương 昆崗 vào chùa Vĩnh
« phúc 永福寺, cúi đầu làm lễ sư
« Minh-lương 明良和尚 (Vị này sau

(1) Xem ảnh số 2

« cưỡi hạc bay lên trời). Sư Minh-
« Lương nhìn và hỏi người rằng : « Nhà
« người muốn học đạo gì ? » Người
« ngồi nghiêm-nhiên không nói không
« rằng.

« Sư Minh-Lương đọc rằng : « *Như
như bất động* 如如不動, ấy là đạo
« Phật ». Bèn đổi tên lại cho người là
« Chân - nguyên 眞元. Lúc bấy giờ
« người thụ *ti-khâu cụ-giới* 比丘具戒.
« Đến năm sau người lập cái đài Diệu-
« pháp liên-hoa, thỉnh tam-tôn về chứng
« đàn, làm chay phóng-sinh thí-thực,
« người đốt hai ngón tay dằng cùng tam-
« tôn, người thành bồ-tát-giới 菩薩戒,
« phát 10 điều nguyện, lúc ấy là người
« đã đắc-đạo. Sau người thường xem
« sách *Hoàng-quyền* giữ lễ thanh-quỳ.

« Đến năm giáp-tí người làm cái đài
« Cửu-phẩm liên-hoa ở chùa Quỳnh-
« lâm 林瓊寺.

« Năm nhâm-thân người 46 tuổi, vua
« triệu vào Nội-cung ướm hỏi màu-
« nhiệm tu-hành của người. Ngụ-bút
« viết ba chữ « *Vô thượng công* 無上
« 工 » để khen, rồi ban áo và pháp-khí.

« Năm Nhâm-dần 76 tuổi, vua lại
« triệu vào lập đàn chay Nghiêm-phúc,
« rồi phong chức là Tăng-thống chính-
« giác hòa-thượng 僧統正覺和尚.

« Năm Lê Bảo-thái thứ 7, người đã
« 80 tuổi là năm bính-ngọ ngày 28 tháng
« 10 giờ dậu thì người tọa-hóa, đến
« hôm 30 dựng tháp hai nơi : một ngọn
« ở chùa Long-động (là đây) và một
« ngọn ở chùa Quỳnh-lâm.

« Năm Bảo-thái thứ tám, pháp-tử
« Sa-di Như-như 法子沙彌如如 kính
« thuật bài văn bia này. »

Bây giờ những khoa cúng nhà chùa
mà các sư vẫn theo đó là của người
soạn ra cả.

Mới hay cảnh cũng tùy người là thế.
*Hay là Phật chỉ riêng người trước ;
Đắc đạo bây giờ đã thấy ai ?*

8 giờ 25 phút ở chùa Lân ra đi, chỗ
này lại không phải trèo như trước,
nặng ráo dễ đi lắm, nhưng mà có một
điều lấy làm kỳ là lối đi làm sao cứ
trùng-trùng lòng mơ mà lại nhẵn-nhụi
như bảo, tôi hỏi ông cụ Hoàng Xuân-
Sơn rằng tại làm sao đường đi như
vậy, vì ông đã có đi qua một lần rồi.

Ông cụ nói : « Người ta hạ gô trong
rừng, rồi cho trâu kéo ra, mình cây gỗ
tròn kéo sát mãi vào lối đi, cho nên
lối đi trùng xuống và nhẵn. »

Tôi nghĩ ra lối đi trong rừng cứ trùng
như dây cũng tiện cho khi trời mưa
nhiều, dễ làm cái máng dẫn nước
xuống khe núi, nhờ được thế cho nên lối
đi tuy mưa ướt, nhưng mà không làm-lội,

Đường đi ở giữa, trên thì một thứ
cây hoa đào mới nở, bên cạnh thì dòng
nước khe róc-rách như đàn.

Từ chùa Lân ra đi, chốc đến chỗ này
qua hai ngọn suối, rồi đến một cái cầu
bắc hai cây gỗ con con, đi qua đây
phải cẩn-thận lắm, tuy rằng cầu không
có cái vịn, nhưng đã đề sẵn hai cây
tre dài, ai đi qua có ý cầm lấy hai cây
đó vịn mà đi, rồi ném lại trả đấy. Lại
đến hai ngọn suối nữa, cứ từ đây trở
vào cũng lắm đá kỳ.

Đi một lát nữa đến đây là suối thứ
6 (kể từ chùa Lân vào), cái suối này
vừa rộng vừa sạch, có chỗ ngồi nghỉ
chán, mở đồng-hồ xem đã 9 giờ 40 phút.

Thầy trò đổ gánh dây ngồi nghỉ ăn
thuốc uống nước, trông thấy dòng suối
mát-mẻ trong khe chảy ra, ai là người
chẳng vui con mắt, bèn rủ nhau rửa
mặt. Nhân cùng ngồi đây tôi đọc một
câu rằng :

*Ngồi đây rửa mặt cùng non nước.
Vừa đọc xong, ông Hoàng Xuân-Sơn
ứng-khẩu đối ngay rằng :
Đi nữa vui chân với cỏ hoa.*

Tôi lại nói đùa ông cụ Hoàng rằng :
« Cừ như câu này thì cụ còn đi An-tử
một vài lần nữa. » Ông cụ Hoàng mỉm-
mím cười rồi đi.

Đi 5 phút nữa lại qua một cái suối
rời đến con đường vào Mật-lộn.

La đi vào An-tử phải có ý, đến chỗ
này lối đi rẽ làm hai ngã, cứ tay trái
đi thẳng vào Giải-oan, quang sang bên
tay phải là lối vào chợ Yên-châu, ấy
là đường Mật-lộn. Tôi không vào đấy,
nhưng cứ tục-truyền rằng ai đi lầm
vào lối này không chết thì cũng không
ra được, vì lối vào đi thăm-thăm mà
giống ngược người lên, cho nên gọi là
Mật-lộn.

Lạ thay, hễ ai vào đây phi chết thì
ra không được, chắc từ xưa đến nay
cũng nhiều người vào, có vào thì mới
biết đường đi khuất-khúc như vậy. Nếu
vào mà ra không được, thì sao người
ngoài biết là « Mật-lộn »? Hay là « giang-
son còn đợi người quen ? »

Qua rồi đi lên đến một cái suối nữa
là cái suối thứ 9, chỗ này hai ngọn nước
dồ dồn lại, một ngọn trên An-tử xô
xuống, một ngọn trong rừng chảy ra,
thấy chú tiểu nói chuyện rằng đây mà
khi gặp con nước lớn (về tháng 6 tháng
7), thì chảy như thác, người qua lại
không được.

Qua chỗ này rồi thì lừ-lừ qua núi Voi-
xò, chạy đến chân ngay ngang trước mặt,
dưới chân núi có cái bãi. Tục truyền
đây ngày xưa vua Trần Anh-tôn vào
An-tử vấn-an đức Giác-hoàng, kiệu đi
đến đây thì đổ ; trèo lên cái giốc chỗ
này, lại đến một cái suối nữa, qua
bãi Đốt, tới quãng rừng rộng mênh-
mông mà hơi chênh-chéch có 30 giốc,
thông mọc rườm-rà, đây là Xếp-ngoài,
rồi lại đi đến cái suối kia, nước xanh
rì-rì như là một cái ao tù vậy, tục
gọi là suối Rêu.

Phất-phơ ngọn gió reo thông, rúc-
rắc bên ghềnh gỗ trúc, vừa ở Xếp-

ngoài, đi 5 phút đồng-hồ đến Xếp-
trong, mà đường đi vẫn còn trùng lòng
mo vậy.

Đứng ngảnh lại thử xem, thế nào
mà cô-nhân gọi là Xếp-ngoài và Xếp-
trong, thì ra trông xuống tựa-hồ như
hai cái thềm bằng-đất, vậy mà Xếp-
trong cao hơn Xếp-ngoài, tôi còn đang
mải nhìn, chú tiểu giục đi mau chân
lên, sắp đến Giải-oan rồi. Đường đi
đến đấy là hết trùng lòng mo.

Tôi có ngâm bốn câu rằng :

*Róc-rách bên tai dòng nước bạc,
Phất-phơ trước mặt dặng hoa đào.
Giải-oan hỏi cách bao xa nữa ?
Cứ hết lòng mo thẳng Xếp vào.*

Đến suối Giải-oan đã 10 giờ 25, cái
suối này nhiều hòn đá lớn mà nước
thì đỏ, vì suối cạnh rừng lim cho nên
nước suối này với suối Rêu trên kia
không ai uống, cũng một dòng nước
nhưng mà chảy ra quá ngoài này đã
loãng bớt đi rồi, duy chỉ có suối trước
cửa chùa Cầm-thực trông xuống vừa
trong lại vừa ngọt.

Ngày xưa đức Giác-hoàng nhường
ngôi cho vua Trần Anh-tôn để vào An-
tử, vua Anh-tôn cố giữ ngài ở lại cũng
không được, sau vua bắt các cung-lần
mỹ-nữ đi theo mà khuyên ngài về,

Đến nơi, cũng không thể sao mà
nói đổi được chí ngài, các cung-nhân
dàng nào cũng khó nghĩ, về thì sợ trái
lệnh vua, đành liều dám đầu xuống cả
cái suối này mà thác. Vì thế đức Giác-
hoàng lập ngọn chùa đây để làm
chay siêu-dộ cho cung-nhân, bởi thế
nên gọi là suối giải-oan.

Tôi thấy phụ-thân tôi kể lại như
vậy, nghĩ mà cảm-dộng trong lòng,
nên tôi lội qua suối có đọc hai câu rằng:

*Giải hết tâm lòng ngay với chúa,
Oan theo dòng nước sạch cùng vua.*

Ngọn suối này đẹp lắm, cây dùm
mặt nước, đá lát lòng khe, tướng Võ-
lăng Đào-nguyên cũng vậy.

Tục truyền rằng vì các vị cung-nhân ngày xưa đâm đầu xuống đáy cho nên riêng suối nước này đó, tôi chắc là một sự tin lầm vậy.

Dưới suối bước lên, trèo qua một dãy bậc đá cao cao mãi đến cửa chùa, từ đây là chân quả núi An-tử.

Chùa cũng làm bằng gỗ, chữ gọi là gì tôi không có ý xem và quên không kịp hỏi, nhưng vẫn gọi là chùa Giải oan 解冤寺, vất-vẻo sườnnon, là-là mặt đất, phong-cảnh đây trông cũng khác thường.

Sư ông trạc độ 40, vì tôi mới đến một lát lễ bái xong rồi đi, chưa hiểu được nhiệm-màu của người, phụ-thân tôi có hỏi chuyện sư ông rằng: « Nghe nói đây có thứ đá màu thì ở chỗ nào? »

Sư ông nói: — Ấy ở dưới suối, thỉnh-thoảng nhặt được rậm ba hòn.

— Vậy người cố bằng lòng cho, để chúng tôi ra kiếm.

— Xin vâng, giá mà ngài có muốn lấy cả quả núi An-tử này tôi cũng không dám tiếc.

Xem lời-lẽ ra người hào-phóng lắm, mà tôi trôngmàu da sư ông nhòn-nhọt, trước vẫn tưởng nhà chùa trai-giới khô-hạnh, sau người nói chuyện người có bệnh sản đã lâu năm.

Phụ-thân tôi có hỏi sao sư ông không tìm thuốc mà uống cho khỏi đi, người tu hành đề mãi thế sao nên.

Sư ông lại trả lời rằng: — Thừa thuốc tây thuốc ta tôi uống cũng đủ cả mà chưa khỏi hẳn, ấy cũng là cái nghiệp-chương bao giờ hết nợ nó thì khỏi.

Nghe lời nói cũng hồn-nhiên lắm.

(Còn nữa)

Kiểm-hồ NGUYỄN THẾ-HỮU

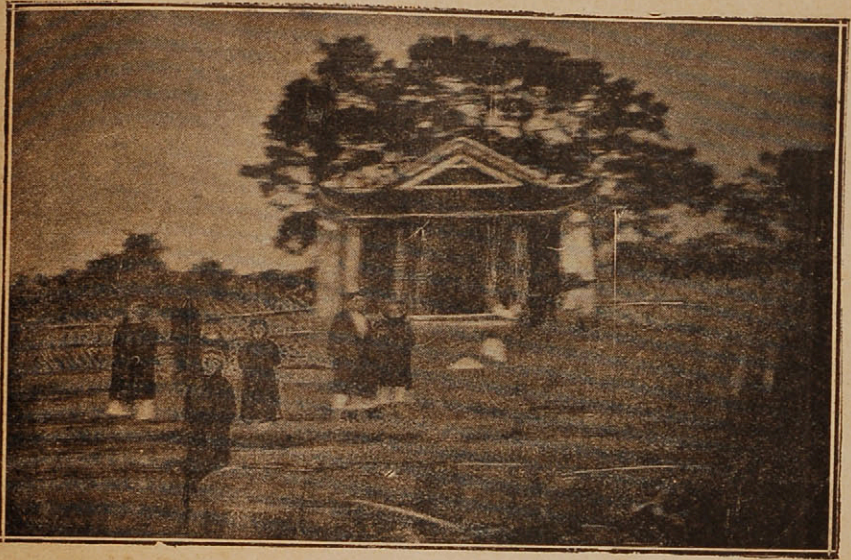
TÌNH-HÌNH CHÍNH-TRỊ Ở ẤN-ĐỘ (1)

Mấy tháng gần đây, ở Ấn-độ cũng không xảy ra sự rối-loạn gì to; nhưng mà Chính-phủ với đảng Quốc-gia vẫn hằng xung-đột nhau. Đảng Quốc-gia vẫn quyết ý không muốn hợp-tác với Chính-phủ. Lại nhân trong hội-đồng ủy-viên LEE điều-tra về việc Ấn-độ có một phần thiểu-số xin sát-hạch lại hiến-pháp, đảng Quốc-gia bèn cũng thừa-cơ yêu-cầu như thế, không đợi đến năm 1929 là cái kỳ-hạn Chính-phủ đã định.

Đại-khái tình-hình chính-trị ở Ấn-độ gần đây như sau này.

Việc quan-hệ nhất là việc đòi quan tổng-đốc. Tổng-đốc cũ là LORD READING đến tháng tư mới hết hạn; thế mà Tổng-đốc mới đến thay đã cử tự sáu tháng trước, ấy cũng là một sự lạ. Tổng-đốc mới là WOOD, là con cả kế-nghiệp của LORD HALIFAX. Ngày khai kỳ hội-đồng mùa thu của Hội-nghị Lập-pháp, LORD READING có đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng, tóm-tắt cái mục-dích mình đã theo đuổi mấy năm nay và ý-kiến riêng về tiền-đồ Ấn-độ thế nào. Nói rằng: « Tôi sang Ấn-độ để giúp sắp-đặt hiến-pháp mới, và giúp cho xứ này tiến-bộ

(1) Lược-dịch mấy bài trong nhật báo *Le Courrier d'Haiphong* (tháng giêng đến tháng năm năm 1926.)



Chùa Bi Thượng



Lối vào chùa Lân (Long-dộng tự)



Suối Giải-oan (ngọn chùa cao ở đằng sau là chùa Giải-oan)



Tháp Tổ, sau lưng là chùa Hòa-yên,
ngọn chùa trắng đây là chùa Bảo-đài

theo cái đường lối đã định trong lời tuyên-ngôn ngày tháng 8 năm 1917.»

Trong bốn chính - khách Ấn-độ có người cho rằng đối với nước Anh, cứ yêu-cầu không, không bao giờ được, phải dùng cách bạo-động và cách thị-uy mới được. Tổng-đốc nói người Ấn-độ tưởng như thế là lầm to, quốc-dân Anh vẫn có cảm-tình với lòng nguyện-vọng của dân Ấn-độ, và chỉ ước-ao cho có ngày Ấn-độ tự-trị được mà thôi; song muốn tự-trị được thì phải tỏ ra có tư-cách tự-trị mới được. Hiện nay thời giữa là cái cơ-hội tốt cho Chính-phủ Anh và người Ấn-độ có thể hiệp - lực cộng-tác với nhau. Về trước kia có hai điều ngăn - trở, khiến cho hai bên không dễ-huê với nhau được, nay tự khi Hội-đồng ủy-viên LEE đã điều - tra về việc tài-chính xong, thì hai điều đó giải-quyết êm cả rồi. Một điều là thuộc về tài-chính: tình-hình tài-chính ở Ấn-độ, sau khi chiến-tranh đã qua một hồi khó-khăn, mấy năm sau đây thời đã thấy khá dần, đến năm nay thì đã có thể giảm cái số tiền cung-cấp của các hàng tỉnh để kinh - phí về việc Chính-phủ trung - ương; như vậy thì những tiền thừa ra ở các tỉnh từ giờ có thể đem ra chi tiêu về các việc cải-lương xã-hội và chấn-chỉnh công-nghệ trong các tỉnh. Điều thứ hai là về quyền bổ-dụng quan-lại: các quốc-vụ trưởng Ấn-độ trước vẫn phân-nàn rằng bao nhiêu quan-lại các ngạch đều do quan Thượng-thư bên Anh bổ-dụng cả, tự mình không có quyền kén chọn, định số-ngạch, định lương-bổng; từ nay thì không thế nữa; các quốc-vụ - trưởng được quyền bổ-dụng cả các quan-lại ở dưới quyền mình, thuộc về các ngạch học-chính, nông-chính, thú-y, công-chính và lâm-chính (ở Bombay và ở Diến-điện).

Tổng-đốc lại nói rằng phạm ai kế-hoạch gì có thể giúp cho người Ấn-độ

để cho mau đến ngày tự-trị được, tổng-đốc không hề lấy lòng thiên mà phản-đối bao giờ, nhưng mà những kế-hoạch như thế phải trừ-tính ngẫm-nghi cho kỹ, chớ nên vội - vàng khinh-suất mà để cho nguy-hiêm đến tiền-đồ nước nhà; như nói riêng về việc quân-phòng, thì hiện nay các chân tướng-tá không thể nhất-dán lấy người Ấn-độ thay cả vào người Anh được, vì nước Anh vẫn có cái trách-nhiệm phải giữ cho việc trị-an ở trong và ở ngoài. Vậy người Ấn-độ hãy nên cứ kiên-nhẫn và vui lòng hiệp-tác với Chính-phủ.

Ngày 15 tháng 12, Tổng-đốc lại diễn-thuyết ở kỳ tiệc đồng-niên của hội Ái-hữu người Âu-châu ở *Calcutta*, cũng nói ộn-tồn như thế. Đại-khai nói rằng muốn cho việc cải-cách hiến - pháp thành-công thì cần phải hai điều: một là có lòng hiệp-tác với nhau, hai là có chí làm cho nên việc.

Nay cái chính-sách của tổng-đốc mới thế nào, hiện chưa biết rõ được. Nhưng mà có một điều thiên-hạ cũng lấy làm chú-ý, là hai người cùng sung một cái chức trọng-yếu như thế, mà tính-cách trái nhau hẳn. LORD READING là người xuất-thân hàn-vi, tự tay mình làm nên; còn ông Wood thì là thuộc về một nhà danh - gia thế-phiệt, đời đời làm quan to, tựa-hồ như lớn lên đã có địa-vị sẵn rồi; một người thì kinh-lịch đã nhiều, nổi chìm cũng lắm, thật là cảnh buồm trong bể hoạn; một người thì cứ tuần-tự nổi gót ông cha, giữ lấy nghiệp nhà mà làm nên hiển-đạt; một người thì theo đạo Do-thái, tuyệt-nhiên không liên-lạc gì với xã-hội tôn-giáo cũ của nước Anh; một người thì chính là người sinh-trưởng đầm-thấm ở trong cái xã-hội tôn-giáo cũ ấy. Những chính-hữu của ông Wood thì xem ra có bụng mền phục ông lắm, còn công-chúng thì không mấy người biết đến ông, ông đối với công-chúng

khác nào như một tờ giấy còn trắng vậy. Nhưng tô-phụ ông năm xưa cũng có hồi đã tham-dự đến việc Ấn độ, cho nên ngay trong nhà ông cũng đã có cái kinh-lịch về việc Ấn-độ rồi.

LORD BIRKENHEAD là thượng-thư coi riêng về việc Ấn-độ, ngày tháng 7 năm ngoái có diễn-thuyết ở Thượng-nghị-Viện nói về việc Ấn-độ. Bài diễn-thuyết ấy thiên-hạ lấy làm ngóng trông lắm, nhất là ở Ấn-độ. Nhưng nghe chừng ngóng trông bao nhiêu thì lại thất-vọng bấy nhiêu ; vì ông Thượng-thư nói vẫn lưỡng-lự, không cả quyết điều gì, không công-nhiên phản-đối cái lối võ-lực đàn-áp (*La dyarchie*) ; tuy cũng chịu nhận cho sát-hạch lại hiến-pháp mới trước năm 1929, khuyên phái ôn-hòa nên thảo một cái dự-án hiến-pháp mới, thế cũng đủ biết là cho cái hiến-pháp hiện-hành hãy còn khuyết-diểm, nhưng có sao biết vậy, mà lại không tự chủ-trưng cải-cách ? Có một nhà làm báo nọ ở nước Anh đã nói rằng : « Nếu chính-phủ Anh chiêu-tập một đại-hội-nghị lập-hiến gồm các đại-biêu của cả toàn-thể Ấn-độ, thì tất là được cả dân Ấn-độ một lòng cảm-phục ; và có một hội-nghị như thế thì mới có nơi căn-cứ mà nghị-luận chó dich-đáng được. » — Lời bàn đó phải lắm và chính-phủ Anh sớm trưa rồi cũng phải làm như thế, vì nếu không thì những kẻ không có ủy-nhiệm gì, không có tư-cách gì, hằng ngày cứ đem đến trình bày những dự-án cải-cách, biết bao nhiêu mà kẻ, và thế nào xét cho khắp được.

Ở Hạ nghị-viện nước Anh năm ngoái cũng thảo-luận về việc Ấn-độ. Xem các phái cãi-cọ nhau thì rõ ra có hai phái tuyệt-dịch phản-đối. Một phái lãnh-tụ là đại-tá WEDGWOOD và SIR ALFRED MOND, một người kịch-liệt, một người ôn-hòa, thời cho rằng phải có trách-

nhiệm về chính-trị nhiên-hậu mới giáo-dục về chính-trị được, và đối với Ấn-độ nên cho họ tự-trị còn hơn là giữ mà cai-trị lấy. Một phái thời cho rằng trước khi cho quyền bầu-cử thì phải dạy những người sẽ được thi-hành cái quyền ấy cho biết nghĩa-vụ của mình thế nào. Hiện nay ở Ấn-độ, trong một trăm người có quyền đi bầu, chỉ được từ 25 đến 35 người chịu khó đi bỏ về mà thôi ; lại trước hết hằng nên chăm việc mở-mang kinh-tế cho bản-xứ đã. Nay nếu bãi được cái thuế đánh các đồ vải bản-xứ, điều-đinh được các nhà máy sợi và dệt vải ở Anh và ở Ấn-độ, thời còn ích-lợi cho dân Ấn-độ nhiều hơn là các sự cải-cách về chính-trị cho được rộng quyền mà chưa biết lợi-dụng. SIR FRANK NELSON nói rằng : « Ở một xứ chưa có dư-luận chính-dáng mà thi-hành cái chính-sách dân-chủ, thì không thể sao được, không có đường tắt nào mà đi mau được như thế. »

Theo như ông FISHER là người chủ-trị cái hiến-pháp năm 1919, thì hiến-pháp này thi-hành chưa được bao lâu, không thể phán-đoán là hay hay dở được, và nay nếu chiêu lòng người bản-xứ mà cho được quyền giám-đốc cả ngạch quan cai-trị Anh ở Ấn-độ (*Indian civil service*), thì thật là một sự quan-hệ quá.

Theo ý-kiến nhiều nhà chính-trị khác nữa thì cái vấn-đề lập-hiến ở Ấn-độ cũng khó-khẩn như vấn-đề bọn công-nhân không có việc làm ở nước Anh, không thể nhất-đán giải-quyết ngay được. Về đường kinh-tế thì phải đợi cho hội-dồng điều-tra xong thì mới có thể định cái chương-trình về nông-chính như thế nào ; hiện nay có hai cái dự-án dẫn-thủy nhập-diễn, phổ-cập được hơn ba triệu mẫu tây, mà kinh-tính ra tới 25 triệu *sterlings*.

Hỏa-xa-cục cũng đã chinh-dồn lại rồi; từ năm 1921 đã làm thêm đường sắt được 1.100 anh-lý, hiện nay còn đương làm 2.500 anh-lý nữa. Theo như cái dự-án của hai ông MONTAGU và CHELMSFORD, định cho người Ấn-độ vào thay dần các chân quan-lại Anh ở các sở, Chính-phủ cũng phải chịu như thế, và đã thừa-nhận lời kết-luận của hội-đồng ủy-yên LEE cho người bản-xứ được sung vào một nửa các quan-chức các ngạch. Còn như quan-chế về ngạch cai-trị Anh ở Ấn-độ, thì sẽ trình Nghị-viện duyệt-y sau. Từ nay trở đi thì Hội-nghị Lập-pháp được quyền định lương-bổng cả các ngạch quan-lại người Anh và người Ấn-độ, chỉ trừ những bậc đại-hiến bổ-dụng trước ngày mồng một tháng tư năm 1924 thì không kể mà thôi. Đó cũng là một điều đặc-thắng của đảng Quốc-gia.

Ông nguyên thủ-tướng MAC DONALD thì nói rằng chính-phủ Anh phải hết sức tìm đường mà hòa-hiệp cộng-tác với người Ấn-độ; và Đông-phương ngày nay dần dần đã bắt chước những tư-tưởng và cách làm ăn của Tây-phương, ở Ấn-độ đảng công-nhân cũng đã mỗi ngày một nhiều, phải nên cho bọn đó được rộng quyền tham-dự vào các hội-nghị chính-trị. Ông kết-luận nói rằng phải nên khoan-dung rộng-rãi; nhưng mà đảng bất-cộng-tác ở Ấn-độ thật là làm ngăn-trở sự tiến-bộ trong nước; bọn đó mà dùng cách bạo-động, thì chính-phủ Anh nào cũng không thể dung được.

Đảng lao-động của nước Anh cũng thường ân-cần bàn-bạc đến việc Ấn-độ. Mới rồi hai ông nghị-viên SINHENAY SLESSER và ARTHUR HENDERSON có một cái dự-án cải-cách chính-trị ở Ấn-độ, đại-khái như sau này :

Hội-nghị coi về Ấn-độ sẽ bãi bỏ; quan Thượng-thư coi việc Ấn-độ thì đổi với Ấn-độ cũng như quan Thượng-thư coi các thuộc-địa tự-trị khác; quan Tổng-dốc Ấn-độ và các quan Đốc-phủ hàng tỉnh sẽ đặt một tòa Nội-các để giúp việc, tòa Nội-các thì có liên-dái-trách-nhiệm đối với một Hội-nghị lập-pháp, nghị-viên toàn là người dân bầu-cử ra cả. Toàn-thể Ấn-độ sẽ làm một cuộc liên-bang các hàng tỉnh tự-trị; Chính-phủ trung-ương thì sẽ có một Nguyên-lão-viện. Sở dự-toán của chính-phủ Trung-ương và chính-phủ các hàng tỉnh do các hội-nghị lập-pháp quyết-định, chỉ trừ mấy khoản kinh-phí về quân-phòng là do một hội-đồng cử ra một kỳ-hạn 5 năm quyết-định. Lại đặt ra một hội-đồng nữa để định cách-thức bổ-dụng các quan-lại, trừ những quan-lại đã bổ-trước khi lập ra đoàn-thể tự-trị mới (*commonwealth*) thì quyền-lợi vẫn cứ giữ như cũ. Lại sẽ đặt ra một viện cao-đẳng-tư-pháp.

Xem như thế thì ngay ở nước Anh các đảng tự-do cũng thường săn-sóc đến việc Ấn-độ nhiều lắm.

Đảng tự-trị (*swarajistes*) ở Ấn-độ thì kỳ tuyên-cử hội-nghị lập-pháp ngày tháng 8 năm ngoài đã được đặc-thắng; một tay lãnh-tự đảng ấy là ông PATEL được 58 vé bầu làm nghị-trưởng đối với 56 vé bầu cho lãnh-tự đảng phản-đối là ông RANGACHARIAR. Nhưng mà đảng tự-trị này cũng như các chính-đảng khác, hễ gặp sự khó-khẩn thì tất sinh ra phân-lia ngay. Mùa đông mới rồi, trong đảng biệt-lập ra một phe gọi là phe « độc-lập », ông JINNAH đứng đầu, thế là đảng bắt đầu phân-lia và yếu sức đi từ đấy. Ở Hội-nghị lập-pháp xứ *Bengale* cũng thấy nhóm lên cái phong-trào phân-lia như thế, lại có hai tay yếu-nhân, trong đảng đã công-nhiên đoạn-tuyệt quan-hệ với đảng tự-trị, cho

rằng đảng ấy hành-động trái với chủ-nghĩa dân-chủ bình-đẳng. Một người là bác-sĩ SIHRAWARDY là thứ-trưởng trong chi đảng xứ *Bengale* thì nói rằng : « Người ta bắt tôi theo một cái chủ-nghĩa tự-trị mà tự tôi không thể phục-tòng. Tôi cũng biết rằng tôi từ chức chuyển này là hại đến cái sự-nghiệp chính-trị của tôi ; nhưng tôi thiết-tưởng tha tự hi-sinh bây giờ còn hơn là chịu một cái áp-chế mới ». — Một người tên là SHAH SYED EMDAD-UL-HAQ là nghị-viên ở Hội-nghị lập - pháp *Bengale*, lại nói cả quyết hơn nữa : « Tôi xét ra đảng tự - trị ngày nay chỉ chủ - ý bênh-vực cho quyền-lợi riêng của bọn điền-chủ lớn đối với những kẻ tá-điền nhỏ. Trong đảng đã theo một cái chủ-nghĩa thoai-bộ như thế, thì cứ thành-thực tôi không thể phục-tòng được nữa. »

Trong đảng tự-trị lại còn một cái hiểm-tượng nữa : là phái đạo Ấn-độ và phái đạo Hồi-hồi càng ngày càng cứ xung-đột nhau mãi. Phái Hồi-hồi thời đương hiệp-lực nhau lại để lập ra một cái Hồi-giáo-đại-liên-đảng mà bênh-vực cho quyền-lợi của các giáo-dân khắp trong thiên-hạ. Đảng tự-trị đã bị yếu sức đi như thế, nên bất-đắc-dĩ cũng phải giữ một cái thái-độ ôn-hòa, không dám hành-động thẳng tay như trước nữa.

Người Ấn-độ trách oán Chính - phủ Anh những điều gì ?

Trong tạp-chí nước Mỹ *Century*, ông EDWARD ALSWORTH ROSS có một bài luận-thuyết về cách chính-trị của người Anh ở Ấn-độ ; nhân ông có đi khảo-sát ở Ấn-độ mà nghe được nhiều người Ấn - độ oán trách chính-phủ Anh, ông nói rằng : « Các nhà chính-trị Anh đã có lắm dịp phò bày cái sự-nghiệp của mình ở Ấn-độ. Nay ta thử nên xét xem

cái phong-trào quốc-gia chủ-nghĩa của Ấn-độ sở - dĩ làm sao mà nổi lên, và phái quốc-gia ở Ấn-độ oán trách chính-phủ Anh những điều gì. »

Theo như lời ông Ross thì phái quốc-gia Ấn-độ trách chính-phủ Anh điều thứ nhất là người Anh cai-trị Ấn-độ đã một trăm năm nay mà dân Ấn-độ trên mười tuổi, mười người không được một người biết chữ ; ông cho lời trách-oán đó là chánh-đáng lắm, vì tỏ ra cái dã-tâm của người Anh muốn để cho người Ấn-độ cứ làm nô-lệ đời đời, không thực bụng khai-hóa cho có ngày đủ tư-cách tự-trị được. Song cũng phải biết rằng dân Ấn-độ không phải là một dân-tộc thuần-nhất, trong nước có đến bao nhiêu giống người, bao nhiêu đạo-giáo, bao nhiêu giai - cấp khác nhau, mà tiếng nói thì đến một trăm bốn mươi bảy thứ tiếng khác nhau, như thế mà muốn dạy học cho khắp thì thế sao cho mau được.

Người Ấn-độ lại oán trách chính-phủ Anh về việc quân-bị, nói rằng cái chính-sách quân-bị của Anh tỏ ra có ý nghi-kỵ người Ấn-độ nhiều quá. Hiện nay ở Ấn-độ có sáu vạn một nghìn quân người da trắng, kinh-phi mỗi năm nặng cho công-khố nhiều lắm. Lại các quân-quan người Anh và người Ấn - độ đãi không được bằng-đẳng như nhau, người Anh thì được bằng-sắc tự Anh-hoàng cho, người Ấn-độ thì chỉ do quan Tổng-đốc cấp bằng mà thôi. Có ít nhiều người quân-quan Ấn-độ cũng được sắc-lệnh của nhà vua, nhưng phải học qua trường Võ-bị *Sandhurst* ở bên Anh mới được ; nhân thế đảng quốc-gia ở Ấn-độ yêu-cầu cho lập một trường võ-bị ở ngay Ấn-độ.

Về đường kinh-tế, người Ấn-độ không bằng lòng Chính-phủ Anh,

Đại-khai nói rằng : « Cái thương-chính của Nghị-viện và của chính-phủ Anh là chỉ chủ có một mục-đích, là giúp cho các công-nghệ của người Anh mà đề hại cho công-nghệ của Ấn-độ. Trước kia bao nhiêu đồ hàng Anh vào Ấn-độ không phải nộp thuế thương-chính, mà đồ hàng Ấn-độ đem sang Anh thì phải đánh thuế nặng. Những vật-liệu mua ở Ấn-độ để cung-cấp cho các công-nghệ bên nước Anh, khi xuất-cảng chính-phủ Ấn-độ không được quyền đánh thuế. » Những cách-thức ấy về sau cũng có thay đổi đi ít nhiều, nhưng mà vẫn chưa được mãn-nguyện cho người Ấn-độ, thường phàn-nàn rằng về đường kinh-tế bị ngăn-trở và thiệt-thòi nhiều lắm. Lại còn một nỗi thiệt to như sau này nữa : « Số trữ-kim bằng tiền vàng của Ấn-độ và nhiều các trọng-khoản khác nữa, hiện giữ cả ở bên Anh và cho các nhà buôn Anh vay ; tiền ấy sao không để ở Ấn-độ mà cho người Ấn-độ vay ? » Hiện nay ở Ấn-độ chưa có ngân-hàng của nhà nước, cũng chưa có ngân-hàng về thực-nghiệp.

Ông Ross lại nói rằng : « Hiện ở Ấn-độ thường gây ra lắm cuộc thảo-luận rất kịch-liệt về cái vấn-đề rằng dân Ấn-độ từ khi bị người Anh cai-trị có được sung-sướng hơn trước chút nào không. Phái quốc-gia Ấn-độ thì quyết rằng dân Ấn-độ ngày nay càng ngày càng nghèo-khổ, mà thuế-má lại càng ngày càng nặng thêm. Nhưng mà phái ấy không biết rằng dân Ấn-độ trong 40 năm nay tăng thêm lên một phần năm, thành ra người Ấn-độ bấy lâu hiệp-lực cộng-tác với người Anh được lợi ra bao nhiêu phần nhiều là để cày vào nuôi cái số dân thêm ra đó. Mất số đó đến 50 triệu người, trách nhiệm người Ấn-độ ngày nay cá-h sinh hoạt

vẫn không được dư-dụ hơn xưa. Người Ấn-độ để thêm ra nhiều quá như thế, khiến cho cái tình-cảnh dân-gian vẫn không khỏi khốn-khó, thì điều đó không thể đổ lỗi cả cho chính-phủ Anh được. »

Ông Ross kết-luận nói rằng : « Tôi nói chuyện với nhiều các tay trong đảng quốc-gia Ấn-độ, tôi thấy họ căm-tức chính-phủ Anh một cách quá-đáng, tôi đủ biết rằng người Anh không có đầu thậm-tệ đến như thế. Thực ra thì những lời oán-trách ấy, nguyên-nhân là ở xa-xôi kia, chứ không phải thuần ở cách chính-trị của người Anh. Nguyên-nhân ấy là ở những cái tư-tưởng bình-đẳng, tự-do, dân-chủ, thứ nhất là cái tư-tưởng về quyền dân-tộc tự-quyết, truyền-bá ra tự khi chiến-tranh đến giờ, tiếm-nhiêm vào những người bản-dân các thuộc-địa, khiến cho nóng lòng sôi ruột muốn đứng lên phản-đối các nước cầm quyền, mơ-màng tưởng rằng có sức thoát-li mà tự-trị được. »

*
* *

Cái chân-tượng của chủ-nghĩa quốc-gia Ấn-độ thế nào ?

Năm 1924 ở bên Anh có xuất-bản một quyển sách đề là « Cái thuộc-địa sắp mất » (*The lost dominion*) ký tên là CARTHYL, thiên-hạ lấy làm nghị-luận lắm, có người cho tác-giả chính là LORD CURZON. Trong sách ấy nói về sự hành-động của đảng quốc-gia Ấn-độ, có một đoạn tả cái tâm-lý của bọn đó như sau này : « Tôi không theo tôn-giáo nào, bác theo đạo Hồi-hồi, bác Mồ-tin ở quê-thân, nhưng trong bọn chúng ta không ai theo đạo Cơ-đốc. Tôi theo tục-súc-thê, được lấy nhiều vợ, bác Mồ theo chủ-nghĩa đại-đồng cũng không hạn chế số thê-thiếp ; mà trong bọn chúng ta không ai là theo cái tục

lấy một vợ. Tôi đội cái mũ con trên chỏm đầu, bác thì cuốn khăn, bác Mỗ thì đầu trần ; nhưng trong bọn chúng ta không ai là đội mũ theo lối tây cả. Giá tôi bị bác cai-trị tôi thì tha tôi muốn chết còn hơn ; giá bác bị tôi cai-trị bác, thì bác cũng muốn chết còn hơn, mà bác Mỗ giá bị hai chúng ta cai-trị thì tha muốn chết đi còn hơn ; nhưng mà cả ba chúng ta nào đã có ai được dự quyền cai-trị đâu. Như vậy thời sao chúng ta không hăng hiệp-lực nhau lại để mà chống với kẻ theo đạo Cơ-dốc, theo tục một vợ, trên đầu đội mũ và đến chiếm quyền ta kia, còn những sự phân-tranh riêng của chúng ta rồi sẽ giải-quyết về sau ? »

Mấy câu đó, tuy là lời giả-thiết, có giọng khôi-hài, nhưng cũng bày tỏ được cái chân-tướng của chủ-nghĩa quốc-gia Ấn-độ. Người Ấn-độ hiện nay chủng-tộc giai-cấp khác nhau, thực không cảm-tình gì với nhau, nhưng chỉ bị một lòng căm ; hết người Anh, cho nên mới tạm-thời hiệp-lực để mưu thoát-li cho được quyền cai-trị của nước Anh ; nhưng sau khi đuổi được người Anh đi rồi thời phân-lia xung-đột nhau đến thế nào cũng không thể biết được.

Ông EDWARD ALSWARTH ROSS, trong bài tạp-chí ta đã nói trên kia, kết-luận về cuộc điều-tra chính-trị ở Ấn-độ có xét về cái vấn-đề rằng Ấn-độ ngày nay đã có tinh-cách quốc-gia đủ cho có thể hi-vọng tự-trị được không. Ông nói rằng : « Phần nhiều người Ấn-độ ngày nay không tự coi mình là người Ấn-độ, mà là người *Mahrattes*, người *Bengalis*, người *Punjabis*, người *Rajputs*, v. v. . . Cái chủ-nghĩa ái-quốc ở Ấn-độ ngày nay là mới gầy nên gần đây mà thôi, trong dân-gian năm người chưa được một người là thật có cái lòng như thế. Hiện nay hết thấy đồng-tâm là chỉ chủ-phả đồ cho được cái quyền chính-trị của ngoại-quốc, nhưng làm xong được

việc ấy rồi thì sự xung-đột hiện nay còn ngấm-ngấm, bấy giờ sẽ xuất-lộ ra mà làm nguy-hiểm cho cuộc hòa-bình trong xã-hội. »

Ấn-độ ngày nay, về đường tôn-giáo chia ra làm hai phái lớn, phái Hồi-giáo và phái Ấn-độ-giáo, hai phái xưa nay vẫn ác-cảm với nhau. Phái Hồi-giáo thì không bao giờ quên được xưa kia chủ-quyền đất Ấn-độ là ở trong tay mình ; hiện nay Hồi-dân đông nhất là tron hai tỉnh *P. njab* và *Bengale*. Ông Ross nói rằng nếu sau này mà thành một quốc-gia Ấn-độ và để cho dân hai tỉnh ấy được tự quyền kén chọn, thì có lẽ không muốn liên-hiệp với các tỉnh kia cũng có.

Còn phái Ấn-độ-giáo thì theo cái chế-độ giai-cấp, thật là trái hẳn với cái chủ-nghĩa ái-quốc. Hiện nay trong phái ấy có đến 77 cấp khác nhau, mỗi một cấp ít ra là 60 vạn người. Còn những cấp nhỏ như những đoàn-thề mấy họ họp nhau lại có thể giá-thứ lẫn với nhau và ăn uống cùng nhau được, thì có hàng nghìn hàng vạn, biết đâu mà kể.

Ông Ross nói rằng : « Giai-cấp ở Ấn-độ là định sự sinh-hoạt của người ta về tôn-giáo, về xã-hội, về kinh-tế, về gia-đình, từ lúc lọt lòng ra cho đến lúc chết. . . Cái chế-độ giai-cấp còn lâu nữa sẽ làm một cái trở-lực rất mạnh khiến cho quốc-gia Ấn-độ khó lòng thành-lập hoàn-toàn được.

« Một nước nhân-dân hỗn-tạp như thế thời thế nào mà hiệp-lực nhau cộng-tác về đường chính-trị được, thế-tất đến xâu-xé lẫn nhau, rồi có một kẻ nào gian-hùng kiệt hiệt ra tay chuyên-chế, theo như cái lẽ-lối cũ của Đơng-phương xưa nay. »

Ông Ross lại nói rằng : « Tôi so cái hiện-tình ở nước Tàu từ khi bãi ni-văn-lưu, đặt Dân-quốc mới cho đến với cái lòng hi-vọng của các

tay lãnh-tự cách-mệnh Tàu thường nói chuyện riêng với tôi hồi năm 1910, thì tôi tự hỏi không biết cái phong-trào vận-độ g tự-trị ở Ấn-độ nếu kết-quả được thì có đến cái nông-nổi chán-ngán như ở nước Tàu ngày nay không. »

Rồi ông kết-luận rằng : « Tự khi nước Anh cai-trị Ấn-độ đến giờ thì trong xứ được bình-yên, không có những sự loạn-lạc như trước nữa, nhờ đó mà ít ra cũng được 100 triệu người không phải cái cảnh khổ trâu-bò húc nhau ruidi muỗi chết. Một nước đã phải cái hoạn dân-mãn thì không nên thêm cái nguy-hiểm cạnh-tranh về chính-trị, cũng như chiếc tàu chở nhiều người ặng quá không nên ra bể giữa lúc phong-ba vậy. »

Một nhà trước-tác người Pháp, ông MAURICE MURET có làm một quyển sách đề là « Cái cảnh suy của các nước da trắng » (*Le crépuscule des nations blanches*), cũng bàn về việc Ấn-độ, có câu nói rằng : « Ấn-độ là một cõi đất mệnh-mông, một minh rộng bằng cả đất Âu-châu, trừ nước Nga. Cõi Ấn-độ thật là không có cái tinh-cách nhất-trị một chút nào, khí-hậu cũng khác nhau nhiều lắm. Tiếng nói đến ba trăm thứ, mà tôn-giáo thì có chín đạo khác nhau, hai đạo lớn nhất là Ấn-độ-giáo và Hồi-giáo. Trong Ấn-độ-giáo lại chia ra đến ít là 1800 đại-cấp tiểu-cấp khác nhau, mà cấp nọ đối với cấp kia thật là không có cảm-tình gì với nhau cả. Như vậy thì không thể có quốc-gia Ấn-độ được cũng tức như không thể có quốc-gia Âu-châu vậy. »

Cứ như những lời bàn ở trên thì chủ-nghĩa quốc-gia ở Ấn-độ ngày nay có lẽ chỉ là một cái phong-trào tạm thời bài-ngoại mà thôi, chứ không có nguyên-nhân sâu-xa trong dân-tộc này.

Tôn-giáo và chính-trị ở Ấn-độ ngày nay.

Trong mấy bài đăng ở tạp-chí *Asia* nước Mỹ, ông W. NORMAN BROWN có nghiên-cứu về sự quan-hệ của tôn-giáo với chính-trị ở Ấn-độ thế nào.

Theo như lời ông nói thì mọi sự cách-mệnh và mọi sự phiến-loạn ở Ấn-độ, phần nhiều là nguyên-nhân ở tôn-giáo cả. Dân Ấn-độ xưa nay đã qua bao nhiêu hồi thay đổi chính-trị, phải chịu đựng bao nhiêu nỗi khó-nhọc khổ-sở, vẫn nhẫn-nhục chịu được, không hề nổi lên làm loạn, nhưng hễ khi nào động đến tôn-giáo thì dễ dấy loạn lắm, xưa vẫn thế mà nay cũng thế. Như loạn *Cipayes* năm 1857 chỉ bởi có một cơ như sau này : là quân-quan Anh ra lệnh cho lính Ấn-độ phải dùng những đạn « cát-tút » có bôi bằng mỡ bò, theo đạo Ấn-độ là một chất uế tạp, không ai có thể mó vào được.

Trong 50 năm gần đây, ở Ấn-độ có khởi ra mấy cái phong-trào về tôn-giáo có ảnh-hưởng về chủ-nghĩa quốc-gia nhiều. Trong các phong-trào ấy, ông BROWN có chú-ý về hai cái như sau này : một là hội Thần-bi Ấn-độ (*Société Théosophique*), hai là hội *Arya Samaj*.

Hai hội ấy đều tán-dương các đạo-giáo ở Ấn-độ, cho là những tôn-giáo tuyệt-luân trong thế-giới cho người Ấn-độ có lòng tự-cao về cái lịch-sử vẻ-vang của mình và sinh ra cái tư-tưởng muốn độc-lập, không phải tùy-thuộc vào nước nào. Thứ nhất là hội *Arya Samaj* chủ-ý là thu-phục lấy đất Ấn-độ về cho người Ấn-độ, đuổi những người khác giống theo đạo Hồi và đạo Cơ-đốc rồi khôi-phục lấy Ấn-độ giáo cho được thuần-túy như xưa. Những người trong Hội này mê-tin về nước mình cho đến nỗi cho bao nhiêu sự phát-minh

cửa đời nay là trong cổ-diễn Ấn-độ từ mấy nghìn năm trước đã có nói cả rồi; thậm-chi đến sự phát-minh châu Mỹ họ cũng cho là trong kinh-sách Ấn-độ đã biết trước rồi.

Song những phong-trào tôn-giáo đó, tuy có ảnh-hưởng đến chủ-nghĩa quốc-gia Ấn-độ, nhưng là ảnh-hưởng gián-tiếp mà thôi, nghĩa là bọn chính-khách Ấn-độ từ trước đến nay không từng lợi-dụng về đường chính-trị. Nhưng có một cái phong-trào khác nữa, thuộc về dòng *Sikh*, gọi là Hội *Akali*, vốn là một phong-trào tôn-giáo, mà bọn chính-khách đã từng lợi-dụng để thêm sức cho sự vận-động chính-trị của mình. Hội này đặt tên là *Akali*, là tên một dòng thầy tu không có định-cư, lang thang nay đây mai đó; chính tên ấy cũng lại lấy ở cái hiệu chiến-tranh của giống *Sikhs* là: *Sat Sri Akal*, nghĩa là « Đấng thiêng-liêng, mầu-nhiệm, chân chính, hiển-hách. »

Ông Browns nói rằng: « Mục-dịch của bọn chính-khách giống *Sikhs* là muốn chiếm lấy đa-số ở Hội-nghị lập pháp xứ *Punjab* Hội-nghị ấy có 58 ghế nghị-viên bầu-cử, mà 10 ghế thuộc về giống *Sikhs*. Tuy cứ chiếu dân-số giống ấy ở *Punjab* thời số ghế như thế cũng là nhiều rồi, nhưng người *Sikhs* chưa lấy thế làm bằng lòng. Tự cho là người mình vừa có tài-sản, vừa có giáo-duc hơn các phần dân khác, lại xưa nay vẫn có công đánh trận cho nước Anh và một lòng trung-thành với Chính-phủ Anh, dẫu số người có ít mà quyền lợi đáng được to hơn mới phải. Dân *Sikhs* có ý ghen tị với dân Hồi được ưu-đãi hơn mình. Muốn vận-động cho đặc-lực, bèn lập lên những hội như *Gurudwara* và hội khôi-phục dân *Sikh*.

Dân *Sikh* họp thành một đoàn - thể tôn-giáo chừng 3 triệu người. Có tiếng là một dân can-dảm và về đường tôn-giáo thì theo cái chủ-nghĩa độc-thần,

kỷ-luật trong giáo-hội rất nghiêm. Các giáo-đồ thờ một quyển thánh-kinh tên là *Granth Sahib*. Nơi trung-tâm giáo-hội là thành *Amritsar*, đây có « Hoàng-kim-điện » là nhà thờ của đạo và một tòa Nội-các của giáo-hội tên là *Akal takht*, tòa Nội-các này quyết-định điều gì là tuyệt-dịch, trong giáo-hội ai cũng phải theo không được dị-nghị. Từ năm 1921 lại đặt ra một hội Ủy-viên để thi-hành các mệnh-lệnh của Nội-các. Mục-dịch thứ nhất của hội Ủy-viên này là phải bảo-hộ cho các nơi cung-điện của đạo *Sikh*. Hội *Akali* cốt nhất là chuyên-chủ về đường tôn-giáo, giữ gìn cho trong giáo-hội có trật-tự và không sai những lễ-lối cũ. Nhân vì việc các cung-điện và các thánh-địa, nên Hội này đã nhiều khi xung-đột với Chính-phủ Anh. Những cung-điện và những thánh-địa ấy là của các thiện-nam tín-nữ xuất-tiền ra mà mua hoặc xây-đựng, nhiều khi co-ngoi cũng to-tát lắm, vẫn giao cho một phái thầy tu gọi là *Mahant* để quản-lý. Bọn thầy tu này được những tài-sản to như thế, cách ăn ở có điều phóng-lung, thường trái với kỷ-luật trong giáo-hội. Hội *Akali* nổi lên phản-đối. Nội-các *Akal takht* truyền cho phái thầy tu phải đem các cung-điện và thánh-địa trả lại cho giáo-hội. Bọn đó không chịu, và được Chính-phủ Anh bênh cho. Bấy giờ người *Sikhs* mới đặt ra những cuộc trày-lễ, họp nhau hàng nghìn người đi trày-lễ ở các điện rồi cứ dùng cách hòa bình mà chiếm-cử lấy. Thế là nguyên-đạo là một chuyện người *Sikhs* xung-đột lẫn nhau, mà rồi thành ra một cái phong-trào người *Sikhs* phản-đối với Chính-phủ. Việc tôn-giáo thành ra việc chính-trị. Bọn chính-khách thừa cơ lợi-dụng cái phong-trào ấy để vận-động về chính-trị.

Bọn đó lại thêm năm 1923 chính-phủ Anh phế ông quốc-vương xứ

Nabha là người về dòng *Sikh*. Dân *Sikh* lại càng thêm nào-dộng lắm. Sau Chính-phủ cũng phải chịu nhũn mà xử cho xong cái việc các cung-điện và thánh-địa.

Xem như thế thì một cái phong-trào tôn-giáo thường khi có ảnh-hưởng to đến chính-trị.

Tự ông GANDHI trở đi thì chính-trị ở Ấn-độ mới dần dần thoát-li ra ngoài phạm-vi tôn-giáo. Lúc mới đầu ông cũng định vận-động về đường tinh-thần, xướng lên cái chủ-nghĩa « tiêu-cực phản-kháng », nghĩa là không dùng cách bạo-động. Trong ít lâu ông cũng đủ nghị-lực mà thi-hành được cái chủ-nghĩa ấy, ngăn-ngừa cho các đảng-nhân không được bạo-động. Sau bọn chính-khách thấy cái chủ-nghĩa ấy không thể lợi-dụng được, càng ngày càng phân-liá dần, rồi đến bỏ hẳn không theo nữa. Ngày nay thì chủ-nghĩa « tiêu-cực phản-kháng » đã thất-bại hẳn rồi ; nhưng mà ông GANDHI cũng đã từng có công với nước, vì đã tỏ ra rằng người Ấn-độ có đủ sức mà đồng-tâm hiệp-lực với nhau được. Nhân cái phong-trào ấy mà Chính-phủ Anh trước vẫn dùng cách đàn-áp bằng võ-lực, nay đã phải lấy một cái thái-độ ôn-hòa mà đối với đảng quốc-gia Ấn-độ.

Cái phong-trào « tiêu cực » của ông GANDHI vừa dẹp, thì cái phong-trào « tự-trị » (*Swaraj*) của ông DAS lại nổi tiếp lên. Tự nay trở đi thì chính-trị không có quan-hệ gì với tôn-giáo nữa. Ông DAS lập đảng *Swaraj* tự thân năm 1922, nay là đảng lớn nhất ở Ấn-độ. Đảng này phản-đối cách chính-trị ở Ấn-độ, trách Chính-phủ Anh tuy có lập ra hội-nghị lập-pháp mà không cho hội-nghị có quyền được bàn bạc khắp các việc, còn nhiều vấn-đề quan-hệ đến quyền chính-phủ để bàn.

Ông DAS không phải là muốn tuyệt-nhiên không hợp-tác với Chính-phủ, nhưng mà chỉ hợp tác về một phương-diện như sau này, là bằng lòng cử các đại-biểu các hội-nghị ; những đại-biểu ấy phải trình bày cho Chính-phủ những điều yêu-cầu của đảng mình. Nếu yêu-cầu được thì thôi, ngược-bằng Chính-phủ không thuận thì mỗi khi thi-hành điều gì các hội-viên phải hết sức phản-đối ở Nghị-viện. Cái Chính-sách ấy nhiều khi cũng làm cho Chính-phủ khó xử, vì những việc thuộc về quyền hội-nghị lập-pháp quyết-định thì tất phải được phần đa-số bỏ về mới thi-hành được, mà phần đa-số lại là các đảng-nhân của ông DAS cả. Nhưng đến những việc không thuộc quyền hội-nghị lập-pháp, mà thuộc quyền Hội-đồng Chính-phủ (*Conseil d'Etat*) quyết-nghị, thì không thế. Ở Hội-đồng Chính-phủ, phần đa-số lại là người về bè với Chính-phủ. Xem như sau khi ông DAS chết rồi, ông MOTILAL NEHRU lên thay làm lãnh-tụ đảng *Swaraj*, có thảo một cái chương-trình cải-cách về chính-trị, chương-trình ấy đem ra Hội-nghị lập-pháp quyết-nghị thì được 72 vé thuận, 45 vé không thuận, nhưng đến khi đệ lên Hội-đồng Chính-phủ thì bị bác hẳn. Như thế thì Chính-phủ có thể không theo cái chương-trình ấy được, nhưng mà kể cái trường-hợp ấy cũng là khó xử cho Chính-phủ. Không có lẽ thuộc về những vấn-đề quan-hệ mà lại cứ để cho Hội-nghị lập-pháp với Hội-đồng Chính-phủ mâu-thuẫn với nhau mãi như thế được. Chính-phủ cũng không thể không châm-chước cái ý-kiến của phần đa-số ở Hội-nghị lập-pháp. Đó tức là một vấn-đề khó khăn cho Chính-phủ Anh ở Ấn-độ.

Ta xem như trên đó thì các phong-trào chính-trị hồi đầu phần nhiều có căn-cứ ở phong-trào tôn-giáo, nhưng mà

gần đây ở Ấn-độ đã gây lên một cái tinh-thần đặc-biệt về chính-trị, từ rày có lẽ tuyệt-nhiên không quân-hệ gì về tôn-giáo nữa.

Cái phong-trào quá-khích ở Ấn-độ

Một nhà làm báo Anh SIR PERCIVAL PHILLIPS, mới rồi có điều-tra về cái phong-trào quá khích ở Ấn-độ, đại khái như sau này :

Lãnh-tự đảng cộng-sản ở Ấn-độ là một người tên là Roy hiện ở Berlin là kinh-đô nước Đức, chủ-trương một cái biện-sự-cục có mật-thiết liên-lạc với tổng-cục Komintern ở bên Nga. Phạm việc vận-động truyền bá ở Ấn-độ là khởi-diềm tự đấ; ngay ở Ấn-độ thì người Anh cảnh-sát cần - mật, đảng cộng-sản không thể đặt các chi-cục được. Hiện ở Ấn-độ chỉ có hai chi-cục ở Pondichery và Chandernagor là đất thuộc quyền người Pháp cai-trị. Ở đây có một người Ấn-độ tên là SHARMI, trực-tiếp thông tin với Roy ở Berlin, nhưng sau bị bắt ; nay đã được tha, nhưng bị quản-thức, cũng không cõ-động gì được nữa.

Còn những tay vận-động tự bên Nga sai sang Ấn-độ, thì Chính-phủ Anh cũng tâm-nã mà bắt được hết. Đến sau cùng là một người Ấn-độ tên là GUPRA, đã chịu khó đi đất tự Nga cho đến Ấn-độ, thế mà tới nơi cũng bị bắt giam ngay. Thấy bất-lợi như thế, Chính-phủ Xô-viết Nga cũng không phái người sang Ấn-độ nữa, nhưng mà hết sức dùng cách gián-tiếp truyền-bá các sách-vở

báo-chi về chủ-nghĩa cộng-sản. Song cảnh-sát Anh thường thường cũng bắt được luôn. Hiện nay bao nhiêu sách của Roy là cấm hết.

Ngày nay cái nguy-hiểm cho Ấn-độ không phải là ở sự truyền-bá cõ-động của bọn cộng-sản ở trong nội-địa Ấn-độ, nhưng chính là ở sự hành-động của người Nga ở nước Afghanistan là một nước độc-lập ở phía tây-bắc Ấn-độ. Ở kinh-đô Kaboul nước ấy có viên công-sứ của chính-phủ Xô-viết tên là STARK, ở đây đã hai năm cùng với một trăm người Nga nữa, hiện chủ-trương về việc truyền-bá chủ-nghĩa cộng-sản. Quốc-vương nước ấy nghe chùng khuynh-hướng theo lắm, vì xưa nay vẫn có hiềm với chính-phủ Anh ở Ấn-độ. Quốc-vương đã nhờ công-sứ Nga tổ-chức cho một đội tàu bay, hiện nay có 20 chiếc máy bay kiểu tối-tân, và đã luyện được 50 người cầm máy rất giỏi, theo như lời nhà báo nói thì đội tàu bay ấy có thể ném tạc-đạn vào cả một miền bắc-bộ Ấn-độ được.

Người Nga lại đặt đường xe lửa, đặt đường giầy thép cho nước Afghanistan để thông với Nga. Về mặt đông-bắc thì cả miền Tân-cương của Tàu cho đến tỉnh Cam-túc, đều đặt lãnh-sar Xô-viết cả, có ý muốn biến đất Tân-cương cũng như đất Mông - cổ, nghĩa là thuộc trong vòng thế-lực của Chính-phủ cách-mệnh Nga. Bấy nhiêu cách dự-định của Nga đều là chủ-y về Ấn-độ hết, cho nên Chính-phủ Anh ở Ấn-độ hết-giống lấy làm lo về mặt ấy lắm.

HỒNG-HÂN dịch

TRÍCH-DỊCH CÁC SÁCH CỦA ROUSSEAU (LƯU-THOẠI) (1)

II

IV.—BỘ TIÊU-THUYẾT

« Nouvelle Héloïse »

Sách Nouvelle Héloïse vừa là một bộ ngôn-tình, lại vừa là một bộ triết-lý tiêu-thuyết, chủ-ý ông ROUSSEAU là làm ra để chứng-giải cái lý-thuyết rằng người ta dù truy-lạc đến thế nào cũng có thể tu thân cải quá được. Ông tả truyện một người đàn bà say-dắm vì tình, nhưng vốn lòng trong-sạch, sau chước được tội và khôi-phục được cái bản-chất thanh-sao.

Văn-chương sách này cũng khi rườm-rà, cách kết-cấu không được hợp với lối tiêu-thuyết ngày nay. Nhưng mà bây giờ đọc cũng vẫn còn hứng-thú.

Song là thể văn tiêu-thuyết, không thể trích-lục ra từng đoạn mà dịch-thuật được. Và phần nhiều là văn tự-tình cả, dịch ra nó mất cái thú-vị đi nhiều.

V.—BỘ TIÊU-THUYẾT « Emile »

Sách Emile tuy cũng là thể văn tiêu-thuyết, nhưng phần thuyết-lý, nhiều hơn, nên có nhiều đoạn có thể trích-dịch được.

Nhà triết-học nước Đức LEIBNIZ đã có câu nói rằng : « Người nào làm thầy giáo-dục là người ấy có công với nhân-quần xã-hội. »

Ông ROUSSEAU vẫn đề tâm về việc giáo-dục, mà sách Emile lại là sách chỉ luận về giáo-dục, nên sách này thiết-thực cho là có giá-trị, và chính ông cũng tự cho là một bộ sách hay của ông.

Sách Emile bàn về thể-dục, trí-dục, đức-dục - theo những nguyên-lý triết-học mà chưa ai biết đến bao giờ.

Tuy vậy, không nên tưởng lầm sách Emile là một bộ sư-phạm giáo-khoa. Ông ROUSSEAU làm ra sách ấy chẳng qua là vạch-họa ra một cái chương-trình, để

dục, tưởng-tượng mà kết-cấu ra, chứ không phải là căn-cứ ở sự thực. Cậu EMILE là một cậu « học trò trừu-tượng » (élève abstrait) Cậu EMILE và ông giáo-sư của cậu là thuộc vào cái cảnh-ngộ đặc-biệt, ông thầy đây chỉ là người môi-giới cho đứa trẻ trực-tiếp với thiên-nhiên mà thôi. Theo lý-thuyết của ông ROUSSEAU thì phạm cái gì thuộc về thiên-nhiên (la nature) đều là hoàn-toàn tốt-đẹp cả, hồi nguyên-thủy nhân-loại vẫn được thuần-lý, chỉ vì về sau người ta can-thiếp vào mà làm ngăn-trở cái công dưỡng-dục thiên-nhiên, cho nên mọi sự mới thành ra bại-hoại như thế. Vậy thời trong việc giáo-dục, không nên để cho cái nhân-lực can-thiếp vào đây, và ngay từ lúc đầu phải để cho đứa con trẻ tự-tưởng hành-vi được tự-do như trong cảnh thiên-nhiên, không mắc phải cái ảnh-hưởng hư-hại gì của người ta, của xã-hội. Theo ông ROUSSEAU thì phép giáo-dục là phải giảm cái phần nhân công đoàn-luyện để cho đứa trẻ con tự-khải-phát lấy cái thiên-tính thuần-lương của mình. Rồi sau mới dần dần thiếp-liệp các khoa luân-lý cách-trí mà tiến lên biết quan-niệm về nghĩa-lý, về xã-hội. Emile có một bạn gái tên là Sophie cũng giáo-dục theo một cách như thế mà hợp với thiên-tính của nữ-lưu.

Phép giáo-dục trong sách Emile, thiên-hạ nghị-luận nhiều lắm. Những kẻ phản-đối thời hết sức chứng-giải rằng dạy theo lối như thế không khỏi thành tai-hại to. Tuy vậy, các nhà giáo-dục thí-nghiệm thường thấy có kết-quả tốt. Dù thế nào mặc lòng, sách Emile khi xuất-bản ảnh-hưởng ra ngoài to lắm. Nhiều cái lý-thuyết của tác-giả, thiên-hạ đua nhau đem ra thực-hành như thuyết về

(1) Xem N. P. Số 104.

nghĩa-vụ mẹ phải cho con bú, về cái cách nuôi con trẻ khi sơ sinh. Sách này lại có một thiên kết-luận đề là: «Lời tuyên-bố của ông cố đạo đất Savoie» (Profession de foi du Vicaire Savoyard), bàn về đạo thiên-nhiên, đã từng kích-dộng cả một thời.

Sau đây trích dịch mấy đoạn cũng khá dài về sách Emile.

1. — THIÊN-NHIÊN VÀ NGƯỜI TA

Tự tay ông Thiên-công làm ra, cái gì cũng tốt cả, vào tay người cái gì cũng hư-hỏng hết. Người ta bắt cái đất này phải nuôi sản-vật của đất khác, bắt thứ cây này phải sinh hoa-quả của thứ khác; làm lộn-bậy cả khí-hậu, cả thủy-thổ, cả tháng-mùa; làm hủy-hoại cả con chó, con ngựa, kẻ nô-bộc của mình; làm điên-đảo hết thủy, thay hình đổi dạng hết thủy; hay ưa những cái kỳ-quái dị-hình; không cái gì muốn cho y như thiên-nhiên đã gây dựng ra, đến loài người cũng vậy, người cũng đem ra mà luyện như luyện con ngựa làm trò vậy; người cũng muốn uốn theo kiểu riêng như cái cây trong vườn vậy.

Không thể thời lại tệ hơn nữa, vì giống người luyện nửa chừng không được. Cứ như cái tình-trạng từ giờ thời người nào mới sinh ra mà bỏ mặc một mình ở giữa đám người khác, thật không còn ra hình-thể con người nữa. Loài người đã bị chìm đắm trong những lẽ thói của xã-hội, những cái thiên-kiến, cái chủ-quyền, sự yếu-cần, sự mô-phỏng, khiến cho tiêu-diệt mất cái bản-chân di, mà không có gì thế vào nữa. Khác nào như một cái cây nhỏ mọc ở giữa đường đi, kẻ qua người lại dẫm đạp giầy xéo mà chẳng mấy nổi làm cho héo chết đi.

Tôi muốn nhắc-nhủ cùng người mẹ hiền kia, đã biết tiên-liệu mà tránh xa nơi đường cái, biết ra công gìn-giữ cho cái cây mới mọc yếu-ót kia khỏi bị những

nổi phong-chàng vũ-hám của người đời mà đến té-tái mất đi. Phải nên gia-công chăm-chút bón-tưới cho cái cây non kia để cho khỏi héo chết mất, rồi có ngày cây sinh quả, sẽ được khoái-lạc biết dường nào. Bà mẹ phải sớm rào lấy một cái giàn ở chung quanh linh-hồn đứa con mình; kẻ khác có thể định bờ cõi cho phân-minh hơn; nhưng mà cái hàng rào thời phải chính tay người mẹ làm.

Người ta uốn cây bằng cách chăm bón, uốn người cũng phải bằng cách giáo-dục. Nếu con người mới sinh ra đã lớn và mạnh ngay mà chưa biết dùng cái sức lớn ấy, thời cái sức lớn cũng là vô-ích, không những vô-ích mà lại hại cho mình nữa, vì khiến cho kẻ khác không nghĩ đến giúp đỡ cho mình, bấy giờ bị bỏ một mình, thời chưa biết sự cần-dùng là gì mà đã đến cực-khò phải chết vậy. Người ta hay phân-nản cho tuổi con trẻ, không biết rằng nếu người ta không bắt đầu làm con trẻ trước đã, thời loài người tất đến lụn bại mất.

Chúng ta sinh ra ở đời yếu-ót, phải cần cho sức mạnh; chúng ta sinh ra ở đời thiếu-thốn đủ mọi thứ, cần phải có kẻ khác giúp đỡ; chúng ta sinh ra ở đời ngu-si đần-dộn, cần phải biết suy-xét cho sáng-suốt. Phàm cái gì lúc ta mới sinh ra chưa có, mà khi ta lớn lên phải có, là nhờ ở giáo-dục cả.

Giáo-dục ấy, hoặc bởi thiên-nhiên, hoặc bởi người ta, hoặc bởi sự vật. Các năng-lực và các eo-quan trong người ta phát-đạt lên được là nhờ sự giáo-dục của thiên-nhiên, tập-dùng các năng-lực và các eo-quan ấy là nhờ sự giáo-dục của người ta, còn tiếp-xúc các vật nó cảm-đến giác-quan mình để tăng sự kinh-lịch của mình, là nhờ giáo-dục của sự-vật.

Vậy thời mỗi người ta, dạy cho nên người, là nhờ ở ba ông thầy. Người học trò, mà bài học của ba ông thầy ấy

trái ngược nhau, thời là người ấy giáo-dục hồng, và sau này không bao giờ được tâm-thần nhất-tri; người nào mà bài học của ba ông thầy ấy đều trúng vào một chỗ và khuynh-hướng cả về một mục-dịch thời người ấy mới là đạt được cái đích của mình biết sống làm người một cách hợp lẽ. Người ấy mới là người giáo-dục phải đường.

2. — SỰ CHO CON BÚ

Ông ROUSSEAU tả cậu EMILE từ khi mới đẻ, ông phản-đối cái tục đàn bà đời bấy giờ không chịu nuôi con lấy, cứ giao cho vú nuôi. Ông nói rằng :

Cái nghĩa-vụ của người đàn bà đã rõ-ràng, không còn hồ-nghi; nhưng đàn bà thường coi thường cái nghĩa-vụ ấy, không biết tự mình nuôi lấy con mình, nên có người thường thảo-luận cho biết đứa trẻ nuôi bằng sữa mẹ hay nuôi bằng sữa vú có khác gì nhau không. Cái vấn-đề này là thuộc các ông thầy thuốc phán-đoán, tôi cho là đã quyết định theo ý sở-nguyên của các bà; và cứ như ý tôi thời nếu người mẹ mà yếu, sợ lại truyền cho con thêm cái tật bệnh gì, thời thì đề cho con bú một người vú sữa mạnh-khỏe còn hơn.

Nhưng mà cái vấn-đề ấy có phải chỉ là thuộc về một phương-diện vật-chất đó mà thôi không? Trẻ con có phải là cần sữa mẹ hơn là sự chăm-chút của mẹ không? Nếu mẹ không cho con bú thời có thể lấy sữa đàn bà khác lấy sữa cả giống vật nữa mà cho ăn cũng được, đến sự chăm-chút của người mẹ thời không thể lấy ai mà thay thế. Người đàn-bà không nuôi con mình mà đi nuôi con người khác, là một người mẹ xấu; như thế thì làm một người vú tốt làm sao được? Cũng có thể trở nên được, nhưng phải dần dần; phải lấy cái thói quen mà chữa lại sự thiên nhiên: như thế thời mới cho đến khi người vú tập được cái lòng âu-yếm của người mẹ, thì đứa

trẻ con không may ra đã chết đến tám đời.

Vả nuôi vú dẫu có cái lợi như trên đó, mà lại có cái bất-lợi ngay ở đấy, mà chỉ một cái bất-lợi cũng đủ khiến cho người đàn bà hữu-tâm không chịu để cho kẻ khác nuôi con mình: là phải chia xẻ mất hay là phải phóng-khí mất cái quyền làm mẹ của mình; là thấy con mình đem lòng âu-yếm một người đàn bà khác cũng bằng mình mà có lẽ lại hơn mình nữa; là thấy lòng âu-yếm của đứa con đối với mẹ để dường như một sự hảo-tâm, mà cái lòng âu-yếm đối với mẹ nuôi mới thật là một cái nghĩa-vụ: vì đã được người ta nuôi mình như một người mẹ, thời đối với người ta há lại không nên quyến-luyến như một người con đư! Muốn chữa lại sự bất-tiện đó, thiên-hạ thường dạy cho con trẻ đem lòng khinh kẻ vú nuôi mình, coi như con đòi, con ở. Xong việc rồi thời đem lấy con về, hay là đuổi người vú đi, rồi sau vú có đến thăm con nuôi, thời tiếp-đãi một cách rẻ-rúng cho chán không muốn đến nữa. Cách mấy năm thời đứa bé không trông thấy mặt vú nữa, rồi cũng không biết đến nữa. Người mẹ tưởng làm thế dễ thế vào người vú, lấy cái bụng ác mà chữa lại sự lười biếng của mình, thế là lầm. Không những không đổi được đứa con nuôi bạc ác ra đứa con đẻ âu-yếm, mà lại tập cho nó ăn ở tệ-bạc, tức là dạy cho nó có ngày cũng khinh mẹ đẻ như đã khinh mẹ nuôi vậy. Giả-sử nói đi nói lại những chuyện có ích như thế mà không làm cho người ta chán tai, thời tôi muốn nói cho kỹ về việc đó. Điều đó quan-hệ đến nhiều thứ lắm, chứ không phải không. Có muốn cho trong xã-hội ai nấy đều thiết đến cái bổn-phận cốt-yếu của mình không? Hễ bắt đầu ở người mẹ trước; rồi sẽ thấy tự-khắc thay đổi cả mà lấy làm lạ. Nếu cái phần cốt-yếu ấy mà hư - hỏng thời mọi sự điều hư - hỏng cả, cả cái

trật-tự về luân-lý đều sai-lạc, cái bản-chân ở trong lòng cũng tiêu mất đi ; cảnh gia-đình kém mất cái vẻ sinh-hoạt đi, người chồng không trông cái cảnh-tượng lũ con thơ ấu là cái cảnh đáng cảm-động mà sinh lòng quyến-luyến, người ngoài cũng không trông cái cảnh ấy mà sinh lòng vì nể ; người mẹ mà không trông thấy con cái quẩn-quýt chung quanh, thời người ta cũng kém lòng kính-nể ; gia-đình không có định-sở, thói quen không có làm cho mạnh thêm cái tình máu-mủ, không có cha, không có mẹ, không có con cái, không có anh em chị em gì nữa ; đã ít quen biết nhau thời còn thân-yêu nhau thế nào được? Mỗi người chỉ biết nghĩ đến mình. Trong nhà đã vắng ngắt buồn tênh, thời phải đi tìm cái vui-thú ở nơi khác.

Nay nếu mẹ chịu khó nuôi con, thời phong-tục tự-khắc thay đổi, các cái tình-cảm thiên-nhiên sẽ nảy ra khắp trong người, nhà nước sẽ được thêm dân - đing : được một điều đó thời các điều khác đều được cả. Cái thú gia-đình là cái thuốc trừ độc hay nhất cho những phong-tục xấu. Trẻ con quấy thường cho là nheo-nhóc, rồi cũng có thú-vị ; khiến cho người cha người mẹ càng phải gần nhau, mà lại càng thêm thân nhau, cái tình vợ chồng thành ra bền-chặt. Khi trong gia - đình được đông-dúc vui-vẻ, thời công việc tề-gia là cái phần trách-nhiệm của người vợ, mà cũng là cái thú tiêu - khiển cho người chồng. Như thế thời chỉ có một cái tệ đó sửa được, mà hết thảy đều thay đổi, thiên-nhiên cũng tức-thì khôi-phục được cả quyền lợi. Hệ đàn-bà chịu làm mẹ, thời đàn-ông tức-khắc sẽ làm cha và làm chồng.

Vì theo như lời ông ROUSSEAU, không có mẹ là không có con vậy. Còn người cha thời phải làm ông thầy giáo dục cho con ; nếu không kham được cái chức ấy thời phải chọn một người có tư cách cao thượng để làm thầy thay cho

minh. Ông thầy bấy giờ cũng phải có đủ quyền-chức người cha. Công việc của ông thầy là bắt đầu từ điều nhỏ mà đi, như tập cho đứa con trẻ biết nói cho gãy-gọn, đùng có lắp-bấp ; lại phải nói tiếng gì thời chỉ vào sự-vật ấy hẳn-hoi, cho khỏi nói những lời hư - phiếm. Hoạn rồi thời phải tập cho đứa trẻ biết qua cõi cảm-giác mà đến cõi suy-lý. Phải tập cho nó yêu-cầu sự gì là cần phải làm, chứ không phải cứ nhắm mắt nghe lời người trên mà làm. Theo ý-kiến của nhà triết-học LOCKE thời dạy trẻ là phải biện lẽ, bày tỏ điều hơn sự thiệt cho chúng nó biết. Nhưng theo ý ông ROUSSEAU thời trong các năng-lực của người ta, lý-tính là cái năng-lực phát đạt chậm nhất và khó nhất. Nếu bắt đầu luyện lý-tính trước, thời không khác gì là bắt đầu ở đàng cuối, vì hiểu được cái lý-do của mọi sự nghĩa-vụ ở đời, chưa phải là việc con trẻ.

Tình người ta là vốn lành, thời sự giáo-dục lúc mới đầu phải là một cách giáo-dục «tiêu-cực», nghĩa là chỉ cốt ngăn-ngừa những cái hư cái xấu cho khỏi nhiễm được vào lòng người mà thôi. Bởi thế nên cậu EMILE trong sách tiêu-thuyết này sẽ cho theo thầy về nhà quê học, xa cả cha mẹ, xa cả hàng xóm, láng-giềng, xa cả kẻ ăn đũa ở, ông cho là làng người bỉ-tiện, chỉ đủ làm gương xấu cho trẻ.

Đến bấy giờ mới dạy cho có cái quan-niệm về quyền sở-hữu, ông cho là cái quy-y của người đã có công lao-động mà chiếm-cử trước nhất một cái đồ vật gì. Rồi dẫn dụ cho rõ về cái quan-niệm ấy, thời cho EMILE trồng lấy một luống đất ở trong vườn, rồi đem phá cái luống đất ấy đi, để cho cậu tức mà biết thế là người ta xâm-phạm đến quyền sở-hữu của mình.

Nay xét đến cái chương-trình các môn học, ông ROUSSEAU bác cả các môn học văn-chương, như văn-chương, lịch-sử, địa-dư, ông còn là hư-vấn cả.

Những cái đó sau này học cũng được.

Con trẻ không nên học thuộc lòng cái gì cả, đến những thơ ngụ-ngôn của La FONTAINE cũng không nên học thuộc lòng: học như thế thì lời văn, nghĩa truyện, trẻ cũng đến mơ hồ hết cả.

Ông ROUSSEAU lấy một bài thơ ngụ-ngôn « Con quạ và con cáo », ông bình phẩm như sau này để chứng-giải cái cách dạy học thường sai lầm là đường nào.

3. — BÌNH-PHẨM BÀI THƠ NGỤ-NGÔN « CON QUẠ VÀ CON CÁO »

Maitre corbeau, sur un arbre perché,
(Quạ tiên-sinh đậu ở trên cây);

Chữ *Maitre* (tiên-sinh), chính nghĩa nó là gì? Đặt trước một chữ tên người (thời nghĩa nó là gì? mà ở trong câu này thì nghĩa nó là gì?

Câu *un arbre perché* (một cái cây đậu), nghĩa là gì? không ai nói: *sur un arbre perché* (trên một cái cây đậu), phải nói là: *perché sur un arbre* (đậu ở trên một cái cây); phải cắt nghĩa về cách làm thơ hay đặt đảo ngược như thế, lại phải giải nghĩa thơ với văn khác nhau thế nào.

Tenait dans son bec un fromage.
(Ngậm ở mồm một miếng bánh sữa).

Bánh sữa gì? Bánh sữa *Suisse*, bánh sữa *Brie* hay là bánh sữa *Hollandaise*? Nếu đứa trẻ chưa được trông thấy quạ thời nói chuyện quạ cũng vậy thôi. Nếu đã được trông thấy quạ, thì làm thế nào mà tưởng-tượng được con quạ ngậm miếng bánh sữa ở mồm? Bao giờ tỉ-dụ cũng phải tỉ-dụ cho đúng sự thực.

Maitre renard, par l'odeur alléché,
(Cáo tiên-sinh, ngửi thấy mùi,

Lại một tiên-sinh nữa! Nhưng mà tiếng này dùng cho con cáo thì được, vì cáo ranh-mãnh đã có tiếng. Lại phải cắt nghĩa con cáo nó thế nào, cái từ tự-nhiên nó thế nào, và trong tiếng ngụ-ngôn người ta thường

Alléché (ngửi thấy mùi mà bị dử đến), cái tiếng này không ai dùng. Phải cắt nghĩa cho rõ; lại phải dặn rằng chỉ có thể dùng làm thơ được mà thôi. Đứa trẻ tất hỏi: Tại làm sao làm thơ với làm văn lại dùng chữ khác nhau như thế. Thế thì ông trả lời thế nào cho nó?

Ngửi thấy mùi miếng bánh sữa mà chạy lại tr? Con quạ ngậm miếng bánh sữa đậu tận trên cây, thế mà con cáo ở trong bụi rậm hay ở trong hang sâu ngửi thấy được, thế thì miếng bánh sữa ấy mùi nó đến thế nào? Có phải dùng cách ấy mà dạy cho học trò biết phán đoán sự vật cho đúng, nghe lời người ta kể lại cho mình mà phân-biệt được sự thực sự hư không?

Lui tint à peu près ce langage :
(Bèn nói với quạ ta đại khái như sau này)

Bèn nói! Thế ra cáo biết nói à? Mà cũng nói một thứ tiếng như quạ à? Tôi xin ông giáo nào dạy đến đây phải cần thận mới được; trước khi trả lời phải cân nhắc câu nói mới được; câu nói ấy quan-hệ, chứ đừng tưởng thường.

Eh! Bonjour, monsieur du corbeau,
(Ấy, chào ông quạ)

Ông! Tiếng này là tiếng nói mỉa, thành ra đứa trẻ chưa biết tiếng này là có nghĩa tôn-trọng, mà đã thấy dùng ra nghĩa mỉa-mai rồi. Người nào dùng tiếng *Monsieur du Corbeau*, còn phải lời-thối nhiều, rồi mới cắt nghĩa đến chữ *du* đặt vào đây là làm sao.

Que vous êtes joli, que vous me
semblez beau!

(Ngài mỉa-miêu thật, tôi xem ra ngài đẹp quá!)

Câu này là nói rơm-rà vô-ích. Đứa trẻ con thấy nói có một điều mà lại lấy lại khác đi như thế, không khỏi tập lấy cái lối ăn nói khuếch-khoáng. Hoặc-giả nói cái cách khuếch-khoáng ấy tức là cái thuật của tác-giả và cái mưu của con cáo chính là muốn khen quá đi như thế, thời cách kiến-giải ấy tôi đây mới hiểu

được, chứ đũa học trò tôi thì không hiểu.

Sans mentir, si votre ramage

(Không dám nói dối, nếu tiếng hót của ngài).

Không dám nói dối! Thế thì ra cũng có khi nói dối à! Nay lại cắt nghĩa cho đũa trẻ rằng con cáo nó nói không dám nói dối, chính là bởi nó nói dối đó, thế thì trong bụng đũa bé sẽ nghĩ ra thế nào?

Répondait à votre plumage,

(Cũng xứng với cái lông đẹp của ngài)

Chữ *répondait* chính nghĩa là đáp lại, trả lời. Ở đây nghĩa nó là thế nào? Nay lại cắt nghĩa rằng tác-giả có ý so-sánh tiếng hót với sắc lông, tiếng với sắc là hai thứ khác nhau mà lại so-sánh với nhau được, thử xem đũa trẻ có thể hiểu được không?

Vous seriez le phénix des hôtes de ces bois.

(Ngài sẽ là phượng-hoàng cả các giống trong rừng này)

Phượng hoàng! Con phượng-hoàng là con gì? Đây là những chuyện hão-huyền đời cổ-xưa, chuyện thần-tiên giả-dối, chứ đời nào có giống phượng-hoàng.

Nói các giống vật ở trong rừng mà nói là *les hôtes de ces bois*, thời văn-chương mới hoa-mĩ chữ! Kê nịnh-nọt hay nói những lời văn-hoa như thế cho nó trịnh-trọng hơn và làm cho người ta đẹp lòng hơn. Đũa trẻ con có hiểu được những cái ý-từ như thế không? Lại có thể biết phân-biệt được thế nào là lối văn tầm-thường, thế nào là lối văn cao-thượng hay không?

A ces mots, le corbeau ne se sent pas de joie,

(Nghe nói thế, con quạ không thể cảm lòng vui sướng)

Muốn hiểu được câu này, thời phải đã từng có cái sức cảm-động mạnh thời mới được.

Et pour montrer sa belle voix,

(Và muốn phô cái tiếng hót hay của mình)

Muốn hiểu câu thơ này, và hiểu cả bài ngụ-ngôn này, thời đũa trẻ phải biết cái tiếng hót hay của con quạ thế nào.

Il ouvre un large bec, laisse tomber sa proie.

(Nó há hốc mồm ra, dành rơi mồi xuống)

Câu thơ này thì hay thật, đọc lên là đủ hình-dung được. Hình như trông thấy cái mỏ con quạ nó há hốc ra, lại nghe thấy tiếng cái bánh sữa rơi qua đám cành cây; nhưng mà trẻ con biết đâu thường-thức được những cái về văn-chương đó.

Le renard s'en saisit et dit :

Mon bon monsieur,

(Con cáo dớp lấy rồi nói: Này ông này)

Thế là từ-tế mà thành ra khờ dại. Thế mới gọi là dạy trẻ không mất công.

Apprenez que tout flateur

(Phải nên biết phàm kẻ nịnh người)

Đây là câu cách-ngôn nói chung, thế là không nhắm nữa rồi.

Vit aux dépens de celui qui l'écoute.

(Hay ăn hại kẻ nào làm tai nghe)

Không đời nào đũa mười tuổi mà hiểu được câu thơ này.

Cette leçon vaut bien un fromage, sans doute

(Bài học này kể thực cũng đáng giá một cái bánh sữa)

Câu này hiểu được và cái ý cũng hay lắm. Tuy vậy cũng ít đũa trẻ con biết trừ-sánh một bài học với cái bánh sữa, vì ít đũa lại không thích cái bánh sữa hơn bài học. Vậy thì phải cắt nghĩa rõ cho nó hiểu rằng câu này chính là một lời nói mỉa. Đối với trẻ con, là dùng ý-từ như thế thời tưởng cũng là xa-xôi vậy!

Le corbeau, honteux et confus,

(Con quạ xấu hổ và thẹn-thùng)

Câu này cũng là lối nói trùng-diệp rườm rà mà thật không phải cần nói như thế.

Jura, mais un peu tard, qu'on ne l'y prendrait plus.

(Thề rằng sau này không mắc nữa, nhưng mà thề cũng khi muộn)

Thế! Có ông thầy nào dở hơi mà dám cất nghĩa cho con trẻ biết thề là cái gì không!

Nay ta bình-phẩm như thế thật cũng không khỏi phiền, nhưng mà muốn phân tích hết cả những cái ý-tư trong bài ngụ ngôn ấy, giải nó ra từng cái nguyên-chất giản-dĩ đơn-sơ, thời tưởng còn phải cất nghĩa kỹ nữa mới thật là rõ-ràng. Nhưng mà ai là người cho rằng cần phải phân-tích như thế mới khiến cho trẻ con hiểu rõ được? Chúng ta không mấy người có đủ triết-lý mà biết đặt mình vào cái địa-vị một đứa con trẻ.

Nay xét đến luân-lý truyện này.

Tôi thử hỏi đối với đứa trẻ con lên sáu tuổi có cần phải dạy cho nó biết là ở đời có kẻ siểm-nịnh và nói dối để kiếm lời không. Thằng-hoặc cũng có thể dạy cho chúng nó biết rằng ở đời có kẻ hay chế-nhạo trẻ con và hay cười thăm lũ trẻ con có tính hợm-hĩnh vô-ích; nhưng mà đến câu chuyện cái bánh sữa thì làm hỏng hết cả, thành ra dạy cho trẻ biết giữ cho khỏi đánh rơi cái bánh sữa ở miệng mình thì ít, mà lại dạy cho nó biết khéo làm thế nào cho cái bánh sữa ở miệng kẻ khác phải rơi xuống thì nhiều.

Nói tóm lại thời không phải liếc bằng sách, vì sách là cái hại cho trẻ con. Cái lý thuyết ấy kể cũng trái lẽ thường, nhưng mà ông ROUSSEAU lại sở-tử như vậy. Còn cách tập-luyện thân thể, phải tập thể-dục, thời ông lại khuyến-khích lắm, đời ta lấy cái đó làm thường, đời ông thời lại cho làm một điều rất mới mẻ.

4. - SỰ GIÁO-DỤC TẤN-TỚI THẾ NÀO

Theo cái phương-pháp giáo-dục của ông thời không cần phải dạy cho trẻ con nhiều thứ làm gì, chỉ cần cho trẻ con cái óc nó biết quan niệm một

ràng xác đáng. Bởi thế nên bao giờ ông cũng căn cứ ở sự-vật, rồi mới suy rộng đến lý-tưởng.

Như dạy cho EMILE học về thiên-văn, thời cho xem cái cảnh mặt trời mọc; dạy về phép vạn-vật hấp-dẫn thời cho chơi con vịt máy trong có miếng từ-thạch; dạy về quang-tuyến-học thời cho thử cái que dầm vào nước. Không có đặt phòng thí-nghiệm mà bày ra máy-móc gì cả, cách dạy vật-lý này là cách tự-nhiên, khiến cho đứa trẻ tự tìm-tòi và tự phát-mình lấy. Nhưng mà tất có lúc đứa trẻ tự hỏi mình rằng: Học những cái đó để làm gì? Bây giờ phải đưa cho nó đọc sách Robinson Crusoe (Truyện phiêu-lưu của chàng Robinson), khiến cho nó tưởng-tượng cái cách sinh-hoạt của người bị đắm tàu ở giữa bể thế nào, và thử nghĩ xem giá gặp cái cảnh-ngộ như thế thời có thể xử-trí được hơn người trong truyện không.

Ông nói rằng: « Ngay sau khi EMILE đã biết đời người là gì, thời ta phải dạy liền cho biết cách bảo-tồn sinh-mệnh thế nào. »

Ông ROUSSEAU hỏi bấy giờ như đã ở trước biết cuộc cách - mệnh sau này, nên thường muốn dạy cho học trò biết rằng cái hiện-trạng xã-hội không phải là cứ y-nhiên như thế mãi đâu, có thể nhất-dán thay đổi được. Vậy EMILE cần phải học lấy một nghề thủ-công, như nghề thợ mộc, vì phạm nghề làm về chân tay là gần với cái cảnh thiên-nhiên hơn cả. Ông có nói mấy câu cảnh-cáo cho người đời như sau này:

« Một người có công với xã-hội mà miễn trừ được cho người khác khỏi phần nợ với xã-hội, thế là không công-bằng. Nếu người sau ấy chỉ lấy của người kia mà trả cho xã-hội thời cái nợ với xã-hội vẫn còn mãi. Hoặc-giả nói: — Nhưng cha tôi làm ra của ấy, cha tôi đã có công với xã-hội. — Phải, thế là cha anh trả nợ của cha anh, nhưng không phải trả nợ cho anh. Người nào

ngồi rồi mà ăn cái của không phải tự mình làm ra là người ăn trộm cái của ấy; người có tiền để kho Nhà-nước mà ăn lợi-tức không phải làm việc gì, tôi coi cũng không khác gì như kẻ ăn cướp bóc-lột khách qua đường vậy. »

EMILE đến năm mười lăm tuổi còn chưa biết mấy tí, nhưng không biết gì là nửa chừng cả. Bao nhiêu những điều tri-thức về đời bấy giờ là tự-nhiên cả và thuần thuộc về vật-lý. Còn như lịch-sử, cách-trí, luân-lý, thời mang-nhiên không biết gì hết.

Thân-thể linh-thần đều kiện-toàn cả, và nhất-thiết không có cái thiên-kiến gì, nhưng phạm những công-đức đối với xã-hội chưa có gì hết, còn phải học-tập cả.

Tuổi thành-đồng là tuổi khó xử, ông ROUSSEAU muốn giữ cho trò EMILE khỏi nhiễm phải các mối dục-tình, cho tinh-thần thân-thể đều được trong-sạch, bởi vậy nên dạy cho biết người đời không có dạy bằng cách trực-tiếp. bèn dạy gián-tiếp bằng lịch-sử.

Trong các sử-gia đời xưa thời ông chọn THUCYDIDE, vì nhà làm sử này chỉ cứ sự-thực mà thuật ra, không có lấy ý-kiến riêng mà muốn ảnh-hưởng đến độc-giả. Ông nói rằng: « Đối với tuổi thanh-niên, sách sử bấy nhất là những sách hay phán-đoán. Tuổi này chỉ cần sự thực, cứ sự thực mà nói, để cho kẻ thiếu-niên 1^{er} phán-đoán lấy. »

Nhưng lúc này là lúc xảy ra cái hiềm-tượng rất nguy-kịch, là thuộc về vấn-đề tôn-giáo: trò EMILE sẽ theo đạo nào?

Vấn-đề tin-ngưỡng đối với người đời có thể cho là một vấn-đề địa-dư; người ta sinh ra xứ này thì theo đạo Hồi, sinh ra xứ kia thì theo đạo Thiên-chúa, v.v.. Và lại kể truyền đạo, nhiều khi không phải là người tri-thức; người ta quan-niệm về thân-mình thường là tưởng-tượng một cách huyền-hoặc bỉ-tliên, cho thân-mình cũng có hình-dạng mặt mũi như loài người.

ROUSSEAU thời chỉ đề-xướng có một cái tôn-giáo, ông gọi là cái « tôn-giáo thiên-nhiên » (la religion naturelle), nghĩa là sự cảm-ngưỡng Thiên-chúa tự trong lòng mình: đó là cái đề của bài văn trừu-danh của ông tên là « Lời tuyên-ngôn của ông cố đạo đất Savoie (Profession de foi du vicaire savoyard), đọc ở trên một ngọn núi cao, dưới có con sông Pô chảy, và ở đàng xa có dãy núi Alpes mà tí tặn chầu trời.

Xem bài đó thì biết ROUSSEAU cũng có tin-ngưỡng Thiên-chúa; người đương-thời trách ông giữ cái vô thần-chủ-nghĩa là sai vậy.

Bài « Tuyên-ngôn » này dài lắm, kỳ sau sẽ dịch.

(Còn nữa)

MẤY LỜI BÌNH - PHẢN VỀ ROUSSEAU

ta đã biết lịch-sử tư-tưởng và sự-nghiệp trước-tác của ROUSSEAU. Trong hơn một trăm năm nay, tư-tưởng ấy đã kết-quả ra sự-thực được nhiều, kết-quả hay cũng có, kết-quả dở cũng nhiều, hậu-thế thật đã có thừa tài-liệu mà phán-đoán về ông một cách xác-đáng. Tư-trung cũng có hai phái: phái bênh ông, phái phản ông; phái vì ông thì tuy cũng biết những cái dở

của ông, nhưng cho phần hay còn nhiều hơn phần dở, cái ảnh-hưởng tốt cho đời còn hơn cái ảnh-hưởng xấu; phái phản ông thời tuy cũng biết những cái hay của ông, nhưng cho phần dở lại nhiều hơn phần hay, cái ảnh-hưởng xấu cho đời lại hơn cái ảnh-hưởng tốt. Song cái thiên-kiến của những người này yêu hay cố ý ghét ROUSSEAU, ngoài ra phạm người kiến-thức đời

nay ở Âu-châu đều đã có một cái mới định-bình đối với ROUSSEAU : là cho ông là một bậc thiên-tài về văn-học, mà là một cái yêu - ma về tư-tưởng, đã đem cái văn-chương hay mà truyền-bá ra trong thế-giới những cái tư-tưởng mô-hở mộng-ảo, trong một trăm năm nay làm điên-đảo cả cuộc đời, bao nhiêu những sự hoạ-loạn bấy lâu phần nhiều là rắc mầm tư ông cả, cái công phá-hoại của ông thật là to-tát vô-cùng, mà cái công kiến-thiết hầu như không có gì vậy.

Các sách-vở bình-phẩm và khảo-cứu về ROUSSEAU kể hàng trăm nghìn quyển, họp lại thành được một cái thư-viện to. Có một quyển xuất-bản đã mười lăm năm nay, của ông Hàn-lâm JULES LEMAÎTRE, có ảnh-hưởng lắm, có kể nói là bán-bạc rất khâm-phá, thật đã định được cái dư-luận về ROUSSEAU. Xin trích dịch mấy đoạn như sau này để cho đồng-nhân biết kể tri-thức ở Tây-phương đối với một bậc đại-triết-phương Tây thế nào.

§ 17
2002

— Ông JULES LEMAÎTRE nói rằng :
« Trong lịch-sử văn-học nước Pháp, cái công trước-tác của ROUSSEAU phát ra không khác gì như một bệnh-dịch vậy. »

Lại nói rằng : « ROUSSEAU là nhà lăm-văn có cái tinh-cách « chủ-quan » hơn cả (le plus objectif de tous les écrivains). Ông nhất-sinh làm văn chỉ nói về Tả-ph, chỉ chăm-chút giải-thích cái tâm-linh của mình cho thiên-hạ rõ. Hết-thảy các sách của ông là những sách « tự-truyền » hết cả. Vậy mà ông lại còn soạn hẳn một bộ « Sám-hối lục » riêng, mà một bộ sách hồi ly-kỳ biết dường nào ! Nói rằng những lời sám-hối ấy là nhất-thiết thì nh thực cả thì không dám quyết, nhưng thật là thiết-tha, thật là rùng-rợn, lại có khi sô-sàng mà cũng rất bất-phác, kể nói về mình như thể thật cũng là bạo, nhưng dù thế nào cũng xứng là một bộ tự-truyện lạ-lùng và thú nhất tự xưa đến nay. »

— Tả về cái thân-thể bóng-lông của ông xong rồi, luận-giã kết rằng : « Ấy ROUSSEAU từ thừa nhỏ đến ba mươi tuổi làm người phất-phơ lơ-láo như thế. Vẫn biết rằng trong cái thân-thể đồ-dại ấy cũng có cái tinh-cách thuần-phác, cũng có cái bụng-dạ lương-hảo, và cũng có cái hoài-bảo to-tát về thế-đạo nhân-tâm ; và lại cũng phải lượng biết rằng những sự xấu-sa của người ấy chính là nhờ người ấy tự sám-hối cho ta ta mới biết. Tuy vậy làm người như thế cũng là con người khốn-nạn thật ; thừa ấu-niên và thừa thành-đồng thời lêu-lổng bấy-ba, phù-phiểm biếng-nhác, hay nói dối hay ăn cắp, — lần sau cũng ăn cắp rượu ở nhà M. DE MABLY, bấy giờ đã 28 tuổi đầu, — vốn theo đạo Tân-giáo, rồi lại theo về Cựu-giáo ; bỏ quê-hương, bỏ tôn-giáo của mình, mấy mươi năm bạng-thực vào một người đàn bà tuy bụng dạ tốt thật mà cách cư-xử không chính-đính ; lại thường đau ốm luôn, có bệnh thần-kinh suy-nhược, chữa điên mà thật là sắp-sửa điên, — ấy con người phất-phơ đó mà 29 tuổi đi lên Paris để tìm cách tiến-thân, rồi cách mấy năm dám cả-quyết ra tay cải-cách cho xã-hội, làm ông thầy dạy đạo-đức cho đời đó ! »

Nói về cái lý-thuyết giáo-dục của ROUSSEAU :

« ROUSSEAU có một cái tư-tưởng đặc-biệt, thật là trái với lẽ thiên-nhiên, là cái tư-tưởng cho rằng có một cách giáo-dục theo thiên-nhiên, cứ phép giáo-dục ấy thời cha mẹ không có quyền gì đối với con và ông thầy nào đã nhận dạy một người học trò nào thời phải hi-sinh cả đời về một người học trò ấy ; phép giáo-dục như thế mà thi-hành được thời khiến cho kẻ hậu-tiến cách-biệt với người tiền-bối, không được thụ-hưởng những cái công-phu và những cái tư-tưởng của người đời trước đã qua đi. . . »

« Nay cách giáo-dục ấy nếu không phải là khiến cho học trò hoàn-toàn nô-lệ với ông thầy, thời lại khiến cho đoạn-tuyệt quan-hệ với cả các lẽ-thói cũ. Lẽ-thói cũ là những cái tư-tưởng ý - kiến sẵn của ông cha truyền cho con-cái, tức là giảm bớt được cái thì-giờ học-tập cho con-cái. Làm cho cái công phu của đời họ điều-hòa và liên-tiếp với đời kia. Cứ nên dạy cho trẻ con những sự tin-tưởng của ông cha đời trước. Sau này chúng nó muốn bỏ đi sẽ tự bỏ; nhưng nếu phần nhiều cứ giữ mãi, thời sự liên-tiếp đời họ đời kia đó há lại chẳng khiến cho cái đoàn-thể xã-hội được thêm mạnh ra ư? một dân-tộc mà mỗi đứa trẻ ra đời phải cứ để cho tự-do mà phán đoán sự đời, phải tự mình chế-tác lấy một cái tôn-giáo, một cái luân-lý riêng, thời xã-hội ấy đến thế nào? Cậu Emile là một cậu bé ngoan, thật là ngoan lắm: nhưng già đến tuổi mười tám, cậu không nghe lời thầy dạy nữa, nào những thuyết về Thượn: - để cùng những lời tuyên-ngôn của ông cố đạo đất Savoie, cậu nhất-thiết không làm tai nghe cả, thời ông thầy nghĩ làm sao? Nếu cậu không được cái thiên-bẩm ngoan-ngoãn như thế, lại không gặp ông thầy nghiêm-nhất như thế, thời cậu thành đứa trẻ lêu-lồng đến thế nào? — Thành ra một đứa trẻ giáo-dục theo phương-pháp của ông ROUSSEAU thời chỉ một là làm một kẻ tin-dõ của ông thầy, hai là làm một kẻ hoang-phiếm không theo kỷ-luật gì. »

— ROUSSEAU mắc bệnh điên mà chết, điều đó đã chắc hẳn rằng. Ông JULES LEMAITRE nói rằng: « Hoặc-giả hỏi: — Làm sao ông mắc bệnh điên mà lại viết được một áng văn-chương rất hoàn-toàn, rất mỹ-lệ, mà rất cảm-động như bộ

« Mo-tưởng của người đi chơi có-độc » đó? Xin trả lời rằng: — Bệnh điên ấy có lẽ cả đời ông vẫn có, khi nhiều khi ít, nhưng suốt các thời-kỳ trong đời ông lúc nào cũng là điên cả. — Cứ xét ngay mấy năm về già ông điên là điên thế nào? Ông đa - tình, đa - cảm, dễ tin mà cũng dễ nghi, gặp người nào thì vồn-vã như người ta ruột-thịt với mình mà mình cũng cắt-dạ với người ta. Rồi thấy người bạn ấy không được giống như cái hình-ảnh mĩ-hạ tưởng-tượng khi trước, không thương - yêu mình bằng mình yêu họ, lấy làm đau lòng thất-vọng, tưởng người ta phản-trác mình; rồi nhân sự phản-trác mơ - hồ của mấy người đó, khái-niệm cho rằng hết thấy mọi người đều lập-tâm phản mình cả. Lấy tình-cảm mà biến-hóa sự-vật đi, rồi vội-vàng khái-niệm việc riêng thành việc chung, ấy cái bệnh-trang của ROUSSEAU là thế ... »

« Cũng bởi ông có cái bệnh cuồng như thế, nên thiên-hạ ham mê ông đến thế. Không kể ông vốn có cái thiên-tài văn-chương dễ cảm sáu người, nhân-loại xưa nay vẫn thế, khiến cho cái phần cuồng-lại phi-lý trong sách ông lại là phần có ảnh-hưởng ra đời mạnh lắm. Người ta ham đọc ông chính là bởi ông có cái giọng văn ngông-cường mà sán-lạn, chính là bởi cái thân-thể bóng-lóng lơ-láo, chính là bởi cái hồn đa-bệnh của ông nó truyền cho sách vở ông một cái giọng thiết-tha cả ý-động. Thật thế, cái phong-thú của ROUSSEAU là « cái phong-thú của sự phi-lý » (l'attrait de l'absurde). Vì sự phi-lý của ông có một cái thú riêng, là nó khiến cho tình-cảm ta đã chán-chường về cái chán-cảnh khôn - nạn, có thể vui-chả bày ra một cái mộng-cảnh mơ-màng để hẳn lại. »

MỘT QUYỀN GIA-PHẢ CÓ GIÁ-TRỊ (1)

Thế-đức-đường ký 世德堂記

(Hải-nam thư-hiến văn-tập 海南書軒文集)

III

Từ khi Trần-hầu đỗ-đạt ra làm quan đến giờ, phu-nhân chỉ ở nhà chăm việc cây-cấy tằm-tơ, trên thờ mẹ già, dưới nuôi con bé. Đến như cái cách nuôi con của phu-nhân thì lại càng đúng phép lắm, là con mình thì nuôi lấy, chứ không mượn vú sữa, sợ nó truyền-nhiễm cái tinh cái máu không tốt sang cho con. Một điều mẫu-đức ấy không những đáng làm phép cho các vị phu-nhân ít học về lối cũ mà chính là làm phép cho cả các vị phu-nhân có học về lối tối-tân nữa.

Cái sự-nghiệp vô-song của người đàn-bà ở đời là cốt phải gây-dùng lấy nòi-giống tốt cho xã-hội, mà cái hi-vọng, cái mục-đích đời người của người đàn-bà không chuyên-chú cả vào chút con thơ thì ở đâu; cái phận-sự người đàn bà không những để ra con mà lại còn phải nuôi con thơ, nuôi con thơ không những nuôi bằng sữa bằng cơm mà lại còn phải truyền-thụ cái đức hay máu tốt sang cho con nữa. Thế thì người đàn bà nhà phở-lưu không chịu nuôi con bú là khinh hết lòng ở với con mà không chọn bực-phận làm mẹ vậy. Cứ những lẽ đó các nhà y-sĩ ngày nay đã khảo-nghiệm thì người đàn bà phải nuôi con bú. Khi nào người mẹ có bệnh, ít sữa hay sữa xấu, nói tóm lại là bất-đắc-dĩ thì mới phải mượn vú sữa nuôi thay chi. Nhưng cái cách chọn vú sữa thì lại rất khó, là người vú phải béo tốt khỏe

manh, không có bệnh ngứa da và trong mình, không có bệnh truyền-nhiễm, cùng anh em cha mẹ huyết-thống gần của người vú không có bệnh truyền-nhiễm như: lao, hủi, v.v. Người vú lại phải: gang tuổi với người mẹ, cái kỳ « ở cũ » rồi cũng ngang nhau mà sữa phải trắng phải thơm mới có bổ-ích; lại phải xét người vú sữa không có tính gian, tính lẳng-lơ mới được. Như thế rồi phải trả công cho hậu-đề người ta khỏi lo ở nhà và cũng phải hỏi cách xử-trí với đứa con người ta thế nào cho khỏi tội-nghiệp, còn cách nuôi-nấng vệ-sinh cho người vú sữa thì phải y như đối với người mẹ đẻ.

Coi mấy điều đại-lược trên ấy thì xã-hội ta ngày nay, mấy người đáng đi ở vú sữa mà mấy người đã đáng nuôi vú sữa.

Nhân lại bàn đến người đàn bà trong xã-hội ta ngày nay, đại-khái có hai hạng là: người đàn bà ở nhà quê, thì tuy có nuôi con bú, nhưng cũng nuôi một cách cầu-thả, vì còn phải nai lưng ra mà gánh lấy cái gánh giang-sơn để cung-đốn cho đức ông chồng long-đông vào cái dậu-trường « mở bát » cùng gánh đưa lấy cái công-danh « cục đồng đeo vôi khổ ». Người đàn bà ở thành-thị may mà người đàn ông kiếm được tháng lương hậu thì bà vợ không những nhãng cả việc gia-chính mà « cai » ngay cái chức-phận nuôi con, vợ quàng lấy một

(1) Xem Nam-Phong số 101, 102

đưa vú rồi giao con thơ cho nó không thêm nhìn đến nữa, để cho mình chóng được son rồi, ăn chơi gần-gần người đàn ông cho thỏa.

Tuy vậy, khiến cho cái chức-phận người đàn bà sai-lạc như thế, đều bởi người đàn ông lười và không có tri-thức mà xui nên. Tôi nói thế không phải là quá-khắc, chính là cái diệu-kế gây-dừng chủng-tộc, hưng-khởi xã-hội mà các cụ ta đã làm rồi đấy, các ông các bà thử nghĩ mà xem.

Còn như việc tri-gia thì phu-nhân rất là cần-kiệm mà khi lâm-sự lại hay quả-quyết lắm. Lúc Trần-hầu còn đang làm Ngự-sử, vua sai đi « khản-chiến » cái trận đánh giặc Hậu-cơ ở Tam-tổng. Ở nhà Tôn-phu-nhân là Trần-thị tạ-thế, Phu-nhân bàn với họ-hàng rằng: « Tài trai lấy trung làm hiếu. Thầy Ngự tôi phụng mệnh vua đi khản-chiến, hiện nay đang ở trong chỗ hung-hàng. Việc chiến-tranh đang kịch, nếu được tin Cố tôi qui Phật, thì trong phương-thốn phải loạn, e lỡ việc quân-cơ, mà cũng vị-tất đã được về ngay lập-tức, chi bằng ở nhà cứ lo-liệu các việc hậu-sự cho sẵn, chờ mai-mốt chiến-cục đã tiệt thư, sẽ đưa tin về thầy Ngự tôi biết mà cáo về là ổn hơn cả. » Họ-hàng đều lấy làm phải. Phu-nhân bèn sắm-sửa lo tinh các việc hậu-sự chu-tất cả, mới báo tin Trần Ngự-sử biết.

Đến khi giặc Nanh nổi lên ở ngay bên hàng tổng, khi-thế mạnh lắm. Công-tử là Trần Tiến vì cái kế giữ nhà bèn viết một cái thư đưa cho Nguyễn Tuyên khuyên « nên chiếm-cứ lấy một giải hà-sơn để làm cái kế nhụ Đậu Dong 竇容 giữ đất Hà-tây ngày trước ». Nhưng giặc không nghe, cứ càng ngày càng thêm kịch-liệt.

Mấy giờ phu-nhân đã 56 tuổi, trai gái đầy đàn. Phu-nhân biết thế không

yên được, bèn bảo Công-tử rằng: « Cha con đang làm quan tại Triều, hiện đi chinh-thảo hạt Thanh-hoa, cách « trở sơn-khe hơn một năm nay, chưa biết âm-hao ra thế nào, thế mà giặc không những-nhiều đến nhà ta một tí gì, là nó có ý giữ lỏng mẹ con ta, « đề dụ cha con đó. Nhất-dán Triều « định cải-mệnh cho cha con về « tiểu vùng ta, lúc đó cha con với giặc « là thù-nghịch với nhau, tai-vạ không biết đến thế nào, nếu không tính « trước, mẹ e nước đến chân không kịp. « Vậy con phải liệu phương-kế đưa « em là thằng Hai lên ra Kinh trước, « tìm vào nơi các quan thân-tín với « cha con mà trợ và ngóng tin. Còn « mẹ với vợ mày và các em bé thì mẹ « lại tìm cách đi sau, mẹ làm thế nào « thoát được thì thôi, con không ngại. « Việc kịp rồi không tri-loãn được « nữa. » Công-tử vâng lời để tìm cách đưa em đi.

Nguyễn Công-tử có một người bạn thân là Trần Huy-Binh 陳輝平 người làng Mạn-nhuế, đỗ Nho-sinh trúng thửc, về cụ Quận Cần Hàm-giang, vẫn ở nhà có thông với bọn loạn-dăng. Công-tử bèn viết giấy cho ông Bình xin vài người đầy tớ để đưa người em trai ra kinh-dô, kỳ-thực Công-tử cũng đi. Khi hai con đi khỏi rồi, phu-nhân cho người em đường-dệ là ông Sinh đem lợn gạo sang lễ Nguyễn Tuấn 阮俊 và Nguyễn Tuyên để che-chở cho khỏi nhà họ Trần.

Ông Đồ em vừa đưa lợn gạo đi khỏi là thì phu-nhân cũng đem ngay đầu lợn lên sang chỗ thân-nhân ở làng Bạch-đa, rồi sang làng Quan-sơn Thanh-Hoà, được mấy bữa quả nghe tin Trần-Hầu đem quan về đóng ở Châu-sơn chỉ cách có nửa sông Lục-dầu là tới nơi, phu-nhân vội-vàng đưa con sang thì đã thấy hai Công-tử theo Trần-hầu về ở đình Châu-sơn đấy rồi, một nhà đoàn-

viên ở nơi quân-thứ, mừng-rỡ không biết chừng nào. Ngày mai Hầu lại cho lính đưa Phu-nhân, nằng dầu và các con bé về Kinh trọ, thật là :

Phấn sơn sẵn vẻ non sông,

Xuingười khuê-các cũng vòng trần-ai(1).

Bảy giờ giặc Nanh cũng biết tin Trần-hầu đem binh về đánh mình, lập-tức sai quân sang nhà thì vợ con Trần-hầu đã trốn khỏi cả rồi, giặc bèn lấy hết cửa-cái và đốt phá cả cửa nhà Trần-hầu cùng cả làng Rông nữa. Giặc Nanh lại còn làm một điều đối với Trần-hầu cực dã-man vô-vị mà thất-sách là sai quân đào phá mã bà Chính-phu-nhân là sinh-mẫu Trần-hầu. Trần-hầu được tin thống-khốc giờ lâu, thề cùng giặc Nanh chẳng đội trời chung.

Khi ấy quân Chính-phủ đóng ở đồn Châu-son huyện Quế-dương, cách-ngạn về quãng giữa sông Lục-dầu là thành Phao-son là đại-dồn của giặc, lại xếp xuống hạ-lưu sông Lục-dầu về hữu-ngạn một chi-lưu sông Thái-bình là làng Ninh-xá là quê-hương của giặc, đêm nào giặc Nanh cũng cho quân sang sông khiêu-chiến, hai bên đánh nhau vẫn nhùng-nằng chưa có trận nào thắng-phụ to. Quan Kiêm-thống-lĩnh là Quận Vinh, bèn hội chư-tướng lại đề mưu bàn việc thảo-tặc. Trần-hầu bày ra « ba chức công-phá » là : thượng-kế thì đem binh sang hạ dò Kênh-vàng đánh sộc vào làng Nanh là chỗ sào-huyệt của giặc ; trung-lưu thì theo con sông Nguyệt-hà lên đánh vào mặt sau thành Phao-son là chỗ lưng của giặc ; còn hạ-kế thì đi xuống sông Phả-lại lên đánh vào mặt trước đồn giặc.

Chư-tướng xem ba cái kế ấy đều phân-ván không dám quyết thế, kế

nào. Hầu phải giao cho chư-tướng mỗi người một bản đem về sở riêng nghĩ kỹ, ai muốn theo kế nào thì nói. Thượng-kế không ai dám theo, duy có Quận Bích xin theo trung-kế, quan Kiêm-thống-lĩnh liền thảo ngay bằng « cấp-phó » cho Trần-hầu điều-khiển.

Ngày 30 tháng bảy, Hầu đem quân theo sông Nguyệt-hà đi lên, lúc đổ bộ cho con thứ hai là Trần Lưu làm hướng-giáo đi về đường Côn-son 崑崙 ra mặt sau thành Phao-son, gặp giặc ở ngang đường, đánh nhau một trận dữ lắm, đại-quân đuổi à đến chân thành giặc, giặc kinh-loạn bỏ thành tâu-tán, thu được về-số lương-thực khi-giới đưa về Kinh hiến-tiếp, thế là phá được một đại-dồn trong hai đại-dồn của giặc rồi vậy. Triều-đình thưởng cho Hầu một cái ngân-bài.

Sang tháng bảy nhuận, giặc lại kéo đến đánh nhau với quan-quân một trận ở làng Đấp-khê và làng Linh-giang, giặc đánh thù-tử lắm, bên Chính-phủ phải rút, nhưng toàn-quân không sát-sát gì.

Bảy giờ quan-quân thì đóng ở bên Hà-bắc mà giặc thì đóng ở bên Hà-nam hạt Chi-linh, thường thường đánh nhau nhiều trận. Ngày 12 Nguyễn Cừ ở bên đồn Đô-lâm nghe tin Phao-son thất-thủ, phân-uất lên kéo hết quân về đánh khôi phục, giặc vây kín bốn mặt thành Phao-son. Trần-hầu ở trong thế dã nguy-cấp lắm, nhưng Trần-hầu cứ truyền quân trong thành vừa đánh vừa giữ để đợi viện-binh bên Châu-son sang, đánh nhau một ngày đêm. Đến lúc trời vừa tối, viện-binh mới độ hà sang qua sông Lục-dầu, tới bờ thì trong thành bắn ra tin ngay vào mắt Nguyễn Cừ, giặc đổ xô chạy rút.

(1) Hai câu này là dịch câu thơ của Tân-tiên — Cựu Nê Tân — lúc làm quan ở Kinh, vợ vào chơi rồi tiễn về : « 也可 能粉黛, 解教閨閣亦風塵. »

Khi Minh-dô-vương biết việc Quận Bích theo cái trung-kế của Trần-hầu mà lấy được thành Phao, hạ chỉ truyền cải ngay cho Hầu làm Tham-muru đạo quân Quận Bích. Lúc đó Hầu có ông bạn đồng-niên là Hải-bối-công 海貝公 làm Thủ-tướng, ông vốn là tri-ký của Hầu, nên Hầu được dịp tỏ bày hết thể giặc, cách công-thảo và những cơ-nghi thố-trí. Hải-bối-công đều nghe theo, và đều tấu-đạt lên. Minh-dô-vương cũng khen ngợi cả, giấy-mã ở Phao-sơn chạy ra Kinh, lắm lúc người mang giấy đi chứa về mà chỉ truyền đã ra tới nơi rồi.

Mồng 10 đi với Quận Bích can giặc ở vùng Lôi-động. Ngày 18 đến 21, vừa ba ngày đăm giặc mới tan hết.

Trận ấy có Bật-trung-hầu đi khán-chiến, trước ông nghe người ta gièm pha mà có ý ngờ Trần-hầu, nay ông thấy Trần-hầu hết sức trong chỗ nhung-hàng, mà không ngăn-ngại chút nào, ông mới cảm-phục, ngày mai ông vào chơi chỗ trú-sở, mà từ-tạ rằng: «Tiểu-nhân trước kia không xét kỹ, tin lời gièm-phạ mà có bụng ngờ Ngài, thực là tiểu-nhân phạm tội với Ngài.»

Giặc từ thua ở Bãi Chám rồi rút cả về làng Nành thủ-thế, ở đây ba mặt tây đông bắc cách sông cái, còn mặt nam thì đã đắp lũy và đã sai mai-phục cả các ngã. Trần-hầu cũng đem quân từ bãi Chám về đến Đò Bình. Hầu loan bảo cho chư-tướng rằng: «Bây giờ tất «giặc nó cho mai-phục cả các mặt «đường bộ rồi, ta mà sang thẳng bên «rồi kéo lên thì trúng kế nó không «sai, mà khúc sông này thì hẹp, ruộng «bãi «Chiền-nam» ở hai bên bờ sông «đều khô ráo, bất-nhược ta cho quân «cuốn cỏ im trống, tướng-sĩ đều hàm- «mai, đi dọc bờ sông tả-ngạn lên một «quãng rồi độ-hà sang bên kia, lại «đi dọc ruộng bãi đến tận sau làng «Nành mà đánh áp vào mới được.»

Chư-tướng đều nghi-ngờ không dám tin, Hầu phải nói thiết với quan Đốc-

lĩnh rằng: «Chư-tướng không tin lời tôi thì xin cho đi do thám địa-thế xem thế nào.» Quan Đốc-lĩnh sai 10 người thám-tử chở thuyền đi lên sang sông xem xét rồi về nói y như thế. Quan Đốc-lĩnh truyền chấp tối hôm ấy là ngày 22 kéo quân đi ngay, lúc ra đi chư-tướng lại nói: «Quan Tham đã hay bày ra chước này, xin ngài đi hưởng-đạo cho chúng tôi theo.» Hầu bèn đem đạo thân-quân của mình là «Mục tả-nhục cơ-binh 牧左銳奇兵» đi trước để đưa quan-quân độ-hà sang, kéo thẳng vào lũy tre làng Nành về mặt sông, quả-nhiên giặc không thiết-bị gì cả, quan-quân nổi hiệu đánh vào, giặc vội-vàng chống lại không kịp bỏ trốn sạch, quan-quân tiến vào phá tan cả đồn-lũy của giặc đi, giặc căn-cứ có đồn Phao-sơn với làng Nành, nay thất-thủ mất cả, nên lòng người ly-tán mà không làm gì được nữa.

Trận Phao-sơn, Hầu chỉ hoạch-sách rồi cho con đi hưởng-đạo, trận Ninh-xá này Hầu hoạch-sách ra thì chư-tướng đều nghi-ngờ, nên Hầu lại phải thân đi dẫn-lộ, hò-hét ba quân, khiến cho bọn nọa-binh kiêu-tướng rất phải miên-cưỡng nghe theo mà thành công, so với trận Phao-sơn, huân-lao lại càng gấp mấy, mà Hầu sở-dĩ quyết kế phá được hai cái đại-dồn sào-huyệt của Ngưu-ên Tuyền cũng là nhờ ở cái tính hay lu-ngoạn lúc thiếu-thời.

Hồ-đỗ là một người thổ-chước vùng ấy, ông hằng điếm-mộ cái phong-cảnh «Bãi hồ 湖» của non sông chốn quê-hương, cảnh-ngưỡng cái thanh-phong của các bậc danh-nhân đời trước. Như về tả-ngạn sông Bình-hà thì cái cò-đước còn phảng-phất cái giáo-thanh của vị Tiết-phu tiên-sinh là người hàng tổng về bên tả-ngạn sông Bình-hà trở vào thì cái cò-tháp của bà «Sao sa» thờ cái tinh-hy văn-chương của một vị tuyệt-thế giai-nhân: cái cò-độ bên Bình-hà ghi cái duyên chúa-tôi-gặp-gỡ của một ông lái thuyền than-

cái cổ-thành Phao-son ghi cái cuộc chiến-tranh Lê-Minh cùng Lê-Mạc; cái cổ-trách hoang-lương kia, vết đá còn in cái tinh-trung của một vị Thượng-tể; cái cổ-động Huyền-thiên nọ; nào đồng tro tàn luyện-đan của ông tiên Huyền-Quang; nào dãy thông hàng nghìn cây của ông thi-nhân lánh nạn cuối Trần; nào cái « am trúc » của một đấng Nguyên-huân ngâm-vịnh với cô nữ-học-sĩ lúc về hưu; cái làn sóng sóng Lục-dầu lớp xanh lớp đỏ rập-rờn trước cái cổ-viên Dực-lĩnh còn tưởng thấy cái uy-thanh của đấng anh-hùng cứu-quốc; lại cái vệt mây trắng xóa trên đỉnh núi Phụng-hoàng, còn học kín lấy cái cổ-bích 古壁 của cụ Tiên-ân để hiểu-trương cái đạo-học đấng danh-hiền; xung quanh vẫn nước non nhà, không chỗ nào là không đạo chơi quyền-luyện, mà địa-thể và đường lối đã thuộc lòng, nay vì am-hiền trận-đồ mà được thành công, mới biết cái thú ngao-du sơn-thủy thật có ích cho người ta nhiều.

Lại nói về quân với tướng của Chính-phủ lúc đối giặc thì dát như cây, mà lúc lâm-dân thì lại dữ như hùm, từ khi phá tan được hai chỗ sào-huyệt của giặc là Phao-son và Ninh-xá rồi thì càng thêm hoành-ngược, nhất là hai đạo quân của Bích quận-công với Đẳng-thọ-hầu, quân đã không có kỷ-luật, tướng cũng lại chẳng có hiệu-lệnh gì, tiếng là đánh giặc mà thực là cướp dân, dậu-lưu lại hai hạt Chí-linh và Thanh-lâm, dong-túng cho quân-sĩ vo-vết của dân không còn để sót một tí gì. Trần-hầu thấy dân-tinh chốn quê-hương, trước vì ngược-chính đã phải điều-tàn, sau vì thế bách mà phải theo giặc, nhiều-nhưng binh lửa, thực đã khốn thay, nay quan-quân lại càng thêm tàn-độc thì cái bụng kẻ nhân-nhân đối với nơi tang-tử thể nào mà không đến đau lòng. Nhưng hầu chỉ là một chức Tham-r ~~...~~ mới dùng

không có quyền cấm-chấp được những người thân-tín của chúa Trịnh, cực-chẳng-dã, Hầu phải ra miệng can xin hai ông Tướng kể tên trên kia, song can xin đã nhiều lần cũng chẳng ăn thua gì. Trong niên-phả nói rằng:

« Quận Bích thường khoe với người ta rằng: « Xứ đông khỏe mần tặc, tôi có một diệu-kế khiến cho xứ đông không bao giờ nổi giặc được nữa. » Ông nói thế là cái ý ông bảo lấy sạch của để cho người chết hết, còn lấy đầu mà làm giặc; họ nói không biết nghĩ, chứ nhân-loại có bao giờ « tuyệt-diệt hết được, dân cùng mà sinh trộm cướp, lại càng thêm hại, không bao lâu xứ Đông lại nổi loạn, « — Tướng Hảo — để Triều-dình phải lo-lắng đêm ngày đến mấy năm rồi mới dẹp yên thì cái chước của họ có quả là hay không? Hay là chỉ « khéo kiếm câu để che cái kẻ tham-lam tàn-bạo của mình đấy thôi. »

Vi vậy Hầu phải làm « khải » tâu lên, đã mấy thứ có chỉ truyền khiến-trách hai tướng mà cũng như nước đổ đầu vịt. — Trong niên-phả lại nói: « Không bao lâu Quận Bích ốm chết, Đẳng-thọ-hầu thì giặc bắn chết, thật là đạo trời không sai ». — Hầu càng thêm xót-sa buồn-bã không muốn đi tòng-chinh nữa, bèn dâng khải xin kiêm chức Phủ-tập Chí-linh và Thanh-lâm để chiêu-dụ dân hai hạt được về an-nghiệp như xưa. Ngày mồng 4 tháng chín tiếp chỉ truyền chuẩn cho. Nhưng việc cũng quá mất rồi, bọn dân siêu-tán kia, lưu-ly đôi khát ra khắp bốn phương, mười phần không còn được một, thương thay!

Bấy giờ chu-tướng đều phải cử-binh đi tiến-thảo các ngã khác, chỉ còn Trần-hầu đóng lại để phủ-tập Chí-linh Thanh-lâm là hai hạt dân nhà. Minh-đô-vương giá-hạnh về xem quân-thứ, đóng ở đồn Châu-son, triệu Hầu sang hỏi việc, cho ngồi ăn cùng mâm với quan Thủ-

tướng, trò-truyện ôn-tồn. Loan-giá lại sang đồn Phao-sơn, truyền cho Hầu phải đỗ thuyền ở bến dò Phả-lại suốt ngày đêm để bắt-thời tuyên-triệu, quỵến-cổ rất thân-mật. Có một hôm Minh-đô-vương đi tuần-du xem hình-thể huyện Chi-linh, Hầu dẫn hai toán thân-quân của mình đi hướng-đạo, qua chùa Sùng-nghiêm đến Bãi-Chám, vương thấy núi rừng hiem-yếu, ngoảnh lại bảo Hầu rằng: « Đây tức là Hoa-dung-đạo đó. » Về đến « hành-tại », có tin quan-quân Nam-đạo bị giặc Ngân-giá đánh thua, các vùng gần kinh-dô cũng giặc cướp như kiến cỏ, vương triệu Hầu vào, đuổi cả tả-hữu ra mà nói với Hầu rằng: « Ta muốn đi thân-chinh để kể cái huân-liệt của các Tiên-vương ngày trước có nên chăng. Thầy nghĩ hộ ta xem? » Hầu thưa rằng: « Xin loan-giá trở lại kinh-sur để trấn lấy nhân-tâm mà giữ lấy căn-bản đã, còn thì chọn một viên thân-huân đại-thần lưu lại để đốc chư-tướng mà thôi. » Vương hỏi: « Đại-thần thân-huân là ai bây giờ? » Vương lại kể tên người họ người kia để tỏ ý đều là những người không làm gì được.

Hầu thưa rằng: « bắt-dắc-dĩ thì mượn lấy cái người có vị-thế để gọi là đủ hiệu-lệnh cho tướng-sĩ thì thôi. » Vương lấy làm phải, bèn truyền sắp sửa hồi-loan, lưu quan Trung-khuông Hinh, quận-công 中匡炳郡公 động lại Phao-sơn để đốc-chiến. Trần-hầu thì làm Tham-mur, rồi lại trừu Quận Bình về mà cho Phùng-thọ-hầu 馮壽侯 thay.

Giặc Nành từ khi vỡ mất sào-huyệt, tản-mát đi các ngả, thời-thường xuất-một về mạn đông-nam, nên lại có chỉ sai Trần-hầu đem binh đi với Đốc-chiến là Quận-Khôn 漆郡公, Phó-đốc-linh Phùng-thọ-hầu qua Lương-tài, Cầm-giang, tiến-công về vùng Đông-an, Văn-giang, Thiên-thị và Kim-dộng.

Về Nam-đạo thì Minh-đô-vương cũng đi thân-chinh giặc Ngân-giá, bách-quan,

lục-quân 六軍, đều đi hỗ-tụng, trong kinh-thành không còn ai là người giỏi. Nguyễn Tuyền biết tình, bèn đại-hội quân Nguyễn Cừ, Vũ Trác-Oánh và các đạo lại đến hơn mấy vạn, rồi kéo từ Phúc-long qua Đông-triều lên tới tả-ngạn sông Cái định sang lấy kinh-thành; về vùng Từ-liêm cũng đã nhiều người âm-thụ hiệu-lệnh của gác làm nội-ứng rồi, mà Triều-dinh cũng còn chưa biết gì cả. Hai đạo quân của Bích-quận-công với Đẳng-thọ-hầu thi xuống cần miền Thất-quận. Vùng ấy sẵn cau đang mùa lại gặp trà banh, hai ngài còn mãi cho quân bở rở nhiều cau phơi khô, để đưa về nhà, cho nên giặc kéo lên đi qua giới-hạn mà cũng không biết.

Trần-hầu từ khi đi đánh giặc, bao giờ cũng vẫn có một đội thân-nhân đi mật-thám. Bấy giờ Hầu đã đang ở vùng đông-am, tiếp quân do-tham về báo, Hầu liền hội chư-tướng lại mà bàn rằng: « Chúng ta phụng sai ra mạn đông-nam này mà nay gác nó kéo lên mạn tây-bắc. Đại-giá lại đi viễn-chinh, chỉ có lương-cung ở nhà giữ kinh-thành, tướng-sĩ phòng-ngữ ít-ỏi lắm, kẻ thần-tử biết tin nguy-cấp phải liệu mình vào chỗ lửa than mà cứu-cấp, có lẽ cứ ngồi khiết-nhiên mà cầu-nệ cái nghĩa « không có lệnh truyền » hay sao? Vậy tôi bàn với các ngài, ta kẹp đem quân theo hút ngay giặc về để tỏa cái nhuệ-khi của nó đi, thì các ông nghĩ sao? » Chư-tướng đều xin vâng lệnh, nên đem hết quân về. Khi đến làng Đồng-lượng bắt được một tên đem lương của giặc, nó nói rằng: « Giặc nó biết quan-quân thế nào cũng theo về, nên nó định ngày mai đánh tan quan-quân đi rồi mới độ-hà ». Hầu nghe tên ấy nói, lập-tức bàn với chư-tướng rằng: « Ta phải dùng cách « làm nước trước » mới được, vả giặc thì nhiều mà ta thì ít, phải nhân lúc nó bất-y mà đánh thì được. » Chư-tướng đều vâng

theo. Bấy giờ toàn-quân chỉ có bảy cơ-đội không đầy ba nghìn người, Hầu bèn đòi đội thân-quân vào dặn kể rồi hạ-lệnh nửa đêm tạo-phạn, đầu trống canh năm nghe nổi hiệu thì ò ra đánh ngay.

Về phần Triều-dinh khi nghe tin Nguyễn Tuyền kéo lên sắp tới Bồ-đề, bèn phái Quận Vịnh đem binh đi án-ngũ, đạo tiền-quân Quận Vịnh bị giặc đánh thua ngay ở địa-phận làng Xuân-canh, làng Tiên-hội, vì vậy giặc càng thừa-thế, kéo lên đóng ngay bắc-ngạn sông Bồ-đề, đốt hết cả cửa nhà của cư-dân ven bờ sông, khói lửa bốc lên ngùn-ngụt ngất trời, trong kinh-thành sợ-hãi quá, các nhà vương-hầu văn-võ và các nhà phường-phổ kéo nhau vào ẩn ở các làng nhà quê huyện Thanh-trì. Giặc sai trống nó là Tây Thống-linh Trần Du đem nghìn quân theo đường Hoàng-xá, Thụy-hương về bắc-ngạn, bắt hết các thuyền buôn cho chực sẵn ở bờ sông để sắp-sửa độ-hà; quân du-binh của giặc đã có toán lẻn vào cửa tây rồi, tình-hình trong kinh nguy-ngập lắm.

Đêm hôm ấy gió bốc to lại thêm mưa phùn, rét công cả chân tay, trời tối như mực, đường trơn như mỡ, mới sang canh năm, nghe trong mạc-phủ vừa nổi rứt một hồi chín tiếng trống thì tiếng reo vang trời dậy đất, từ phía đông ra, đổ xô vào trại giặc mà đánh, giặc kinh-hoảng thức dậy, nghe tiếng quan-quân reo nhiều lắm, sợ-hãi sáo lẫn lên nhau mà chạy, không những bên giặc không biết, đến chính ngay trong bọn quan-quân cũng nhiều toán nghe tiếng reo không biết mới lấy quân thêm ở đâu về mà chống và nhiều thế, đua nhau đuổi giặc đến làng Phù-lưu và làng Đình-bảng, đánh một trận to, giặc mới chịu H^ở mà chạy, bắt được vô-số súng-dạn khí-giới. Sáng ngày ra giặc mới biết là số quan-quân có ít, nhưng chưa có cơm, đói

bụng không đánh lại được nữa, quan-quân vừa bắn vừa kéo về đóng ở bắc-ngạn sông Bồ-đề để đương thanh-thế. Cái tiếng nhiều người reo lúc canh năm khiến cho giặc phải hoảng, quan-quân nức lòng, là tiếng những anh phu khiêng lương với những chị hàng qua quân-thứ mà Trần-hầu sai thân-binh bắt giữ cả lại một chỗ từ chiều hôm qua để chùng reo họ vào cho đông đó.

Về đến ngang đường đã gặp lính công-mã ở Kinh ra, vì trong Kinh nghe thấy tiếng súng bắn nhau, biết là viện-binh, nhưng không hiểu thẳng-phụ, nên cho ra thăm xem, bọn lính công-mã đi đến Gia-thị thấy có quan-quân, dừng ngựa lại đằng xa mà hỏi to lên rằng: « Có phải đạo binh quan Trinh Thống-linh đấy không? » Trần-hầu đang ăn cơm, thưa to lên rằng: « Chỉ có đạo binh Phao-sơn của Phó-đốc Phùng với Tham-mưu Trần đánh giặc thẳng trận về đây, chứ không có « Trinh trùng » nào cả. » — Vì đạo binh quan Trinh bấy giờ đang ở Hồng-châu nên người ta tưởng là biết có giặc mà về cứu-viện — Công-mã về báo, Triều-dinh mừng lắm, kinh-thành mới khỏi sợ. Vương-mẫu sai quan đem thưởng cho Trần-hầu mười nén bạc. Hầu phân-phát hết cả cho trong quân, ai nấy đều cảm-phục. Đó là việc ngày 23 tháng 11 năm Cảnh-hưng nguyên-niên Canh-thân (1740).

Chiều hôm ấy Minh-dô-vương cũng về tới Kinh. Khi còn ở hành-tại quân-thứ Nam-đạo, nghe tin giặc bức kinh-thành, vội-vàng ám-hiệu hồi-loan, về đến Kim-lan (金蘭), nghe tin lành mừng lắm, khen tám-tắc mã, cho là « khai-quốc chi công », về đến phủ lập-tức cho thuyền rồng sang dinh Bồ-đề triệu Trần-hầu với Phùng-thọ-hầu vào Ngụ-lâu. Vương khen-lao mã mà rằng: « Hầu không cầu-nệ chỉ truyền, cứ việc tiến-thoái để phá giặc, thực

là đại-hợp cơ-nghi. » Bèn thưởng cho một cái thẻ bạc và thăng chức Kinh-bắc-xứ Thừa-chính-sứ 京北處承正使.

Ý-giả chúa Trịnh ngoài miệng thì khen Hầu là đại-hợp cơ-nghi mà trong bụng thì cũng ngại-ngại Hầu về cái chỗ đại-hợp cơ-nghi ấy, cho nên cho là khai-quốc chỉ công mà chỉ dãi cho một cái thẻ bạc và thăng cho một trật mà thôi. Nhưng Hầu thì cứ thản-nhiên như không, không cốt vị tước-(huởng mà mới làm điều nghĩa-vụ vậy.

Đương buổi binh-tranh rối-rit, chúa Trịnh đã từng khen ngợi cái tài-lược của Trần-hầu mà vẫn không chịu chuyên-ủy cho một phương-diện nào, nay đây mai đó, canh-cải bất-thường. Hầu chỉ những chồn chân bốn-mệnh mà cũng đủ nhọc. Ngày 23 hiến-tiếp ở Ngự-lâu, 24 sai đi với Quận Nhị đuổi giặc ở Đông-ngàn Cổ-loa, 26 lại cải đi Tân-lý đạo binh Trịnh Quân-công ở Hạ-hồng, Mồng chín tháng chạp mới ra đến làng Thời-cử thì đã hai ba tin công-mã hỏa-tốc triệu về hành-tại, vì lúc ấy Trịnh-chủ lại giá-hạnh vùng Đông-bắc, Hầu vào yết hành-tại ở xã An-nhân, Vương hỏi những tướng giặc hiện nay ở đâu, và cách công-thảo nên thế nào. Ngày 12 Loan-giá nghỉ ở làng Long-khâm, triệu Hầu với quan Thượng-thư Kim-lũ vào châu, bèn sai Nội-thần tuyên-chỉ cho

Hầu thăng Công-bộ Thượng-thư. Lúc đó Vương muốn di thân-chính mà Hầu là người kinh-lịch chồn hàng-trần, nên đại-dụng lên để cho đi hộ-tụng đó. Nhưng Hầu biết Minh-dó-vương vốn cả nghe mà mình là người quả-hợp, nên cố từ ba bốn lần mới được chuẩn-cải ra Lại-bộ Thị-lang. Lại sai đi Hiệp-lĩnh đạo quân Đàng-thọ-hầu và kiêm quản một đội thuyền mảnh gọi là Tả-kiên-mảnh-đội mà ban cho năm nén bạc.

Ngày 16, Hầu nhận được đem binh trở về bản-đạo Phao-son mới tiện đường rẽ về thăm nhà.

Hơn hai năm nay, thanh gươm cật ngựa, trở-cách dậm nghìn không kể, từ cuối tháng tám đánh phá được sào-huyệt giặc Nanh ở ngay bên hàng tổng, đến nay đã ba tháng trời mà không được rẽ về thăm nhà, nay về thì cửa-nhà làng-mạc chỉ còn trơ ra một đồng tro tàn, đến một năm tiên-hài cũng phải phơi mưa dãi nắng, Hầu khóc lóc giờ lâu rồi tìm vào trọ ở một cái nhà ngoài cổng làng, an-tàng phần mộ bà cụ cố mà giặc khai-quật lên, xong rồi cho mời những người làng xiêu-tán mới về đến để an-ủi cho vũng-lòng trong khi loạn-lạc.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT



ĐÀN BÀ ĐÔNG-PHƯƠNG (1)

IV

10. — Bá-Doanh phu-nhân

Đời Xuân-thu có nàng Bá-Doanh 伯嘉. Nàng là con gái nước Sở, là vợ vua Bình-vương, mẹ vua Chiêu-vương. Nước Sở khi đó gặp lúc suy-đời, mà vua hãy còn bé. Quân nước Ngô sang xâm-lấn nước Sở, vào đến tận quốc-đô, vua Chiêu-vương nước Sở phải trốn chạy. Ngô-vương là kẻ hiếu-sắc, khi vào nước Sở, cứ lần-lượt đi đến từng cung, ngự các phi-tần, cưỡng-bách làm vợ. Bấy giờ đến lượt vào cung Bá-Doanh. Bá-Doanh tay cầm một con dao nhọn và sắc, mà miệng thưa với Ngô-vương rằng : « Thiếp tôi nghe có lời rằng sống mà nhục, không bằng chết mà vinh. Nếu nhà vua bỏ những điều lễ-nghĩa làm tiêu-biểu cho dân đi, không xứng-đáng là vua, thì lấy gì để trị nước. Nếu thiếp tôi cũng có cái dấu vết dâm-ô, không xứng-đáng làm người, thì lấy gì để sống ở đời. Thế là làm một sự mà nhục cả đôi bên, không những thiếp tôi nhục, mà nhà vua cũng nhục. Thiếp tôi xin cố chết giữ-gìn, để tránh khỏi những điều nhục ấy. Cho nên thiếp tôi không dám phụng-mệnh vua. » Ngô-vương phải hổ-thẹn mà lui ra. Sau nước Sở liền khôi-phục được nước, mà Chiêu-vương lại về, mẹ với con, nhà với nước, lại được như xưa.

Lời phê-bình

Cò kim ở đời chỉ có chữ vinh chữ nhục, mà người đời ai chẳng biết tránh đường nhục mà cầu đường vinh, không ai tránh đường vinh mà cầu đường nhục bao giờ. Thế mà lạ thay ! trông ra cuộc đời, trên đường vinh vẫn thấy loạn-thoảng

ít người, trên đường nhục vẫn thấy đông như hội, đi như đi chợ, vì có sao ? Vì trên vinh nhục hai đường, vẫn thường có đám sa-mù lợi-dục, nó làm cho người ta hỗn-độn tối-tăm, quên cả mất cầu-liêm-sĩ ; muốn trông cho rõ vinh-nhục hai đường, thì phải có một thứ nhãn-kính vô-hình chế-tạo bằng danh-dự-tâm mới được. Nhưng cái vinh với nhục ở đời, nguyên cũng không có định-hình, chẳng qua là theo cái danh-hiệu tốt-đẹp hay là xấu-xa mà định-nghĩa đấy mà thôi. Tội-dụ như kẻ làm quan, thành-danh là kẻ đại-biêu chung cho quốc-dân thì vinh, thành-danh là kẻ nô-bộc riêng cho đồng tiền thì nhục. Lại thí-dụ như kẻ đàn-bà, thành-danh là gái giang-hồ thì nhục. Lại thí-dụ như kẻ nhà-nho, thành-danh là kẻ bán-nho thì vinh, thành-danh là kẻ hủ-nho thì nhục. Lại thí-dụ như kẻ học-sinh, thành-danh là người học-sinh ái-quốc thì vinh, thành-danh là người học-sinh vong-tổ thì nhục. Nay nhân truyện này có đề-kiởi lên chữ vinh-nhục, mà suy-luận cho rộng ra. Than ôi ! bà Bá-Doanh ở dưới chín tuổi, có thể ngồi dậy được không ? Nếu có thể ngồi dậy được, thì ngồi dậy mà xem cuộc đời. Ngồi dậy mà giải-thích lấy hết nghĩa vinh-nhục cho cuộc đời.

11. — Cung-nữ Ban-Tiếp-dự

Ban-Tiếp-dự 班婕妤 nguyên là con gái quan tả-tào-ky-uy là Ban-Hướng, thừa-bé là người có tài mà hiếu-học, vua Thành-đế nhà Hán tuyển vào trong cung, được vua yêu-lắm. Vua thường đi ra chơi chỗ hậu-đình, muốn cho

(1) Xem N.-P. 101, 102, 104.

Tiếp-dur ngồi cùng xe. Tiếp-dur tức-chối rằng : « Thiếp thường xem những bức đồ-họa cổ, những ông vua thánh-hiền, thì kẻ danh-hiền ở bên cạnh ; đến những ông vua hôn-ám, mới thấy có người con gái yêu ; nay vua muốn cho thiếp ngồi cùng xe, chẳng hóa ra gần giống như đồ hôn-ám đấy ư ! » Vua khen lời nói là phải mà vua thôi. Sau vua say-mê một người con gái đẹp là Triệu Phi-Yến, Phi-Yến bày kế gièm-pha, mách với vua rằng Tiếp-dur hay tin sự tà-ma, thường dùng lời nguyên-rửa. Vua tra hỏi Tiếp-dur nguyên-rửa những gì. Tiếp-dur thưa rằng làm điều trung-chính, còn chữa được phúc, nữa là làm sự tà-ma, thì có mong gì ; quỷ-thần mà khôn-thiênng, chắc là không nghe những lời nguyên-rửa của người ta, nếu quỷ-thần mà không khôn-thiênng, thì nguyên-rửa cũng vô-ích. Vua lại khen lời nói là phải mà vua tha.

Thành-đế là một ông vua nửa giác nửa si, biết khen lời Tiếp-dur, đó là phần giác ; nhưng vẫn mê con Phi-Yến, đó là phần si. Sau Tiếp-dur có nghĩ bụng rằng mình là kẻ trung-chính, kẻ kia là kẻ yêu-ma ; nếu chen-chúc ở trong vòng ân-ái mãi, thì lâu ngày chắc có sự nguy-hiêm. Mới khấn-cầu với vua xin ra ở Tràng-tin-cung để phụng-dưỡng bà Thái-hậu. Nghĩa là từ rày khép cửa phòng thu, chẳng tu thời cũng như tu khác nào.

Khi ấy Tiếp-dur có làm ra một bài thơ vịnh quạt để tự-tỉ rằng :

新製齊紈素。
 Luot trắng mới dệt ra,
 皓潔如霜雪。
 皓潔如霜雪。
 Trong-sạch như sương tuyết.

裁爲合歡扇。
 Chế làm quạt hợp-hoan,
 團圓似明月。
 團圓似明月。
 Tròn tựa khuôn minh-nguyệt.

出入君懷袖。
 Gập mở trong tay vua,
 動搖微風發。
 動搖微風發。
 Phe-phây động gió mát.
 常恐秋節至。
 常恐秋節至。
 Chỉ sợ tiết thu đến.
 涼飄奪炎熱。
 涼飄奪炎熱。
 Khi lạnh lẫn khi nhiệt.
 棄捐篋笥中。
 棄捐篋笥中。
 Xếp bỏ trong góc hòm,
 恩情中道絕。
 恩情中道絕。
 Ân-tình nửa vời tuyệt.

12. — KỶ-NỮ ĐỔ-THẬP-NƯƠNG

Về hồi Vạn-lich nhà Minh, đất Tịch-đông có một chàng Lý-sinh, là con một ông quan Mỗ, đem của di chơí đất Bắc-ưng, cùng với một ả trai giáo. phường là Đổ Thập-nương 杜十娘 tình-sái thiết lắm, vãng-lai kẻ đã hằng năm. Khi ấy Lý-sinh hết của, thành ra một cậu công-tử xác ; người mẹ-gia trong giáo-phường thấy sinh đi lại mãi lấy làm chán-ngán, nhưng mà sinh với Thập-nương hai người giao-kết càng đậm-đà. Thập-nương nhan-sắc phong-thái kẻ là tuyết-phẩm trong đám Binh-khang, lại kiêm cả đàn-sáo, hát-múa hay nhất một thời, những khách phong-lưu niên-thiếu ở đất Tràng-an bấy lâu vẫn mượn Thập-nương để giúp về cuộc hoa-nguyệt đó. Mẹ-gia bực về nỗi Lý-sinh cứ tru-liên, mới nói ra nói vào có ý gắt-gông ; Lý-sinh chỉ một niềm kính-cần như trước, lâu mãi mẹ-mắng-mỗ si-nhục, Thập-nương cũng không yên-tâm, sự-linh mình không thể không nói ra được, mới thề với mẹ rằng xin đem thân ủy cho Lý-sinh. Mẹ nghĩ bụng rằng Thập-nương nó cũng không phải là con mình đẻ ra, mà giữ lấy nó mãi ; nhưng nó muốn xóa tên trong giáo-phường, thì phải có năm ba trăm lạng vàng chuộc lại mới được. Duy mẹ cũng biết

rằng Lý-sinh đã là tuồng xơ-xác, trong túi không có một đồng một chữ nào. Mẹ mới nói dứ đề giễu Thập-nương rằng mày có thể bảo được tình-lang mày nộp lại cho tao ba trăm lạng vàng, thì đồng tây nam bắc, mày muốn đi đâu thì đi. Thập-nương ngậm-ngùi mà nói rằng Lý-sinh tuy lưu-lạc chỗ đất khách, ba trăm lạng vàng hoặc cũng có thể biện được ; nhưng chỉ sợ rằng vàng không phải là thứ dễ biện, nếu khi biện được vàng mà mẹ lại phụ ước thì biết tính sao. Mẹ thấy sinh là đồ cùng, có ý khinh. Bấy giờ ngọn đèn vừa nẩy hoa, mẹ trở vào hoa đèn cười nhạt mà nói rằng vàng buổi sớm vào, thì mày buổi chiều ra, ngọn đèn nẩy hoa là cái diềm Lý công-tử lấy được mày đấy. Đến nửa đêm, Thập-nương khóc-lóc bảo Lý-sinh rằng lang-quân tiền đã hết rồi đành không đủ mưu được sự tôi ; nhưng trong bè-bạn của lang-quân có thể giúp cho lang-quân khi hoãn-cấp được phần nào không. Lý-sinh nói vàng, vàng, bụng tôi cũng tính thế. Sang ngày mai, Lý-sinh buộc đồ hành-trang đi, đi khắp những nơi bè-bạn van-vỉ hỏi vay. Bè-bạn đều cho Lý-sinh là kẻ lu-bù bấy lâu có tiền thì chơi hết, bấy giờ mới cười vợ, chửi chắc đã thật ; vả lại ông thân-phụ Lý-sinh gian sinh du-dăng, đã làm giấy từ con rồi, nay nếu cho sinh vay, không những không giúp sinh được việc gì, mà lại về sau thì hỏi vào đầu. Bè-bạn đều từ chối không cho vay. Sinh bơ-phờ vài tháng tay không trở lại. Thập-nương suốt đêm than-thở rằng lang-quân quả không biện nổi một đồng tiền đấy ư ; trong cái nệm tôi có vàng vụn một trăm năm mươi lạng, để ở trong chỗ viền xanh, sáng ngày mai lang-quân lẳng-lặng cầm đi, rồi biện thêm đề thứ-đệ giao cho mẹ, tôi chỉ có chỗ ấy mà thôi, ngoài ra thì tôi không lấy đâu được nữa. Sinh mừng lấy làm

trân-trọng lắm, cầm nệm ra đi, nhân đem cái nệm ra tháo lấy vàng phò với bè-bạn. Bè-bạn bấy giờ mới thương Đổ Thập-nương là kẻ có tâm, kẻ nhiều người ít đều đem vàng cho sinh vay, nhưng chỉ được có một trăm lạng. Sinh về khóc bảo Thập-nương rằng kể tôi cùng rồi, biết kiếm đâu được năm mươi lạng nữa ? Thập-nương nói chàng chớ lo, sáng mai tôi sẽ sang nhà chị nhà em bên láng-giềng vay thêm. Đến kỳ nộp vàng, quả được năm mươi lạng nữa ; cốp nhặt các món vàng, đủ số đem dâng cho mẹ, mẹ quả-nhiên toan phụ-ước, Thập-nương vật-vã khóc-lóc bảo với mẹ rằng trước mẹ đòi Lý-sinh ba trăm lạng vàng, giờ vàng đã đủ số, mà mẹ lại ăn lời, thôi Lý-sinh cầm lấy vàng đi đâu thì đi ; tôi từ đây xin tình bà quyền-sinh quyết không sống nữa. Mẹ sợ rằng người với vàng đều mất cả, mới vội-vàng nói rằng y-ước y-ước, duy mọi đồ nữ-sức, kim-ngân châu-ngọc cho đến là-lượt gấm-nhiều, tự đầu đến gót, đều không phải là của mày, mày không được đem cái gì ra khỏi cửa tao. Thập-nương bằng lòng vàng lời.

Sáng ngày mai, Thập-nương bới tóc trần mặc áo vải, theo Lý-sinh xuất-môn, qua các nhà chị em từ-giã ly-biệt. Các chị em đều than-thở rằng Thập-nương là kẻ lĩnh-tự trong đám phong-lưu một đời, nay đi lấy chồng mà lam-lũ xuất-môn như vậy, chẳng phải là xấu chàng hồ ai đấy ư. Rồi chị em đều lấy những đồ nữ-sức của mình tặng cho Thập-nương, trong khoảng phút-chốc, trăm xuyên giày áo, xán-lạn như mới. Các chị em lại bảo rằng Thập-nương với lang-quân nghìn dặm xa khơi, mà không có một thứ gì làm đồ hành-lý, lại chung nhau tặng cho một cái hòm trong hòm có những gì, thì Lý sinh không biết, mà Thập-nương cũng giả cách làm không biết. Ngày đã xế chiều, các chị em với Thập-nương

đều gạt nước mắt mà làm lễ trang-biệt. Khi Thập-nương đến nhà trọ Lý-sinh, thì bốn vách tiêu-diêu, Lý-sin chỉ giương mắt ngồi trông bộ giường ghế mà thôi. Thập-nương tháo ống tay áo bên tả ra lấy hai mươi lạng vàng, bảo Lý-sinh rằng cầm món tiền này để chi phí về việc thuyền xe. Sáng mai Lý-sinh đi biện đồ xe ngựa, ra khỏi cửa Sùng-văn đến sông Mộ-hà, đáp thuyền quan, khi đến thì vàng thuyền đã vữa hết. Thập-nương lại tháo ống tay áo bên hữu ra lấy ba mươi lạng vàng, bảo Lý-sinh rằng cầm món này để chi phí về việc ăn. Đáp thuyền quan từ mùa thu đến đông, đã hồ đầy vài tháng. Đi đến Qua-châu, mới rời thuyền quan, đi riêng một chiếc thuyền nhỏ, buổi chiều thuyền còn đỗ bến, sáng mai mới định khởi-hành. Đêm hôm ấy, sáng trăng vắng-vác, dáy nước long-lanh, Lý-sinh bảo Thập-nương rằng tự lúc ra khỏi đò-món đến giờ, vẫn nép đầu nín tiếng, bây giờ được chiếc thuyền riêng, há còn sợ ngại gì; vả chẳng cái cảnh thủy-nguyệt ở Giang-nam, sao bằng cái cảnh phong-yên ở Giang-bắc, há nữ tịch-liêu thế à? Thập-nương cũng nghĩ rằng hình-tích mình núp-náu đã lâu, phần thì bi-thương về màu quan-san, phần thì cảm-giác về cảnh giang-nguyệt. Mới cùng sinh cùng ngồi ở dưới trăng chỗ đầu thuyền; sinh cầm chén rượu hát lên một điệu trước, Thập-nương cũng sẽ-sẽ lên tiếng, rồi hát lên một điệu, chìm bổng véo-von, thật là oanh kêu vượn hót nào tày. Bên thuyền láng-giềng có một chàng thiếu-niên, nguyên là anh lái muối, bán muối ở đất Tân-an, cuối năm sắp-sửa về đất Tân-an, tuổi chạc độ hai mươi chẳng hạn, cũng là một đũa phong-tinh, trong làng chơi đã bầu cho là một bác chum khinh-bạc. Chàng Tân-an khi ấy rượu vừa say, nghe giọng hát, tinh động hồn bay, mà tiếng hát đã dứt, rồi suốt đêm không ngủ. Đến tang-

tảng sáng, chợt có trận phong-tuyết to, thuyền-bè đóng đầu đóng đấy, không nhờ neo đi được. Chàng Tân-an dòm sang thuyền Lý-sinh biết trong thuyền có cái vật lạ. Mới ăn-vận chững-chạc, bước ra mạn thuyền mà hát lên mấy tiếng. Lý-sinh đẩy mũi thuyền ngoắt dần ra trông bốn bên, thì thấy trong đám tuyết-sắc trắng xóa, có một chàng thiếu-niên, chàng thiếu-niên liền gọi sinh sang thuyền khoản-khúc làm quen, lại tức khắc mời sinh lên trên bờ, vào hàng rượu uống rượu đàm-tâm. Chàng thiếu-niên đó tức là chàng Tân-an. Rượu say, chàng Tân-an sẽ hỏi Lý-sinh rằng đêm hôm qua cái người hát hay ở bên thuyền công-tử là ai đấy, tên là gì. Lý-sinh đem sự thực nói. Lại hỏi công-tử sang sông, thì về liền nói công-hương đấy dư? Lý-sinh nét mặt buồn-bã, nói ra cái có mình khó về được công-hương, người mã-nhân ấy cũng toan diu-dặt với mình ở chỗ Ngô Việt sơn-thủy chi-gian. Chén rượu gạt-gù, thổ tận tình thực, đầu ngành cuối ngon, không phải đợi ai khảo mà tự mình lại xưng. Chàng Tân-an nghe đã rõ tình, cũng làm ra nét mặt buồn-bã, tựa-hò vị Lý-sinh chia sự lo buồn, mới bảo Lý-sinh rằng: « Công-tử ơi! thân công-tử là thân bình-bồng, mà tay công-tử mang cành đào cành lý, khác nào hạt minh-châu bỏ ra ở giữa đường cái, công-tử có sức tranh nhau được với người ta không? Vả lại người đất Giang-nam, họ rất khinh-bạc, cái dã-tâm của họ, họ tức-thì manh ra. Hướn-chi, những đồ kỹ-nữ, nó hay quỉ-quái, biết đâu nó lại chẳng mượn tiếng công-tử để nó thoát vòng trần-ai, mà nó bí-mật hẹn-hò với kẻ khác; tiền-đồ của công-tử không khỏi có phần nguy-hiểm, cái sóng ở chằm Chấn-trạch, cái gió ở sông tiền-đường, dạ cá miệng kền, ấy là mồ công-tử đấy. Vả chẳng bố với gái đàng nào thân hơn, sự vui với sự hại đàng nào

thiết hơn, xin công-tử phải nghĩ cho chín mới được. » Lý-sinh ngần mặt, rồi chau mày mà nói rằng thế thì làm thế nào cho tiện ? Chàng Tân-an nói tôi có một cái diệp-kế, rất tiện cho công-tử, chỉ sợ công-tử không làm được thôi. Lý-sinh hỏi diệp-kế thế nào ? Chàng Tân-an nói công-tử nếu cất bỏ được cái vật yêu chán chơi thừa ấy đi, thì tôi tuy đờn-mặt, cũng xin dâng nghìn lượng vàng làm lễ chúc-thọ cho công-tử ; được nghìn vàng thì có thể về chuộc lỗi với tôn-quân, bỏ cái vật mỉa-miêu ấy đi thì có thể đường-sá không sợ ngại gì nữa, xin công-tử nghĩ kỹ xem. Lý-sinh cúi đầu ngâm-ngẫm, rồi từ-tạ rằng hăng xin về để mưu với vợ. Lý-sinh với chàng Tân-an hai người cùng dắt tay nhau xuống thuyền, người nào đều về thuyền người ấy. Khi ấy trời đã tối. Thập-nương khêu đèn ngồi một mình ở trong thuyền, đồ rượu đã sắp sẵn cả, chỉ chờ sinh về khuyên mời chút đỉnh mà thôi. Khi về, thấy sinh con mắt nhơ-nhác, hàm-răng ngậm chặt, không nói một lời gì, mà cũng không uống một chén nào, chỉ ôm lấy cái chần mà nằm. Đến nửa đêm hốt-nhiên thấy sinh khóc lên hu hu mãi. Thập-nương kịp vùng trở dậy, ngồi ở bên cạnh sinh, nắm lấy tay sinh mà hỏi rằng : « Tôi với lang-quân, ngoài là cảnh-ngộ, trong là tâm-tình, bạn với nhau đã ba năm trời, đi với nhau đã mấy nghìn dặm, chưa hề có sự đến nỗi đau-đớn xót thương ; bây giờ sắp-sửa sang sông, chính là lúc vui cười về sự trăm năm mới là phải, hốt-nhiên lại làm ra mặt oán-giận ; tôi không hiểu là vì lẽ gì, mà tiếng khóc lại thấy khác thường, có sao thế ? » Lý-sinh ngập-ngừng nói thổ-tận đầu đuôi, nói rồi lại khóc. Thập-nương nghe nói rụng-rời, liền buông tay sinh ra mà nghĩ bụng rằng ngờ đâu Lý công-tử là một giống bạc-tình, thói ta làm rồi, giải-quyết cái làm ấy cũng không khó gì, nhưng ta hăng thử Lý

công-tử, để xem Lý công-tử có quả là bạc-tình không. Mới bảo Lý-sinh rằng ai vì công tử vạch ra cái kế-sách ấy là kẻ đại-anh-hùng đấy, công-tử được nghìn vàng, có thể về với mẹ cha, tôi được đi theo người, không hề-lụy gì đến công-tử, thế cũng là « phát hồ tình, chỉ hồ lễ-nghĩa », giỏi thay, mà cũng vẹn cả hai bề đấy ; nhưng mà vàng thì ở đâu ? Lý-sinh ra ý mừng-rỡ, nói rằng chữa rõ ý nàng định lấy bao nhiêu, vàng còn ở trong tráp người. Thập-nương nói sáng mai công-tử kịp đi đòi lấy đủ số, nhưng nghìn vàng là trọng-sự, đợi vàng ở trong tráp công-tử đã, rồi tôi sẽ đi. Bây giờ đã quá nửa đêm, Thập-nương trở dậy lấy mọi đồ nữ-sức trang-sức vào mình cho thật đẹp mà nói rằng cái đồ trang sức hôm nay là cái đồ tổng-cực ngênh-tân, phải cho tuyệt khéo tuyệt đẹp. Trang-sức xong, trời cũng vừa sáng, đã thấy Tân-an đưa thiệp sang thuyền Lý-sinh. Lý-sinh cũng đưa thiệp sang thuyền Tân-an trả lời. Chàng Tân-an được tin Thập-nương đã thuận tình, mừng lắm tức-khắc thầy tứ đề-huê, bưng nghìn vàng sang thuyền Lý-sinh làm đồ sinh-lễ. Thập-nương cũng liền đứng dậy, thông-dong trở vào Lý-sinh mà bảo rằng ; « Lấy một cái tráp ấy trong hòm lớn ra đây cho tôi. » Mở ra thì đều là đồ quần áo thêu thùa, nghề phượng bóng lộn, Thập-nương đem ném cả xuống sông, giá ước có vài trăm lượng vàng, Lý-sinh với chàng Tân-an cùng người trong hai thuyền, ai nấy đều ngạc-nhiên, Thập-nương lại trở Lý-sinh mà bảo rằng lấy một cái tráp nọ ra đây cho tôi mở, thì đều là đồ lông thúy-vũ, ngọc minh-dạng, kèn vàng sáo ngọc, giá đáng nghìn vàng, Thập-nương lại đem ném cả xuống sông. Lại bảo Lý-sinh đem một cái túi ra, đều là đồ ngọc-ngọa, đời hiếm người có, giá không biết là đáng bao nhiêu, cũng ném cả xuống sông. Cuối cùng bảo Lý-sinh

lấy một cái túi nữa ra, đều là những hạt minh-châu, trầu báu vô-giá. Thập-nương lại toan ném xuống sông, Lý-sinh bấy giờ bất-giác phải tỏ ý hỏi lại, ôm lấy Thập-nương van khóc mà xin thôi đi; chàng Tân-an cũng lại gần khuyên giải, Thập-nương hãy Lý-sinh sang bên cạnh, rồi xia vào mặt chàng Tân-an mà thóa-mạ rằng: « Mày nghe hát động tình, bỏ bả người bằng miệng lưỡi, chẳng sợ tội trời, tranh vợ cướp chồng người ta, khiến người ta phải xương tan thịt nát; tao chỉ hận tao là đàn bà yếu-duối, không có thể cầm dao đâm chết được mày; mày là đồ cuồng-khuyển, chạy giông hóng gió, lại muốn tranh xương; tao chết mà khôn-thiên thì tao cũng kêu với thần-minh, đem vạc cái mặt người mày đi. Vả tao khi ở trong chốn phong-trần, tàng hình nấu ảnh, gửi chị gửi em những đồ quý-báu, là tao định giúp cho Lý-lang để về mà chuộc tội với cha-mẹ; nay Lý-lang đã phụ tình tao, tao cố phò bày những của ấy ra đây, là tao muốn cho thiên-hạ biết rằng Lý-lang là người trong con mắt không có đồng-tử dấy thôi.» Lại trách Lý-sinh rằng: « Bấy 'âu tôi vì công-tử, hồn tôi đã đứt, mắt tôi đã khô; may mà sự được tạm-thành; công-tử chẳng nghĩ đạo vợ nghĩa chồng, mà nghe lời gièm pha, sợ đường hệ-lụy; ân-ái ba năm bỏ đi một ngày; công-tử thật là người tàn - nhẫn; tôi cũng không mặt nào trông thấy công-tử nữa; thời đời tôi thế là xong từ đây, vàng đồng còn đây, vàng tây còn kia, bẻ hận này bao giờ voi được, ai ơi!» Khi ấy, những người xúm lại xem cũng nhiều, trong thuyền cho chỉ

trên bờ, ai ai cũng phải rỏ nước mắt và mắng chàng Tân-an là kẻ bất-nghĩa, chàng Lý-sinh là người phụ-tâm. Các người đang lao-sao mắng hai chàng, thì Đổ Thập-nương đã cầm túi minh-châu nhẩy tùm xuống sông chìm lịm đi mất rồi. Những người mắt trông thấy sự ấy bấy giờ, đã bàn nhau toan đem chàng Tân-an với Lý-sinh đánh thật đau cho một trận, hai chàng vội-vàng chở thuyền tìm kế tháo lui, chia lối trốn biệt đi mất. Sau người Tích-giang có người ghi lấy truyện này gọi là *Phụ-tình-nùng-truyện* 負情儂傳.

LỜI PHÊ-BÌNH

Truyện này vẽ ra được một giống-nữ chung-tình, lại vẽ ra được một cậu si-ngai công-tử với một chàng ác-bạc thiếu-niên, và diễn ra được một bộ luyến-kịch, si-kịch, ác-kịch, thâm-kịch trong làng chơi. Cái tội-trạng hai chàng đã do miệng Đổ Thập-nương tuyên-bố cho thiên-địa thần-nhân cũng biết cả rồi, nay không phải luận chi nữa. Chỉ đau-dớn thay cho phận hồng-nhan. Câu rằng: « Tự cô bông-nhan đa phận bạc, buồn cho ai mà lại tiếc cho ai. » Đó là cái lời ngao-ngán cho những khách duyên-nợ chồng-chênb trong xóm hoa-nguyệt. Đến như lịch-sử Đổ Thập-nương, bá những là cái lịch-sử chồng-chênb, lại là cái lịch-sử đau-dớn vậy. Duy độc-giả cũng nên biết rằng chung tình như Đổ Thập-nương xưa nay trong xóm hoa-nguyệt cũng ít có. Đổ Thập-nương cũng là một gái anh-hùng trong xóm hoa-nguyệt đó dư?

(Còn nữa)

1 ung-vân NGUYỄN ĐÓN-PRUC

CÓ MỐI NƠI CŨ

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

Sương sa mù-mịt, gió thổi hắt-hiu. Một mình trong chốn phòng vắng, khoác cái chăn, ngồi trước lò sưởi, nghĩ vơ nghĩ vẩn, bất-giác sinh ra mối tình-cảm chứa-chứa: Ừ, như ta chăn dầy áo ấm, trong trường ngoài màn, còn lẽ buổi như thế này, không biết những người gối chiếc chăn đơn, một manh áo mỏng, khổ-sở biết chừng nào? Lại như mình ở về Ôn-đời, còn rét-mướt như thế này, không biết những nơi Hàn-đời, quanh năm nước đọng thành băng thành tuyết, thì cái cảnh thê-lương, còn đến đâu nữa? Ước gì nhà máy điện bên Mĩ chóng thành công, rồi khoa-học dần dần lan rộng mãi ra, khắp thế-giới đều được hưởng cái khí-vị điều-hòa, ấm-áp!... đương nghĩ gần nghĩ xa, nghĩ quanh nghĩ quẩn, đã thấy trước khe cánh cửa, loe ra một tia ánh sáng, rõ-ràng chói-lói, thì ra mặt trời đã mọc, hơi đã đều tan. Đóai trông nước non Nàng Nhị như gấm như hoa; con cháu Rồng Tiên mở mày mở mặt. Bao nhiêu nỗi sương hàn khi đã ban đêm, đã theo bóng Kim-ô mà tiêu-tán đi rồi!

Vi lau xan-xát hơi may,
Ai ơi biết nỗi nước này cho chưa.
Phòng vắng lạnh ngắt như tờ,
Khiến người ngồi đấy cũng ngỡ ngần
sâu!

Trời đông đã sáng ngàn dâu . .

Tức thì vội vàng trở dầy, dạo gót mái ngoài. Chiều trời im - lặng, khi trời trong lành. Trên cành cây lác-lác hạt sương rơi; bên bờ cỏ phất-phơ làn gió thổi. Tiếng chim riu-riú, lòng người tỉnh-táo. Cảnh

thiên - nhiên phó bày ra trong buổi bình - minh, thật có vẻ êm-đềm dễ chịu. Chợt nhớ lại lúc ban đêm, thì tất riêng riêng then cho mình . . . Thôi!
« Kiếp sau xin chớ làm người, làm cây thông đứng giữa trời mà reo! » Dấu cơ trời xoay chuyển mặc dầu, một tấm lòng trinh, vẫn cùng với các loài vật trên địa-cầu, chịu chung nỗi sương đêm tuyết thăm; đáng khen thay!

Một mình đang ngồn-ngang trăm mối, trong quãng đường trường, thơ-thần thần-thơ, đi đi đứng đứng. Bỗng thấy xa xa có một cái xe chạy lại, một người thiếu-niên, mặc đồ Âu-phục, da vàng, gò má cao, con mắt xanh biếc. Trông hình như quen, mà không nhớ là ai. Lúc về nhà, sực nghĩ ra rằng:

— Á! Chính phải cậu Bán Tân 半新 rồi! Thủa bé vẫn cùng nhau học-lập, mà bây giờ quên hẳn ngay đi! Nào có phải xa người mà lòng cũng xa đâu! Chỉ vì bấy lâu mỗi người một ngã, lại gặp-gỡ trong khi thăng-thối, thành ra không nhận được nhau.

Ký-giả đối với cậu là bạn cố-giao, là người tri-kỷ, quen biết ngay từ thuà giốc trái đào. Cái lịch-sử của cậu cũng nhiều đoạn eo-le, vậy xin tường-thuật ra sau này, để các ngài nhận-lãm.

Cậu Bán-Tân họ Hồng, quê ở miền Nam, ông cha ngày trước, vốn nề-nếp thi-thư, nên chỉ vẫn khuyến-hướng về đạo Nho. Cậu lúc bé rất là chăm học: kinh Thánh truyện Hiền, sớm khuya rèn tập; sản Trình cửa Khổng, ngày tháng vào ra. Lại thêm sẵn tính thông-minh

chẳng bao lâu nổi tiếng là tay danh-sĩ. Nét bút rồng bay phượng múa, gió táp mưa sa; câu văn lỏng gấm dạ châu, châu phun ngọc nhả.

Khen rằng bút-pháp đã tinh,
Văn - chương nét đất thông - minh
tinh trời.

Tưởng mai ngày trong áng thu-vi, cái giải khôi-nguyên, hồ-dề mây ai ăn đút!

Ngờ đâu trời chẳng chiều người, cũng lều, cũng chiếu, cũng bút, cũng nghiên, mảy độ vào trường, vô chuối lại hoản vô chuối. Than ôi! « Được gần trường-ốc miền Nam-định; thua mãi anh em cánh Bắc-kỳ! » Cái khổ-lâm của các bậc tiền-bối ngày xưa, đem so với tình - cảnh cậu Bán-Tân lúc bấy giờ, thật đáng như tấm gương chiếu-ảnh. Từ đó cậu yên chí về câu « học tài thi phận ». Bước đường mây chặm chân theo chẳng kịp, tranh-đua vùng-vây, phó mặc ai ai! Cái chí rồng vàng đợi nước xưa kia, hầu như chuyện dã-tràng xe cát!

Đại-phàm người ta đã dùng tay làm việc gì, nếu không có lòng kiên-nhẫn, hơi vấp-vấp đã chịu lùi, hơi khó-khẩn đã vội nản, người làm ruộng thấy mùa-màng trắc-trở mà những việc, người đi buôn thấy lưng vốn thua-lỗ mà ngã lòng, không nghĩ đến câu: « Thua cuộc này, bày cuộc khác », cùng là câu: « Có chí làm quan, có gan làm giàu », còn mở mặt với đời sao được! Lúc như cậu Bán-Tân đây, kể cái trí-tuệ thông-minh, thì chưa hề đã ai bằng, mà rút lại không bằng ai, cũng vì lẽ đó. Xét ra những người nhờ-nhàng, học không hay, cây không biết, chỉ ngậm-ngùi vì nỗi « số-phận không ra gì », hạng người ấy cũng không phải là ít. Nào có biết đâu, nghĩ như vậy thật là lầm to. Tại sao? Vì rằng ở đời, việc người người làm, biết đâu mà chờ trời đợi số? Nếu bảo số giàu-có mà ngồi tốt một chỗ không chịu làm, rồi cái túng cũng theo ngay; số hay chữ mà nằm khểnh một nơi, không đi học

trời cái dốt cũng trông thấy. Chi bằng có công cùng sức, bèn chí vững lòng, làm cho đến chốn, học cho đến nơi. Có công mài sắt, chắc hẳn có ngày nên kim, đắp năm trồng cây, chắc hẳn có ngày ăn quả. Đem sức người mà tranh cùng thợ Tao, há chẳng hay ru?

Mấy năm sau gặp buổi phong-trào đổi mới, thi-cử về hưu, tự đẩy Bán-Tân xếp bút gác nghiên, mà xoay học về nghề nông-phổ.

Bán-Tân lúc còn đi học, đã lấy người vợ là Mao-nương 毛娘. Mao-nương quê ở tỉnh Bắc, ít lâu nay mới dời lại miền Nam. Kể đáng người thì moi sơn má phấn, mặt liêu mày ngài, lại thêm vẻ mềm-mại, nét đoan-trang, ai cũng khen là con nhà gia-giáo. Từ ngày làm bạn với Bán-Tân, mình qui ta yêu, ngoài êm trong ấm, dẫu những bậc tài-tử giai-nhân thừa trước, gặp nhau mà trao lời vàng đá, kết nghĩa keo sơn, thì cái dây đồng-tâm, có lẽ cũng giàng-buộc đến thế mà thôi.

Đã nên quốc-sắc thiên-hương,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Tương-tri nghĩa ấy mới là tương-tri...

Rõ-ràng thật lừa đời ta...

Bán-Tân tuy vui thú điền-viên, nhưng vì sự học-hành dở-dang, trong lòng vẫn lấy làm uất-ức. Một hôm bảo với Mao-nương rằng:

— Minh ơi! Ta với mình bấy lâu khăng-khít, âu-yếm vô-cùng, đời phen nét vẽ câu thơ, hương đượm lửa nồng, tình-duyên ấy dẫu bút thần khôn tả! Chỉ hiềm ta mấy thu đeo-đuôi, nợ sách đèn trả mãi không xong. Nghĩ bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu. Lâu nay ta vẫn nghe Hà-nội là một nơi văn-vật, ta muốn qua chơi một chút, trước là để cho khuấy nổi u-uất, sau là để cho mở rộng tri khôn. Mà cái buổi giao-thời này, cũng nên đi cho biết đây biết đó. Minh nghĩ sao?

Mao-nương nghe nói, có ý ngậm-ngùi, hồi lâu đáp rằng :

— Chàng ơi ! Thiếp với chàng duyên trời đưa lại, kẻ bắc người nam, cùng nhau ý hợp tâm đầu, cảnh giá-đình cũng ml-mãn lắm rồi, cần chi còn mơ-tưởng xa-xôi cho lắm. Thiếp trộm nghĩ : Nấu sòng tuy không nhả bằng satin, nhiều, đoạn, mà mặc thật bền; ngô lúa tuy không sang bằng bánh *kem* bột mì, mà ăn cũng ngon. Thôi thì chàng đã có lòng yêu đến thiếp xin vì thiếp mà nghĩ lại một hai . .

— Minh ơi ! Sao mình lại thế ? Con người ta có xa nhau mới biết lúc gặp mặt là qui, Nếu cứ ru-rú chốn thôn-quê, thì vườn Bách-thú, cầu Đu-me, nước Tây-hồ, non Nùng-linh, bao nhiêu là cảnh đẹp thú vui, tại mới được nghe mà mắt chưa trông thấy, chẳng hoá ra kiến-thức hẹp-hòi lắm ư ? Mà có đi như vậy, họa may ra gặp thầy gặp bạn, cố theo đòi cho kịp anh em ; như vậy thì thế nào ?

— Vàng ! Thiếp thừa bé đã theo đòi nghiên bút, chàng nghĩ như vậy, thiếp đâu dám trái lời. Chỉ xin chàng đừng vui anh em mà chơi-bời quá đổi. Người ta thường nói : « Phong-lưu là cạm trên đời, hồng-nhan là bả những người tài-hoa. » Thiếp dám chắc những nơi phở-phương, người hay dẫu nhiều mà người dở cũng không ít !

Bán-Tân thấy Mao nương đã bằng lòng rồi, trong bụng xiết bao mừng-rỡ. Mới bước yên quây gánh, sắm-sửa hành-htrang, đ nh xuống bến Nam-định mà đi lâu thủy.

Lúc lên đường, Mao-nương tiễn đến bến tàu, lại dặn đi dặn lại rằng :

— Xin chàng nhớ lấy lời trân-trọng của thiếp mà mau mau trở về, đừng quên thiếp nhé !

Kề chi những nỗi dọc đường,

Một lời trân-trọng mấy hàng châu sa.

Ngại-ngùng khi bước chân ra.

Tấm lòng mong nhớ biết là có người !

Từ đây góc bề bên trời,

Biết bao giờ lại nổi lời nước non.

Mấy tiếng còi tàu, như gọi tác lòng đau-đớn, kẻ đi người ở, bao nỗi ai-hoài. Nghĩ lại câu : « Nhân sinh tối khổ là ly biệt 人生最苦是離別 (1) », cùng là câu : « Sông bao nhiêu nước, giọt tình em chan-chứa bấy nhiêu ; » những lúc gạt lệ chia tay, mới biết hai câu này không phải là quá-đáng vậy.

Tàu đến Hà-nội, Bán - Tân trông lên bến rõ ra một nơi phồn-hoa đô-hội : dưới sóng tàu bề xan-xát, trên bờ nhà - cửa trập - trùng, kẻ lại người qua, ngựa xe như nước, vườn hoa xanh tốt, đường đá phẳng-phiu. Ban đêm đèn điện như sao sa, cái quang-cảnh tỏ ra trăm phần rực-rỡ. Bán-Tân vào nhà khách-sạn gần đây ăn cơm, rồi ở đó hơn một tuần-lẽ. Khi chơi chùa Trần-quốc, khi ngắm cảnh Hồ-Tây ; nào yến mùa oanh bay, vườn Bách-thú phong-quang như vẽ, hoa chào liễu đón, ắp Thái-hà tiếng hát như ru... Chẳng bao lâu cái phong-vị nhà nho, cơ-hồ đã theo làn sóng Hồng-hà mà trôi đi hết sạch !

Một hôm đương lững-thững trên con đường P. H, tình-cờ gặp cô thiếu-nữ : lưng ong tròn-trặn, mặt phấn điệp-dàng ; đồ nữ-trang choáng lộn trước mắt, mùi nước hoa thơm lựng bên mình. Sắc-xảo đủ điều, mặn - nồng mọi vẻ.

Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,

Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây.

Bán-Tân xưa nay, vốn không phải là hạng « Công-tử Bột », thạo về điều nguyệt nọ hoa kia, thành ra trong khi gặp-gỡ,

(1) Người ta rất đau đớn là lúc ly - biệt.

thấy má hồng quáng cả mắt xanh, song vẫn ra chiều e-lệ rụt-rè, chưa dám giỡn, ón kia khác. Người thiếu-nữ đó đi đến nơi, bỗng làm ra dáng quen biết, lên tiếng hỏi Bán-Tân rằng :

— Cậu mới lại đây được bao lâu? Cậu người đâu thế ?

Bán-Tân nghe tiếng nói lạnh-lãnh, choáng hẳn người ra mà nghĩ thầm trong bụng rằng : « La chưa? Mới gặp ta một lần đã biết ngay là không phải nư ở đây, thì ra con mã tinh đời thật ! » Mới trả lời và hỏi lại rằng :

— Tôi ở miền Nam, lại đây được vài tuần-lẽ. Có người đâu ta ?

Người thiếu-nữ cười mà rằng :

— Em quê ở phương Tây, cha mẹ em chỉ sinh được một mình em vốn gọi là 'hiết-nương' 兒. Vì có người bà con quen biết, buôn-bán ở đây nên em mới qua chơi một thề. Trông thấy cậu là người đứng-dẫn, có vẻ thật-thà, mới đánh bạo hỏi những câu đường-đốt như thế, dám xin cậu bỏ quá đi cho.

Bán-Tân nghe nói, lại càng như tỉnh như mê, như ngây như dại, chẳng khác gì chàng Kim Trọng nghe tiếng đàn nữ-non thánh-thót của Thúy-Kiều. Rồi cậu giỡn những câu : « Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ 有緣千里能相遇 (1); Thiên ký sinh nhân tình tiện hữu 天既生人情便有 (2)... mà tán tỉnh một thôi một hồi. Thiết-nương chỉ đứng ngẩn người ra, chẳng hiểu gì là gì. Song cũng biết Bán-Tân là hạ-gi-si-tinh, thì những lời đó, chắc cũng là lời tán mánh !

Đã gần chi có điều xa,

Muôn chung nghìn tử cũng là có nhau.

Một lời vừa gắn tất-giao,

Khi thân chẳng lựa là cầu mới thân.

Từ đấy đôi bên thành ra dan-dâu, đi lại càng ngày càng mặn mà. Thường giắt nhau xem hát ở rạp Sán-nhiên-dài, « đôi chữ đồng-tâm », kẻ sao xiết nguồn ân bề ái ! Cũng có lúc quàng vai xích cánh, đi tay đôi trong phố mà nói nói cười cười ! Cái cách « tự-do la kiêu » đã tiêm-nhiễm được ít nhiều, mà cái « mốt » văn-minh cũng « diễm » đủ vẻ, Từ ngày mới biết Thiết-nương, tức thì cất búi tóc đi, rồi bảo thợ cúp ngay kiểu « Áng-lê » ; lại vuốt bộ râu mép cho thật cong, soi gương, mình bảo mình rằng :

— Nào, từ rầy mà đi, còn ai dám bảo ta là « hủ » nữa !

Đoạn lại vào hiệu G. H., sắm đồ ăn mặc, đầu là dây « đôn », mũ « phớt », kính trắng, áo the, không mấy chốc mà cậu « văn-minh giở mùa » kia, tròn, bề ngoài đã nghiêm-nhấn là một bậc « phong lưu công-tử » ! Ôi ! Giỏi-sử tồn-phi một vài chục bạc, mà chải-chuốt mặt mũi cho chững, sắm sanh quần áo cho sang, đã thành ra văn-minh rồi, thì cái văn-minh ấy cũng rẻ đay nhỉ ?

Một buổi trời thanh mát, đôi cảnh sinh tình, Bán-Tân bảo Thiết-nương rằng :

— Tôi với mợ mới quen biết nhau 11ật, nhưng cái vẻ dáng của mợ, cách đi đứng của mợ, cùng là lời ăn tiếng nói của mợ, lòng tôi thật đắm quá chừng ! Bù với những lúc ở nhà quê với con Mao-nương, « đứng ngồi khép nép vào ra « ịu-dang... », rõ câu-nệ quá ! Không những thế, nó còn giỡn giọng : « Khuyến chàng đọc sách, ngâm thơ ; dầu hao thiệp rớt, đèn mờ thiệp khêu ! » Chỉ tỏ làm cho mình ngày đêm mài-miệt, hao-tồn tinh-thần, mà nào có ra công-chuyện gì đâu !

Thiết-nương đáp :

— Cậu ơi ! Mỗi thời một khác, hãy nói ngay như cách ăn mặc : người ta gắm,

(1) Có duyên nghìn dặm xui nên gặp.

(2) Trời đã sinh người ắt có tình.

vóc, nhưng sa, mà mình quần nâu áo vải, coi sao cho tiện! Việc gì cũng vậy, phải liệu mà theo thời!

— Mợ nói phải lắm! Chứ như con Mao-nương thì làm gì được thiệp như thế!

Nghe những lời Bán-Tân nói ở đây, thì ai dở ai hay, chưa chắc đã phải. Cho biết ở đời, yêu nhau nên tốt, ghét nhau nên xấu, lưỡng thế-gian uốn-éo đủ trăm chiều, « yêu nhau thì nói quá ư; ghét nhau nói thiếu nói thừa như không! » Sự yêu ghét chẳng lấy gì làm công-bằng cho lắm.

Nhắc lại Mao-nương ở nhà, mong Bán-Tân mãi không thấy về, biết rằng tấm lòng yêu giấu, đã xan-xẻ cùng ai rồi, trách chàng quân-tử, ra dạ bạc đen; vườn mới thêm hoa, cảnh cũ bỏ thờ-ơ lạt-lẽo. Dẫu vậy, phận mỏng cánh chuồn, gặp sao hay thế, chưa từng điều nọ tiếng kia...

Trải bao thỏ lặn ác tà,
Miệng người đã lắm, tin nhà thì không.
Vi ai ngăn đón gió đông?

Tin sượng luống hầy rầy trông mai chờ!

Mao-nương vốn con nhà dòng dõi xưa nay, nên cách ăn ở tỏ ra người lượng rộng. Giá chị em mà gặp phải cảnh « chồng chung » ấy thì cái giọng Hà-đông sư-tử kia, liệu có im tiếng lặng hơi không nhỉ? Hay là lại như chuyện Văn Bích-nhân với Ngô Hựu-Tiền (1) thừa xưa.

Xắn chàng nào có ai khen,
Tối gì mà rước tiếng ghen vào mình.
Điều đó tưởng các chị em, cũng nên tự nghĩ lấy mới được.

Hạ qua thu tới, càng mong càng vắng âm-hoa, Mao-nương bất-đắc-dĩ mới viết một phong thư, gửi lại cho Bán-Tân.

Trong khi Bán-Tân đương âu-yếm người mới là Thiết-nương kia, chung gối kẻ vai, xiết bao nỗi yêu-đương vui-vẻ!

Đôi ta chút nghĩa đeo hồng,

Đêm xuân ai dễ cầm lòng cho chẳng?

Nào có nghĩ gì đến người chẵn đơn lạnh-lẽo, vô-võ phòng không!

Nâng từ chiếc bóng song the,
Áo đầm giọt lệ, tóc se mái sầu!

Cổ-nhân nói: « Con gái hay thật-thà con trai hay phụ-bạc », xem như đây thật đúng không sai.

Lúc Bán-Tân tiếp được cái thư nhà, chính là buổi hoa xuân đương thắm, lửa đực đương nồng, thành-thử cậu khinh không thêm giờ. Thiết-nương cầm lấy bóc ra xem, đọc rằng:

« Hỡi người bạn yêu quý của thiệp ơi!

« Từ khi đôi ngả chia tay, lòng thiệp
« luống vẫn-vơ trông đợi. Gương loan bụi
« phủ, tóc phượng rối tung, nào còn thiết
« tiêm-trang chi nữa! Bấy lâu nay mong
« người, người đã xa, mong tin, tin lại
« vắng, chẳng biết khúc lòng vui của
« chàng, có còn mây-may nào nghĩ đến
« thiệp không?... Đường xa dặm thẳng,
« giã ngàn tình dài, tâm-sự mấy lời,
« cúi xin soi xét. Năm chờ tháng đợi,
« mong-mỗi tin về. Nay kính thư.

« Yên vui. Mao-nương »

Thiết-nương đọc xong, Bán-Tân nói:

— Những lời rom-rác, nghe rõ bần cả tai:

Thiết-nương nghiêm nét mặt lại mà rằng:

— Câu nói thiết-thăm như thế, mà cậu nữ làm thính. Chắc sau này có ai mời hơn thì cậu lại coi tôi như vậy, chứ gì!

Bán-Tân thấy thế, vội-vàng đáp rằng:

— Mợ ơi! Chỉ vì con Mao-nương nó « hủ » lắm, không đáng làm bạn tri-kỷ với tôi; chứ như mợ thì sắc-xảo, mặn-mà, tướng trong thế-gian này, còn ai hơn mợ nữa! Chắc hẳn đôi ta gặp-gỡ, chẳng

(1) Chuyện chép tường ở quyển Tục An-hùng nào

qua cũng bởi duyên trời. Mẹ đừng nói những câu đau lòng tôi như vậy.

Thiệt-nương thấy thế, biết rõ Bán-Tân là người phụ-bạc, song cũng gượng mà rằng :

— Bây giờ câu chuyện đã rõ-ràng như vậy, chỉ bằng câu cứ về nói thật với Mao-nương, họa may lượng trên có dung được kẻ dưới, thì cả sông đông chợ, cảnh gia-đình chẳng vui-vẻ hay sao ?

Bán-Tân nói rằng :

— Cứ xem ngay thế này cũng đủ biết : Một dáng mềm-mại nhu-mị, một dáng thì cứng-cỏi xấu xa; tính-chất khác nhau như thế, còn ăn chung đồ lộn được sao ? Tôi với mẹ đã duyên ư phận đẹp, gần bó bấy lâu, còn chỉ còn đeo bông cho lắm ! Tôi hỏi thì một liều ba bảy cũng liều, chỉ mặc kệ nó là xong chuyện...

Từ đó nhất-định không nhìn nhận gì đến Mao-nương nữa.

Nghe những câu nói của Thiệt-nương, cũng đáng khen là người biết. Phạm là gái đi lấy chồng chung, bước sau hẳn thì nào cũng kém ; hay gì những thói đơng, đưa ngược-ngạo, tâm gửi lẫn cảnh. Người ta bảo : « chồng chung chồng cha

ai khéo hầu hạ, thì được chồng riêng », hơi đâu mà mua lấy tiếng ghen, để cho miệng thế-gian mai-mả.

Về phần Bán-Tân thì chính là một người phụ-bạc. Chẳng thiết đến tình xưa nghĩa cũ, để cho ai đeo túi mang sầu. Không biết rằng duyên trời run-rủi, cha mẹ định cho, thì dẫu có xấu-xí, vụng-về đến đâu nữa, tưởng cũng nên làm bạn với nhau cho đến lúc bạc đầu. Đành rằng : « làm trai lấy năm lấy bảy », đó là thường ; nhưng mà « mới yêu thì cũ cũng yêu », lẽ nào « có mới nới cũ », mặt tình cát-lũy mà nhạt nghĩa tao-khang, thì cái tiếng bạc-tình kia sao tránh cho khỏi.

Sau Mao-nương biết rõ nguồn-con như vậy, chỉ ngậm-ngùi than than túi phận, ít lâu rồi gọt đầu phát-nguyệt nương cửa Như-Lai.

Gửi thân dưới chốn am mây,
Ngọn đèn khêu nguyệt tiếng chầy nện
sương.

Thâm-nghiêm kin công cao tướng,
Lửa lòng trối tắt mọi đường trần-duyên.

Thọ sơn ĐOÀN NHỮ-NAM

TÂM-LÝ HỌC (1)

VIII

Tưởng-tượng (Imagination)

Tưởng-tượng có hai loại : một là « tái-sinh tưởng-tượng » (*imagination reproductrice*) hai là « sáng-tạo tưởng-tượng » (*imagination créatrice*).

Tái-sinh tưởng-tượng. — Tái-sinh tưởng-tượng cũng là một thứ ký-ức : các « tượng » (*images*) đã qua tâm-hồn

một lần, sau lại phát-hiện ra được. « Các vật tôi đã trông thấy lui đi, tiếng tôi nghe thấy im đi, tôi thôi không uống thứ rượu ngọt nữa, lửa sưởi ấm tôi tắt đi, bây giờ tôi thấy lạnh, tôi cũng còn thấy được sắc các vật ấy, tiếng ấy, cái thú uống rượu ấy, cái nóng ấy. . . Bao giờ những cái gì tôi trông thấy hay nghe thấy mất đi, thì

(1) xem N .P.số 89, 90, 92, 95, 96, 101, 102

tôi không thể nói được là tôi trông thấy nghe thấy, nhưng tôi *tưởng-tượng* còn thấy » (1). Tóm lại không có cảm-giác mà nghĩ đến cảm-giác, là *tưởng-tượng*. Ngôi nhà có thể *tưởng-tượng* được cảnh chùa Hương, hồ Hoàn-kiểm.

Có bao nhiêu giác-quan là bấy nhiêu «*tượng*», bấy nhiêu thứ tái-sinh-tưởng-tượng. Có «*thị-tượng*» (*images visuelles*), «*thính-tượng*» (*images auditives*), «*động-tượng*» (*images motrices*). Bởi thế có tái-sinh-tưởng-tượng :

1.) *Thuộc thị-quan*. — Một người già về lối *tưởng-tượng* ấy nói với ông WILLIAM JAMES rằng : «*Cái trí nhớ của mắt tôi rộng lắm ; tôi có thể lấy trí trông được bốn góc buồng, hai ba bốn cái buồng một lúc, tôi có thể đếm được bàn ghế, biết được vật này ở góc này, vật kia ở góc kia. Khi học một bài, nhớ cả dòng chữ, khi đọc bài thuộc lòng hình như trước mặt có quyển sách, trông rõ từng dòng từng chữ từng nét.*»(2). Có người lúc diễn-thuyết nhớ cả chỗ đập-xóa ; cứ đến chỗ đập-xóa thì lại ngừng lại một ít.

2) *Thuộc thính-quan*. — Người già về lối này hiếm hơn lối trên. Trong quyển «*Tâm-lý về sự suy-lý*» (*Psychologie du Raisonement*) của ông BINET có đoạn sau này nói về lối ấy :

«*Những người về hạng ấy chỉ dùng tiếng nhớ sự cũ. Muốn học thuộc lòng một bài, họ ghi lấy tiếng chứ không ghi lấy chữ viết, học bằng mồm chứ không học bằng mắt ; họ suy tính cũng lên tiếng : như khi cần phải tính nhằm một cái tính, họ kêu các số lên, cộng bằng tiếng. Sự tưởng-tượng của họ cũng là hình-thanh. Ông LEGOUVÉ (3) một hôm nói với ông SCRIBE (4) rằng : «*Khi**

tôi viết một bài kịch, thì tôi nghe, khi ông viết thì ông trông. Khi tôi viết một câu thì tôi *tưởng-tượng* ngay đến tiếng kếp đào hát bên tai, khi ông viết một câu thì ông *tưởng-tượng* ngay đến bộ-diệu các đào kếp trên sân khấu. Tôi là người «*nghe kịch*», ông là người «*xem kịch*». . . . »

3) *Thuộc sự vận-dộng*. — Nhiều người nghĩ-ngợi sự gì không nói ra, nhưng miệng cứ lắp-bấp. Những người đó nhớ sự vận-dộng của môi, của lưỡi, của các cơ-quan về sự nói. Có như thế thì họ mới có thể hình-dung, *tưởng-tượng* được.

Sáng-tạo tưởng-tượng. — Từ những trò chơi của trẻ, những truyện hoang-đường, những vật kỳ-quái của người lớn, đến những nền kiệt-tác của ông MICHEL-ANGE, ông LAMARTINE, cho đến những sự phát-minh của ông NEWTON, ông PASTEUR, đều là việc có *tưởng-tượng* cả.

1) *Trí có sáng-tạo không ?* — Nhiều nhà tâm-lý-học cũng theo ông LOCKE mà rằng : «*Trí không thể nào tự sáng-tạo ra một ý nào mới cả* ». Bao nhiêu cái người ta bày-dặt ra đều là việc chép cũ cả. Kể từ lúc đẻ không thể bịa ra được sắc, kể điếc từ lúc đẻ không thể *tưởng-tượng* ra được thanh-âm các vật. Người ta chỉ có thể lấy vật-liệu cũ của cảm-giác mà chấp lại thành ý mới (*idées nouvelles*), «*tượng*» mới (*images nouvelles*).

a) *Sáng-tạo ý mới*. — Khi trong trí «*bật*» ra một ý không biết ở đâu đến, không thể gọi là sự chép cũ được. Vẫn biết rằng «*ở dưới bóng mặt trời này, không gì là mới*», bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu ý-kiến ta lầm tưởng là của ta. đều là tư-tưởng ý-kiến ta sở-đắc

(1) Trích ở sách BOSSUET.

(2) Trích ở quyển «*Tâm-lý trích-yếu*» (*Précis de psychologie*) của ông W. JAMES.

(3-4) Hai nhà soạn kịch nước Pháp (thế-kỷ 19).

ở sách-vở, ở sự giáo-dục cả; nhưng những người chỉ xoay vòng các ý tưởng cũ của thế-gian là người thường, còn những bậc đại-tu-tưởng thắng-hoặc cũng có khi có tu-tướng mới, mới lạ đến nỗi công-chúng cho làm kỳ-quái.

b) Sáng-tạo «tượng» mới. — Về hình-sắc thì tạo-hóa hơn mỹ-thuật. Nhà hội-họa chỉ nhớ sắc cũ mà họa ra. Đến như thanh-âm thì tạo-hóa thua mỹ-thuật. Các âm người ta sáng-tạo ra êm-ái dịu-dàng, có tiết-tấu hơn tiếng gió lọt cành cây, thác reo, nước vỗ chim kêu nhiều lắm. Trước khi đặt ra cây đàn, ống sáo, người ta tất phải tưởng-tượng được các thanh-âm hay hơn thanh-âm của trời đất.

2) *Cơ-quan sự tưởng-tượng.* — Trừ một vài lúc như trên kia thì sự tưởng-tượng chỉ là sự «kết-hợp» các «tượng» cũ. Phần thứ nhất, chương thứ hai, đoạn thứ nhất, đã nói rằng các hiện-tượng tâm-lý không rời-rạc, bao giờ cũng kết-hợp, liên-dái với các hiện-tượng khác. Vậy thì muốn sáng-tạo mà tưởng-tượng ra một «tượng» mới, thì phải «phá» tượng cũ ra từng mảnh, rồi lấy mảnh nọ «chắp» với mảnh kia làm «tượng» mới. Ví như «tượng» A gồm a, b, c, d, «tượng» B gồm e, g, h, i. Trừ người ta phá a, b, c, d, e, g, h, i, rồi ra, đem d, a, h, b «kết-hợp» làm tượng C.

$$A = \begin{cases} a \\ b \\ c \\ d \end{cases} \quad B = \begin{cases} e \\ g \\ h \\ i \end{cases} \quad C = \begin{cases} d \\ a \\ h \\ b \end{cases}$$

Ví như lấy mình rắn, vẩy cá, vượt hồ, sừng hươu «chắp» thành con rồng; lấy mình người, thân ngựa «chắp» thành giống ngựa đầu người (*centaure*).

Nhưng nếu cho rằng sự «phá» tượng cũ (*dissociation*), đi trước sự

«chắp» (*combinaison*) thành tượng mới thì lầm to. Tự-nhiên trí không «phá» các tượng cũ làm gì, tất phải có ý muốn đặt một tượng mới đã, rồi ý ấy sai trí phá các tượng cũ. Tưởng-tượng đi từ toàn-bộ đến từng phần-tử. Trong sự tưởng-tượng quan-hệ nhất là cái lúc «muốn đặt tượng mới» ấy, ông RIBOT (1) gọi là «cứu-cánh» sự tưởng-tượng (*idéal*). Trong quyển «Lược-khảo về sự sáng-tạo-tưởng-tượng» (*Essai sur l'Imagination créatrice*), ông có nói rằng: «Bao nhiêu sự sáng-nghĩ dù to dù nhỏ cũng đều quay về một mối, mối ấy là cái «cứu-cánh»...»

Muốn sáng-tạo ra một cái mới người ta phá-họa cái ấy trước đã, rồi tìm cách thực-hành sau, cũng như người muốn qua suối trước hãy nhẩy vọt qua, khi sang bên kia rồi mới quay lại tìm cách mà bắc cầu.

Sự «phá» tượng cũ là một sự khó. Muốn «phá» hẳn được, tất phải cự-tuyệt với những thói quen cũ. Các thói quen ấy thường hãm trí sáng-nghĩ người ta, cho nên một điều phát-mình mới bao giờ cũng còn những cái «vết cũ» (*survivances*). Các xe ô-tô khi mới có, đầu đằng trước cũng to như đầu đằng sau, vì trước kia hình-dáng xe như thế cả. Bởi thế cho nên bao nhiêu ý-tưởng mới công-chúng đều cho là «gàn» cả. Xin lấy vài câu thí-du sau này để chứng-giải.

Xưa kia văn nôm là văn đề chơi, là «mách qué». Cái sự đùa, sự mách qué, vẫn đi dính liền với văn nôm. Lúc mới gây nên cái phong-trào quốc-văn, quốc-dân không hoan-ngheh, có người cho làm sự bạo-động, sự ngu, vì trí cho rằng cái tiếng nôm-na ấy không đủ để bàn sự đứng-dấn. Hiện nay bây giờ cũng chưa ai dùng tiếng «hay chữ»

(1) Triết-học-gia Pháp (1839-1916)

đề gọi kẻ giỏi quốc-văn. Lịch-sử khoa-học còn cho ta vô-số câu thí-dụ về lẽ đó.

Chúng-loại sự tưởng-tượng. —

a) Ở đời cần tưởng-tượng. — Còn gì buồn hơn, chán-nản hơn là chỉ sống ở đời hiện-tại. Chỉ cắm-cúi vào cái sự cần-dùng nhất-thời, cái giới-hạn chỉ ở sự kiếm ăn lần-hồi, chỉ lấy áo cơm mà dùm bực sự đời, thì còn gì thú nữa, còn gì là cái vẻ nên thơ của đời nữa, còn gì là cái hăng-hái về sự tiến-thủ nữa. Có giữ chí mình ở chỗ cao xa, có mộng-tưởng những điều êm-ái, thú-vị, sở-thích, thì bao nhiêu sự hành-động mới phần-trần, mới hoạt-bát. Hi-vọng là cái máy thêu hoa dệt gấm cho cuộc đời.

b) Mĩ-thuật cần tưởng-tượng. — Các mĩ-thuật như kiến-trúc (*architecture*), điêu-khắc (*sculpture*), âm-nhạc (*musique*), thi-ca (*poésie*), hội-họa (*peinture*), cần phải có tưởng-tượng cả. Trước khi dựng một kiểu nhà, làm một bài đàn, viết một bài thơ, một thiên tiểu-thuyết, tác một photượng, nhà kiến-trúc, nhà âm-nhạc, nhà thi-sĩ phải lấy tưởng-tượng mà phác-họa trước cái nhà, bài hát, câu thơ, thiên tiểu-thuyết, photượng tận-thiện tận-mĩ, rồi mới lấy tài mình mà tả cái mộng mình. Máy chụp ảnh thì thu cả cái xấu cái đẹp của cảnh-vật, nhà hội-họa không chịu thế, lấy tưởng-tượng mà bố-trí cảnh mình vẽ, rút bỏ cái xấu đi, xan-xẻ lại cái cảnh thiên-nhiên, vừa phát-biểu cái đẹp của trời đất, vừa phát-biểu cái tinh-anh, cái mĩ-cảm-linh của mình.

c) Khoa-học cần tưởng-tượng. — Nhà khoa-học trước quan-sát các hiện-tượng rồi tưởng-tượng các điều quan-hệ của các hiện-tượng (*imaginer les rapports des phénomènes entr'eux*), đặt ra các thuyết (*poser des hypothèses*). Sau

mới dùng thí-nghiệm (*expérience*) mà xét xem thuyết có đúng không. Một vài thuyết rộng quá không cần quan-sát mà cũng không thể sát-nghiệm lại được; những thuyết ấy chỉ là sản-xuất của tưởng-tượng: như thuyết « tiến-hóa » của ông Đạt-Nhĩ-Văn (*théorie évolutionniste de Darwin*), thuyết « Hấp-dẫn từ xa » (*Attraction à distance*) của ông NEWTON.

« Khoa-học cũng có phái thủ-cụu. Phái ấy cho tưởng-tượng là một sự phải tránh bỏ, vì thấy những kẻ trí tuệ kém đem dùng sai. Cứ xét sự hại của máy hơi nước khi nổ nổi « súp-de » thì máy ấy cũng nên vứt bỏ. Nếu biết lợi-dụng thì tưởng-tượng tức là một cái cơ-quan của sự phát-minh. Tại làm sao ông NEWTON trông thấy quả táo rơi mà biết được sự luân-chuyển của tinh-tú? Tại sự tưởng-tượng của ông có lúc bỗng-bột cao-thăng. . . Khoa-học tức là một đội quân đi trên đường tiến-bộ, đến địch với thế-giới huyền-bí tối-tăm. Hiện nay ngoài chỗ bọn tiền-quân đang đóng, có một quảng rộng bao-la. Chỗ đó là chỗ trí người ta có thể ngao-du phóng-khoáng được, nhưng chỉ riêng những kẻ có trí-thức hơn người phóng-trí ra đó mới có lợi. . . » (1)

Sản-xuất của tưởng-tượng. —

Tưởng-tượng đem người ta vào cõi mộng-ảo. Nếu không lấy lý-tinh mà hãm bớt lại thì trí ra ngoài khuôn phép của tri-giác, của vật-giới. Sau này ta xét các sự ra ngoài khuôn phép của trí ấy, từ cái phóng-khoáng vừa, là sự mộng-tưởng, cho đến cái thật phóng-khoáng là sự điên-dồ.

Mộng-tưởng (*Réverie*). — Khi mộng-tưởng ta tự quên cái hiện-thời, không chú-ý đến ngoại-vật lắm. Lúc đó trong trí hết cái nghĩ nọ đến cái nghĩ kia,

(1) Lược-thuật lời một nhà bác-sĩ Anh-cát-lợi tên là J. TYNDALL.

tiếp-tục nhau rất bông-lông. Trong lúc mộng-tưởng không gì là không thành, chẳng gì là từ. Nếu cái trạng-thái đó của trí mà cứ dài mãi ra thì dần dần ta quên cái ngoại-vật, phải có một cái cảm-giác thật mạnh mới làm tỉnh được.

Lúc dở thức dở ngủ. — Khi dở thức dở ngủ, các ảo-cảm rất nhiều, trí cũng phảng-phất biết là ảo-cảm, các nặng-lực của giác-quan yếu đi. Nhưng người ta cũng chưa làm các ảo-cảm với cảm-giác, nhưng thích cứ để linh-hồn như thế, và có thể mở mắt, tỉnh-táo lại ngay được. Nếu không tỉnh lại, thì cứ thêm-thiếp mãi đi, cảm-giác kém mãi đi thì thành mộng thực.

Mộng (Rêve). — Trong khi mộng, các hình-ảnh tiếp-tục nhau nhanh lạ thường. Có người ngủ vài phút, mộng dài vài chủ-nhật. Những người ch

đuối, chết ngạt, bị thất cổ, trong giây phút cả cái đời cũ hiện ra trước mắt. Trong khi mộng, giác-quan cũng không mất hẳn. Khi đó, ngoại-giới cách-biệt, ngoại-cảm-giác tắt, bao nhiêu sức mạnh dồn vào nội-cảm-giác. Có người ngủ mộng thấy đau tim, rồi vài hôm sau chết về bệnh đau tim.

Sảng (Etats somnambuliques) — Có hai thứ mộng: một thứ kể mộng là khách-quan, một thứ kể mộng là chủ-động. Kể sảng vẫn đi đứng, nói cười, đi không va chạm, biết tránh biết lựa, nhưng vẫn ở trong mộng (1).

Thôi-miên — Nếu cái sự sảng đó lại không là sự tự-nhiên mà lại bị người khác dùng thuật mà gây nên thì là bị đánh thối-miên. Cái thuật thối-miên thế nào ta chưa biết rõ được (2).

(1) Kể soạn sách này có biết một người thợ-mộc ở Nam-dịnh. Ngày làm ở phố Khách, tối lại về nhà ở Vị-xuyên. Có một hôm chiều đi từ phố Khách về Vị-xuyên mà ngủ. Trong lúc đi có cái bảo cầm trên tay rơi không biết. Khi về nhà, tình mới biết là mất. Lại nhất là hôm ấy ở đường đi về nhà có đám đánh nhau to, đi qua, bị tránh người từ-tế mà cũng không tỉnh. Sáng hôm sau đến làm thuật chuyện lại cho tôi. Khi tôi còn bé, không tin. Nghe đầu thối-miên-thuật gọi sự đó là « tự-kỷ thối-miên », hoặc là thối-miên tự-nhiên. — Còn về bệnh mê-sảng thì chính tôi ngày bé mắc phải đến ngót mười năm. Từ sáng sớm đến đêm mùa hè — mùa hè tôi hay ngủ, có lẽ vì nóng đến bộ thần-kinh — tôi ngủ vùng dậy chạy khắp nhà, người nhà hỏi câu gì trả lời được phân-minh gãy-gợn một lúc năm thiếp đi, ngủ. Sáng mai người nhà hỏi đến sự sảng hôm qua, không còn nhớ gì cả, tưởng như vẫn nằm giường mà ngủ mê. Là một điều là khi nào sảng tưởng như mê thấy xuống một chỗ tròn như cái cối đá, to bằng cái nhà, mà xuống lại phải chạy vòng tròn. Nếu không mê thấy thế thì lại mê thấy sờ chân tay to ra vô-chừng. Tay sờ đùi tưởng như to bằng cái chum, sờ ngón tay tưởng như to bằng quả chuối. Khi nào thấy chân tay mình-này to hoặc thấy trong « cái cối » mà người nhà đánh thức mạnh thét một tiếng, thế là đứng dậy chạy quanh nhà (mê thì thấy vòng quanh cái cối). Cứ ý riêng tôi cho là: khi nằm mê thấy chân tay to, hoặc trông thấy cái cối là hồn đã dễ đánh thối-miên rồi, người nhà đánh thức, quát to lên một tiếng thì bị thối-miên ngay. Bệnh đó tôi mới khỏi được 6, 7 năm nay. — N. T. L.

(2) Thuật-lý thối-miên-thuật rất là khó. Cứ ngu-ý tôi trộm bàn như sau này:

Hồi đã nam-châm có « từ-thiết trường » (*champ magnétique*), người ta có « nhân-trường » tôi làm gọi là *champ tumin*). Cái « nhân-trường » ấy là trí-tuệ, mà to nhỏ mạnh yếu. « Nhân-trường » của mình kém mà đứng cạnh người « nhân-trường » mạnh thì tất là sợ người ta. Thường nghe thấy nói rằng: người nọ có uy, người kia có uy, có lẽ là « nhân-trường » họ to hơn chúng-nhân. Thầy giáo nào có uy gọi đũa học trò đầu lêu bắng. Có khi thuộc bài mà đứng trước mặt thầy không đọc được, nhất là thầy mắng thét thì nó lại càng chết khiếp đi. Hai người đứng gần nhau, « nhân-trường » tương-hấp-dẫn. Cái nào yếu bị hút. Cứ lẽ ấy thì vua nhà-phá-luân-đệ-nhã, xưa tiếng là người có uy, có sức cảm-niên, có lẽ « nhân-trường » to lắm mà mạnh lắm. — N. T. L.

Diên-dồ — Bệnh diên-dồ có nhiều nguyên-nhân, tưởng-tượng phóng-khoảng cũng là một nguyên-nhân chính. Khi diên, bao nhiêu điều nghĩ, bao nhiêu sự hành-động đều không hợp-nghĩ với lúc hiện-tại cả.

Trừu-tượng và khái-quát

(*Abstraction et généralisation*)

Trừu-tượng và khái-quát là một vấn-đề. Nay ta hãy xét riêng, rồi sau ta xét chung làm một.

Trừu-tượng. — Trừu-tượng (抽 = rút. Rút các tượng = *abstraction*), là chỉ lưu-ý đến một nguyên-tố của sự-vật mà nhãng bỏ các nguyên-tố khác (*Abstraire, c'est ne porter spécialement l'attention que sur un seul élément d'une représentation en négligeant tous les autres éléments*). Trông tờ giấy có thể chỉ chú-trọng vào sắc, hoặc hình, hoặc dung-tích tờ giấy. Ở đời « thực-thế » (*le monde réel*), không có thể có sắc không có hình, có sự chuyển-động không có vật chuyển-động, có diện-tích không có chu-vi: thế mà trí có thể phân riêng diện-tích, hình-dáng, sắc, màu ra được. Không khi nào lại có viên-diện-hình (*cercle*) mà không có viên-tuyến (*circonférence*), người ta có thể chỉ đề-ý đến cái diện-tích hay cái chu-vi không thôi. Ví như người lão-phổ muốn trồng cây ở trên một miếng đất tròn thì người ấy chỉ chú-trọng đến diện-tích, nếu người ấy muốn gặt miếng đất ấy thì chỉ chú-trọng vào chu-vi. Thế cho nên một nhà triết-học đã nói rằng: Sự cần-dùng làm cho phân-cắt sự-vật ra (*les besoins découpent les représentations*).

Trừu-tượng là một sự chia-riêng (*division*) hay là một sự phân-khu. Khu-phân là chia một vật ra thành « phần » (*parties*). Phân-tích là chia một vật ra nhiều « nguyên-tố » (*éléments*). Phần và nguyên-tố, hai chữ khác

nghĩa nhau. Một phần cũng « đồng-chất » (*homogène*), cũng phức-tạp (*complexe*) như cả toàn-bộ. Dem tờ giấy xé ra nhiều mảnh, mỗi mảnh cũng có đủ các chất hóa-học như cả tờ giấy; dem xé bát nước ra mười chén con, nước ở trong chén cũng đủ khinh dưỡng như nước ở bát. Một « nguyên-tố » khác hẳn toàn-bộ. Dem phân-tích nước ra khinh và dưỡng thì khinh không có tinh-chất gì giống nước, dưỡng không có tinh-chất gì giống nước. Trừu-tượng là một sự phân-tích.

Có nhiều cách trừu-tượng: một là thuộc phẩm (*qualité*), hai là thuộc lượng (*quantité*), ba là thuộc cái quan-hệ, cách đối-phó (*rappports, relation*). Như có một quyển sách, có thể chỉ lưu-ý đến sắc bìa, sắc giấy, văn-chương trong sách (trừu-tượng cái phẩm); hoặc chỉ lưu-ý đến số trang, giá tiền, trừu-tượng cái lượng; hoặc chỉ lưu-ý đến chỗ để quyển sách (trừu-tượng cái đối-phó).

Cơ-quan sự trừu-tượng. — Tại làm sao trí người ta lại phân-tích được? Không cảm-giác nào đơn-thuần, sao trí người ta lại tách được cái đơn-thuần riêng ra?

a) Cảm-giác thuyết (*Théorie sensualiste*). Theo thuyết ấy thì giác-quan là cơ-quan sự trừu-tượng. Nhà triết-học LAROMIGUIÈRE: có nói rằng « Mỗi một giác-quan tôi cảm-giác riêng một thứ, rút các thứ khác. Lấy mắt tôi chỉ cảm-giác được sắc, lấy tai tôi chỉ cảm-giác được tiếng, lấy mũi chỉ cảm-giác được mùi, vân-vân... Người ta có năm giác-quan, mỗi giác-quan dùng để cảm-thụ một thứ ý riêng, chia ra năm phẩm riêng. Thân-thể người ta là một cái máy để trừu-tượng. Giác-quan không thể không trừu-tượng. Nếu mắt có dùng vừa để cảm sắc, vừa để nghe mùi, vừa để nghe tiếng, thì giác-quan

mới không trừu-tượng được (1)... »

— Thuyết ấy khiếm-khuyết nhiều, vì: 10/ Cảm-giác không cảm một tinh-chất. Như mắt vừa cảm sắc vừa cảm hình. 20/ Trừu - tượng không những về phẩm, như trên đã nói. 30/ Giác-quan chỉ có độ 10 mà ý trừu-tượng thì nhiều.

b) Chú-ý. — Chú-ý phân một vật ra, để các phần khác vào chỗ tối, rút một phần ra sáng, thế thì chú-ý có trừu-tượng không? — Nên biết rằng sự phân của chú-ý là khu-phân, không phải là phân-tích.

c) Thuyết ông SPENCER và ông W. JAMES: Sự so-sánh. Ông SPENCER nói rằng: Cảm-giác, chú-ý, không đủ để trừu-tượng. Nếu chỉ có một vật thì trí không bao giờ trừu-tượng được. Nếu ý A ở chỗ này đi liền với B, C, D, chỗ khác đi liền với E, F, G, chỗ khác với H, I, K, trí người ta so-sánh mà bặt ý A ra là ý trừu-tượng. Ông W. JAMES nói rằng: «... Nếu tất cả các vật ấy đều lạnh, các vật lạnh đều ấm, chỉ các vật gai mới cứng, thì ta có phân-biệt được lạnh với ấm, gai với cứng không? Nếu tất cả các vật lỏng đều trong và chỉ là vật lỏng mới trong, thì ta có phân-biệt được trong với lỏng không? ... »

Theo ông SPENCER và ông JAMES thì cái máy trừu-tượng như sau này.

Vật thứ nhất gồm nhiều nguyên-tố, vật ấy gọi là vật A + B + C + D, vật thứ nhì: A + F + G, vật thứ ba: A + K + M + N. Trí người ta so-sánh thấy khác nhau ở chỗ A, lấy nguyên-tố A ra, thế là trừu-tượng. Nhưng ông nói thế nghĩa là các vật sẵn vẫn phân ra thế hay là trí người ta phân? Nếu ông nói là vật sẵn vẫn phân thì ra ông cho trừu-tượng ở ngoài trí sao? Trí không

trừu-tượng được sao? Nếu ông nói là trí phân ra thì ra ông lấy trừu-tượng để cắt nghĩa trừu-tượng sao? Trừu-tượng là gì? Là cái năng-lực của trí phân-tích những cái nan-phân. Vậy thì thuyết của ông một là lằm, hai là một cách nói quẩn (*tautologie*).

Khái-quát. — Thế nào là một ý khái-quát? — Một ý khái-quát hay là một ý niệm (*idée-concept*) là một ý gồm nhiều vật, như thấy con hổ có lông-mao, con báo có lông-mao, con chó, con lợn, con chuột cũng có lông-mao (*poil*), ta đặt cho các con ấy một tên chung là loài thú. Chữ thú là một ý khái-quát (*idée générale*), là một « ý-niệm ». Muốn gồm nhiều vật vào một loại, cho các vật đó một tên chung, là nhận rằng các vật đó có tính chung.

Trong phép vưng-loại: tinh-chất chung càng nhiều thì số vật càng ít, tinh-chất chung càng ít thì vật càng nhiều. Vậy thì mỗi ý-niệm có một sự « rộng » (*extension*) và một sự « rõ » (*compréhension*). Một ý-niệm càng « rộng » thì càng kém « rõ ». Ví như chữ: vật, động-vật, cầm, ý-niệm vật « rộng » hơn ý động-vật, « rõ » kém ý-niệm cầm.

M Cơ-quan sự khái-quát. — Ở đầu chương người ta lấy giác-quan mà quan-sát các vật. Mà các vật, không có vật nào giống như hết vật nào. Ông AGASSIZ là một nhà bác-học Pháp đầu thế kỷ 19 có nói rằng: « Tôi có ra công so sánh hàng nghìn vật cùng một loại. Tôi đã tỉ-mỉ đem xếp 27.0000 vỏ ốc *neretina*. Tôi dám quyết rằng trong hơn 2 vạn vỏ ốc ấy không có cái nào thật như cái nào. » Không có vật nào như vật nào thì mỗi vật phải có một tên riêng, sao người ta lại gồm cả các vật ấy một tên?

(1) Ông LAROMIGUIÈRE là một nhà triết-học Pháp đời thế-kỷ 18 đầu thế-kỷ 19 (1756-1837) là một nhà sáng-lập ra phái Triết-trung-học (折中派 Eclectisme) ở Pháp.

Ông HAMILTON chia sự khái-quát ra năm thời-kỳ : một là tri-giác các vật, hai là so - sánh các vật để nhận biết những tính chung, ba là chú-ý vào các tính chung đó, bốn là hợp các vật có tính chung lại, năm là đặt tên cho các sự hợp đó.

Danh-từ-thuyết. — Phái « danh-từ » (*nominalisme*) nói rằng người ta không bao giờ khái-niệm được cái « phổ-thông » (*l'universel*), một ý-niệm chỉ là một chữ. Dưới đây ta vừa trần-thuyết vừa phản-đối các câu biện-luận của một vài người thuộc phái ấy. Lời trần-thuyết là vì phái « danh-từ », lời phản-đối là vì phái « ý-niệm » (*conceptualisme*).

— Ông HUME và ông BERKELEY cho rằng tri người ta chỉ hình-dung được cá-vật (*objets particuliers*). Ông BERKELEY rằng : « Cái ý-niệm về người của tôi tất phải là một người đen hay trắng, lành lặn hay tàn-lật, lớn, nhỏ, hay vừa tầm. Tôi không thể sao hình-dung được ý trừu-tượng về người. Tôi không thể sao tưởng-tượng được một sự vận-chuyển không có vật vận-chuyển. Tôi không thể sao tưởng-tượng được một đường quỹ-tuyến (軌線 = *trajectoire*) không vòng tròn, không thẳng, không nhanh, không chậm . . . » — Vấn đề rằng đọc một chữ lên thì phải hình-dung vật ra, nhưng cũng có lúc chưa đủ tả ý thì sao ? Có phải là thật là khái-quát không ? Nhiều lúc một ý trong tri mà bản-khoản không tìm được chữ để tả.

Khái-quát trừu-tượng là một vấn-đề — Khái-quát với trừu-tượng chỉ một vấn-đề vì ;

- 10/ Ý khái-quát nào cũng là trừu-tượng,
 - 20/ Ý trừu-tượng nào cũng là khái-quát.
- Ý khái-quát nào cũng phải

trừu-tượng, vì rằng một ý khái-quát là chỉ cái tính chung của nhiều vật ; cái tính chung ấy là một tính của các vật, có rút được ý ấy, có trừu-tượng được ý ấy ở vật ra thì tính ấy mới riêng ra để người ta dùng mà chỉ nhiều vật.

Ý trừu-tượng nào cũng là ý khái-quát ; Ví như khi tôi trông tờ giấy, nếu tôi chỉ biết trừu-tượng thì tôi chỉ « rút » được sắc trắng ra thôi ; nếu tôi lại « nghĩ » rằng sắc trắng ấy có thể ở nhiều vật khác thì tôi lại khái-quát nữa ; trong trí người ta không khi nào sự « rút » ấy lại không đi theo sự « nghĩ » ấy.

Lợi hại của sự khái-quát và trừu-tượng. Lợi — a) Về ngôn - ngữ. — Không có khái-quát trừu-tượng thì không có ngôn-ngữ. Mỗi một chữ là một ý khái-quát. Ví như chữ nhà. Có cái nhà nào giống như hết cái nhà nào không ? Không cái nào giống cái nào, thì mỗi cái phải một tên, như thế thì dùng sao có ngôn-ngữ được. Đó là bi tên chung (*nom commun*). Đến cả tên riêng cũng thế. Ví như tên : Nguyễn Công-Trứ. Đối với người đồng-bối cụ, quen cụ thì trông cụ cũng mỗi lúc một khác, lúc mũ cao áo rộng, lúc làm anh kép, làm lúc « công-tử xác », lúc làm « trượng-phu kên », lúc vui lúc buồn, nghĩa là không lúc nào cụ giống như hết lúc nào. Đối với bọn ta thì cụ Nguyễn Công-Trứ là tinh-thần văn-chương cụ, là văn cụ.

b) Về tư-tưởng. — Không khái-quát trừu-tượng không có ngôn-ngữ, không có phán-đoán, lấy gì mà tư-tưởng.

c) Về sự kinh-nghiệm. — Các hiện-tượng, các vật trong trời đất không khi nào giống khi nào. Khi trước bị ngọn lửa đốt, sau trông thấy ngọn lửa khác hình-dáng không hết như ngọn lửa trước lại thò tay vào, lần sau lại thế...

Về học-thuật. — Một hòn đá có thể học được về nhiều phương-diện. Có thể xét về sự hóa-hợp các nguyên-chất hòn đá (hóa-học); có thể xét về hình-dáng (kỹ-hà-học), vân-vân... Có thể xét riêng từng tinh-chất một, tức là rút tinh-chất ấy ra, nhăng các tinh-chất khác đi. Một định-lệ (loi) ở khoa-học là một định-lệ chung, khoa-học phổ-thông đến cả vạn-vật, bao-quát cả vũ-trụ, khoa-học tức là gồm nhiều sự khái-quát.

Hại. — Trừu-tượng khái-quát có thể làm sai sự thực. Bởi thế nên thuyết-lý vẫn kém thực-hành. Đời thực-thê gồm trăm nghìn vạn sự, trăm nghìn vạn lý; các sự đó, các lý đó, ta chưa biết hết. Nay ta cố nhăng cả những lý ta chưa biết đi, mà khái-quát một ý gồm cả thì có khi sai.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT biên-dịch

QUẢ DỨA ĐỎ (1)

PHIÊU-LƯU TIÊU-THUYẾT

(Được phần thưởng văn-chức Hội Khai-Tri Tiến-Đức năm 1925)

III

VII — Tìm chốn ở

Nàng Ba đang hăm-hăm nín hơi nghĩ, lấy sức để chờ con yêu-quả dưới dốc lên mà chiến-dấu, thì người đàn ông cỡi trần ấy chạy lên đến nơi, vừa thở vừa nói :

— U con nó làm gì, tôi đã lên đây.

Nàng Ba mắt long lên sòng-sọc, mặt đỏ bằng đỏ bạnh, vung gươm chực chém.

An-Tiêm vội đứng lùi lại mà rằng :

— Tôi đây mà. Mai-Yên đi lấy nước từ chiều hôm qua, mới về đây mà.

Nàng Ba nhìn vào mặt, nhận đích thực chồng, nộ-khí mới từ-từ hạ xuống, bỏ thanh gươm ra đóng cõ, hỏn-hỏn nói :

— Khốn-nạn ! làm sao thế ? sao phải quân bây giờ mới về được ? quần áo đâu cả ?

Hai đứa con nghe thấy tiếng bố cũng ngồi nhồm dậy mừng hỏn-hỏ. Nàng Ba trông thấy chồng vừa mừng vừa

thương, thỏn-thức nói không ra lời nữa. An-Tiêm bèn bước vào ngồi bên chỗ vợ con, bỏ cái râu mấy con cua về với cái áo ướt xuống đồng cỏ, bế lấy Quế-nương mà hôn, rồi kéo Mai-Lâm ngồi lên một bên đầu gối, cầm lấy tay Nàng Ba mà rằng : — Ba mẹ con phải một mẻ vừa lo sợ vừa rét-mướt khổ sở từ tối hôm qua đến nay, tôi thương lắm mà không thể lên được.

Nàng Ba nói :

— Gặp giống yêu-quái gì thế ? Cái lúc tôi có nhiều tiếng hú rầm-ran ở trong núi đá, rồi lại những tiếng quát-tháo rầm-rét lên, tôi hú gọi thì không thấy trả lời, lúc đó tôi tưởng là loài sơn-linh sa-quái nó kéo nhau ra mà bắt mất một quân đi rồi, tôi toan mang gươm xuống thì hai con nó túm lấy, mưa đến, tối mù-mịt lại, không xuống được... (Rồi nàng đem những

(1) Xem N.-P. số 103, 104. — Bộ tiêu-thuyết này

nổi hứng nước cứu khát, cắt cỏ che mưa cho con, cùng những sự nằng lo quanh lo quần thâu đêm suốt sáng, nói cho chồng nghe).

An-Tiêm tùm-tùm mà rằng :

— Trong thiên-hạ thường có những cảnh vốn là tự-nhiên, người chưa trải thì ngờ là kỳ-quái đáng kinh sợ, chứ Thượng-đế dựng nên vũ-trụ cũng chỉ theo cái luật phép tự-nhiên mà thôi, có cái gì quái-gỗ đâu. Số là lúc tôi ở đây đi xuống khỏi chân đồi, rồi đi theo dãy núi đá về mé tây-bắc, vào cả các khe núi đá cũng không tìm thấy nước, nghĩ trở lại chịu khát với nhau thì cũng nguy, tôi mới lên một ngọn núi thâm-lấp trông sang ngọn núi bên kia thì thấy nhấp-nhông có bóng nước, tôi vội xuống để đi sang đến nơi mà trèo lên xem sao, đi được một quãng, hú lên một tiếng, thì núi đá ở đó có nhiều những hốc sâu hang rộng, tiếng người vọng vào, hưởng-ứng lên thành nhiều tiếng vang-lừng như thế, chứ có ai đâu. Bây giờ có ba bốn con giời to lắm, mỗi con bằng một cái quạt lúa, mình cánh đen ngũ-sắc, ở trong núi bên bay rồi tôi trông vào thì thấy có một cái cửa hang cửa kè với mặt đất, tôi mừng lắm, chắc có hang ấy là mình có nhà ở rồi, mới bước vào cửa động dòm xem, thì giời ở trong hang thấy người, vỡ lẽ bay ra, không biết bao nhiêu mà kể, hơng hốt va đập cả vào đá vào hốc, thành tiếng huyền-náo như bọn đồng người la hét quát-tháo vậy. Tôi chờ bọn giời bay hết, mới bước vào, thấy đồng rộng lắm, loài giời ở tận trong cùng hang đã lâu năm, phân giời xuống từ đồng lớn, hôi-hám khó chịu lắm, nếu chưa tìm được đâu, cũng tạm ngoài cửa. Tôi trông mắt mất sau, lại vội-vàng chạy ra nước, bấy giờ sợ hú thì nó vang lừng lên, u con ngoài sợ, nên không dám hú nữa. Lốp men lên chỗ có nước mà ở núi b

đã trông thấy. Nước ở đây là nước mưa đọng lại một cái vũng trên mỏm núi đá bằng miệng cái giếng thơi, sâu độ một thước mà trong vát không có một tí rêu bụi gì, tôi uống nếm một tí thì ngọt lắm, tuy mình cứu-khát phùng-cam mà thương vợ con, nên không nỡ uống thích lấy một mình trước. Bấy giờ lại khốn không biết lấy gì mà xách nước về, thế mà cũng sòng-sọc đi tìm nước về cho người khát ở một nơi xa, thì có xuân không! Trông quanh trông quần, giá có bụi tre hay bụi nứa nào thì chặt lấy cái ống tre hay cái ống nứa mà múc nước mang xuống, nhưng mà những thứ cây ấy ở đảo này cũng tuyệt không. Vô-khả nại-hà, tôi đã nghĩ trở lại đào lấy mầm lau mầm bồng mà nhai lấy nước cho đỡ khát, rồi mai sẽ hay, nhưng thấy nước trong cũng lại hiếc, trời thì tối, con-có quần lấy người, tôi bèn xé vạt áo ra mà thấm lấy nước, vội-vã mang xuống dưới sườn núi, mưa xuống rêu trơn, trượt chân một cái, lăn người xuống một cái bãi về bên kia núi, nước bãi độ đến đầu gối mà dưới thì bùn lầy, càng nhúc-nhích thì nó lại càng sệt xuống, không tài nào nhấc chân lên được, mà kể từ chỗ đứng vào đến bờ, trời tối trông lơ-mờ chỉ độ năm thước, nhưng thấy bùn càng sâu, sợ mình mà cựa-cậy thì nó sút người xuống đến ngập đầu. Tôi phải đứng yên để nghỉ một lát, rồi cởi mũ áo ra, ném vào bờ cho nhẹ người đi và đỡ vương nứa, mỗi bận ném động đến người lại thấy sệt xuống một tí. Khi ném hết cái mũ và mấy cái áo, thì nước đến ngực, bùn đến thắt lưng rồi, tôi mới cố sức vượt mạnh một cái, người nằm soài lên trên mặt nước, chân còn vương bùn, tôi đạp theo cái nứa, thì đầu vào đến bờ, vịn cổ men lên. Lúc ấy để đến quá nửa đêm rồi, trời vẫn mưa, cái núi đá mà mình ở đó lăn xuống thì cao, mặt ấy nhiều đá vách khó trèo, quên cả

phương-hướng không biết đâu mà lần lên nữa. Tuy vậy mà nghĩ vẫn thương u con trên này, nhưng chắc trời mưa thì không khát nữa, mà đảo này quang-dương ở giữa bề thì cũng lành, nên không lo lắm. Bèn trút quần lấy dây lưng đóng khố, dành ngồi chờ đến sáng rõ, mới ôm cả áo mũ treo lên núi mà bò sang mé bên này, lại để cả áo mũ lấm ở chân núi, cầm một cái vạt áo mỏng thấm nước tối hôm qua, thấm thêm nước đọng ở chân núi mà trông cái đỉnh đồi này đi ra, đi qua cái eo bề, thấy động ở gốc bụi sù bên bờ, dòm xuống thì thấy có mấy con cua bề, cúi xuống bắt thì thành ra ba con cua rế sắp lột, tôi mới lấy cổ buộc đem lên để nướng cho con ăn đây.

Nàng Ba nghe chông nói vừa mừng vừa tạ ơn Thượng-đế mà rằng: . .

— Thế thời lòng trời còn tựa, phúc nhà còn may, tuy không phải quý-quang, mà cái bãi lầy ấy cũng đủ chết, tối hôm qua tôi không chắc gì còn có bây nữa.

— Một sự xảy ra như thế, thường tình ai mà không lo sợ hết hồn hết vía, chỉ có tôi thì tôi tin ở Thượng-đế mà thôi, cho là cái lý-thể tất-nhiên của kẻ bồng-ngõ chưa thuộc thung-thổ, chưa có chỗ ẩn núp thì phải chịu những cái long-dong nhẹ-nhàng như thế là phải, chứ có phải là Thượng-đế có ý hà-ngược gì mình đâu.

Chàng đang nói thì trông thấy máu rây khắp cả ở cổ vợ, vội hỏi:

— Máu gì thế này?

Nàng Ba giờ bàn tay trái lên cho chông xem mà rằng:

— Đem, lúc tôi cắt cổ để phủ cho con, xát vào gươm, mãi vừa mới rớt mới biết.

An-Tiêm vội nhắc hai con ngồi xuống cỏ, hai tay nâng lấy bàn tay vợ lên mà xem chỗ dấu đau; chàng nhìn cái bàn tay của vợ, cổ tay thì vừa trắng vừa tròn, lòng bàn tay thì mềm như

và đỏ như son, năm ngón tay vuông-vuốt tròn-trặn như năm cái mâm gừng mà lá cỏ mới xát vào sây-sở, các đầu ngón tay thì nước mưa thấm vào, vừa nhợt, vừa giần-giúm, đất cát nhét cả vào móng. Ba cái nhẫn, đất cát nhét cả vào móng. Ba cái nhẫn, một cái bằng mã-nã hình bát-giác, một cái bằng ngọc bit vàng, một cái bằng vàng khảm hạt chai, vẫn đeo hằng ngày ở trước mắt lang-quân ngắm-nghĩa cho cái tay ngọc-ngà thêm xinh đẹp, thì tụt mất hai cái rồi, mà cái dấu ác-hại kia phạm ngay vào chỗ bắp thịt dưới ngón tay cái, loáng đến xương, động vào thì nó lại dóm-dóm chực chảy máu, chàng nhìn vào cái dấu đau chùng-chùng, nhẫn mặt lại lắc đầu hai ba lần, rồi lại nâng đầu trông vào mặt vợ, tỏ ý từ khi hoạn-nạn đến nay, chưa có cái gì đáng thương-tâm bằng trông thấy dấu vết đau ấy. Chàng nói:

— Dấu này đau lắm, dịt thuốc khô rồi thành sẹo to. Nhưng cái sẹo này lại chẳng phải là một cái dấu vết ở trên cái bàn tay « tề-gia cụ-phách » này, mà ghi nhớ lấy cái đêm qua là đêm thứ hai đến đảo này, có bao nhiêu cái cảnh-tình truân-chiên, ái-ân thống-thiết, đáng ca đáng khóc trong cái công-nghiệp đề-tạo của vợ chông con-cái nhà ta ở nơi hoang-chấn thiên-cổ này dư!

— Ở đây còn làm gì có thuốc?

— Hôm qua đi ở chân đồi, tôi có trông thấy một thứ lá dẫu, vì tôi vốn ở nhà quân có biết mấy thứ lá thuốc dẫu, để tôi xuống tìm, và tìm được rồi khô một thể.

Chàng bèn chạy bỏ xuống một lát, đem được một ít lá dẫu với mấy cái rễ khô đem lên, mềm thì đang nhai máu lũng-búng, bỏ củi ra, xé áo lấy nhả lá dẫu ra buộc vào chỗ dấu đau. Vợ cần-thận xong, đánh lửa cho cháy lên, cả nhà ngồi quay vào

An-Tiêm hỏi :-

— Bánh còn hay hết, để tôi ra bến Sứ lấy vào ?

— Con nó ăn có vài miếng, còn thì lấy cả vào cỗ rác.

Chàng bèn bới cỏ nhặt lấy những miếng bánh lấm-láp chùi đi bỏ vào than đỏ thui-lụi với ba con cua, một chiếc nhật bánh với cua ra, vợ chồng con-cái xứt-xùi ăn với nhau.

An-Tiêm nói :

— Cua bễ rế này là một thứ hải-vị rất quý, trong vương-triều đã liệt vào chức cống, nếu cái mệnh tiền-thân của ta chỉ đến thế là cùng, thì cái vật phú-quí này ta cầu nó đâu mà sao nó tự đến, thế là cái số-phận của ta, nhân một thức ăn này, có thể tin cậy ở Thượng-đế thần-minh về sau này được. Còn như cái cảnh quạnh-hiu, cái nỗi lao-lụy về buổi ban đầu này cũng là sự thường, là tạm-thời, là cái con đường tất kinh-qua, chứ có lạ gì, ta cứ vui lòng vững chí mà nâng lấy công việc, ví như kẻ trèo đèo, đèo càng cao thì trèo càng lâu và khó, mà việc càng to, công càng chậm, nhưng kẻ trèo đã đến đỉnh, làm đã nên công, thì cái lòng sở-nguyện lại càng được đền-bù cho phu.

Ấn xong, An-Tiêm cầm cái áo ướt vắt nước vào một cái mai cua cho vợ con uống rồi mình uống. Chàng nói :

— Ta đi từ qua đến nay, trông mặt đảo, chỗ nào cũng thấy sóng nước thì đảo này cũng không to gì, cái đại-tử cũng đã lược-khảo được rồi, việc lên đỉnh đồi ta hoãn lại ngày khác, bây giờ trời hửng, tôi đưa u con vào cửa động để tôi ra bến Sứ mang bánh dầy và để

Nói xong, vợ chồng bồng cỗ bếp, đi xuống, đến cửa động, cho nghỉ-ngơi, rồi suốt mấy ngày, thì đi giặt-rửa phơi-phóng, khuôn lương thực, lúc đi kiếm củi khi đi cắt cỏ để giải ô, vợ đau ở nhà tháo những bao vải đựng

ra làm chăn chiếu, và ngồi chơi với con, hai người cùng mài-miết để thu-xếp chỗ ăn chỗ ở cho yên ổn, là cái việc cần trước nhất trong cái cửa nhà cơ-nghiệp mới của mình. Vừa yên yên, một buổi sáng, An-Tiêm ở ngoài núi về, nói với Nàng Ba rằng :

— Tôi mới tìm được một cái động ở quả núi đá về phía tây núi này, động hẹp, ra vào phải cúi, về mùa nực thì không mát-mẻ như cái động này, vì động này hướng đông-nam, mà động ấy hướng tây, nhưng tôi thích vì có hướng ấy mà khi ta ăn ở, lúc ta ra vào, xem mây buổi sáng, trông sao tối trời, để mà trông-trọng đến cái quê-hương nước Cổ-Việt ta. Ôi, con chim trĩ khi đến ở U-yên nó cứ làm tổ ở cái cành mé nam, vật còn biết nhớ cái phong-khí của quê-hương đất nước, nữa là người. Ta phụng-mệnh đến đây, là đến để gây dựng lấy cái cơ-đồ tân-tạo cho nơi quốc-giới xa-xôi này, để truyền-bá cái giáo-hóa, cái trị-công của tôn-bang ra đến bề. Cái cơ-đồ này chưa biết ngày nào, dù ngày một ngày hai, dù đời ta đời con cháu ta chẳng hạn, mà khi đã cáo-thành, thì ta hoặc con cháu ta tất có ngày lại được phản-hồi nơi trung-hạ, đem cái trung-hồn mà phối-hợp với những tinh-linh khí-phách bất-tử của tổ-tông ở vùng sông Lô núi Tần, thì mới là bản-tâm. Chứ có phải ta bị phóng-trục đến đây thì oán trời giận người, liêu sống liêu chết, dù chẳng làm gì được ai, cũng đoạn-tuyệt ngay với cái mối ân-tình, dây thân-ái là những cái trên chẳng dưới rế với mình mà không nghĩ đến nữa đâu. Bởi vậy tôi muốn đi sang bên ấy, nhưng sợ u con ất-vả, thì nàng nghĩ sao ?

— Người đàn bà nước Việt, nặng tình bang-quốc, đã có tiếng với thiên-hạ, thiếp từ hôm vượt bể ra khơi đến nay, nhớ nhà nhớ nước, ruột đứt lòng đau, nhưng nề phu-quản phải giữ lấy lời đã hứa, không dám thổ-than, nay

phương trời tây-bắc là nơi cõi-rễ của ta, nơi huyết-mạch đời truyền của ta, nào mẹ già, nào họ - hàng làng nước, nào ân-tình thân-ái, giàng-buộc vấn-vết biết bao, cái oan-vu kia nó có thể xua đuổi được một nhà ta ra ngoài bờ cõi, mà nó không thể xua đuổi cái oan-hồn của một nhà ta, không cho vãng-lai lần-quất về nơi xứ-sở của ta được. Bảy giờ cái hang mới lại hướng về phương tây, khi thur-thả cùng nhau trông về cái vệt mây xanh-xanh thấp-thoảng bên kia làn sóng bạc, mà nói câu truyện phần-du (1), chả cũng nhắc lại đôi chút thiên-chân, biết sống làm người có những cái gì quan-hệ hay sao. Vất-vả chốc lát mà yên chi lâu dài, thiếp đâu dám quên.

An-Tiêm nghe vợ nói có ý hiên-ngang (2), mừng lắm, cùng nhau hồng-bế khuôn-dọn lếch - thếch sang bên động, mới vừa dọn xong thì trời đổ mưa xuống sầm-sập, suốt ngày suốt đêm, hết trận ấy đến trận khác, ngày hôm sau cũng chưa tạnh, ngó cõ ngoài cửa hang, thì mây trời nước bên gió cuốn mưa sa, mù-mịt chả còn trông thấy gì, nước giọt mưa ngoài cửa bắn ướt đến giữa hang, khi lạnh ngắt như tảng trọng-dông, vợ chồng con cái không đi đâu được một bước, cứ nằm co với nhau trong ổ rác, lúc rét quá phải đốt lửa sưởi, đến bữa thì nướng bánh ăn, lấy mai cua hứng nước giọt mưa mà uống. An-Tiêm ngồi nghĩ đến những cái công việc phải lo-liệu đến nơi, mà bị mưa dờn gió đập nó làm đình-dốn cả lại, có ý nóng ruột lắm, ngồi thừ ra một hồi, rồi giắt mình lại nghĩ : « Cái giặc phiến-muộn nó hay thừ những lúc người ta ngồi rồi, lên và làm cho người ta hôi-tâm đoán-khi, nhất là người đàn bà yếu sức » ; chàng đổi ngay nét mặt lại mà rằng :

— Từ hôm ra cửa Đại-nha, ra bến Sứ, tôi nghĩ được hai bài thơ, là vì ngồi rồi mà lại có cảm-xúc, còn từ hôm vào núi đến nay, vợ chồng những bối-rối về việc đi tìm kiếm nơi ăn chốn ở và củi nước, còn lúc nào thừ mà nghĩ đến thơ, nay nhân ngồi buồn, ta lại giờ ra cuộc làm thơ-ca để tiêu-khien mà chơi.

— Phàm thơ là được những khi cảnh trời quang-dãng, tình khách chừ-chan, thì mới có hứng mà có thơ, chứ như tình-cảnh của một nhà mình bảy giờ, đang là người ở đời, bỗng hóa ra kiếp cầm-thú thế này, mà lại là con cầm-thú xây đàn lạc đất, thì còn thú gì mà làm thơ để ai nghe ?

— Tôi vẫn biết cái kiên-nhẫn là cái khó, thường-tình bất-hạnh gặp cơ cùng-quần, hay hôn duyên trách phận, khư-khư giữ chặt lấy cái lo phiền làm cái kết-cục cuộc đời mình, đó là những người sống chỉ nương nhờ vào cái cuộc vắn-xoay của nhân-thế, mà tự mình không có sở-chí việc gì. Nhược-bằng mình có cái sở-chí, thì mình cứ làm thế nào cho toại cái chí của mình, còn qanh-bại, hanh-truân, khỗ-lạc, quyền cao xanh, mình có nghĩ gì, hiên-thê thông nhớ cái câu chuyện « ngòn-chí » của đôi ta ở dưới bóng trăng đêm hôm tám tháng tám năm ngoái, trong cái rừng Lạc-diên sông Bờ hay sao? Như hiên-thê đã nói « cảnh nào cũng có cái thú riêng của cảnh ấy », thế ở đây cũng tự có cái thú riêng ở đây chứ. Lại như câu thơ : « Giữa vùng núi thăm sông khơi, có đày có đày trên đời có trăng ». Ở sông Bờ là nơi hoa-đài, đất cũ người đông, mà người ta ở đây, bắt-quá chỉ có đày có đày đời có trăng mà thôi, nay ở đây khách xa nhân-thế, nhưng biết nhau đã có đày có đày, trên nữa thì có

(1) Phần-du 粉 櫛 = Cây phần cây du, tr ả và ợi xóm quê nhà.

(2) Hiên-ngang 軒昂 = Cao xa.

trời, thế thì ở chỗ đông người phỏng có ích gì? Vậy ta cứ chỉ ta ta làm, thơ ta ta nghe, đầu mà không cảnh không tình thì đầu mà không thơ, cần-khôn là một áng cảnh-tình, vũ-trụ là một quyển thơ đại-toàn, đáo-xứ tiện-thị có một bài, ông tạo-hóa tiện-thị là ông chủ ra đầu bài, người ta là khách đến làm thơ cả, ai không biết tả-mạc cái đầu bài ra là thiệt. Vả chẳng, người ta với muôn vật cùng là con của tạo-hóa, duy người ta chịu được cái khí tinh-minh hơn, nên mới vận được cái trí khôn mà dựng nên công-nghiệp để giúp cho tạo-hóa những chỗ còn thiếu-thốn, mà được Thượng-đế tin yêu; ta đã sẵn cái khôn - khéo ở cuộc đời cũ ấy, ta vâng mệnh đức Thượng-đế mà mở-mang cái cuộc nhân - trị ra giữa chốn thiên - hoang này, tưởng cũng không khó gì cho lắm. Ấy ta sở dĩ chỉ tin ở Thượng-đế, mà chắc rằng Thượng-đế cũng chỉ tin ở ta có thể mà thôi, ta là con yêu của Thượng-đế; tin dùng, hay là loài vật có không còn mất, Thượng-đế chẳng sá nghĩ cái đến, cũng có thể mà thôi, cảnh là cả ở trời, mà chỉ là chỉ ta, ta sao không thì ta sao không thơ.

Nàng Ba nói đi đàng khác mà rằng:

— Ở động bên kia hơi - hương k
chịu, cả nhà ngửa-ngáy không
được, vài hôm nay, bên này s
khô-ráo, xem hai con n cũng s
tôi cũng ngủ được, nhưng h
mất đi là chiêm-bao lần-qu
quê nhà. Ôi! càng chiêm-bao lại
thêm thương tiếc, nào mẹ mẹ con
làng làng nước nước, khóc ki
cười, chửa-chan lai láng, bi
nào, ai ngờ cái chiêm-bao ki
bất-tình, bằng con mắt dây th
tay không, lại trở ra chỉ có
chồng với hai mụn con thơ

hang đá tối mò giữa bề giữa trời, sóng nước ồn-ào, gió mưa lạnh-lẽo, dường như muốn cuốn cả mà đem đi!

— Tôi cũng thế hễ năm là mộng, đó bởi thần-hồn tưởng nhớ quê mà kết nên, nhưng cũng có một cái hay, cõn nhân cho cuộc đời là đại-mộng, đem cái cảnh hiện-tiền mà so với mộng thì là chân đấy, nhưng đem so với vũ-trụ lâu dài thì lại là mộng, thế thì mộng tuy huyền, nhưng đem mà so với không, chẳng lại là chân đư? Ta tuy chẳng được xum-vầy với chân - cảnh, mà ta được vui thú với mộng-cảnh, há chẳng đủ khuấy-khỏa cái niềm riêng trong lúc mơ-màng hay sao? Một câu chuyện mộng ta vừa nói đây, cũng tình cũng cảnh, cũng đủ thi-tứ thi-hoài rồi đó, để tôi xin nghĩ trước một bài xem sao.

An-Tiêm ngồi nghĩ một lát rồi đọc lên rằng:

*Đêm đêm luống những mơ-màng,
Thấy non Tam-đảo thấy sóng Tam - hà.
Non xanh nước đỏ bao la,
Nước non thì thấy thấy nhà ta đâu!
Tuyết với trời thăm bề sâu,
Con hồ trăm tuổi quay đầu về non (1)!*

— Non xanh nước đỏ, thật là sơn-hà đất Việt, không còn gán vào cho nước nào được nữa, càng thơ bao nhiêu càng thắm - thiết bấy nhiêu, thế sao lang-quân không vong - khước ngay cả đi có hơn không?

— Một đàng là tri-chí, một đàng là thuật-hoài, có tri-chí mới làm nổi việc, mà có thuật-hoài mới gọi là thơ, hai đàng phải giữ-gìn lẫn nhau cho cái cảnh trơ-vơ này có hứng - vị mà không đến tê - diệt.

Nàng Ba cũng đọc lên rằng:

*Quyết đem một mối thâm-tình,
Hóa làm với trắng cau xanh trầu vàng.
Muôn năm địa cửu thiên trăng,*

(1) Ngạn-ngữ có câu: Cáo chết núi.

*Càng nồng càng thấm mối thương càng
Có thương là bởi có người, [dài.
Không ai biết tới ai thời có thương.*

— Người đàn bà nước ta, miếng trầu là đầu câu chuyện, nay miếng trầu lại là đầu cả câu thơ nữa. Từ khi lạc-loài đến nay, hiền-thê cũng thêm trầu lấm dấy nhĩ, nên cái tinh tư-gia luyện-quốc cũng cùng nó mà phát-lộ ra. Ôi! miếng trầu càng nồng càng thấm ở miệng nhân-gian thì cái khối thâm-tình của ba người anh em vợ chồng trong một nhà đã toàn-tiết với nhau kia, càng lâu người ta càng thương nhớ đến. Nhưng đến như ta bây giờ cũng quyết kết làm một khối thâm-tình như một nhà ai ở nơi tuyết-trần tuyết-thế này thì nào ai còn biết đến mà ai còn thương đến nữa, tình-tứ vô-hạn, thật là tận-thành với đức Thượng-đế ngài có nghe cũng phải động-tâm. Hiền-thê lúc thiếu-thời nhờ có tiên-tướng-công truyền-thụ cho những cái tâm-pháp trong thiên-thập, nên thơ vẫn có cái thanh-thoát tự-nhiên của nhà phong-nhân, thế mà cứ không chịu làm, nếu mình không vật-nài cưỡng-ép. thì những lời vàng tiếng ngọc ấy còn bao giờ phát-siêu ra cho người chung cuộc trăm năm được nghe với nữa. Thượng-đế đã cho ta làm người ở đời, ta phải lấy lòng chân-thành mà làm việc đời để thờ ngài, ta quả chân-thành thì ngài tự biết, thành với cuồng khác nhau chỉ trong chân với nguy, thành bại khác nhau, cũng chẳng ngoài thành với khi, trước khi làm việc, ta đem cái chân-thành mà nện một vài câu thơ để nghêu-ngao giải-trí, dù là hưng, quan, quần, oán, cũng đều có ý ca-tụng công-đức | hượng-đế, cùng than-thở nỗi lòng với ngài. Đến khi làm việc, ta đem cái chân-thành mà cử-thờ ra các công việc mà ngài đã hứa cho ta phải làm ở đời này, thì biết đầu sau này không trông vào đấy mà đủ nghiệm biết cái phúc-mạnh của tiên-thần ta sao.

An-Tiên nói đến đấy, nghe sấm kêu xa xa ngoài cửa động, trông ra thì ngớt mưa, trời hàng-hàng, chàng ngó cỏ ra dóm. thì thấy về mé tây nhan-nhân mây ám sát trời, đen kịt như mực, trong tầng mây đen, thỉnh-thoảng có cái chớp chẳng ngừng-ngoè như con kim-long xuất-một đến vụt một cái lại thôi, thì có mấy tiếng sấm như tiếng trống cổ-bè ran-rỉ theo sau. Ngoài tầng mây đen thì những đám mây trắng xóa ở từ ven bề mà phấp-phới kéo vào. An-Tiên bảo nàng Ba rằng :

— Kia cái chỗ trời thâm mây trắng, chớp loè sấm nổ kia, là nơi non nước Văn-lang ta đó, mồ cha má ông ta đó, vắng quê phụ-mẫu, một ngày ba thu, phương-chi là đã thấm - thoát non một tháng trời nay, không còn được nghe ngóng đến cái tin-tức ở trong ra thế nào, mà nay trông ngoài trời tây muôn dặm, gió thổi mây bay, dường như trong ấy có việc gì tất-tả mà chớp như nháy ta mà bão, sấm như gọi ta để báo tin làm vậy, mắt ta trông tai ta nghe, ý ta tưởng-tượng, lòng ta tài ào không rộn - rã xôn - xao.

Nói rồi hai vợ chồng cùng bước ra ngoài cửa hang đứng ngắm. An-Tiên ngâm thơ lên rằng :

*Ầm ầm sấm động trời tây,
Róc non ngựa sắt đng mây khơi chiếu,
Nóng tin thấy sấm nện mùn,
Sấm sấm có dải-dăng điều chi ?*

Nàng Ba cũng đọc tiếp theo ngay rằng :

*Cửa hang sớm sớm chiều chiều,
Ngồi ngau ngóng nhìn theo mây
lông.*

*Ấy non nước nghìn trùng,
Ấy đưa hộ tẩm lòng về nơi.
Lúa cấy vàng chi mấy mây ơi ?*

Nàng Ba hoan-tôi nhả một lời đã nao, chồng ngâm đi ngâm lại cả thơ của hai người vừa làm

xong, và cùng trông về chỗ sấm chớp
mây mưa ở trước mặt mà chỉ-trỏ ;
chồng thì đoán chỗ kia là ngàn Rừng
Ngang, vợ thì đoán chỗ nọ là dãy núi
Ba-vi. Mai Lâm thấy bố mẹ nói chuyện
xi-xào ngoài cửa hang, đang ngồi với
em, cũng bỏ chạy ra, thì cơn mưa lại
ở đằng sau hang ò-ò rội xuống, hai vợ
chồng vội bế con vào trong hang, ngồi
với nhau. Nàng Ba còn mang cái tinh-
tự ở ngoài cửa hang dằng-dặc như sợi
tơ dài muôn nghìn đoạn, nghĩ cái cảnh-
hùng khe-khắt lạ đời của một nhà
minh ở nơi lơ-lửng giữa trời này, bất-
miễn đến rón vào với nhau một chỗ
mà chết như cái lờ chồng mình đã liệu
từ lúc bước ra, trông sau trông trước
tuyệt-nhiên không còn cái gì khả-dĩ
sống được với nhau như ở trong đất
cạn. Nhưng nào đã chết cho, đang khi
còn ngoi-ngóp với nhau này, hai vợ
chồng ai là người nữ phụ-bạc liều
minh trước cho thoát vong-linh mà để
hai mối thâm-tình lại cho ai gánh
nặng! Thôi, bởi cơ-sự khiến nên, mà
cũng trời kia bắt phải, lo sợ cũng
không được, mà phiền-muộn lại càng
thêm hại, nếu hai vợ chồng bậy giờ
một người lo nghĩ quá, hao-tồn tâm-
lực, ốm đau nằm đó, thì một người
làm thế nào mà chu được nhau cho
qua, vì bằng ta không sớm nghĩ, cứ
trông thấy cái tai-nạn nguy-ngập như
thế này, kinh hồn mất vía, khó-
sớm kêu khuya, than dài thở ngắn,
làm rối lòng vàng đá kẻ trượng-
phu, thì liệu có ích gì cho chỗ này; ta
tuy phận nữ-nhi, nhưng cũng tai cũng
mất, há không có can-dảm để mà
chống-chọi với cái hiểm-nghèo hay s. o?
Mà đã đến thế này, chẳng can
dảm cũng chẳng được, từ nay ta q
gượng sầu làm vui, đổi dặt làm b
gắng sức cho khỏe, cho có tinh-
có sức lực mà giúp đỡ chồng con,
một nhà ta còn sống được với nhau,
đây ngày giờ nào là sống một cách

về em-ai như thường, rồi đến khi
Thượng-đế bảo cho hết kiếp, thì sẽ
vàng mệnh ngài mà cùng nhau một
giấc, chẳng còn oán-hận chút chi, ta
quyết làm cho chồng ta khuấy-khỏa,
làm cho chồng con ta được trông cậy,
mà không để cho chồng ta phải bận
lòng về ta, mỗi lúc mỗi câu lại phải
tìm những lời uyên-chuyên mà an-ủi
cho ta nữa, đã quyết thi-hành, đã cấy
thì gặt với anh qua mùa. Nàng nghĩ
như thế, rồi nàng nói với chồng một
cách tươi-tĩnh mà rằng :

— Thiếp còn một bài nữa .

— Đọc cho tôi nghe với nào .

Nàng Ba đọc :

Hôm qua xem nước bể Đông,

Vợ chồng thuận tát nhưng không có gầu.

Hôm nay ta nhủ cùng nhau,

Hóa chim tha đá bắc cầu ta sang.

Thiếu đâu xe cát giữ-tràng,

Đường về quê thiếp quê chàng thôi hơn.

An-Tiêm vỗ tay khen hay, rồi cười
dễ dãi ran trong hang lên, vì ở đây
đá có hàng xóm láng giềng như ở
rong nội-địa, thì người ta cũng phải
nghị-luận mà rằng : « Vợ chồng con cái
An-Tiêm từ khi dọn đến, trời mưa tầm
tã, ý-giả hôm nay mới đặt tiệc ăn mừng
nhà mới, mà vui-vẻ nó cười rầm-
rĩ như thế ». Nàng Ba thấy mình vừa
đọc buồn mồm, thì chồng cười âm
lên, không biết ra làm sao, nàng thẹn đỏ
mặt lên, chả kém cái thẹn ở dưới bóng
trăng tối hôm rằm năm nào. Nàng hỏi :

— Thơ sao mà phu-quân cười lăm
thế ?

— Nghe thơ biết cái chí của hiền-
đã định, chí định thì sự-nghiệp ta
nành, bởi thế mà tôi mừng không kịp
giữ ý nữa.

An-Tiêm lại bảo nàng Ba đọc lại.
Nàng đọc một cách chững-chạc đặc-
ý chứ không dặt-dè ngượng-ngọng như
m đọc thơ ở thuyền. An-Tiêm nói :

— « Thôi hơn » là tiếng đi đường của người thổ-dân thượng-du. Ta đi đường hỏi thăm họ còn xa chừng nào, họ cũng bảo « còn thôi hơn ». Thôi hơn ở đây cũng ý ấy, không biết hơn một thôi, hay là còn hơn không biết mấy mươi vạn một thôi nữa. Nhưng xa thì xa, ta cũng cứ đi. — Rồi lại khách khách cười.

Mai Lâm ngồi, hai cái mắt hau-háu, thấy bố mẹ cười nói ngâm-ngâm với nhau, nó cũng tím-tím mà cười.

VIII — Bàn kể sinh-nhai

Bấy giờ ngoài cửa động cứ mưa sà-sà, trong động thì u-ám lại, không biết là mấy ngày mấy đêm rồi, cứ đến bữa thấy đói thì vợ chồng lại đốt lửa nướng bánh ăn, trước những lúc rét quá còn đốt thêm lửa để sưởi; sau thấy mưa mãi, phải để dành củi không dám sưởi nữa, chỉ bữa nướng đủ bánh rồi thì tắt đi, lâu lâu đốt hết củi rác ở ngoài, lại phải lấy củi ở ra để nướng bánh, mà củi ở cũng gần hết, soi xem cái số bánh để góc hang thì ước chừng ăn hết đến non nửa. Nàng Ba nói :

— Khí-hậu ngoài này khác với trong ta, không thấy bao giờ mà mưa rồi nước xuống đến tháng trời không tạnh, không thò đi được đến đâu mà tìm kiếm cái sinh-kế ra thế nào, củi rác hết còn tìm được, ít bánh nọ mà hết thì lấy gì để nuôi nhau được !

— Đức Hoàng-cầu đời xưa có nói rằng : « Đời thạch-bình, cảnh-tượng hư-minh, trời không mưa dầm gió táp, bề im không có sóng. » Nay đời quý thế, gió mưa dữ-dội, trời bề cũng khô yên. Trung-quốc thì các nước chư-hà cá lớn nuốt cá bé, nước ta thì dân cùng nước háo, nội-chính hồng ở trong, ngoại-hoạn nhiều ở ngoài, cái cơ vỡ-lỡ như chực tới nơi, đó cũng là vì người không biết hồi-quá để tạ lòng trời, mà xui ra làm vậy. Minh tuy bị l

phóng ra đây, là vua tuyệt minh, chứ mình có dám tuyệt vua đâu, nước quên mình chứ mình có dám quên nước đâu, lúc nào nghĩ đến cái ân-ru của tôn-quốc. lại thở dài một tiếng kêu trời. Ấy là tôi nhân thấy mưa cũ gió tuàn, trời sầu đất thảm mà động mối thương-tâm là thế, còn cái kể sinh-nhai ở đây thì tôi cũng sớm liệu cả rồi, thế nào cũng đủ sống với nhau, để đợi Thượng-đế dặt cái cơ duyên đến dần dần. Ở hải-tần nhiều những thủy-sản có giai-vị mà tư-bồ, mấy hôm ở hang đảng kia, trời nắng ráo, vợ được vài thức hải-vật đem về nướng ăn với nhau, là tìm thấy ở các bãi bãi, các khe núi đá trên mặt nước, mé đảo này, vì mạn nam đại sóng đại gió, những giống sản-vật không ở được, mà mạn bắc thì khuất núi khuất đồi nên nó ở nhiều, ta sẽ tìm phương lập kế mà kiếm được; cho nên sáng hôm mới lên bến Sứ, tôi đứng ngoài bãi cát mà trông vào, thấy một bức họa chon-von trên làn mây nước, mà cảnh-sắc thanh-quang khéo-léo, tôi biết ngay là Thượng-đế vẫn tìm mình, thiên-tử tuy giận mà còn thương. Bấy giờ tôi chỉ còn lo tìm lấy một cái mạch nước ngọt nữa là đủ, mấy hôm nay uống nước mưa không kê, còn mấy hôm ở hang bên kia vẫn uống nước mưa cũ đọng ở vũng đá mà nuôi; cái thời-tiết ở đây chắc là bất-thường, đã có trận mưa hàng tháng, tất có kỳ nắng hàng mùa, nước vũng cạn hết thì lấy đâu mà uống. Nhưng cũng không lo, vì cái lệ thường của tạo-hóa, hề có núi đá là có mạch nước, có động là có nước, trung-nhũ gió xối, thì ở đây rồi tìm cũng thấy, nắng ác-lên, tôi đi tìm, chỉ nội vùng này là nước ngọt. Hễ ta đã có thức ăn có nước uống, có sắt có lửa, là ta đủ tiêu-tự-lại được rồi. Ta đã tiêu-dao được thì cái sự-nghiệp của ta có gì mà cái phúc tiền-thân của ta đã ở đâu chốn này.

— Người ta làm nên sự-nghiệp là nhờ ở kẻ giúp vào; kẻ giúp vào tức là họ hàng làng nước, mỗi người làm mỗi việc, người nào khéo dùng thì thành công cán riêng, một ông tướng dũng-lược, nếu không có ba quân thì ai đánh thành cướp đất cho mà được huân-lao, một ông vua anh-chủ, nếu không có thần-dân, thì ai tả-phụ hũu-bật cho mà nên vương-nghiệp; không những thế, lại phải trăm nghìn đời di-truyền pháp-chế, mỗi đời một tí, tích-lũy dần-dần, đời sau mới nhờ mà lập lên công-nghiệp hoàn-toàn, chứ trơ-trọi ra chỉ có bốn người ăn hàng ở lỗ, tuyệt-tích nhân-loàn như nhà ta ở đây, thì lo sao cho sống được với nhau là họa, còn nhờ vào đâu mà nên công nọ việc kia, cho nên không có kẻ dã-nhân ai nuôi người quân-tử, không có người quân-tử ai trị kẻ dã-nhân, mình kiếm sao cho nổi hết cả mọi sự được, thế thì có phải tiền-thần đầu còn, để trời trao tay cho sao?

— Cái lệ ở lục-địa xưa nay thì vẫn thế, nhưng ở đây mà ta đã sống được, ta đã có chí làm, cái mệnh tiền-thần ta còn, thì cái lệ trong lục-địa kia tất có cơ-hội mà Thượng-đế ngài run-rủi cho đem lại, chứ ngài có làm gì được, mà ta có phải chỉ đợi ở trời mà không biết đến ai giúp nên cho đâu.

— Tuy-nhiên, không có ngũ-cốc thì cách ăn vã đồ ăn như thế, lấy gì làm bổ-dưỡng mà sống được, cho nên thường thấy có người chỉ ăn cơm nếp sống, chứ chưa có người nào độc ăn cá thịt mà thọ bao giờ.

— Ở đời cái gì cũng là quen, trời sinh muôn vật, có giống ăn thịt, có giống ăn cỏ, có giống ăn cả cỏ cả thịt; mà trước thuộc về giống sau cùng, người thời Hồng-hoang, vợ được cái gì ăn ấy, ăn sống nuốt tươi, cũng như loài điều-thú trùng-ngư; đến đời nhân mới biết ăn chín, ăn chín đã thấy ăn sống thì chê là tanh, có

vào cũng thương ti-vị nữa. Nhưng trước khi chưa có lửa, ché tanh và hải thương ti-vị thì ăn bằng gì? vả đã biết đâu mà ché mà sợ. Đến đời đức Viêm-đế Thần-nông là tị-tổ ta với Trung-quốc phân chi với nhau là đấy, ngài mới dạy dân lấy các giống thóc cây ruộng mà ăn, người ta mới lấy cơm làm thức ăn chính từ đó, việc nông-phổ đã thành rồi người ta mới biết chọn lấy giống cây có quả ngon lành về trồng, bắt những con cầm-thú tính thuần về nuôi, để mà ăn dùng cho tiện. Xem thế thì biết những cách ăn dùng như ngày nay, có phải lúc sơ-thủy đã chế ngay đâu. Đến khi ăn dùng cách mới đã quen, thì không muốn phản-hồi cái thói xưa nữa. Song cái gì đã quen cũng thành ra ưa, mà ưa cũng có cái hay: nghiệm như giống chó nuôi trong nhà, vốn là một giống chó sói ăn thịt ở rừng, người ta thấy nó cắn đem, bắt đem về nuôi, chỉ cho ăn cơm, ít cho ăn thịt, ấy là giống chuyên ăn thứ nọ đến khi phải ăn thứ kia mà cũng quen, lại béo lớn khỏe mạnh hơn giống chó sói ở rừng, gia-chi-dĩ ở gần người lâu, lại nhiễm được tính có nghĩa, có trí khôn để giúp chủ, khác hẳn với họ hàng xưa là dưng nào; ấy cồ-ngũ nói cái nghĩa « *cư dĩ khí-dưỡng dĩ thể* » là thế. Nay ta ăn uống bằng những thứ hải-vị cam-mỹ, cư-xử bằng một thứ địa-khi trong lành, chắc rồi thì quen, quen rồi thì ưa, ưa rồi cái khu-thể nó tự đổi ra một cách tốt đẹp khác, lúc đó có ngũ-cốc ta lại không thiết nữa, vả ta đã cách xa thế-tục, thì cái nết hư thói xấu của người đời không tiếm-nhiệm ào cho con cháu ta được, ta giữ toàn vẹn những cái đức-tính của trời phú-bẩm, những điều di-luân đạo-nghĩa của thánh-hiền, những công-đức sự-nghiệp của tổ-tôn trong nước đã triêu-bồi mà truyền lại cho con cháu ta, thì cái lòng giống của ta ở đây, há lại chẳng phải là miêu-duệ chân-chính của

vấn hướng Việt đó, nhưng hang có biết gì không? ha g đã từng nghĩ gì đến cái xứ-sở trước mặt xa-xa cách trùng-trùng mây nước k a, trời đã an-bài ra để thu c cùng nhau làm một khu-vực đứng chế h-vĩnh trong đại-vũ tranh lấy p ã ơn-huệ của Thượng - để chưa? hay là từ khi hang có người rồi thì hang mới có biết và có nghĩ? Ôi!

Trước ta hang nhớ có ai,

Sau ta hang nhớ mấy người như ta.

Núi non trời đất bao già,

Còn hang còn hướng trống tà còn soi.

Ấy hôm nay tôi hãy đọc mấy câu «Vấn-dộng» để tả cái đặt-hứng khi mới đến bắc cư cái cảnh tuyệt-phàm này, còn hôm nào thanh-thả, ta sẽ có mấy câu mà đề lên cửa hang đề khi ra vào mà ngâm nga cho khiên-muộn. Lại còn cái hang thung-thình rộng rãi hóm t o, thì dễ chơi mát, và tích-trữ lương-thực củi rác, ta đặt tên là hang Gi hay là hang Khố, thế là ta mới kinh doanh được ba chỗ là có tên. Cái phương-pháp khai-thác một nơi tá địa hoang-thiên nào, bắt đầu phải đi lấy tên cho từng chỗ từng sở có qua hệ đề mà ký-chú xưng-hô cho tiện, ra thổ-tri đến đâu, ta lại đặt tên dần dần đến đấy. Cái hình-thể đảo này, t hóm ở bến Sứ vào đến nay, tôi là vùng quanh hết một lượt rồi, chỉ năng rào thì ta lại đưa nhau lên đồi mà tư-vọng đề thu-quát lấy toàn-cục và trông xa muôn dặm rộng làm con mắt.

— Cảnh-vật ở đây thật là một thiên-nhiên kỳ-xảo, thần-tiên tấ có giáng-lâm, vì ở vào gần nội-dịa nếp, được dạo qua thì đã lấy làm duyên lắm đấy.

— Ở đây mà ta ra được, phúc-duyen lắm chứ sao.

Nói rồi chàng trở lên mỏm đá gần chỗ đứng mà rằng :

— Núi đá không có cây to, là vì không có đất màu cho nó ăn, chỗ kia có cái cây, ở đây như thế cũng đã to lắm rồi, để tôi len chặt lấy

Chàng liền cầm gươm ra, trèo lên mỏm đá chặt mấy nhát thì đứt, kéo xuống phạt bỏ cành ngọn đi, còn một đoạn to độ chét tay, không-khoèo ngoác, ngoách xem như đã lâu ngày, dẻo gỗ đi, thấy ổ đồ có nhiều vân mà thom, không biết là gỗ gì, chàng đưa cho vợ xem mà rằng :

— Cái gỗ này dẻo được cái chuỗi gươm đẹp lắm.

Vậy giờ lại có mấy hột mưa, vợ chõu lại cho con vào hang, An-liêm vừa cầm khúc gỗ vừa dẻo vừa nói :

— Ta ở đây tuy là nơi u-tịch, là bước lưu-ly, nhưng dù thế mặc lòng, người ta ở đời, lúc nào chỗ nào cũng có thể chinh-dõ được; người với vật, vãn với đi, thịnh với suy, chỉ khác nhau có chính-dõn với cầu-thả mà thôi; cho nên trừ cái lúc cần-cấp phải ty-tiền cho được việc thì không kể, còn thì dầu mình đối với một mình mình trong một đời khoảnh khắc, cũng không nên cầu-thả việc gì. Vậy nhất-thiết những đồ đạc khí-dụng cần cho việc dưỡng-sinh mà ở đây ta có thể làm được cái gì, và có thể làm được tử-tế dù tiện-dụng hay dù vui mắt ta, cũng nên làm, cái gì không có thể mà làm có thể dùng vật thiên-nhiên khác thay vào được, như cái mai cua, cái vỏ ốc, dùng làm chén bát hồ liễn được cũng nên dùng, sao cho trong một cái hang cũng lược đủ những thứ ăn dùng như trong nội-dịa. Lại đến những lúc vợ chồng cha con ăn ở cũng không nên lấy cái cảnh tiêu-diệu này mà nhãng

bỏ cái lễ nghi, vì những cái khôn cái khéo, những lễ-văn-chế độ ở đời mà lưu-hành được là khó lắm, phải tích-lũy, phải biến-thiên bao nhiêu lần mới thành, hiền-thê cũng đã biết mà nói đến đó, nó tức là cái vốn, cái nề nếp của đạo làm người mà tổ-tôn đã truyền để lại cho con cháu đó, ta phải nên giữ lấy cái vốn ấy, cái nề-nếp ấy mà lưu truyền lại cho con cháu ta, nhất là cái lúc dễ tiêu-diệt như ngày nay ở đây, lại càng phải lưu-truyền lại lắm, cho con cháu ta sau này được nhờ có cái vốn cái nề nếp để làm gờoi. rồi sẽ nhân đó mà mở rộng ra lấy những cái nhu-yếu mới cho thích-dụng với cái cuộc đời của họ, cho họ không đến nỗi cái gì cũng khó-khăn thiếu thốn.

không biết lấy dầu làm mẩu mực mà phải kêu ca rằng tiề-nhân không có kể thâm lự-viễn gì cho hậu còn.

An-Liêm vừa nói chuyện vừa lấy mũi gươm tần-mẩn tĩa tách mất nửa ngày hôm ấy đến trưa hôm sau thì thành một cái chuỗi gươm dầu hồ, đưa cho vợ xem. Nàng Ba ngắm đi ngắm lại tấy nó đủ hình đủ dáng cũng như cái chuỗi gươm khi ở nhà nàng thường trông thấy. Nàng nói:

— Cái gỗ này cầm lâu lên nước đẹp lắm, phu-quân cũng có khéo tay thật.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRONG-THẬT

VĂN - UYÊN

THƠ CŨ NAM - KỲ (1)

I

Cõi Nam chung hưởng hội thăng-bình,
Trời đất gây nên cuộc chiến-tranh.
Xe ngựa nhộn-nhàng xe ngựa khách,
Nước non vun-quén nước non mình.
Những trang dụng thể đánh ngơ mặt,
Mấy kẻ trung-quân nở phụ tình.
Bao thừa đem về cơ nhất-thống,
Nghìn thu bia tạc đấng trung-trình.

II

Trung-trình giốc trọn đạo vi-thần,
Nạn khổ xưa nay biết mấy lần.
Ở Hán bền lòng phò lợm Hán,
Oán Tần ra sức đuổi hươu Tần.
Nhìn Nam chạnh tủi cảnh hoa ú,
Ngó Bắc ngùi thương khóm bạch-vân.

Cái nợ tang-bồng than-thở phận,
Lên nh dem đập-dã giữa phong-trần,

III

Phong-trần lắm lúc lưỡng sầu riêng,
Cắt mượn tay ai gỡ mối phiền.
Cả đời ba đời ơn rất trọng,
Qua một cuộc nghĩa chưa tuyền.
Trên còn tạo lòng đa-xảo,
Dưới trở anh-hùng buổi thiếu-niên.
Cắt-phối bụi hồng đà trải dẫu,
Còn trình chịu uốn thú hàn-huyền.

IV

Hiên nghĩ phận lưỡng bàng-khuàng,
Còn xem qua lệ ngập-ngưng.

(1) Mười bài thơ này là của ông cử Phan Văn-I khi nước Pháp mới sang chiếm

Roi vọt dứt dòng chưa phải vụn,
 Gây oan rối mối hãy lo chùng.
 Nỡ nghe tiếng loạn đem tai rửa,
 Đành thấy thẳng gian đề mắt trừng.
 Mấy mặt anh-hùng sao nép dấu ?
 Vạc nghiêng há dóm một tay nâng.

V

Tay nâng há dóm một mình đây,
 Kể bắc người nam bấn dạ này.
 Thế sự băng-xăng cờ tung nước,
 Nhân linh tráo-trát gió rung cây.
 Giao-hòa bởi Tống mưu-mô cạn,
 Cắt đứt nên Kim trí-lực dày.
 Ươm hoi những người trên cõi Việt,
 Tấm lòng thiết-thạch há như vầy ?

VI

Như vầy trung-nghĩa bấy lâu nay,
 Dầu những người xưa cũng sánh tầy.
 Trượng vải lai-dại cơn gió thổi,
 Cánh thu hiu-hắt hạt mưa bay.
 Sông sâu sóng ngả thuyền câu dập,
 Đồng rộng hùm sa lữ chó vầy.
 Kia nước nọ non cơ-cuộc thế,
 Đây voi tròn khuyết có sai rầy.

VII

Sai rầy cũng bởi cuộc phân băng,
 Hay dự nhân vì lúc ái tăng.
 Gió bụi trăm chiều quen mặt cũ,
 Đá bia một tiết giữ lòng hằng.
 Hòn Nghê gọi chút tình mây nước,
 Bến-Nghé buồn riêng phận cỏ sông.

Cung-kiếm cầm-thi cam hồ phạt,
 Sao cho tỏ rạng bạc tài-năng.

VIII

Tài-năng chi đó khéo trên người,
 Cái phận nam-nhi lưỡng nức cười.
 Ngươi đậu xuôi di hiềm thế nước,
 Sáu dầm cạn vén thuận tình đời.
 Quan-san dậm thẳng đường liền bước,
 Tùng cúc vườn xưa cánh nhớ người.
 Tạo-hóa một bầu xoay khí-vận,
 Đòng qua xuân lại trở màu tươi.

IX

Màu tươi sắc tốt dấm se-sua,
 Giàu cũng chẳng khoe, khó chẳng đua.
 Mấy kỷ tuyết-sương bền chí trẻ,
 Chín tầng mưa móc gọi ơn vua.
 Huê-lưu xa ruồi ngoài nghìn dặm,
 Tông-bà cao xây giữa bốn mùa.
 Lời sáng nét cao tùy thửa biển,
 Mặt người lưới mủa lại môi khua.

X

Môi khua khéo học dạng cầu-vinh,
 Tiêu-trưởng cơ trời dễ dấm khinh.
 Ấn hồ xa ban miền Bắc-khuyết,
 Cờ chiến an đẹp mé Nam minh.
 Trăm năm bởi gặp khi nguy-biến,
 Bốn bề chưa gây cuộc vĩnh-tình.
 Nhà nước một mai xoay vận thái,
 Cối nam chung hưởng hội thẳng-bình.

LÂM TẤN-PHÁC sao - lục

THƠ VĂN MỚI

1. - Sáng mừng một tết gọi bạn

Kẻ đã bao xuân đến tận giờ,
 Nay thêm tuổi nữa biết hay chưa ?
 Giấc nồng nghe hãy còn thêm-thiếp,
 Cảnh cũ trông ra vẫn mặt-mờ.
 Đồ ổi năm châu vừng ác dọi,
 Vàng lừng bốn bề tiếng chuông.
 Này này thức dậy trông trời đất,
 Mơ-mộng làm chi mãi thế ư ?

2 - Năm mới thăm hoa

Vườn xuân dạo gót bước thăm hoa,
 Kia đóa hồng đầu mới nở ra ?
 Sắc biếc diễm tô vườn đất cũ,
 Mùi thơm sực nức nước non nhà.
 Gió mưa không thẹn cơn nòi giống,
 Dầu bề còn nguyên cái gốc già.
 Vun bón sao cho thêm tốt mãi,
 Ngày xuân bát-ngát khắp gần xa.

3. — **Bác thợ cày**

Vì dân vì nước phải ra tay,
 Ngang-dọc giang-sơn một chiếc cày.
 Bùn đất dãi-dầu chi xá quầu,
 Nước non khô cạn lẽ nào khuấy.
 Đất này mong sớm nê màu mới,
 Vườn nọ mau trồng lấy giống hay.
 Quyết chí bền gan trời chẳng phụ,
 Tha-hồ thời-the nó vẫn xoay.

4. — **Chúc năm mới**

Nô-nức mừng xuân họ chúc nhau,
 Vì dân vì nước chúc đôi câu.
 Chúc nôi-giống Lạc vang-lừng khắp,
 Chúc nước-non Hồng tiến-bộ mau.
 Chúc giải đồng-tâm Nam với Bắc,
 Chúc nền phong-hóa Á hòa Âu.
 Một bầu nhiệt-huyết ai hay nhỉ?
 Chúc hợp-hòa chung cả địa-cầu.

5. — **Khai bút**

Hăm bốn năm trời với nước-non,
 Mấy phen mưa gió dạ không chồn.
 Trường văn cổ gọi cơn mơ-mộng,
 Cõi thế mong tường bước đại khôn.
 Vui với non-sông ngòi bút sắt,
 Gửi cùng trời đất tấm lòng son.
 Nam-nhi há chịu thua đời nhỉ?
 Ai hỡi hơn nhau cái tiếng đồn.

6. — **Ngày tết cảm-hứng**

Thấy tết lòng ta nghĩ chán-chường,
 Nôi nhà nôi nước khúc tơ vương.
 Non sông u ám trong vòng mộng,
 Thân thế bơ-vơ giữa quăng đường.
 Muốn phất ngọn cờ cờ chữa đến,
 Toan lay hồn nước nước còn đương.
 Nào ai ai thấu tâm-tinh nhỉ?
 Tết nhất vui gì khách bốn phương?

7. — **Vun cây**

(Lối ca mới)

Cái vườn đây gây dựng từ bao giờ?
 Cây cần lá héo em luống ngân-ngờ
 trong lòng.

Nào em có quản dàu nắng hạ với
 sương đông,
 Liễu thân em lặn lội vun trồng cái lúc
 sớm trưa.
 Em nghĩ tiếc công người bón xới từ xưa,
 Mà nào doái cảnh bây giờ có những ai ai.
 Em tức-giận cho cái thói đời,
 Ăn cây sao chẳng nhớ đến cái người
 trồng cây.
 Sao để cho cái vườn xưa giờ tro-trụi
 thế này!
 Nào lê nào lý những ngày giờ cả đầu đầu,
 Thôi cái cuộc đời bề bề đầu đầu,
 Dẫu sao em cũng cố kêu nào đã chắc
 ai hay.
 Cái hạt hồng con này mong cho chóng
 nèn cây,
 Sinh hoa kết quả để cái vườn non này
 cũng được về-vang.
 Bấy lâu em những mơ-màng.

8. — **Xuân**

(Hát nói)

Ngày xuân rực-rỡ,
 Khách vui xuân hớn-hở đón mừng xuân,
 Gái xuân kia nào có hao lần,
 Nên phải nghĩ kéo ngày xuân thêm phi.
 Trượng-phu sớm trả ân trời bề,
 Nam-tử mau đền nợ núi sông.
 Kia văn-minh nam bắc tây đông,
 Đầu cứ mãi trong vòng mơ-mộng.
 Nay phải biết: vì nước, vì non, vì nôi,
 vì giống,
 Đừng như ai thêm uổng có ra chi.
 Mấy lời tâm-huyết xin ghi.

NGUYỄN VĂN-NĂNG

1. — **Đề tranh**

1

Mai điều 梅鳥

Lá gầy xuân mát-mẻ cảnh rườm-rà.
 ng chiều người bông nảy ra.
 Hỡi trên cành chim riú-rit,
 ai dưới tuyết đạo tim hoa?

II

Liên áp 蓮鴨

Tiết hè nồng-nực, góm ghè chưa ?
Sen nở trong đầm gió thoảng đưa.
Sắc cũng mặn-mà, hương cũng dưm,
Cớ chi loài vịt dám bơi đùa ?

III

Cúc điệp 菊蝶

Trời thu trong sáng, vẻ xinh sao !
Ngoài viên hương bay cúc ngạt ngào.
Ai bảo đông-ly màu nhạt-nhèo ?
Hoa cười hớn-hở bướm xôn-xao.

IV

Tùng lộc 松鹿

Gió đóng hiu-hắt thổi toi -bời,
Cây vẫn xanh xanh, lá vẫn tươi.
Một tấm lòng trinh thêm cứng-cỏi,
Đàn hươu ẩn bóng được yên vui.

3. — Nghĩ Quán chuột (1)

(Mỗi câu có dùng một loài động-vật)

Cước mãi chồn chân mới nghỉ-ngơi,
Quán còn trơ đó. Chuột đâu rồi ?
Chén trà giải khát người đương nhấp,
Thìa rượu truy-hoan khách đã mời.
Réo-rắt cành cây chim học nói,
Rập rờn dòng nước cá đua bơi.
Nhà Vương chẳng thấy hươu đầu cả,
Đứng góc hòe trông hoئن miệng cười.

2. — Tức-cảnh chợ Hòe

Mỗi câu có dùng một loài thực vật)

Ngân đầu lấp-ló bóng dương loe,
Tim thú qua chơi cảnh chợ Hòe.
Hàng quán lơ-thơ rau lẫn cỏ,

Cửa nhà úp thúp gổ pha tre.
Phất-phơ đồng lúa trồng xanh ngắt,
Hớn-hở đầm sen nở đỏ lòe.
Dưới gốc cây si đứng gót lại,
Dậm hồng nghe tiếng rúc toe loe.

4. — Đêm đông

Trần gió may gào khi đá xông,
Hạt sương muốn đọng bóng trắng lồng.
Lá cây vàng úa đầy sân rụng,
Rêu cụm xanh ri kín đất phong.
Gối chiếc mơ-màng người viễn khách,
Chăn đơn lạnh-lẽo kẻ cô-phòng.
Đèn khuya khêu cạn khô hàng lệ,
Gà sáng khuya vang tỉnh giấc mộng!

5. — Cười tét

Tháng tận năm cùng tết đến nơi,
Mặc ai kia khóc, tớ đây cười !
Cười đường khai-hóa im vang bóng,
Cười mối đồng-tâm bật tiếng hơi.
Cười tục di truyền vàng mã sấm,
Cười phong tiêu-khiển bạc bài chơi.
Cười đời đã chán. cười chi nữa ?
Cười cái thẳng mình cũng rửa thối !

6. — Đề ba mươi tết

Ngọn đèn bắt-đạ trống liên thanh,
Tống cự nghênh tân pháo nổ doanh !
Thế-cục xem ra cùng một rửa,
Giao-thừa mong-mỏi chóng sang canh.

7. — Khai bút

Mùa-mang từ trước đã ngóng thừa !
Sấm - hối phen này nhứt bút chưa ?
Kiếp chữ xin trời cho mạnh khỏe,
Bình-dần sau nữa vạn là thơ !

8. — Ngán nỗi thơ tôi

Trăm nghề biết được một nghề thơ,
Được một nghề thơ lại « rôm rờ » !
Năm mới đem bài khai-bút đọc,
Đọc lên mẹ nó cũng mần ngờ !

(1) Quán Chuột ở xã Duyên-hưng huyện Mi-Độc Nam-dịnh. Chỗ này hai bên đường đi trồng rất hòe, gần đấy có một cái chợ tục vẫn gọi là chợ Hòe.

9. — Thích dâng báo

Văn chương bổ-láo đến thẳng mình!
 Dốt đặc như ai cũng phải kinh!
 Báo-giới nhằm khi ngôn luận rộng,
 Bút-quyền được thể soạn dâng rình!
 Giấu đi chẳng hết đem bêu xấu,
 Tài đáng là bao chực cuôm danh!
 Này hề khôn hồn mau tự-lượng,
 Chớ đừng phê-phớt tỏ người khinh!

10 — Gửi bạn Nam định

Thanh-khí xưa nay vốn lẽ hằng,
 Kể Nam người Thái thấu tình chăng?
 Quen nhau trên báo mười hàng chữ,
 Biết bụng đem tròn một bóng trăng!
 Bệnh ốm mới lâu mong chóng khỏi,
 Thơ làm nhiều ít liệu đem dâng!
 Giường nằm dấu khác, chiêm-bao giống,
 Lòng dấy lòng dây chắc hẳn bằng!

11 — Tức không có tiền mua sách
mua báo

Ở đời tức nhất nỗi không xu,
 Mắt nếu không xu có khác mù!
 Sách nợ sách kia ai kể tặng,
 Báo này báo khác lấy gì mua.
 Gọi con túi mướp mẹ bòn rận,
 Dặn vợ cơm lễ thối chộn ngó.
 Á-tế Âu-la câu chuyện mặc,
 Nút tai thế-sự chịu rằng ngu!

12 — Kỷ-niệm ngày 27 tháng một

Nhớ cũng ngày nay, cũng tháng này,
 Trong năm giáp-tí mới qua đây.
 Co-dò thoáng chốc ra tro sạch,
 Thân-thế vào vòng lỗ bước ngay.
 Há miệng kêu-van ai kể thấu,
 Nén lòng ngâm-nghĩ nước đời hay!
 Nhà nho chi đã làm nên tội!
 Trời nỡ chơi nhau một mẻ cay!

13 — Tình cảnh đũa di ở

Cái đời nô-lệ khổ vô-ngần!
 Muốn thăm nghìn sâu một tấm thân!
 Đem xác cha sinh hồn mẹ dưỡng,
 Đồi manh áo mặc bát cơm ăn.
 Giang-sơn gánh-vác quyền nhi-nữ

Uy-phúc trông-hòng lượng chủ-nhân.
 Khi giận lúc mừng chiều-chuông khéo,
 Miếng xương quặng xuống ấy ban-ân!

14 — Tự cười mình

Ngu đến thẳng mình thực chi-ngu!
 Người ta bay nhây, tự ngồi rù!
 Cơm ăn áo mặc nhờ lưng vợ,
 Sử nấu kinh xoi chọc mắt trò.
 Học chẳng bằng ai lên mặt chữ,
 Văn không đáng giá lấy đồng xu!
 Nay thơ, mai phú, ngày kia sầm,
 Tảng ốm chưa thôi, lại tảng mù!

15 — Nhớ lúc còn thơ

Ngồi buồn nhớ những sự xa-xôi,
 Nhớ lúc còn thơ « vọt » cái cười!
 Cha bảo đi trường đua trẻ nhỏn,
 Mẹ vừa về chợ gọi « bu ơi! »
 « Ngựa tre » lộc-sộc làm quan cười,
 « Trống mẹt » lung-tung đóng đám chơi.
 Mãi đến mười lăm mười sáu tuổi,
 Lớn người tinh-nết mới « hơi hơi »!...

16 — Tặng ông Lang

(Giọng Xâm)

Ông thì Lang! Ông thì Lang!
 Đã luàn-hồi vào cái kiếp ông Lang;
 « thể-nhân đa-bệnh », thuốc-thang lo
 mọi đường!

Người này ngoại-cảm, kể nợ lại nội-
 thương; ra tay « đối - chứng lập-
 phương » không hớ gì!

Làm cho nổi danh đồ-đệ cụ Hiên-
 Kỳ; xúng cùng cái tiếng lương-y ai đã
 bầu!

Thì-buổi bây giờ giữa lúc Á-Âu,
 thuốc Tây phải tham-bán, chứ chỉ
 thuốc Tàu nó cũng lôm-lam.

Lại nên nghiên-cứu thuốc Nam!

17. — Câu hát vặt

I

Bụi tre « tổ cước »

Cành cành, lá lá, cây cây; mưa mưa,
 nắng nắng, gốc nay vẫn còn.

Một bụi to ; vừa tre già, vừa « bánh tẻ », vừa măng non ; cuốc nương làm tổ, gọi hồn « cố- quốc » suốt canh thâu !

Một canh sầu, hai canh sầu, ba, bốn, năm canh sầu ! Sầu rằng « tổ » đó, hồn đâu cho cuốc bi-đề !

Trên đầu cầu ai ơi đứng lại mà nghe ; nghe con chim cuốc, nó khắc-khoái, nó ù-ê, trong bụi này này !

Cuốc-cuốc thăm-thương thay !

Cuốc-cuốc áo-não thay !

Thăm-thương, áo-não suốt đêm ngày ; ai người nghèo nước mắt, cũng phải chau mày, vì cuốc ngùi than !

Kêu giọng đã khan !

II

Xin chừa tổ-tôm

Ngồi buồn đánh tổ-tôm « còm » ; ù được một bản « thông tâm, chi, thập-hồng ! »

Quên dây khàn thành ra ù to mà cũng bằng không ; bản sau ù nữa. tãi « không lung » lại bị « chèo dò » !

Hỏi rầy đi chấp tay lạy « tổ » xin chừa !

III

Kể truyện Kiều

Ngồi buồn kể truyện Kiều « suông », chém cha những con dĩ chẳng thương đến bạn mà đào !

Chồn lầu xanh nõ đem con người tài-sắc rớt vào ; mười lăm năm mặt nước cánh bèo chút phận bơ-vơ !

Sóng Tiên-duong, nếu ai không chịu mất công chờ, thì sau này vườn Thúy, dễ đã đòi cầm-sắt ra cầm-cờ để trả nghĩa nhau !

Cái kiếp đoạn-trường, ai ơi, tưởng đến mà đau !

IV

Chồng « cò » vợ « quạ »

Chồng loan vợ phượng mà vui,
chồng « cò » vợ « quạ » ai ôi hẳn buồn !

Nghĩ nổi trăm năm đôi lệ sầu tuôn,
ai vui, ai sướng, ai buồn, ai lo !

Chẳng hay ông Trời kia có thấu tình cho ?

V

Ai mua đơ

Chồng người biết được tiếng Tây
thầy ! hồng, thầy Kỳ, sở này sở kia.

Ngán nổi chồng em tiếng Tây chẳng
biết được chi chi ! cầm mèo một xó
chỉ tí-tí những phú với thơ !

Chị em ơi sẵn xu mua hộ mấy đồng đơ !

VI

Làm gì bây giờ ?

Đi thi không biết chữ Tây, đi buôn
không vốn, đi cày chẳng ai thuê.

Làm thợ-thuyền, trong tay nợ biết
lấy một nghề, đi tu có vợ, không lẽ
đóng vai hề làm bác « hòa-nam » .

Rắp toan sắm dao cầu điện « mốt »
ông Lang ; chén công chén bõ, thuốc-
thang cho người đời !

Thế nhưng cái nghề này, thưa rằng :
xin kiếu trước thôi ; ông Lang không
khéo, lại chẳng chết toi về cái bệnh
nghèo.

Bói-toán, mình ơn trời đôi mắt tinh-
tao ; có tiên-tri nữa, nói ai nào đã để
tai nghe.

Bực mình hay xoay làm quách cu-
ly xe ; đóng tây nam bắc-bạn bè cho nó
rộng giao-du.

Khốn cái buổi đời này, thực khó
kiếm xu ; ô-tò ô-tiệc chạy rối mù, chẳng
lúc nào ngơi ...

Kiếp sau xin chờ làm người !

VII

Sớm chồng

Tuổi em nay mới mười lăm ;
Nhớ ra chồng cưới từ năm lên mười

Ai ơi xin chớ vội cười ;
Em đây không phải con người lằng-lo !
Khốn vì tệ-tục từ xưa !

VIII

Lấy chồng già

Ông lão già răng long tóc bạc sáu
mươi năm ; cha mẹ em tham tiền
tham của «hầm hầm» đem gả cho ông !
Khốn-nạn thân em những khi có
khách lạ-lùng, nào ai còn biết rằng
chồng hay ai !

IX

Yêu vợ thương con

Vợ ta ta lấy ta yêu,
Yêu thì yêu vậy đừng chiều chớ nuông !
Con ta ta để ta thương,
Thương thì thương vậy đừng nuông
chớ chiều.

X

Muốn sang Paris

Muốn sang tận đất Pa-ri,
Xem đô hội lớn những gì văn-minh !
Các cô, các cậu «mốt» tinh,
Có như nhiều chốn thị-thành ta không ?

XI

Muốn sang Anh-dờ,

Muốn sang tận đất Anh-dờ,
Xem phong-cảnh Bụt bây giờ làm sao,
Sư mô tu-tiệc thế nào !
Chùa-chiền xây đắp tự bao có còn ?

*Nhị đóng ĐOÀN TINH-CANH***1. — Ngẫu-đề***(Thuần nghịch độc)**Học xuôi*

Thành tây giồng trống diêm năm canh,
Đặc-đặc đêm thâu nghĩ sự-tình.

Xanh mắt nửa đời trong lẻo-lẻo,
Trắng tay hai nợ sạch sành-sanh !
Mảnh buông liêu lúc oanh mai-miã,
Gấm dệt hoa khi bướm rấp-rành.
Danh-lợi chút chi chi thế-cục,
Khanh hầu có phạn có tôn-vinh !

Độc ngược

Vinh tôn có phạn có hầu khanh,
Cuộc thế chi chi chút lợi-danh.
Ranh-rấp bướm khi hoa dệt gấm,
Mía-mai oanh lúc liêu buông mảnh.
Sành sành sạch nợ hai tay trắng,
Lẻo lẻo trong đời nửa mắt xanh !
Tinh-sự nghĩ thâu đêm đặc-đặc,
Canh năm diêm trống giồng tây thành.

2. — Túc-cảnh đề

Phòng văn bốn mặt lặng như tờ,
Tinh cảnh trên nhau khéo ngằn-ngô !
Khanh tướng công hầu ba chén rượu,
Phong-hoa tuyết nguyệt một câu thơ.
Đào nguyên nổi giữa nơi thành thị,
Trúc viện quen nhau mấy nắng mưa.
Tâm sự bây giờ ai tỏ xiết,
Ngọn đèn thấp thoáng trước rèm thưa.

3. — Trách ong bướm

Bướm bướm ong ong trách những loài,
Chơi hoa rồi lại phụ hoa ngay.
Tham hồng tiếc lục khi trang-diêm,
Nhạt phấn phai hương chẳng đoái-hoài.
Hoa nở xôn xao cher cảnh dậu,
Xuân về xấp xới lượn vườn ai.
Bạc tình nếu biết loài ong bướm,
Thì khóa vườn xuân quách những ngày !

4. — Khóc cúc*(Bộ bộ thiêm)*

Hỡi ôi ! thương thoy cho kiếp cúc.
Muộn số giáng sinh đời Quý Thúc !
Trái với phong sương khi lạnh lùng,
Sầu nghe tiếng để đêm eo óc !

Cùng ai đua tử và tranh lục,
 Chân mắt lập-lòe đàn cổ mục !
 Hôm nay gặp-gỡ thời may thực là may,
 Mượn cánh tiêu-sầu đưa chén ngọc !

5. - Kiếp má hồng

(Ván-thê)

Thương ôi ! cái kiếp hồng-nhan,
 Dừng kim em thở than cùng hóa nhĩ.
 Đau lòng chung rượu nguyệt,
 Đứt ruột khúc đàn tỳ.
 Rượu nồng đàn tạnh,
 Bàn bạc mệnh,
 Rượu tương-ti.
 Ân-ái cùng ai,
 Xuân xanh mấy độ,
 Hồn mai phảng phất,
 Giọt lệ đầm đìa.

6. - Tâm-sự người con gái lúc về nhà chồng

(Thái-xuân-hoa)

Bây giờ em về nhà chồng,
 Nửa lòng tương-lạc nửa lòng tương-bi.
 Vui chữ giai-kỳ,
 Mừng chữ vu-qui.
 Vui-vàng mặc áo bước ra đi...
 Xót chữ phân-kỷ,
 Buồn chữ tương-ly.
 Dừng-dừng ngại bước lúc phân-chi...
 Sắp ra duyên cầm-sắt,
 Lại xa giọng huyên-tri.
 Bồi-hồi tình với cảnh,
 Non-nả lạc cùng bi.
 Lạc cùng bi,
 Lạc cùng bi,
 Khuê-trung tâm-sự hữu thùy tri ?
 Khuê-trung tâm-sự thùy tri,
 Ai cười, em khóc khi đi lấy chồng !

7. - Đêm buồn

(Thu-thiều-thanh)

Đêm thu buồn,
 Gió thu lạnh.

Đông-hồ vừa điểm hai,
 Ngoài đòng mưa đã tạnh.
 Hàng phố ngủ cả rồi,
 Duy kia ai còn tỉnh !
 Thức mấy đêm luôn cũng bởi vì,
 Ta sầu đa-cảm đa-tình bệnh!
 Bệnh đa-tình,
 Sầu-cảm sinh.
 Sầu-cảm vì ai đó,
 Khư-khư buộc lấy mình.
 Ngẩn dài hàng lệ ngọc,
 Thức-nhấp ngọn đèn xanh !
 Mới biết đa-tình là cái « tội »,
 Một mình mình nghĩ suốt năm canh.

8. - Gặp gỡ làm chi

(Thơ trường-thiếu)

Bêm qua đi chơi phố,
 Tình-cờ gặp một người.
 Người sao mà đẹp thế,
 Bồi-hồi bồi-hồi ai !
 Đa-đổ đổ háy-hây,
 Mắt xanh xanh ngắt-ngắt.
 Bóng đèn tỏ vẻ hồng,
 Mặt nhìn càng tỏ mặt.
 Giai-nhân thì đi trước,
 Mình mãi bước theo sau.
 Sóng tình chợt quay lại,
 Xuýt nữa thì mình xiêu !
 Hai người cùng dừng chân,
 Hai người cùng ái-ngại.
 Lo-láo bốn con người,
 Sóng dồn trong bể ái !
 Chẳng nói dứt ra đi,
 Từ đó nặng tương-gi.
 Tình riêng thêm một mối,
 Ai ôi ! gặp làm chi ?

9. - Bệnh-trung ngẫu-hứng

(Ca lục-bát)

Ngàn xưa những kẻ tài tình,
 Bệnh tình càng trọng hứng tình càng cao.
 Đêm thanh rủ bức trướng đào,
 Nghĩ nguồn-con lại đeo sầu đời con !

Trải bao nắng kếp mưa đôn,
 Chác sâu vì phận mua hờn vì duyên.
 Vuông tròn tính cuộc bách-niên,
 Năng-nề khi ở, u-phiên khi đi!
 Đã rằng tâm-phi-ức tương-kỳ,
 Nước non ghi-tạc lời thề với nhau!
 Xuân-thiên Vị thụ bấy lâu.
 Tương-tư một giải cuối đầu sông Tương.
 Ai về ta dốt can-trường,
 Ta về ai có mơ-màng chẳng ai?
 Bệnh tình ngày nắng một ngày,
 Khuôn xanh biết có liệu bài cho chẳng?
 Làn lưa ngày gió đêm trăng,
 Tình sâu chỉ có chị Hằng biết cho.
 Những là nghĩ-ngợi quanh-co,
 Sao cho thoát khỏi khuôn lò hồng-quân.
 Chơi xuân nên bận vì xuân,
 Một năm chịu được mấy lần ốm đau?

10 — Bài Phú « Yêu hoa »

(Lấy vần : có tình gì với hoa không ?)

Ôi! hoa cũng là một vật nhỏ nhỏ
 ở trong loài cây cỏ.
 Hoắc trắng hoắc vàng, hoắc xanh hoắc đỏ
 Nhưng tình thì khêng có,
 Mà si hoa công-tử nọ,
 Một tấm lòng son khôn xiết lỏ.

Công-tử :

Một đứng tài-danh, vừa độ xuân-xanh
 Vào trong phong-nhã, sẵn tình
 thông-minh.

Khách hào-loa nửa gánh cầm-thư,
 giang-hồ quen thú ;

Con dật-hưng bốn mùa ngậm lộng,
 phong-nguyệt vui tình.

Quái-quái kỳ-kỳ, như ngọc như si,

Vun trồng hoa-thụ, uốn nắn hoa-chi.

Nếu có hoa-kỳ, cửa phá ngàn vàng cũng
 chuộc ; biết đâu hoa, thỉnh, đường xa
 muốn dặm cũng đi..

Chăm-chuốt hoa-viên, làm một mẫu
 phong-quang như vẽ ;

Rõ-ràng hoa phổ, trải bốn mùa cảnh
 sắc không suy.

Khi ngắm khi xem, khi chơi, khi nghĩ.

Khi hoa nở hề mai chờ, khi hoa cười
 hề tối đợi,

Yêu-kiêu hoa sắc, nguyệt-dội chấp
 chúng, ngao-ngát hoa-hương, gió bay
 phấp-phới,

Rượu thưởng hoa bày trên gác
 lía, chén kỳ-binh bề-bạn vui cùng; thơ
 bình-hoa để trước lầu son, câu tuyệt
 diệu nước-non hùng vờ.

Không bác không ca, không tửu không
 nha.

Phú qui không kẻ, danh lợi không qua;
 Đã quen mất uết, chỉ một vì hoa!

Yêu phù dung hề trông mặt phấn ;
 yêu dương-liên hề trông mây ngai.

Yêu lý-lục, yêu đào hồng, tựa châu
 tựa ngọc ; yêu hộc vàng, yêu mai trắng,
 như gấm như sa.

Yêu sen vì nét thanh-tạo, chẳng dấy
 bùn lấm ; yêu cúc vì hương vạn-tiết,
 không đạt sương pha.

Thơ-răng:

Sẵn có trăm hoa một tấm lòng,

Lầu lầu gió bụi sạch như trong,

Trăm năm hương-hỏa duyên đầu bar,

Nửa thế anh-hoa phận má hồng,

Tạo-vật riêng cho người dật-hưng,

Non sông thẹn thấy khách tho-hùng,

Mời hay cây cỏ đa-tình nhĩ,

Hỏi khách trong đời có biết không?

11 — Luận về « phải, trái »

(Văn xuôi)

Phải phải trái trái, trái trái phải phải,
 không phải thì trái, không trái thì phải.
 Phải trái đối-đãi nhau như đất với trời,
 như đèn với trăng, như ngày với đêm,
 Nhưng về sự-kinh thường 經常 thì phải
 trái dễ hay mà về sự quyền-biến 權變
 thì phải trái mới là khó định. Vì đạo
 cương-thường 綱常 muốn đời chẳng
 đổi như sao trăng sáng rực giữa lang
 trời ; nghĩa luân lý 倫理 một phút không
 dưng như dòng nước chảy qua sang
 mặt biển. Thế nào là nhân 仁, thế nào là
 nghĩa 義, thế nào là lễ 禮, thế nào là trí
 智, phân minh như vạch nét ngang ;
 cha phải đạo 父, con phải đạo
 con 子, anh phải đạo anh 兄, em phải
 đạo em 弟, thứ 禮 chẳng làm một mây.

Hạo cương-thường thánh-hiền 聖賢 đã dạy, có đầu mà phải trái còn làm? Còn như xử về quyền-biến 權變 thì phải tùy-thời 隨辰 mới biến được Tử-sinh kinh-cự 死生驚懼, nhân-tình 人情 dễ khiến lúc gian-nguy 艱危; đặc-tàng vinh-khố 得喪榮枯, thế-thái 世態 hay làm về lợi-hại 利害. Nên chỉ xử đạo biến 道變 mà đạo thường 道常 không trái, có thánh-hiền 聖賢 mới phải đạo quyền 道權. Xem như sĩ chỉ cửu tốc, Không tử thánh chi thời 仕止久速孔子聖之辰, từ thụ thủ dữ, Mạnh-Tử đăng-kỳ khả 辭受取與. 孟子當其可. Vậy thì biết thánh-hiền đạo phải mới làm gương để lại cho đời!

Những người định việc phải tùy-thời mới rõ điều phải trái, người lập-luận 立論 cũng phải tùy-thời mới định được phải-trái. Nếu chỉ lấy huyết-tinh 血性 lấy tư-ý 私意 mà xử việc mà bàn người, thì phải trái chắc là lỗi-lầm, lộn-lẫn.

Có đo rồi mới biết ngắn dài 短長, có cân rồi mới biết nặng nhẹ 輕重. Cũng có đo cân rồi mới biết sự phải trái. Tâm-lý 心理 tức là cái cân 衡, cái thước 尺, để cân đo sự phải trái vậy. Gặp việc gì nên lấy tâm-lý 心理 mà suy nghĩ, làm việc gì nên tùy thời-thế 辰勢 mà dời dời. Nghĩa nên làm thì sát thân thủ nghĩa 殺身取義, dầu một sinh trăm tử 一生百死 cũng không kinh; đạo nên về thì đi đạo tuân thân 以道徇身, tuy ngàn tử muôn chung 千驅萬鐘 cũng chẳng dóai. Uy-vũ 威武 không kinh, hoạn-nạn 患難 không dời, cương-thường 綱常 gìn-giữ dạ sắt son; đặc-thất 得失 chẳng tinh, lợi-hại 利害 chẳng làm, trung-tín 忠信 mặc dầu con sóng gió! Thế mới chắc là phải xử biến-quyền 變權 mà chẳng trái thường-kinh 常經.

Bàn người phải lấy tâm-lý 心理 mà suy xét, xem thời-thế 辰勢 mà luận bàn. Huỷ dư không nhân lòng ham ghét, khen chê phải có cách khuyên ngăn. Cồn-hoa phủ-việt 衰花斧試, quyền-hành 權衡 sánh với bút Lân-kinh 鱗經; bảo-giám nguyên-quì 寶鑑元龜, nghị-luận 議論 chẳng sai lẽ Mã-sử 馬史. Thế thì ai phải ai trái có trốn đầu được cái gương bằng ấy nó là thước thẳng cân bằng!

Nếu xử việc không do tâm-lý 心理, lấy điều tư-ý 私意 mà suy, « sự nói sự phải, vãi nói vãi hay », thì đây sản tuy có « nói » mà ai chịu « lỗi »? Thầy Tử-tư rằng: « nhân giai viết dư trí nạp chư cớ hoạch nhi bất tri tị dã » 人皆曰予知納諸罟獲而不知避也, nghĩa là người ta ai cũng nói khôn, lừa vào bẫy mà không biết. Đời như thế là phần nhiều.

Nếu người lập-luận 立論 không suy thời-thế 辰勢 trước, lấy ý mình mà lược lược chê khen vậy, thì « mẹ hát con khen », có bao giờ định hay hèn cho được? Đức Phu-tử rằng: « như hữu sở dư kỳ tất hữu sở thi hỹ » 如有所譽其必有所試矣, nghĩa là có khen ai thì chắc đã thử rồi. Người lập-luận như thế mới định được phải trái.

Xưa nay xử sự còn nhiều, khen chê cũng có bấy nhiêu lời bàn. Kìa những người nóng ruột giàu sang, thấy lửa đỏ hai tay hơ nướng, tùy đời chìm nổi giữa dòng sông, chiếc cánh lênh-dênh thì phải trái không bàn chi nữa; lại những kẻ sánh vai hào-kiệt 豪傑, đến tuế hàn 歲寒 mới biết kiên-tùng 堅松, tự đứng anh-hùng 英雄 có phong-lật 風疾 mới hay kinh-thảo 勁草, thì phải trái mới là khó bàn.

Xưa nay bàn luận người ta, Khen chê phải trái vẫn là lời chung. Vậy thời phải luận cho công!

MINH-PHƯƠNG

THỜI-ĐÀM

Việc thế - giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới.— Về cuối tháng hai tây, ở nước Pháp vẫn có vấn-đề tài-chính và ở Âu-châu thì vấn-đề nước Đức nhập hội Vạn-quốc, hai việc đó ở Nghị-viện Pháp và ở các bộ ngoại-giao còn bàn-bạc phân-vấn lắm, chưa việc nào giải-quyết xong cả. Vấn-đề tài-chính ở Pháp thì gây ra một cái du-luận rất là phiền-phức và rất là bối-rối. Còn việc nước Đức vào hội Vạn-quốc thì cái thái-độ của nước ấy chưa được phân-minh lắm. Về phần nước Pháp thì đương lúc tài-chính quãn-bách và Âu-châu lắm việc như lúc này, thế mà ở Nghị-viện vẫn cứ thảo-luận về những chuyện lý-thuyết, không nghĩ được phương-kế gì thiết-thực, và thứ nhất là không tìm được cách gì để cho bớt cái gánh nặng-nề, khiến cho về các phương-diện khác có thể hành-động được tự-do. Cuối tháng hai số dự-toán vẫn còn ở Thượng-nghị-viện, chưa quyết-nghị xong. Nhân đó mà cả cuộc chính-trị nước Pháp thành ra bấp-bông; lại nhân việc tài-chính nước Pháp có khiên-động đến cả vấn-đề tiền-tệ trong thế-giới, nên cả cuộc chính-trị thế-giới cũng thành ra bấp-bông nữa. Trong thiên-hạ hình như không mấy người hiểu rằng việc kinh-tế tức là việc quốc-tế, các nước cần phải liên-lạc với nhau, để phản-đối cái chủ-nghĩa quốc-gia về đường công-thương của nước Mỹ, nước này vẫn có cái dã-tâm muốn lũng-đoạn cả các nơi thị-trường của Âu-châu. Tháng chín năm ngoái, nghị-viện Pháp LOUCHEL có bàn nên lập một hội-nghị kinh-tế ở Genève, cái ý ấy cũng hay, nhưng mà về sau không thấy mấy

người nói đến nữa. Và lại nếu nước Đức vào Hội Vạn-quốc thì cái tình-hình kinh-tế chính-trị trong các nước tất có thay đổi nhiều. Chưa rõ cái nưu của Đức thế nào, nhưng dù khéo theo cái xu-thế trong thiên-hạ mà có vào Hội cho được, hay là dù suy-tinh thế nào mà thoái-thác không chịu vào, thế nào cũng không khỏi có ảnh-hưởng to đến toàn-cục chính-trị của Âu-châu.

Nói về nước Đức và Hội Vạn-quốc.— Các việc điều-đinh thương-thuyết ở hội-nghị Locarno, là chủ-y khiến cho nước Đức phải vào hội Vạn-quốc. Đức thì hưởng-lái vẫn nói rằng thuận vào, nhưng mà yêu-cầu nhiều điều, Vạn-quốc không thể nhận được, có cái dã-tâm là muốn sau khi được vào Hội rồi được hưởng quyền-lợi của các nước có chân hội từ trước, mà không phải chịu phần trách-nhiệm của các nước ấy. Ấy là về phương-diện nước Đức; còn về phương-diện Vạn-quốc thì muốn điều-đinh ước-dịnh gì về các vấn-đề bảo-an, trọng-tài, giảm-binh, vân-vân, có quan-hệ đến nước Đức, mà chính nước ấy lại không có chân hội Vạn-quốc, thì bàn-định thế nào cũng là không có căn-cứ gì cả. Bởi thế nên Liệt-cường, đã khiến cho nước Đức phải hạn làm đơn xin vào hội Vạn-quốc, và hứa cho hề vào thì sẽ được một ghế hội-viên thường-trực ở hội-đồng quản-trị; thủ-tướng Đức LUBER và ngoại-tướng STRESEMANN xin bằng lòng như thế, kể cũng là có cái tâm thật, vì du-luận nước Đức vẫn không muốn đề-huê cộng-lạc Liệt-cường. Hai

Tướng Đức phải gia công gắng sức làm cho quốc-hội Đức và hội-nghị liên-bang phải quyết-nghị thuận cho Đức vào hội Vạn-quốc. Đầu tháng hai Chính - phủ Đức đã đầu đơn rồi. Hội-dồng quản-trị hội Vạn-quốc phải họp ngày mồng 8 tháng ba để quyết-nghị về việc ấy. Tưởng việc trước sau như thế thì cũng giản-dị, không có điều gì ngăn-trở.

Thế mà thành ra việc khó. Đức làm đơn xin vào hội Vạn-quốc, theo như lời hứa của Liệt-cường, lại xin cả một ghế nghị-viên thường-trực ở hội-dồng quản-trị; có mấy nước khác đã có chân hội từ đầu như *Brésil, Espagne, Pologne*, cũng muốn thừa-cơ xin một ghế thường-trực. Đức thấy vậy bèn xoay ra kháng-nghị. Ngoại-tướng STRESEMANN xui các báo Đức cực-lực phản-đối, dọa rằng nếu mà hội Vạn - quốc cho các nước khác nữa cũng được vào chân thường-trực ở hội - đồng, thì Đức sẽ rút đơn ra không xin vào Hội nữa.

Xét cho kỹ thì Đức vận-dộng như thế là lộ ra cái dã-tâm quá. Cứ theo phương - diện riêng nước Đức thì ai cũng biết rằng Đức là một nước chiến-bại mà nay cũng sẽ có địa-vị ở hội-dồng quản-trị của Vạn-quốc bằng-dẳng với các nước chiến - thắng như Pháp, Anh, Ý, Nhật; đã được ưu-đãi như thế tất muốn giữ lấy cái địa-vị đặc-biệt, không muốn để cho nước nào nữa cũng được bằng mình. Nhưng xét về phương-diện các nước *Brésil, Espagne, Pologne*, thời các nước ấy yêu-cầu cho được có chân Hội-dồng cũng không phải là không có cơ. Nước *Brésil* thì là đại-biên cho châu Nam-Mĩ; nước *Espagne* thì trong khi chiến - tranh đã có cái công làm môi-gỡ cho cuộc hòa-bình; nước *Pologne* thì ở hội-nghị *Locarno* đã chiếm một cái địa-vị lớn, và cũng vì địa-thế ở giữa Âu-châu và dân-số nhiều, nay cũng có thể liệt vào bậc Liệt-cường. Nhưng lấy cùng với mấy

nước *Uruguay, Belgique, Suède*, và *Tchécoslovaquie*, hiện mới có chân tạm-thời ở hội-dồng hội Vạn-quốc. Đức thì cho làm nếu các nước ấy được quyền bằng-dẳng với Đức ở hội-dồng Vạn-quốc thì tựa-hồ làm giảm mất giá-trị của Đức đi. — Kỳ-thực thì ba nước *Brésil, Espagne*, và *Pologne* mà được vào hội-dồng thì không những không phá mất cái thế quân-bình ở Hội-dồng, mà lại định lại cho công-bằng hơn. Nhưng mà cái dã-tâm của Đức là muốn lợi-dụng Hội Vạn-quốc để sau này xin sửa-đổi lại các điều-khoản trong hòa-uớc *Versailles*, và lại mong vận-dộng để được đứng đầu Âu-châu về đường kinh-tế. Bởi thế nên có ác-cảm đối với những nước bạn nước Pháp như *Brésil* và *Espagne*, mà thứ nhất là ác cảm với nước *Pologne* là nước từ khi được khôi-phục đến giờ thường vẫn xung-đột với Đức luôn; Đức rất không muốn cho mấy nước ấy được vào chân hội-viên thường-trực ở Hội Vạn-quốc bằng-dẳng với mình. Bởi thế nên xui các báo công-kích dữ; xem cái cách thảo-luận kịch-liệt cũng đủ biết Đức lấy làm thiết-tha về việc ấy lắm. Hoặc-giả ngờ rằng Đức làm như thế có lẽ là thất-sách, vì khiến cho cái địa-vị của chính-phủ Đức khi ra hội-nghị *Genève* sẽ trở nên khó-khăn thêm ra.

Đức lại thêm làm một điều thất-sách nữa, là chọn giữa cái lúc cơ-hội khó-khăn này mà công-nhiên giúp cho sự vận-dộng Áo sáp-nhập với đế-quốc Đức; lại có ý mong sau khi được vào hội-dồng *Genève* thì sẽ lợi-dụng cái thế-lực của mình ở trong Hội để mà có chủ-trương cho thành được. Nhưng mà việc khó lòng làm thành được, vì Liệt-cường đều không ưng cả, mà nhất là Ý lại phản-đối dữ. Sự giao-thiệp nước Đức với nước Ý, gần đây có ý lãnh - đạm khác thường, là nhân

vì một bài diễn-thuyết của thủ-tướng Ý đọc ở Nghị-viện nước ấy. Bài diễn-thuyết ấy nói về mấy việc xảy ra ở nơi giáp-giới nước Ý với đất *Tyrol*, thuộc Áo, kể thì việc chỉ quan-hệ với nước Ý và nước Áo mà thôi, nhưng mà thủ-tướng Ý lại nói rõ ra không trách gì nước Áo mà chỉ trách nước Đức đã ra tay âm-mưu kết-cấu nên những việc ấy. Chính-phủ Đức có kháng-nghị lại, nhưng mà lời lẽ xem ra không kịch-liệt bằng lời diễn-thuyết của thủ-tướng Ý. — Như thế thì Đức không thể mong ở Ý để giúp cho mình trong việc vận động vào Hội Vạn-quốc. Còn đối với Anh, thì ngoại-tướng Anh CHAMBERLAIN xem ra có ý khuy-nh-hướng về ba nước *Brésil*, *Espagne* và *Pologne* hơn là về nước Đức. — Còn Pháp thì cố-nhiên là không ưa gì Đức rồi. Pháp chỉ có hứa cho Đức được vào một chân thường-trực ở hội-đồng quản-trị; lời hứa ấy chắc Pháp phải giữ, nhưng mà không khi nào Pháp lại ngăn-trở những nước kia cũng xin vào hội. Nước *Suède* thì về bè với Đức. Lại còn mấy nước chẳng có địa-vị gì, đứng vào bậc ba bậc tư trong hội Vạn-quốc, như nước Ba-tur, nước Tàu, cũng đua theo mà xin vào chân hội-đồng. Đến khi họp hội-nghị mà bàn về việc này thì tất phân-vân khó xử lắm.

Còn về việc sáp-nhập nước Áo và nước Đức, thì thật là một cái nguy-hiểm cho Âu-châu trong lâu năm. Hội Vạn-quốc đã giúp khôi-phục cho nước Áo, đã chỉnh-dốn được cái chế-độ tiền-tệ cho nước ấy, nhưng đến cái tình-hình kinh-tế thì không sao chỉnh-dốn được, mà về đường kinh-tế cũng như về đường chủng-tộc, nước Áo ngày nay có quan-hệ mật-thiết với Đức, có thể nào mà ngăn-mãi cho Áo không hợp-nhất với Đức được không? Mà Áo hợp-nhất với Đức thì thế-lực của Đức sẽ mạnh lên biết nhường nào, và cái nguy-hiểm

cho những nước lân-cận với Đức và với Áo cũng không phải là nhỏ vậy. Nếu cái tình-thế kinh-tế ở Âu-châu đã chấn-chỉnh lại được, và thứ nhất là các nước đã thành-tâm thi-hành cái nghị giảm-binh, thì việc hợp-nhất ấy còn do-khả. Nhưng mà hội-nghị để quyết-định về việc giảm-binh, còn hoãn lại chưa họp, cũng là bởi nước Pháp xin như thế, nhưng các Liệt-cường cũng đồng tình cả. Cớ sao lại đình lại như thế? Tham-dự vào hội-nghị giảm-binh, tất phải là những nước có quân-bị mạnh nhất. Liệt-cường thì cho nước Pháp vào hạng đó, mà Pháp thì lại cho Đức và Nga vào hạng đó. Dù thế nào mặc lòng, hội-nghị là thuộc hội Vạn-quốc chủ-trương, thì phải để cho hội Vạn-quốc đồng-đủ cả mới có thể bào được. Mà nay Đức với Nga đều không có chân hội Vạn-quốc cả. Tuy vậy, Pháp xin đình lại, mà Pháp cũng không phải là không ước-ao muốn giải-quyết cho xong, vì Pháp vẫn sợ Đức không biết cái âm-mưu khôi-phục thế nào.

Việc Syrie và việc Thổ-nhĩ-kỳ. — Việc *Syrie* tuy chỉ quan-hệ có một mình nước Pháp, nhưng cũng là thuộc quyền giám-đốc của hội Vạn-quốc. Hội-đồng coi việc ủy-nhiệm cai-trị các thuộc-địa mới họp ở *Rome*, có xét các giấy-má thuộc về những việc mới xảy ra gần đây ở *Syrie*. Đại-biểu nước Pháp là ROBERT DE CAIX phải trình bày cho Hội-đồng biết các công việc của nước Pháp làm ở *Syrie* trong mấy năm nay. — Tình-hình ngày nay cũng vẫn còn khó-khăn. Ông đại-sứ Pháp DE JOUVENEL là người có trí sáng-suốt và có bụng công-bằng, xử-tri mọi việc cũng đã có kiến-phiếu. Tuy việc tri-an chưa được hoàn-toàn, nhưng mà việc loạn cũng đã dần-dần lên. Bây giờ phải chỉnh-dốn mọi việc ^{ở mọi} xứ chủng-tộc tôn-giáo khác ^ở tại người dân

hay có tính hung-hãn, thường lấy sự cướp-bóc làm cái nghề sinh-nhai, thì chính-đốn cho được thật cũng khó lắm. Muốn thẳng tay mà làm, và dùng những cách dân-áp theo lối Đông-phương, thì có lẽ cũng kiến-hiệu đấy; nhưng mà một cường-quốc văn-minh, chịu ủy-nhiệm của Hội Vạn-quốc để khai-hóa cho một nước ngoài, mà phải dùng đến những cách ấy thì không đáng. Bởi thế nên cái tình-thế vẫn cứ nhùng-nhằng, không thể giải-quyết ngay được. Lại thêm từ trước chính-phủ Pháp không rõ cái thái-độ của Thổ-nhĩ-kỳ thế nào, nên cũng không dám tự-do hành-động. Đại-sứ DE JOUVENEL sau khi sang lĩnh chức liên hiệp-lực với sứ-thần Pháp ở Thổ-nhĩ-kỳ là ông ALBERT SARRAUT để giải-quyết cho xong về mặt nước Thổ. Ông quả-quyết đi từ Beyrouth cho đến kinh-đô Thổ-nhĩ-kỳ là Angora, đường đi kẻ cũng khó-nhọc và có lẽ lại nguy-hiểm nữa. Tới nơi, hai ông sứ bèn thương-thuyết với Giám-quốc Thổ MUSTAPHA KEMAL, và ngoại-tướng là TEWFIK ROUCHDI BEY, rồi cùng chính-phủ Thổ ký một cái điều-ước giao-hiệu về việc Syrie.

Nhân nói về nước Thổ-nhĩ-kỳ, cũng nên nhắc qua về việc quốc-hội nước ấy mới đây đã hạ-lệnh bắt thi-hành trong toàn-hạt nước Thổ bộ Dân-luật của Pháp. Nước Thổ làm như thế là tỏ ý muốn cải-cách hẳn theo như Âu-Tây, nhưng mà có người sợ rằng những chế-độ cùng pháp-luật của Âu-tây có lẽ không thích-hợp với xã-hội và phong-tục nước Thổ-nhĩ-kỳ, không biết sau này thi-hành thì kết-quả ra thế nào. Và lại Thổ-nhĩ-kỳ vốn là một nước theo đạo Hồi, tuy ngày nay trong nước chính-giáo công-nhiệm đã phân-li rồi, nhưng phần các dân Hồi-giáo vẫn có tính thủ-cụ, có gì phạm đến tôn-giáo là không chịu nhượng bộ, nên những bộ Dân-luật Pháp không thể áp dụng chung quanh

nước Thổ-nhĩ-kỳ còn nhiều các dân-tộc Hồi-giáo khác nữa, như dân *Wahabites*, hiện có ông chúa tên là Ibn Séoul, chiếm-cứ thành *Médine*, và có lẽ nay mai chiếm cả thành *La Mecque*, là chốn tổ đạo Hồi, dân này ngoan-đạo lắm mà chúa lại là một tay tướng giỏi, không biết đối với những sự cải cách ở Thổ-nhĩ-kỳ thế nào? lại không biết đối với cách cai-trị của nước Pháp ở Syrie thế nào? đó cũng là một điều chính-phủ Pháp hơi quan-tâm.

Vấn-đề nợ Đồng-minh. — Trong khoảng tháng hai tây, việc này về phần nước Pháp vẫn chưa giải-quyết xong. Ngoại-sứ Pháp ở Hoa-thịnh-đốn là ông HENRY BÉRANGER đã bắt đầu thương-thuyết với chính-phủ Mỹ. Nhưng còn có ý đợi xem việc điều-dinh về trái-khoản của nước với nước Mỹ có được Thượng-nghị-viện Ý Mỹ duyệt-y không và duyệt-y ra cách thế nào, rồi bấy giờ mới sẽ chiếu lệ ở đó mà bàn-bạc về sau, cốt nhất là phải dò xem nước Mỹ có bằng lòng chặm-chước với Pháp hay không, hay là cứ khăng-khăng như trước. Song dù thế nào nữa mặc lòng, cứ cái hiện-tình tài-chính nước Pháp thì cũng chưa có thể quyết-định được xong.

Nói về việc nước Pháp. — Cứ xem như trên kia thì việc thế-giới ngày nay cũng còn lắm điều khó giải lắm, tuy vậy không phải là không có phương-kế giải được, và về phần nước Pháp cũng có thể giúp cho sự giải-quyết ấy được nhiều. Xem như cái địa-vị nước Pháp ở Hội-nghị *Locarno* thì đủ biết. Nhưng mà nước Pháp vì tài-chính bối-rối, cho nên cái sức hành-động bị giảm đi nhiều. Tháng trước đã nói về cái cách Nghị-viện Pháp bàn-bạc về vấn-đề tài-chính, thật là phiền-phức và chậm-chạp quá. Có người đã nói cái cảnh-tượng Nghị-viện Pháp đối với việc nước ngày nay, thật không đủ làm vẻ-vang cho nước Pháp.

Ngay quốc-dân Pháp, những người không có cái tư-tưởng về bè-dảng và chỉ biết lo cho việc nước mà thôi, xem ra ai cũng có ác-cảm với Nghị-viện, trách các ông nghị rằng không nghĩ được cái kế gì đủ cứu cho tài-chính nước nhà, mà Nội-các bàn lập ra thứ thuế gì thì nhất-thiết không nhận hết, hình như chỉ có một cái mục-dịch là tránh trách-nhiệm, sợ đặt thuế mới thì mất lòng kẻ bầu-cử, còn thì hình như để mặc ra sao thì ra. Ở một nước dân-chủ thì nghị-viện là cầm chủ-quyền trong nước, thế mà phóng-khí trách-nhiệm như thế thì thật cũng đủ khiến cho thiên-hạ lấy làm lạ.

Sở dự-toán thì cuối tháng hai Hạ Nghị-viện đã xét xong, nhưng mà bên chi bên thu vẫn còn chưa định được quân-bình, thế mà đã chuyển sang cho Thượng-nghị-viện xét; đó cũng là một sự mới lạ xưa nay chưa từng thấy bao giờ. Thành ra Thượng-nghị-viện phải nhất-diện thì duyệt những khoản của Hạ-nghị-viện quyết-nghị rồi, nhất-diện thì xét lại những khoản của Hạ-nghị-viện đã bác đi mà Nội-các lại đem trình lại; cứ thủ-tục ở nghị-hội thì cũng không có gì là trái phép, nhưng mà thủ-tục ấy xưa nay không dùng đến bao giờ. Thượng-nghị-viện nhận được sở dự-toán của Hạ-nghị-viện chuyển sang, liền giao cho hội-dồng tài-chính xét; tổng ủy-viện trong hội-dồng là ông HENRI CHERON kịp làm tờ báo-cáo, đặt các khoản được quân-bình cả. Thượng-nghị-viện cũng duyệt-y như thế. Song theo hiến-pháp thì dự-toán phải cả hai viện duyệt-y mới thi-hành được; vậy thì lại phải giao lại cho Hạ-nghị-viện xét lần nữa; thật là mất nhiều thì giờ quá, mà không biết có đồng-ý nhau không; nếu không thì

Nội-các bị đồ hay là Hạ-nghị-viện bị giải-tán? đảng nào cũng nguy cả, mà ở Nghị-viện chỉ thấy nói là nhiều, các ông nghị cứ diễn-thuyết hoài, mà công-kích nhau hoài. Như về việc duyệt-y bản hiệp-ước *Locarno* là một việc tất-nhiên không thể trì-hoãn được, đáng lẽ chỉ ông thủ-tướng BRIAND, và ông chánh ủy-viện PAUL BONCOUR diễn-thuyết qua nói về đầu đuôi việc ấy thế nào, thế là đủ, vậy mà các ông nghị cũng đua nhau diễn-thuyết đến mấy tiếng đồng-hồ. Trong dân-gian thì bị bè nọ đảng kia xui giục, xảy ra những sự vận-dộng của mấy bọn nhà buôn, công-nhiên tuyên-bố rằng nếu Nhà-nước đặt ra thuế này hay thuế nọ thì họ nhất-định không đóng; xem như thế thì những biết đường nào.

Đương khi nhân-tâm bối-rối như thế thì ở *Paris* họp hội-nghị tài-chính nước Pháp và nước Nga, để bàn cách trang-trải về các nợ của chính-phủ Nga-hoàng. Kể việc cũng là quan-bệ, thế mà gặp lúc trong nước còn lắm việc trọng-yếu hơn, thiên-hạ không ai chú-ý đến cả. — Kể ra thì cái cảnh-tượng phiền-những ở Nghị-viện, cũng không có ảnh-hưởng gì sâu lắm đến cuộc sinh-hoạt chung trong nước. Nhưng mà theo lẽ thường, phạm thương-nghiệp, công-nghệ, nông-nghiệp trong nước phải nhờ cái tình-trạng bình-tĩnh về chính-trị thời mới có thể tuần-tự phát-dạt được; chứ nếu việc chính-trị mà bối-rối, thì việc kinh-tế sớm trưa rồi cũng bị ngăn-trở. Cho nên có một nhà báo nọ đã ước-ao rằng: Ước rằng mỗi buổi sáng người dân Pháp mở tờ nhật-báo ra đọc không thấy những chuyện cãi-cọ nhau về những việc tiền-vong vô-kích nữa, thế thì may cho nước Pháp lắm.

— Vì tình-hình kinh-tế càng ngày càng bối-rối, nên giá đồng phật-lăng lại mỗi ngày một sút kém mãi đi ; hiện kém cả giá tiền mã-khắc của Đức Tinh theo giá tiền *sterling* của Anh thì nay một đồng *sterling* đáng giá trên dưới 160 phật-lăng ; cứ xem trước khi chiến-tranh mỗi *sterling* ăn có hai-mươi-lăm phật-lăng thì đủ biết ngày ngày phật-lăng kém đi biết bao nhiêu. Cứ đổi giá ngay với đồng bạc của Đông-Pháp ta cũng đủ biết rồi : giữa hồi chiến-tranh đương nguy, đồng bạc lên đến 16 quan là cùng, nay tới 18 quan. — Tình-hình nguy-cấp như thế, nên Chính-phủ Pháp

mới mở cuộc lạc-quyên gọi là « tự-nguyên quyên - trợ » (*contribution volontaire*) để giúp cho đồng phật-lăng tăng giá. Cuộc lạc-quyên này là tùy ý ai muốn nộp vào kho nhà nước bao nhiêu cũng được.

— Về việc Ma-lạc-kha thời có điện mới đây nói rằng tướng ABD-EL-KRIM đã chịu đầu hàng quân Pháp. Thế là nước Pháp xong được một việc khó nhọc bấy lâu. Ấy cũng là một cái thủ-đoạn về-vang cho nhà quân Pháp vậy. — Một kỳ sau sẽ nói tường về đầu đuôi việc đầu-hàng thế nào.

Việc trong nước

Tình-hình chính-trị ở Đông-Pháp.

— Ta thường có dịp bàn về tình-hình chính-trị các nước trong thế-giới, ít khi nói đến tình-hình chính-trị ở nước ta. Là vì nước ta chưa có một cuộc sinh-hoạt về chính-trị, phần thì vì dân-trí còn thấp kém, ít người đủ tư-cách bàn về việc nước, phần thì vì các cơ-quan và các đoàn-thể chính-trị không có, dẫu muốn bàn chính-trị cũng không biết nói ở đâu. Hoặc khi họp-tập giãm ba anh em cũng thường có chuyện mảnh với nhau, nhưng mười mười lăm năm trước thời hình như vụng trộm sợ hãi, nói đến chuyện « thời-thế » thường vẫn phải úy-ky ; ngày nay cũng có ý tự-do hơn, nhưng nhiều khi lại thành ra câu chuyện bình-phẩm cá-nhân hơn là thảo-luận việc nước. Bởi thế nên chúng ta cũng ít có dịp nói đến chính-trị. — Nhưng trong khoảng mấy tháng đây, xem ra suốt trong nước từ Nam chí Bắc, đã nhóm lên một cái phong-trào chính-trị, gây ra lần cuộc vận-động, khiến cho Chính-phủ cùng quốc-dân phải chú-ý. Cái phong-trào ấy, dẫu chưa được mạnh và lan ra được khắp, nhưng kẻ cũng đã bắt đầu cảm, nhất là trong phải thanh-niên.

Phong-trào ấy sở dĩ phát-khởi ra được là nhờ mấy việc như sau này : việc ông Phan Chu-Trình ở Pháp về ; việc ông Phan Bội-Châu bị bắt, làm án, rồi được tha ; việc Chính-phủ Pháp cử sang làm Toàn-quyên bên này một nhà chính-trị thuộc về đảng xã-hội, là quan Toàn-quyên VERENNE. Ba việc ấy đã gây ra một cái không-khí tốt cho sự vận-động về chính-trị. Sự vận-động này bắt đầu từ Nam-kỳ : người Nam-phương bao giờ cũng có tính hăng-hái hơn người các nơi khác. Nhân ở Nam-kỳ có một ông thầy kiện Tây tên là MONIN thường tuyên-truyền những tư-tưởng tự-do bình-đẳng, công-nhiên phản-đối Chính-phủ, các bậc tân-tiến trong Nam quay về theo ông nhiều lắm. Lại có nhà thiếu-niên tân-học, đi du-học ở Pháp về, ông Nguyễn An-Ninh, mở ra cái báo đặt tên là *La Cloche felée* (báo này gần đây đã đổi tên là *L'Annam* do ông Phan Văn-Trường chủ-trương, để chỉ-trích những cái tệ-chính của Nhà-nước, nhân đó phong-trào chính-trị càng ngày càng bành-trướng mãi ra, hình như chỉ đợi có dịp hay là đợi có một cái cơ gì bất-cứ là lớn hay nhỏ, chánh-dáng hay không chánh-dáng,

là phát ra một cách kịch-liệt. Cớ ấy là việc Trương Cao-Động bị bắt. Thân-sĩ Sài-gòn cho việc bắt ấy là trái phép, nổi lên kháng-nghị, nay họp-tập diễn-thuyết nơi này, mai công-đồng vận-động chỗ kia, chủ-trương đều là hai ông MONIN và Nguyễn An-Ninh. Những sự vận-động ấy đều không thấy kết-quả gì, nhưng cũng đủ kích-động dân-khí. Đương lúc ấy thời xảy ra hai việc, là việc ông Bùi Quang-Chiều ở Pháp về và việc ông Phan Chu-Trinh ở Sài-gòn mất. Ông Bùi là quan thanh-tra sở Canh-nông thuộc ngạch Pháp, nhân hạn nghỉ sang chơi bên Pháp, có diễn-thuyết ở mọi nơi để tỏ bày về tình-hình chính-trị ở bên này, có ý muốn vận-động để cho thành cái đảng Hiến-pháp của ông đề-xướng ra đã mấy năm nay. Nhân-sĩ Sài-gòn và Lục-tỉnh được tin ông về nước, họp tập lại mấy nghìn người để nghênh-tiếp ông ở bến tàu và đặt tiệc trà mừng ông, công-nhiên nhận ông làm một tay lãnh-tụ dân-đảng. Từ bấy đến nay, ông cũng chưa cử-động gì, mới diễn-thuyết có hai bài, kỳ trước bản-chỉ đã thuật. Hiện nay cũng chưa rõ đảng Lập-hiến của ông đã thành hay chưa. Xét ra thì sau hồi cổ-võ lúc đầu, chừng đã có người nhát. Có phái ông Cao-chánh chủ báo *Essor indochinois* thường thường hay dị-nghị về cái thái-độ và sự hành-vi của ông Bùi Quang-Chiều và ông Nguyễn Phan-Long. — Giữa ngày ông Bùi ở Pháp về thì ông Phan Chu-Trinh bị bệnh đã lâu tạ-thế ở Sài-gòn. Dân-khí đương hăng-hải, bèn thừa cái cơ-hội ấy mà phát ra. Các thân-sĩ ở Sài-gòn xướng lên làm lễ quốc-tang cho ông Phan; rồi các tỉnh trong Nam ngoài Bắc lần lượt nhau làm lễ truy-diệu. Bọn thanh-niên các trường học lại càng nhiệt-thành lắm. Nhân có một vài nơi có lệnh trên cấm, bèn khởi ra cái phong-trào bãi học. — Trong khi ấy thì ông Nguyễn An-Ninh ở Sài-gòn vì diễn-thuyết nói bạo quá,

bị bắt và xử án hai năm tù. Thiên-hạ đương lao-nhao định phản-kháng cái án ấy và vận-động xin tha cho ông, thời chợt thấy tin ông ở trong nhà tù đã viết giấy khiếu-oan cho quan Thống-đốc Nam-kỳ và quan Chương-ly tòa án. Giấy khiếu-oan ấy công-bố ra, nhân-dân lấy làm chán-ngán quá, khác nào như chậu nước lã đổ vào giữa đám lửa nùng.

Ấy cái tình-hình chính-trị và những sự vận-động về chính-trị của quốc-dân ta trong mấy tháng nay, đại-khái là thế. Sự vận-động ấy có theo một cái chương-trình, một cái chủ-nghĩa nào không? Xét ra thì thật là bối-rối, chưa hiểu rõ phương-châm thế nào. Chỉ biết có cái dân-khí mới nhóm lên, còn cách hành-động hãy còn mơ-màng hỗn-độn lắm.

Nay Chính-phủ đối với cái phong-trào chính-trị ấy thế nào? Nhờ có quan Toàn-quyền có chính-kiến rộng-rãi, thành-tâm muốn đề-huê với người dân bản-xứ, nên Chính-phủ thủy-chung vẫn giữ một cái thái-độ khoan-dung, không đến nỗi xung-đột với các đảng cấp-tiến, và cũng không dùng những cách đàn-áp để trừng-trị. Nhưng Chính-phủ không phải chỉ đối-đãi với dân An-Nam mà thôi, lại còn phải đối-đãi với bọn thực-dân Tây bên này nữa. Mà bọn này thời thấy những sự hoạt-động chính-trị của người Nam, lấy làm căm tức lắm, đổ lỗi cho quan Toàn-quyền VARENNE có ý dung-tung người An-Nam và hết sức công-kích để cho quan Toàn-quyền không ở lâu được nữa; lại có kẻ cố ý gây sự, hoặc xui giục người Nam làm cái này, để thành chuyện to, làm cho cái địa-vị của quan Toàn-quyền khó xử. Mọi địa-vị ấy cũng khó xử thật. Quan Toàn-quyền mà được lòng dân Nam thì mất lòng dân Tây, mà được lòng dân Tây thì mất lòng dân Nam. Về cái này thì thật là

số nhiều, dân Tây số ít, nhưng số nhiều mà rời-rạc không có đoàn-thể gì, khó lòng mà đối lại được với phần số ít họ biết đoàn-kết có thế-lực hơn. Hiện nay sự phản-đối của người Tây, cũng ngăn-trở cho quan Toàn-quyền lắm.

Ở Bắc-kỳ Trung-kỳ gần đây, các thân-sĩ cũng muốn vận-động lập một chính-đảng để cho sự hoạt-động về chính-trị của quốc-dân có qui củ và có thể - thống hơn ; đã có định chương-trình, thảo điều-lệ, trình quan Toàn-quyền và hai quan Thống-sứ Bắc-kỳ và Khâm-sứ Trung-kỳ, nhưng Chính-phủ thấy xảy ra lắm việc phiến-động, còn ngần-ngại chưa cho phép lập đảng vội. Chính-phủ cũng biết rằng việc lập chính-đảng gồm những người ôn-hòa để giúp việc nước, là việc rất nên, nhưng cho rằng cái cơ hội bây giờ không tốt, vậy đành phải đợi vậy.

Nên lập một hội « Thăng-long hiếu-cổ ».— Trong báo *Eveil économique* có một bài nói về các nhà cũ và các cổ-tích ở Hà-thành ta, có bàn nên lập một Hội bảo-cổ, đặt tên là « Thăng-long hiếu-cổ xã » cũng như hội « Đô-thành hiếu-cổ xã » ở Huế. Tác-giả nói rằng :

« Chúng tôi đã có lần bàn nên lập một hội bảo-cổ ở Hà-nội giống như hội Hiếu-cổ ở Huế. Nay lại nhắc lại lời bàn đó và đăng thêm mấy cái ảnh để làm chứng.

« Việc lập ra một hội như thế tưởng nên tự người An-Nam khởi-xướng mới phải ; vì như Hội Khai-Tri-Tiến-Đức mà chủ-trương việc ấy thì phải lắm.

« Việc này, người An-Nam ở Hà-nội làm mới được, vì họ ở ở Huế. Bởi với người ở Hà-nội, thành Huế kể đã cho là cổ, vì ở đây nên tự khi người

Pháp mới giao-thiệp với người Nam, mà xứ Huế cũng là một xứ người An-Nam mới chiếm cứ được vào khoảng cận-dại đây, sánh với lịch-sử nước Nam thời còn là mới-mẻ vậy.

« Chứ như Hà-nội thời thật là một nơi cổ-đô, kể sánh với nhiều nơi thành-thị bên Pháp cổ đến hơn hai nghìn năm thời chưa là mấy thật, nhưng lịch-sử cũng tới hơn nghìn năm và cổ-tích rất nhiều, lại ở giữa nơi chốn tổ của dân Việt-Nam đã sinh-trưởng đến ngót hai-mươi-mốt thế-kỷ nay.

« Người Bắc-kỳ không có tuyên-bố cái chủ-nghĩa quốc-gia một cách thô-bạo như mấy người Nam-kỳ. Nhưng tưởng chủ-nghĩa ấy ở người Bắc-kỳ mới thật là chánh-đáng, vì người Bắc-kỳ mới thật có lịch-sử lâu dài, có cổ-điền cổ-tục, có những đền chùa cổ, có những di-tích nhiều, chứ người Nam-kỳ thời chẳng qua là mới di-cư xuống đây được ít lâu, có cổ-tích nữa thời những cổ-tích ấy phần nhiều là có quan-hệ đến việc giao-thiệp với nước Pháp cả.

« Cũng có lẽ bởi người Nam-kỳ không có cái quan-niệm thâm-tầm về lịch-sử như những « người Việt-Nam gốc » ở Bắc-kỳ và Bắc-bộ Trung-kỳ, nên đối với thời-cục cái tư-tưởng có khác người Trung Bắc chăng ?

« Cứ như chúng tôi quan-sát thời người Trung Bắc có ý thận-trọng hơn, đó là cái thông-tinh của các dân đã có lịch-sử lâu dài. Thường biết rằng phạm tiến-hóa phải lâu năm, và một dân-tộc muốn tấn-tới thời phải lập lấy tư-cách tự-trị, chứ không phải cứ diên-thuyết xuống hay vận-động hão mà được...

« Hiện nay thời người An-Nam hãy còn chưa biết chịu khó mà tự phát-khởi ra công nọ việc kia, phần nhiều cứ hi-vọng ở người ngoài chỉ bảo cho cả.

« Nói về lịch-sử-học, về khảo-cổ-học, cũng là nhờ người Pháp mở đường

chỉ lối cho. Trong đời vua LOUIS thứ 14, những nhà du-lịch Pháp sang đây đã lấy làm lạ rằng người bản-xứ không thiết đến lịch-sử và địa-dư xứ mình. TAVERNIER trong tập « Du-ký » có nói rằng : « Người Đông-kinh không thuộc địa-dư lắm, và cũng không hứng chép sử nước mình. »

« Làm dân một nước văn-hiến cỡ như nước Nam, trông nên gia-công nghiên-cứu về quốc-sử, không những cái sử hoang-đường, mà cốt là cái sử thực sự, há chẳng phải là một điều danh-dư dư ?

« Nhưng không nói xa-xôi đến thế nữa, không cần phải hiệp-lực giúp cho các nhà bác-học Pháp nghiên-cứu về khoa Nam-sử nữa, hiện nay những người An-Nam phong-lưu học-thức ở Hà-nội tưởng nên họp nhau lại mà theo gương ở kinh-đô Huế lập thành một hội đề nghiên-cứu về lịch-sử thành Thăng-long này, về các đền miếu cũ, về địa-thế duyên-cách tự xưa đến nay thế nào, về các cái đặc-sắc đời xưa đời nay, để ghi nhớ lấy kẻ có ngày mai-một đi mắt cả.

« Những người Tây ở đây đã lâu năm sẽ có thể giúp vào một phần ; nhưng cái công việc sáng-lập và công việc khảo-cứu phần nhiều phải ở người An-Nam.

« Người Tây chúng tôi, nhiều người sẽ lấy làm mừng thấy người Nam lập thành được một hội bảo-cổ như thế, và tỏ ra rằng những tay học-vấn như ông Trương Vinh-Ký ngày xưa ở nước Nam nay không phải là không còn nữa.

« Việc là việc quan-hệ cho người An-Nam, người An-Nam phải chủ-trương lấy, chứ người Tây đâu có bụng hiếu-cổ cũng không có đủ số nhiều mà giúp vào cho đắc-lực được. »

Giới-thiệu sách mới

1^o Cở-học tinh-hoa, của ông Ôn-như NGUYỄN VĂN-NGỌC, sơ-học thanh-tra, và Tinh-trai TRẦN LÊ-NHÂN, huấn đạo, sách dịch-thuật những lời hay chuyện đẹp, trích trong các kinh-truyện sử-tử của Trung-quốc, thật là chất lọc lấy cái tinh-hoa của cở-học, rất có ích cho những người không biết hán-tự mà có thể hiểu được những nghĩa-lý cùng những việc cũ của Đông-phương ta — Sách dày 200 trang, giá 4 hào rưỡi. Bán tại Vinh-hưng-long thư-quán ở Hàng Đường, Hà nội.

2^o Cở-kim cách-ngôn của ông Ôn-như LƯƠNG VĂN-CAN. Dịch các lời cách-ngôn hay của Đông 1 ấy, câu nào cũng có chữ nho, dịch âm, dịch nghĩa rõ-ràng. Sách dày 122 trang, giá 4 hào. Xuất bản tại Nghiêm Hàm ấn-quán, Hàng Bông, Hà nội.

3^o Le Certificat d'études primaires franco-annamites. Manuel de préparation. Conseils pratiques. Leçons et exercices. Sách dạy học trò thi bằng tốt-nghiệp Tiểu-học Pháp-Việt. Của hai ông giáo NGUYỄN VĂN-THƯỜNG và NGUYỄN HOÀI-ĐÌNH soạn. Sách dày 254 trang, giá 1 đồng 2 hào. Xuất-bản ở nhà in Vinh-Thành.

